

## TƯ A

Những sách Tục-ngữ, Phong-dao chúng tôi đã  
được biết là :

a) Sách chữ Nôm:

1° An-Nam phong thô hoai 安南風土話 của  
cụ Thiên-bản cư-sĩ Trần-tất-Văn,

2° Thanh-hóa quan phong sú 清化觀風史  
của cụ Vương-duy-Trinh,

3° Việt-Nam phong sú 越南風史 không có tên  
người làm,

4° Đại-Nam quốc túy 大南國粹 của cụ Sư-  
sự-trai Ngô-giáp-Đậu.

b) Sách chữ Nôm dịch ra chữ Hán:

Nam phong giải trào 南風解嘲 của cụ Liễu-am  
Trần tiên-sinh và Ngô-hạo-Phu.

c) Sách chữ Nôm có phụ chữ Quốc-ngữ:

1° Quốc phong Thi tập hợp thái 國風詩集合採  
của cụ Mộng-liên-dinh Hỉ-lượng-Phủ,

2º *Nam-quốc phuong-ngôn, tục-ngữ bị lục*  
南國方言俗語備錄 không có tên người làm.

d) Sách chữ Quốc-ngữ dịch ra chữ Pháp:

*Tục-ngữ An-nam* ba quyển: thứ nhất, thứ nhì, thứ ba của cụ Triệu-hoàng-Hòa.

d) Sách chữ Quốc-ngữ:

1º *Nam ngạn trích cầm* 南諺摘錦 của ông Phạm-quang-Sán.

2º *Giróng phong tục* của ông Đoàn-duy-Bình dǎng trong Tập-chi Đông-Dương.

Những sách này làm hoặc không theo trật-tự nào, — hoặc đối nhau hai câu một, — hoặc chia ra từng mục: *Giới đất, Năm tháng, Tiền của, Văn học*, — từng thiên: *Sơn-láy, Lặng-son, Tuyên-quang, Thủa-thiên*, từng chương: *Tổng-son, Nga-Son, Hoảng-mỹ, Hậu-lộc*, — hoặc lại xếp theo từng thời đại các Triều Vua, tự Kinh-dương-Vương đến bản Triều. Những câu chép trong sách thường không có chủ-thích, phê-bình. Tựu trung, một đời quyền cũng gọi có cắt nghĩa qua từng câu hoặc kê cùu lai-lịch của cả các câu mà ghép cho câu nào cũng như có can-thiệp đến Lịch-Sử nước nhà.

Kè như thế, thì những sách *Tục-ngữ Phong-dao* thực không phải là hiếm. Nhưng đáng tiếc rằng hiện có nhiều quyền chỉ mới là sách viết bở quên trong một thư-viện nhà nào, chờ chưa từng đem công-bố, ẩn-hành cho thiên-hạ dùng bao giờ. Còn một hai quyền đã xuất bản, cứ như

chúng tôi xem, thì góp nhặt chưa có phần : òi-rào chắc-chắn, mà xếp-dặt cũng chưa lấy gì làm tinh-tế hoàn-hảo.

Bởi vậy chúng tôi mới dám cho in quyền **Tục-  
ngữ Phong-dao** này.

Sách của chúng tôi chia làm hai tập: **Tập trên** thì tự ba chữ đến hai-mươi-ba chữ và thuộc về thể *phuong-ngôn, tục-ngữ*, **Tập dưới** thì tự bốn câu giờ lên và thuộc về thể *phong-dao* lại có phụ thêm các *Câu đố* ở cuối tập. Chúng tôi cho in rời hai tập như thế, là vì in cả làm một sợ bèn nhiều quá.

Các câu xếp đặt thì vừa theo số chữ tự ít đến nhiều, vừa theo trật-tự mẫu-tự la-tinh như lời các từ-diễn. Chúng tôi sở-dĩ xếp như thế là vì lúc góp nhặt được tiện mà sau này hoặc có thêm, bớt câu nào cũng dễ.

Cuối **Tập dưới**, chúng tôi sẽ có cái biếu liệt riêng ra từng mục để ai muốn cần dùng xem đến mục nào, cứ theo chữ đầu câu và số câu mà tra là khắc thấy.

Cách-thức chúng tôi làm quyền **Tục-  
ngữ Phong-dao** này đại-dễ là như thế.

Còn mục-dịch quyền sách, thì cốt ở một điều là cứ theo như cái phong-trào «Có mời nói cũ» ngày nay, ai là người đã lưu tâm đến quốc văn quốc túy mà không lo sợ rằng những câu lý-

thú tối cõi của ông cha để lại, mà tức là cái kho vàng chung cho cả nhân-loại, nếu không chịu mau mau thu nhặt, giữ gìn lấy, thì rồi tất mỗi ngày một sai-suyên, lưu-lạc di thực rất là đáng tiếc.

Cho nên chúng tôi quả không dám kén chọn lựa lọc, san Thi gi.

Chúng tôi chỉ vự thu-thập, cho được nhiều câu không phân biệt thế nào là thành-ngữ, tục-ngữ, lý-ngữ, sấm-ngữ, mè-ngữ, phuong-ngôn, đồng-dao, ca-dao hay phong-dao gì cả. Đối với công việc sưu tập bây giờ, thiết tưởng ta còn phải *qui hò da* trước rồi nhiên hậu mới có nơi khảo-cứu mà *qui hò tinh* được.

Chúng tôi lại chỉ cốt xếp mỗi câu vào được một mục đã cho là đủ chứ không dám chủ-thịch, bình-luận, giảng-giải nghĩa đen hay nghĩa bóng. Một câu tục-ngữ còn có thể đem làm đầu-dề cho cả một bài văn dài bao nhiêu trang còn chưa hết ý, thì trong quyển sách này, chỉ một Tập trên đã có những hơn *sáu nghìn năm* câu dù cho có muốn chua qua nghĩa cũng không tài nào xuể được.

Chúng tôi vẫn biết rằng tựu trung hoặc có câu biên chép hay bồ mục còn lõ-mõ chưa được dùng lăm. Xin dè đợi sau này, hễ tra-cứu vào đâu được cẩn-thận, chắc-chắn hơn, thì chúng tôi sẽ

chỉnh-dịnh lại. Hiện nay, trong câu nào có một và chữ, mỗi nơi nói một khác, không giống nhau, thì chúng tôi đã ghi cả xuống dưới cuối trang để độc-giả được rộng đường mà cần nhắc, so sánh lấy.

Chúng tôi lại hay rằng dù chúng tôi có công góp nhặt thế nào cũng còn bỏ sót mất nhiều câu. Nhưng chúng tôi xin quyết nói không ai dám tự-phụ rằng mình đã thâu-thái được hết cả những câu tục-ngữ, phong-dao trong nước. Cứ kè muồn cho lọn dù thực vô cùng. Nên lại xin đợi về sau, hễ tìm kiếm được câu nào hay nhờ các độc-giả làm ơn mách bảo giúp, thì chúng tôi sẽ dần-dần điền thêm vào cũng không muộn.

Nếu chúng tôi làm quyển **Tục-ngữ Phong-dao** này, trên đối với Tô-tiêu mà giữ được cái nghĩa-vụ tồn cõi, dưới đối với quốc-dân mà giúp được ít tài-liệu trong khoa ngôn ngữ, trong bài văn thi, thì cái công chúng tôi sưu tầm và biên tập trong mấy năm nay cũng không uồng mà chúng tôi đã tự lấy làm hân-hạnh vui lòng rồi.

Tại Hà-nội ngày mồng một đầu năm Mậu-Thìn.

N. V. N.



# TỤC-NGŪ' PHONG-DAO

---

## A

### 4 chữ

- 1 – Ác giả, ác báo.
- 2 – Ai khảo mà xưng.
- 3 – Anh hùng da nạn.
- 4 – Ao sâu tốt cá.
- 5 – Ao cá, lừa thành.
- 6 – Áo gấm đi đêm,
- 7 – Áo đơn đợi hè.
- 8 – Áo rách, quần manh.
- 9 – Áo mặc qua đầu.

### 5 chữ

- 10 – Ai làm, người ấy chịu.
- 11 – Ai ăn cướp cơm chim.
- 12 – An phận, thân vô nhục.
- 13 – Anh hùng thức anh hùng.
- 14 – Anh em như chán tay.
- 15 – Áo đơn lồng áo kép.
- 16 – Áo bào gấp ngày hội.

6 chữ

- 17 – Ai dám thi hời với giải.  
 18 – Ai dám đánh đu với tinh.  
 19 – Ai ưa dưa khú, bầu già.  
 20 – Ai bảo giờ không có mắt.  
 21 – Ai biết ngừa đâu mà gãi.  
 22 – Ai biết đau ma ăn cỗ.  
 23 – Ai có, mát mặt người nấy.  
 24 – Ai thâm không bằng dầm ngấu.  
 25 – Anh em gạo, đạo ngãi tiền.  
 26 – Anh em như chồng, như mắc.  
 27 – Ao không cá, đá không màu.  
 28 – Ao có bờ, sông có bến.  
 29 – Áo dài, chờ ngại quần thura.  
 30 – Áo ngắn cũn chẳng nên dài.  
 31 – Áo cứ chàng, làng cứ xã.

7 chữ

- 32 – Ai ăn giàu, thì nấy dở môi.  
 33 – Ai dội mũ lệch, người ấy xấu.  
 34 – Ai dội đá mà sống ố đời.  
 35 – Ai đem giùi đục đi hỏi vợ.  
 36 – Ai biết mót dài mà hạ võng.  
 37 – Ai chết trước, thì được ấm mồ.  
 38 – Ai có giở áo mờ thì loạn.  
 39 – Âm con chồng hơn bồng cháu ngoại.  
 40 – Anh khổn khổ gấp chị trỗ giờ.

8 chữ

- 41 – Ai hỏi mà nói, ai gọi mà thura.  
 42 – Ai hay mặc ai, ai dở mặc ai.  
 43 – Ai thân, thân với, lợ cầu ai thân.  
 44 – Anh em khinh trước, làng nước khinh sau.  
 45 – Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.  
 46 – Áo rách thay vai, quần rách đổi ống.

9 chữ

- 47 – Ai ở trong chăn, mới biết chăn có rận.  
 48 – Ai từng do miệng cá mà uốn lưỡi câu.  
 49 – Ai trông thấy ma, biết dân bà ăn bớt.  
 50 – Anh ngủ, em thức; em chực, anh đi nằm.

10 chữ

- 51 – Anh dông đanh lỗ đít, chỉ sách bị đầu hè.  
 52 – Anh em chém nhau đằng đọng, ai chém đằng lưỡi.  
 53 – Anh có sừng trâu bạc, tôi có giác trâu đen.  
 54 – Áo nắng may, nắng mới; người nắng tối, nắng thường.

13 chữ

- 55 – Ai cũng muốn phấn dỗi mặt, chờ ai muốn phấn dỗi gót chân.

14 chữ

- 56 – Ai ơi! đã quyết, thì hành,  
Đã đắn, thì vác cả cành lẵn cày.
- 57 – Ai ơi! đã quyết, thì hành,  
Đã đắn, thì lận tròn vành mới thôi.
- 58 – Ai ơi! giữ chi cho bền,  
Dù ai soay hướng, đổi nền mặc ai.
- 59 – Ai ơi! đừng chóng, chờ chầy,  
Có công mài sắt, có ngày nén kim.
- 60 – Ai ơi! hãy ở cho lành,  
Kiếp này chẳng gặp, để dành kiếp sau.
- 61 – Ai ơi! đừng lấy làm lo,  
Bóng son rồi cũng soi cho gương mờ
- 62 – Ai ơi! đừng lấy làm lo,  
Đương xuân rồi cũng soi cho âm, hèn.
- 63 – Ai ơi! bưng bát cơm đầy,  
Đeo thơm một hột, đắng cay muôn phần.
- 64 – Ai ơi! chờ với cười nhau,  
Cây nào là chẳng có sâu chạm cành.
- 65 – Ai ơi! chờ với cười nhau,  
Ngắm mình cho tớ,<sup>(1)</sup> trước sau hấy<sup>(2)</sup> cười.
- 66 – Ai ơi! chờ với cười nhau,<sup>(3)</sup>  
Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

(1) Kỹ — (2) Sẽ — (3) Cười người chờ khà cười lâu.

- 67 – Ai ơi! trẻ mãi ru mà!  
Càng so sán lầm, càng già mất duyên.
- 68 – Ai ơi! chơi lấy kéo chầy,  
Xem hoa bốn mặt, đi giấy ba chân.
- 69 – Ai về, ai ở mặc ai,  
Ta như dầu đượm thấp hoài năm canh.
- 70 – Ai về nhẫn họ Hi, Hòa,  
Nhuận năm sao chẳng nhuận và trống canh.
- 71 – Ai về, tôi gửi bức thư,  
Cô Tâm ở lại, cô Tư lấy chồng.
- 72 – Ai về, tôi gửi buồng cau,  
Buồng trước kinh mẹ, buồng sau kinh thầy.
- 73 – Ai về, tôi gửi đôi giày,  
Phòng khi mưa gió đề thầy mẹ di.
- 74 – Ai kêu veo-véo bên sông,  
Tôi dương vá áo cho chồng tôi đây.
- 75 – Ai kêu voi-voi bên tai,  
Ta đang bắt cháy cho người tình nhân.
- 76 – Ai mà nói dõi cùng ai,  
Thì giờ giáng hạ cây khoai giữa đồng.
- 77 – Ai mà nói dõi cùng chồng,  
Thì giờ giáng hạ cây hồng bờ ao.
- 78 – Ai mua con quạ bán cho,  
Đen lồng, đen cánh, bộ giò cũng đen.

- 79 – Ai đem con sáo sang sông,  
Để cho con sáo sồ lồng nó bay (!).
- 80 – Ai mà phụ nghĩa quên công,  
Thì deo trăm cánh hoa hồng chẳng thơm.
- 81 – Ai nhất, thì tôi thứ nhì,  
Ai mà hơn nữa, tôi thì thứ ba.
- 82 – Ai chẳng muốn đẹp, muốn giòn,  
Muốn di tháo dạ cho mòn lỗ tròn.
- 83 – Ai lên nhắn chị hàng cau,  
Chiếu buồm rấp nước giữ mẫu cho tươi.
- 84 – Ai ăn cau cưới thi đèn,  
Tuổi em còn bé, chưa nên lấy chồng.
- 85 – Ai đi đâu dấy hối ai?  
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm.
- 86 – Ai đưa em đến chốn này:  
Bên kia thì núi, bên này thi sông.
- 87 – Ai cho sen, muống một bồn,  
Ai từng tranh, khẽ sánh cùng lựu, lè.
- 88 – Ai rằng ta chẳng khôn này,  
Đến khi nói dại, mặt ngay cán tàn.
- 89 – Anh đừng chè thiếp xấu-xa,  
Bởi chung bác mẹ sinh ra thế này.
- 90 – Anh trong thân thề tôi này,  
Có ăn, có mặc nó bày ra đây.

(1) Con sáo sồ lồng, con sáo nó bay.

- 91 – Anh đánh thì tôi chịu đòn,  
Tình tôi hoa nguyệt mười con chẳng chừa.
- 92 – Anh này có tính hoang toàng,  
Rượu chè cờ bạc làm ngang không chừa.
- 93 – Anh này rõ khéo làm ăn,  
Đi cày chẳng biết, chít khăn mượn người.
- 94 – Anh này sổ phận ra trò,  
Về nhà, cả cạo, cả mò trong niêu.
- 95 – Anh em như chân, như tay,  
Vợ chồng như áo cởi ngay nên lia (!).
- 96 – Anh em thật thà là hiền,  
Bởi một đồng tiền, làm mất lòng nhau.
- 97 – Anh hùng rấp phải khóc lươn,  
Khi gấp thì ngắn, khi vươn thì dài.
- 98 – Anh hùng gì? Anh hùng rơm,  
Tôi cho nấm lửa hết cơn anh hùng.
- 99 – Anh ơi! anh đợi tôi cùng,  
Tôi còn đốt mã cho chồng tôi đây.
- 100 – Anh khôn, nhưng vợ anh dần,  
Lấy ai lô liệu (2) xa gần cho anh?
- 101 – Anh về, em nợ dám dưa,  
Hai hàng chau lè như mưa tháng mười.
- 102 – Anh em bắt nghĩa chi tồn,  
Anh đánh miếng l..., em đánh miếng gh...

(1) Tức thi. — (2) Bãi hách.

- 103 – Anh em bắt nghĩa chi khoèo,  
Anh thi đ... mèo, em lại cầm đuôi.
- 104 – Áo người mặc đoạn, cởi ra,  
Chồng người áp mượn, cánh ba lại hoàn.
- 105 – Áo anh dứt cúc, dứt khuy.  
Quần anh dứt dũng lấy chi hoa hòe?
- 106 – Áo cũ dề vận trong nhà,  
Áo mới dề vận đi ra ngoài đường.
- 107 – Áo mặc chẳng khỏi qua đầu,  
Làm sao mày cũng chẳng hầu khỏi ta.

15 chữ

- 108 – Anh thấy em, anh cũng muến thương,  
Sợ lòng bác mẹ soi gương chẳng tường.
- 109 – Anh thấy em, anh cũng muốn chào,  
Sợ lòng bác mẹ cây cao lá dài.
- 110 – Anh tưởng chị có tiền dày cửa,  
Chị tưởng anh có bạc dày cong.

16 chữ

- 111 – Ai giồng cây sen cho nàng ăn quả,  
Ai giồng cây và cho nàng hái hoa?

20 chữ

- 112 – Anh vỗ trống đất kêu vang,  
Em thồi sáo trúc dịp-dàng với anh.  
Gọi là xanh lá diềm cành.

Ă

4 chữ

- 1 – Ăn cháo lá đa.  
2 – Ăn cháo, dài bát.  
3 – Ăn nhịn, dề dành.  
\* 4 – Ăn không, nói có.  
5 – Ăn nói mỏi đóng.  
6 – Ăn mặn, giả đảo.  
7 – Ăn thùng, giả đấu.  
8 – Ăn đấu, giả bồ.  
\* 9 – Ăn lăm, giả nhiều.  
10 – Ăn só, mò niêu.  
11 – Ăn ít ngon nhiều.  
12 – Ăn bốc, dài đứng.  
\* 13 – Ăn no, ngủ kỹ.  
14 – Ăn no, giậm chuồng.  
\* 15 – Ăn xưa, chưa sau.  
\* 16 – Ăn hơn, hờn thiệt.  
\* 17 – Ăn xồi, ở thi.  
18 – Ăn chẳng bõ nhả.  
19 – Ăn cá bỏ vây.  
20 – Ăn sóng, nói gió.  
\* 21 – Ăn sống, nuốt tươi.

- \* 22 — Ăn vóc, học hay.
- \* 23 — Ăn quả nhả hột.
- 24 — Ăn no, vác nặng.
- \* 25 — Ăn ngay, nói thật.
- 26 — Ăn vặt quen mồm.
- 27 — Ăn mày quen ngõ.
- 28 — Ăn no túc bụng.
- \* 29 — Ăn trắng, mặc trơn.
- 30 — Ăn chó cả lòng.
- 31 — Ăn canh cả cặn.
- \* 32 — Ăn trên, ngồi trổc.
- 33 — Ăn xung, giả ngái.
- \* 34 — Ăn gửi, nấm nhò.
- 35 — Ăn như phát tẩu.
- 36 — Ăn cá, bỏ lờ.
- 37 — Ăn cỗ nấm phèn.
- \* 38 — Ăn bơ làm biếng.
- \* 39 — Ăn vụng chóng no.
- \* 40 — Ăn to, nói nhón.
- 41 — Ăn được, nói nén.
- 42 — Ăn hại, đái nát.
- 43 — Ăn tanh, ở bần.
- \* 44 — Ăn lồng, ở lô.
- 45 — Ăn thật, làm dối.
- 46 — Ăn dối, làm thật.
- 47 — Ăn chung, mừng riêng.

- 48 — Ăn mướp, bỏ sơ.
- 49 — Ăn mật, giả gừng.
- \* 50 — Ăn ốc, nói mò.

#### 5 chữ

- 51 — Ăn rồi lại nấm mèo.
- \* 52 — Ăn mày đòi sói gáy.
- 53 — Ăn ngập mặt, ngập mũi.
- \* 54 — Ăn như *tầm ăn rồi* (1).
- 55 — Ăn như gấu ăn giăng.
- 56 — Ăn nhỏ nhẹ như mèo.
- 57 — Ăn như hùm đồ đồ.
- 58 — Ăn cây dễ bùng tai.
- 59 — Ăn cơm thừa, cá gạn. (2)
- 60 — Ăn gói không lá me.
- \* 61 — Ăn xôi chùa, ngọng miệng.
- \* 62 — Ăn gấp năm, vor mười.

#### 6 chữ

- 63 — Ăn như Hộ-Pháp cắn chắt.
- \* 64 — Ăn cho đèo, kêu cho sòng.
- \* 65 — Ăn cây nào, rào cây ấy.
- 66 — Ăn lỗ miệng, tháo lỗ tròn.
- \* 67 — Ăn có nhai, nói có nghĩ.
- \* 68 — Ăn bớt bát, nói bớt nhời.
- 69 — Ăn miếng chả, giả miếng bùi.
- 70 — Ăn như hủi ăn thịt mỡ.

(1) Cam lầu mả (2) Canh cặn.

- 71 — Ăn không rau, đau không thuốc.
- \* 72 — Ăn chưa no, lo chưa đến.
- 73 — Ăn sau là dầu cất giọn.
- \* 74 — Ăn có nơi, làm có chỗ. *ngơi*
- \* 75 — Ăn có mời, làm có khiển.
- 76 — Ăn *dưa*<sup>(1)</sup> xuống, uống *dưa*<sup>(2)</sup> lên.
- 77 — Ăn lúc đời, nói lúc say.
- \* 78 — Ăn trong nồi, ngồi trong hường.
- 79 — Ăn bữa sáng, lần bữa tối.
- 80 — Ăn mày đánh đồ cầu ao.
- 81 — Ăn dàn anh, làm dàn em.
- \* 82 — Ăn xứ Bắc, mặc xứ Kinh.
- 83 — Ăn giỗ, nói chuyện đào ao.
- 84 — Ăn chẳng hết, thết chẳng khớp.
- 85 — Ăn cơm mới, nói chuyện cũ.
- 86 — Ăn bát mẻ, nắm chiếu mạnh.
- \* 87 — Ăn quả, nhớ kẻ giống cây.
- 88 — Ăn mày cầm tinh bị gậy.
- 89 — Ăn mày, chả tay giữ bị.
- \* 90 — Ăn một miếng, tiếng một<sup>(2)</sup> đời.
- 91 — Ăn cháo, đê gao cho vay.
- 92 — Ăn của ngon, mặc của lợt.
- \* 93 — Ăn có chỗ, đồ có nơi.
- 94 — Ăn chuối, không biết lột vỏ.
- \* 95 — Ăn cơm chúa, múa tối ngày.
- \* 96 — Ăn tám láng, giả nửa cần.
- 97 — Ăn cơm nhà, vác ngà voi.<sup>(3)</sup>
- 98 — Ăn như Nam-hạ vác đất.

(1) Trổng — (2) Đê — (3) Vác là ngà cho quan.

- 99 — Ăn như trảng, làm như lão.
- \* 100 — Ăn chẳng có, khó đến minh.
- \* 101 — Ăn thì túa, thua thì chạy.
- 102 — Ăn tham chắc, mặc tham dày.
- \* 103 — Ăn lấy đặc, mặc lấy bền.
- 104 — Ăn quen chồn, ròn mặc bầy.
- 105 — Ăn lấy đời, chơi lấy thời.
- 106 — Ăn cơm nguội, nằm nhà ngoài.
- 107 — Ăn no, trách cả nồi cơm.
- 108 — Ăn tham, thèm làm chốc mép.

### 7 chữ

- 109 — Ăn nhạt, mời biết thương đến mèo.
- 110 — Ăn treo hai, ngồi dai treo một.
- 111 — Ăn cùng chó, nói sô cùng ma.
- 112 — Ăn cày táo, rào cày sôan *đầu*<sup>(1)</sup>.
- 113 — Ăn cơm, không biết giở đầu dũa.
- 114 — Ăn muối, còn hơn ăn chuối chát.
- 115 — Ăn dã vây, múa gậy làm sao.
- 116 — Ăn miếng ngoon, chồng con giả người.
- 117 — Ăn hết nhiều, ở hết bao nhiêu.
- 118 — Ăn đi trước, lội nước đi sau.
- 119 — Ăn cướp đỏ không bằng ăn trộm.
- 120 — Ăn tại phủ, ngủ tại công đường.

### 8 chữ

- 121 — Ăn gio gio trâu, iá cút ra than.
- 122 — Ăn uống tim đến, đánh nhau tim đi.

(1) Bão.

- 123 — Ăn cơm nhà nọ, kháo cà nhà kia.  
 \*124 — Ăn chǎng nén đợi, nói chǎng nén nhời.  
 125 — Ăn cháo đòi ói, ăn rau xanh ruột.  
 \*126 — Ăn một bát cháo, chạy ba quãng đồng.  
 \*127 — Ăn cơm, lùa thóc; ăn cúc, bỏ gan.  
 \*128 — Ăn cơm nhà, thời tù-và hàng tống.  
 129 — Ăn cá nhả xương, ăn đường nuốt chậm.  
 \*130 — Ăn bát cơm dẻo, nhớ néo đường đi.  
 \*131 — Ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.  
 132 — Ăn ít no lâu, ăn nhiều chóng đói.  
 133 — Ăn giàu có tốt, bà cốt lén tiệp.  
 134 — Ăn như con tằm, lại rút ruột ra.  
 \*135 — Ăn ngay ở thật, mọi tật mọi lành.  
 136 — Ăn ót sút-sít, ăn quit ghê răng.  
 137 — Ăn thi hả-hả, giả thi hỉ-hỉ.  
 138 — Ăn lăm hay no, cho lăm hay phiền.  
 139 — Ăn trộm có tang, chơi ngang có tịch.  
 140 — Ăn no ngũ kỹ chồng tỵ lên giờ.

9 chữ

- 141 — Ăn mặn nói ngay, hơn ăn chay nói  
[ dối.  
 142 — Ăn lấy vị, chứ ai lấy bị mà mang.  
 143 — Ăn thì cuội trốc; đầy nóc, thì van  
[ Jiang.  
 144 — Ăn nồi bầy quăng ra, nồi ba quăng vào.  
 145 — Ăn miếng xôi, lôi miếng chả, giả miếng bánh

10 chữ

- 146 — Ăn một chắc thời túc, làm một chắc thờ  
[ bực.  
 147 — Ăn mày đòi xòi gấc, ăn chục đòi bánh  
[ chung.  
 148 — Ăn giàu không có rẽ, như rẽ nằm nhà  
[ ngoài.  
 149 — Ăn như rồng cuộn, làm như cà-cuống  
[ lội ngược.  
 150 — Ăn như thuyền chở mã, làm như ả chơi  
[ giăng.  
 151 — Ăn mày noi cả thế, làm rẽ noi nhiều  
[ con.  
 152 — Ăn nồi bầy thì ra, ăn nồi ba, thì mất.

11 chữ

- 153 — Ăn, ngồi tựa bức vách; có khách, bảo  
[ tôi ngụ cư.

12 chữ

- 154 — Ăn hơn, hờn thiệt, đánh biệt cất đi, làm  
[ chi thời làm.  
 155 — Ăn cơm không có rau, như nhà giàu  
[ chết không kèn trống.  
 156 — Ăn lấy thơm tho, chứ không ai ăn lấy  
[ no, lấy béo.

- 157 — Ăn óc nói mò, ăn măng nói mọc, ăn [nói leo,  
158 — Ăn nhiều ăn ít, ăn bằng quả quít cho [nó cảm lòng.

14 chữ

- 159 — Ăn quả nhớ kẻ giồng cày,  
Ăn gạo nhớ kẻ đâm, xay, giàn sàng<sup>(1)</sup>  
160 — Ăn lăm thì hết miếng ngon,  
Nói lăm thì hết nhời khôn hoá rõ.  
161 — Ăn chanh ngồi gốc cây chanh,  
Lấy anh thi lấy, về Thanh không về.  
162 — Ăn chanh, ngồi gốc cây chanh,  
Ăn rồi lại ném ngũ hành tú tung.  
163 — Ăn chanh ngồi gốc cây chanh,  
Bác mẹ ép gã cho anh học-trò.  
164 — Ăn cam ngồi gốc cây cam,  
Lấy anh thi lấy, về Nam không về.  
165 — Ăn sung ngồi gốc cây sung,  
Ăn rồi lại ném tú tung ngũ hành.  
166 — Ăn sung ngồi gốc cây sung,  
Lấy anh thi lấy, nằm chung không nằm.  
167 — Ăn, thi ăn những miếng ngon,  
Làm, thi chọn việc côn-con mà làm.

(1) Nào ai vun quên cho mày mày ăn.

- 168 — Ăn no, rồi lại nằm quèo,  
Thầy giục trống chèo, bể bụng đi xem.  
169 — Ăn iỗi, nằm ngả nằm nghiêng,<sup>(1)</sup>  
Có ai lấy tớ thì khiêng<sup>(2)</sup> tớ về.  
170 — Ăn sao cho được mà mời,  
Thương sao cho được vợ người mà thương.  
171 — Ăn xin cho đáng ăn xin,  
Lấy chồng cho đáng bồ-nhin giữ dura.  
172 — Ăn đua cho đáng ăn đua,  
Lấy chồng cho đáng việc vua, việc làng.  
173 — Ăn dong cho đáng ăn dong,  
Lấy chồng cho đáng hình dong con người.  
174 — Ăn được, ngủ được là tiên,  
Không ăn, không ngủ, mất tiền thêm lo.  
175 — Ăn giàu, thi giờ<sup>(3)</sup> giàu ra,  
Một là thuốc độc<sup>(4)</sup>, hai là mặn vội.  
176 — Ăn chơi cho thỏa-thỏa-thỏa,  
Có bốn bức vát, sẻ tủa làm năm<sup>(5)</sup>  
177 — Ăn mặn, uống nước đỏ da,  
Nằm đất nằm cát cho ma nó hòn.

(1) Thịt lợn nấu kénh.

(2) Khênh.

(3) Mở hoặc ngọt.

(4) Phải thuốc.

(5) Cố nằm bức áo xé tà cả năm.

*16 chữ*

- 178 — Ăn mày là ai ? — Ăn mày là ta,  
Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày.
- 179 — Ăn trộm ăn cướp, thành Phật, thành Tiên.  
Đi chùa đi chiền, bán thân bất toại.
- 180 — Ăn cơm với mắm, thì ngắm về sau;  
Ăn cơm với rau, *ngắm sau ngắm trước*<sup>(1)</sup>.
- 181 — Ăn cơm với cáy, thì ngày o o ;  
Ăn cơm với bò, thì lo ngay-ngay.
- 

# À

*4 chữ*

- 1 — Ăn ác, dương thiện.  
2 — Âm hè, tư nguyên.

*6 chữ*

- 3 — Âu nhi học, trắng nhi hành  
4 — Âu bắt học, lão hè vi.

*7 chữ*

- 5 — Âm ầm như sét đánh lô tai.

(1) *Thì trong về trước*.

*10 chữ*

- 6 — Ấm no vua bếp hay,  
Đắng cay Bà Gừng chịu.
- 

# B

*3 chữ*

- 1 — Bạc như rận.  
2 — Bé hạt tiêu.

*4 chữ*

- 3 — Ba mặt một nhời.  
4 — Ba cọc, ba đồng.  
5 — Ba bà, bốn truyện.  
6 — Ba vuông, bảy tròn.  
7 — Ba bè, bảy bối.  
8 — Ba làng, bảy chợ.  
9 — Ba ba ấp bóng.  
10 — Bà cốt che mặt.  
11 — Bá<sup>(1)</sup> nhân bá<sup>(1)</sup> khẩu.  
12 — Bạc đầu còn dài.  
13 — Bán mồi, nuôi miệng.  
14 — Bán tròn, nuôi miệng.  
15 — Bán kẹo mua đường.  
16 — Bán ruộng, kiện bờ.  
17 — Bán vợ, đợ con.

(1) *Bách*

- 18 — Bán rao, chào khách.
- 19 — Bán hàng chiều khách.
- 20 — Bắt chồm nghe hơi.
- 21 — Bắn Bình, sang Hộ.
- 22 — Bằng mày bằng mặt.
- 23 — Bằng chân như vại.
- 24 — Bắt cá dòi tay.
- 25 — Bắt cua, dược ếch.
- 26 — Bắt cua bỏ giọ.
- 27 — Bắt nhái bỏ dép.
- 28 — Bắt chạch dâng đuôi.
- 29 — Bắt chạch trong chum.
- 30 — Bắt bò cầy triều.
- 31 — Bắt khoan, bắt nhặt.
- 32 — Bày đường chuột chạy.
- 33 — Bắt trị chi chứng.
- 34 — Bè ai nấy chống.
- 35 — Bé người chơi trèo.
- 36 — Bé sé ra to.
- 37 — Bé hành hẻ tối.
- 38 — Béo ngày, gầy tanh.
- 39 — Bến đò, lò rèn.
- 40 — Bĩ cực thái lai.
- 41 — Bích trung hữu nhĩ.
- 42 — Biết giới mấy tuổi.
- 43 — Biểu chính, ảnh tòng.
- 44 — Bịt mắt bắt chim.
- 45 — Bình quỷ, thuốc tiên.
- 46 — Bò què tháng sáu.
- 47 — Bợ chồm múa bắc.

- 48 — Bóc ngăn, cắn dài.
- 49 — Bóc áo, tháo cây.
- 50 — Bói ra khoa thấy.
- 51 — Bón gio, dãi sạn.
- 52 — Bồ cộn thóc hết.
- 53 — Bồ nhìn giữ dưa.
- 54 — Bốc mũi bỏ lái.
- 55 — Bồi ở, lở đi.
- 56 — Bội nghĩa, vong ân.
- 57 — Bời bèo ra bọ.
- 58 — Bời lòng tìm vết.
- 59 — Bời đất, nhặt cỏ.
- 60 — Bồn quá hoá thật.
- 61 — Bót bát, mát mặt.
- 62 — Bót giận làm lành.
- 63 — Búa đánh không ra.
- 64 — Bủng ngực, tươi d...
- 65 — Bủng đói, cật rét.
- 66 — Bủng như tang trắng.
- 67 — Bủng làm, dạ chịu,
- 68 — Bủng như bàn mai.
- 69 — Buộc chỉ cổ tay.
- 70 — Buộc chỉ chân voi.
- 71 — Buôn thúng, bán mệt.
- 72 — Buôn mày bán gió.
- 73 — Buôn vạn, bán nghìn.
- 74 — Buôn may, bán dắt.
- 75 — Buôn phẩn, bán hương.
- 76 — Buôn Tần, bán Sở.
- 77 — Buôn như chấu cắn.

- 78 - Buồng dầm, cẩm chèo.
- 79 - Buồng quăng bỏ vãi.
- 80 - Buồng rộng thả dài.
- 81 - Buốt như kim châm.
- 82 - Bút sa, gà chết.
- 83 - Bụt nhiều, oán ít.
- 84 - Bưng tai giả điếc.

5 chữ

- 85 - Ba xôi nhồi một chỗ.
- 86 - Bà cô bóp con cháu.
- 87 - Bạc đầu hãy còn dài.
- 88 - Bạch ốc khởi công khanh.
- 89 - Bán giời không văn tự.
- 90 - Bán chịu mất mối hàng.
- 91 - Bán bò tậu īnh-trong.
- 92 - Bắc thang cho con nít.
- 93 - Bắc nước, chờ gạo người.
- 94 - Bằng mặt, chẳng bằng lòng.
- 95 - Bầy-nhầy như thịt bụng.
- 96 - Bất độc, bất anh hùng,
- 97 - Bé người, to con mắt,
- 98 - Bé tay Bụt ngày rầm.
- 99 - Bị đấm, lại thêm đá.
- 100 - Biết mùi, chui chẳng sạch.
- 101 - Bìm bìm bắt gà con.
- 102 - Bò chết chẳng khỏi rơm.
- 103 - Bọ nẹt, có giẻ cùi.
- 104 - Bóc bánh cũng trông gãm.
- 105 - Bóp mắt trẻ mà lầy.

- 106 - Bới nát dám cỏ gà.
- 107 - Bụng đói thì tai điếc.
- 108 - Bụt chùa nhà không thiêng.

6 chữ

- 109 - Ba thừng cũng vào một dấu.
- 110 - Ba vợ, ba bát canh bầu,
- 111 - Bà cốt ngửi mùi tàn hương.
- 112 - Bà cô thập thò dấu ngõ.
- 113 - Bà dì sú sì só bếp.
- 114 - Bạc trách kỷ, hậu trách nhân.
- 115 - Bạc đầu phái lừa con trέ.
- 116 - Bách văn bát như nhất kiến.
- 117 - Bàn tay éch, mặt diều hâu.
- 118 - Bán gia tài, mua danh diện.
- 119 - Bán ruộng nhà, kiện ruộng chùa.
- 120 - Bán rẻ còn hơn đé lāi.
- 121 - Bán thịt cho kẻ ngâm gạo.
- 122 - Bánh sáp đi, bánh chì lại.
- 123 - Bao giờ hến mới mở mõm.
- 124 - Bảo một đường, đi một néo,
- 125 - Bát mồ hôi đồi bát cơm.
- 126 - Bảo giờ thấp, phải đi khom.
- 127 - Bát mẻ, đánh con sao đánh.
- 128 - Bát nước giải bằng vại thuốc.
- 129 - Bắn bụi tre, đe bụi hộp.
- 130 - Bằng cái sày, nây cái ụng.
- 131 - Bắt ruồi không dù miệng cóc.

- 132 — Bầy bồ cát, tám bồ béo.
- 133 — Bắc đến đâu, đâu đến đấy.
- 134 — Bắt kiến pháp, bắt tri ân.
- 135 — Bé chẳng vui, cả gãy cảnh.
- 136 — Bé chưa nặn, đã nặn Bụt.
- 137 — Biết một mà chẳng biết hai.
- 138 — Bình con, lon-xon mắng người.
- 139 — Bo-bo như thần giữ cửa.
- 140 — Bỏ thi thương, vương thi tội.
- 141 — Bóc bánh, chẳng được định tay.
- 142 — Bói chẳng ra, sà chẳng thấy.
- 143 — Bói rẽ còn hơn ngồi không.
- 144 — Bòn như Định - Công bòn vàng.
- 145 — Bồi rỗi như bà sư để.
- 146 — Bơ bài chẳng bằng phải thi. <sup>(1)</sup>
- 147 — Bỡ ngỡ như bợ vào rừng.
- 148 — Bời đâu cá, vạch dần tóm.
- 149 — Bợm già mắc bẫy cò ke.
- 150 — Bụng bàn mai, chân ống sậy.
- 151 — Bụng thủng cái, lưng cảnh phản.
- 152 — Buộc cổ mèo, treo cổ chó.
- 153 — Buôn có bạn, bán có phường.
- 154 — Buôn quan tâm, bán quan tư.
- 155 — Buôn đầu chợ, bán cuối chợ.
- 156 — Buôn gấp chầu, câu gấp chỗ.
- 157 — Buồn tênh như đĩ về già.
- 158 — Bút Ngọc-Than, gan Tràng Cốc.

(1) Bà vãi lên chùa.

7 chữ

- 159 — Ba chim, bảy nỗi, chín lênh-dênh.
- 160 — Bà vãi chẳng khỏi lần lên chùa.
- 161 — Bạc thi dân, bắt nhân thi linh.
- 162 — Bánh chưng xanh vừa hành vừa mỡ.
- 163 — Bán sẻ, chưa thuận tay giường ná.
- 164 — Bán súng chẳng nên, phải đèn dạn.
- 165 — Bảng-nhắng như nhặng vào chuồng tiêu.
- 166 — Bắt chuột chẳng hay, hay ịa bếp.
- 167 — Bẩy mươi không bằng đứa lên bẩy.
- 168 — Bẩy mươi còn học bẩy mươi mốt.
- 169 — Bầu leo, thi dày bí cũng leo.
- 170 — Bầu-duc chẳng đến bắn thứ năm.
- 171 — Biết sự giới, mười đời chẳng khó.
- 172 — Biết đâu mà há miệng chờ ho.
- 173 — Bím bịp lại muốn leo nhà gạch.
- 174 — Bò ăn mả, thi dạ bò hay.
- 175 — Bói ra ma, quét nhà ra rác.
- 176 — Bồ nông dài mỏ khó kiếm ăn.
- 177 — Bỗng-đi như chim chích vào rừng.
- 178 — Bụt Nam-sang <sup>(1)</sup> lại từ oản <sup>(2)</sup> chiêm.
- 179 — Bụt trên toà, gà nào mồ mắt.

8 chữ

- 180 — Ba mươi được ăn, mồng một tim đến.
- 181 — Ba con đang chạy, bảy con đang cường.

(1) Nam-hạ (2) Xôi

- 182 — Ba tháng còn được, nữa là ba đông.  
183 — Bà tiền, bà thóc, bà cóc gì ai.  
184 — Bạc tinh Tuyên, ai có duyên thì được.  
185 — Ban ngày ngồi lè, tối về vê sồi.  
186 — Bán anh em xa, mua láng-diềng gần.  
187 — Bán gà ngày gió, bán chó ngày mưa.  
188 — Bán bò tậu ruộng, mua dê về cày.  
189 — Bán hàng nói thách, làm khách giả rẻ.  
190 — Bạng duật tương trì, ngư ông dắc lợi.  
191 — Bánh dày nếp cái, con gái họ Ngò.  
192 — Bao dung hạt cải, rộng rãi tròn kim.  
193 — Bảo xôi ừ xôi, bảo thịt ừ thịt.  
194 — Bát cơm Siếu-Mẫu, giã ơn nghìn vàng.  
195 — Bắt mạch người trong, bong ra người ngoài.  
196 — Bắt nhập hồ huyệt, bắt dắc hồ tử.  
197 — Bè ngồ đi trước, bè dừa đi sau.  
198 — Bên cha cũng kính, bên mẹ cũng vâng.  
199 — Bình tùy khẩu nhập, họa tùy khẩu xuất.  
200 — Bợ người thì nhảm, bợ mắm thì chê.  
201 — Bóc áo Bụt nọ, mặc cho Bụt kia.  
202 — Bồn nơi khổ *cạnh*(1), dãi nơi quần hồng.  
203 — Bỗ thí giờ thìn, ăn xin giờ tị.  
204 — Bốn chin chưa qua, năm ba dã tối.  
205 — Bống có gan bống, bóp có gan bóp.  
206 — Bới tóc củ hành, dàn anh thiên-ha.  
207 — Bởi tin nên mắc, bởi chắc nên nhầm.

(1) Bên

- 208 — Bụng trâu làm sao, bụng bò làm vậy.  
209 — B... lầm lóng, mà đòi đóng khố lượt.  
210 — Buôn thủy buôn vã chẳng dễ hà tiện.

9 chữ.

- 211 — Ba tháng mười ngày, hết tuần chay gái [đé].  
212 — Bà chúa dứt tay, bằng ăn mày sờ ruột.  
213 — Báng đầu thẳng trọc, không nề lòng ông [sư].  
214 — Bắc cầu mà noi, ai bắc cầu mà lội.  
215 — Biết thưa thối, không biết dựa cột mà [nghe].  
216 — Bời nát đám cỏ già, không được đồng [kẽm].  
217 — Bụng bị rợ, ăn như bào, làm như khỉ.  
218 — Bụt nhà không cầu, cầu Thích-Ca ngoài [đường].

10 chữ

- 219 — Ba chiếc sóng cồn, mấy cái lồng l.... [rụng sạch].  
220 — Ba tháng trong cây, chẳng bằng một ngày [trong quả].  
221 — Ba năm được bạn vua vời, phải ngày [kinh nguyệt].

222 — Băm chǎng lô, bồ chǎng vào, ném <sup>ao</sup>  
[chǎng chim.

223 — Bắt người bỏ giỗ, không ai bắt người <sup>cô</sup>  
[bé.

224 — Bảy mươi chưa dui, chưa què, chờ khoe  
[rắng tốt.

225 — Bé người con nhà bác, nhơn xác con nhà  
[chú.

226 — Biết thì thưa thốt, không biết, dựa cột  
[má nghe.

227 — Biết tội đâu mà tránh, biết phúc <sup>(1)</sup>, đâu mà  
[cầu <sup>(2)</sup>.

228 — Buồn đầu bán bè, chǎng bằng tān de hā  
[tiền.

229 — Buồn thì đi ngủ, chờ có bầu chු mà  
[chèt <sup>(3)</sup>.

11 chữ

230 — Bắt chấy cho mẹ chồng, trông thấy bồ  
[nòng dưới biển.

231 — Bè ta, gõ chú nó, mẹ thằng chó, vợ anh  
[em.

232 — Bé di câu, nhơn di hầu, già di ăn cơm  
[nợ.

233 — Bên được dâu, bên được rẽ, mình ở giữa  
[nhẽ nhại.

234 — Bung miệng vò, miệng lò, ai bung được  
[miệng thiên hạ.

12 chữ

235 — Ba bị, chín quai, mươi hai con mắt, hay  
bắt trẻ con.

236 — Bà con vì tồ vì tiền, không phải vì tiền, vì  
[gạo.

237 — Bác xác, bác xo, bác chết bao giờ, bác  
[chǎng bảo tôi.

238 — Bán mướp đắng giả làm bầu ; bán mật cưa  
[giả làm cám.

239 — Bánh đúc bẻ ba, mắm tôm quệt ngược, cửa  
nhà tan hoang.

240 — Băm bầu, băm bi, băm chị thằng Ngô, băm  
[cô cái á.

241 — Bàn cùng bắt đắc dĩ, lòi tĩ mới phải dít lá  
[vông.

242 — Bè thì con mẹ, con cha, nhơn thì con vua,  
[con chúa.

243 — Bì phấn với voi ; bì con ông lái với tôi  
[chân sào.

(1) Vàng (2) Mõe.

(3) Thái củ lang hài lân.

- 244 — Bì phấn với vôi ; bì l... con dī với môi <sup>th</sup>  
[kén].
- 245 — Bưởi Đại-Trà, cam Đồng-Dụ, gù Vă̄n-cú, vu  
[Đồ-son.]

13 chữ

- 246 — Ba vợ bảy nàng hầu,  
Đêm nằm chuồng trâu, gói đầu bằng chổi.
- 247 — Bà chết, thi khách đầy nhà ;  
Ông chết, thi cỏ gà đầy sân.
- 248 — Bà khoe con bà tốt,  
Đến tháng mười một, bà<sup>(1)</sup> xem con bà.
- 249 — Bố dī giàu, bố dī tiên,  
Ông tông không tiền, ông tông tēnh.

14 chữ

- 250 — Ba tháng biết lây, bảy tháng biết bò,  
Chín tháng lò-dò biết đi.
- 251 — Ba đời bảy họ nhà khoai,  
Dù ngọt, dù bùi, cũng phải lăn-tăn.
- 252 — Ba đời bảy họ nhà tre,  
Hê cất lây ghính, nò đè lên vai.
- 253 — Ba năm ở với người dàn,  
Chẳng bằng một lúc ghé<sup>(2)</sup> gần người khôn.

(1) Tỏi. (2) Đứng

- 254 — Ba đồng một bát nước chè,  
Tuy rằng em đẹp, nhưng què một chân.
- 255 — Ba mươi sáu cái nõn nường,  
Cái gối đầu giường là ba mươi bảy.
- 256 — Bà gi? Bà giả, bà già.  
Bà ra kẻ chợ, con ma bắt bà.
- 257 — Bà già đã tám mươi tư,  
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng.
- 258 — Bà công di chợ giờ mưa,  
Cái tôm, cái tép di đưa bà công.
- 259 — Bà già oi hối bà già !  
Có con không gả, dốt nhà bà đi.
- 260 — Bà lão di bán rau khoai,  
Đồng một chặng bán, đồng hai gặt gù.
- 261 — Bà cốt đánh trống long-tong,  
Nhảy lên, nhảy xuống con ong dốt 1....
- 262 — Bạc ba quan, tha hồ mở bát,  
Cháo ba đồng, chè đất chặng ăn.
- 263 — Bạn ngày còn dở di chơi,  
Tôi lặn mặt giờ, đồ thóc vào rang.
- 264 — Bạn hàng ăn những chüm cau,  
Chồng con có biết cơ màu này chặng.
- 265 — Bạn bè là nghĩa tương-tri,  
Sao cho sau trước một bề mới nêu.
- 266 — Bạn vàng lại gấp bạn vàng,  
Long, lân, quí, phượng một đoàn tứ linh,

- 267 – Bao giờ cho đến tháng năm,  
    Thôi nỗi cơm nếp vừa nằm vừa ăn.
- 268 – Bao giờ cho đến tháng mười,  
    Thôi nỗi cơm nếp vừa cười vừa ăn.
- 269 – Bao giờ chờ được thành-thoi,  
     Tay tiêm thuốc cống, miệng mòn lang-quán.
- 270 – Bao giờ đồng rộng thành-thoi,  
    Năm trâu thôi sáo vui đời Thuấn, Nghiên.
- 271 – Bao giờ Mang-hiện đến ngày,  
    Cây bừa cho chín mạ này đem gieo.
- 272 – Bao giờ lắp Ngã-ba Chanh,  
    Đề ta gánh đá xây thành Cồ-loa.
- 273 – Bao giờ bắt được giặc Khôi,  
    Cho yên việc nước, chồng tôi được về.
- 274 – Bao giờ cho khỉ deo hoa,  
    Cho voi đánh sáp, cho gà nhuộm răng.
- 275 – Bao giờ cạn lạch Đồng-nai,  
    Nát chùa Thiên-mộ mới phai nhời nguyễn.
- 276 – Bao giờ cá lý hóa long,  
    Đèn ơn cha mẹ ấm bồng ngày xưa.
- 277 – Bao giờ Thạch-mã quá giang,  
    Tú-kỳ, Vĩnh-lại nghênh-ngang công hồn.
- 278 – Bao giờ Nhân-lý có định,  
    Trạm Chay có chợ, Ngọc-dinh có vua.

- 279 – Bao giờ rồng đến nhà tôm,  
    Rồng leo cây ngải, thì ôm rồng vàng.
- 280 – Bác thang lên hải hoa vàng.  
    Vì ai cho thiếp biết chàng từ đây.
- 281 – Bác thang lên gọi ông giăng,  
    Hỏi rằng chị Nguyệt đã chưng mấy con.
- 282 – Bác thang lên hỏi ông giờ,  
    Những tiền cho gái có đòi được không?
- 283 – Bác nam lòng chẳng thương tình,  
    Đề anh gắn bó một mình sao dang.
- 284 – Bảy giờ mói ra thân hèn,  
    Khi xưa tôi cũng cầm đèn hai tay.
- 285 – Bảy lâu vắng mặt khát khao,  
    Bảy giờ thấy mặt, tình sao hối tình?
- 286 – Bảy lâu vắng mặt khát khao,  
    Bảy giờ thấy mặt muốn trao lặng vàng.
- 287 – Bảy lâu vắng mặt khát khao,  
    Bảy giờ thấy mặt muốn cào mặt ra.
- 288 – Bầu ơi thương lấy bí cùng,  
    Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
- 289 – Bầu già thi ở trên cây,  
    Bầu non bứt xuống, làm dây kéo thuyền.
- 290 – Bầu già thi ném xuống ao, (1)  
    Bi già đóng cã làm cao lấy tiền.

(1) Bầu bắn rao

- 291 — Bầu già thi mướp cũng sợ,  
Nạ dòng trang điềm gai to mắt chồng.
- 292 — Bé nhung mà bé hạt tiêu,  
Bé cay, bé đắng, bé xiêu lòng người.
- 293 — Bên sông thanh vắng một mình,  
Có ông ngư phủ biết tình mà thôi.
- 294 — Biết tay ăn mặn thì chừa,  
Đừng trêu mẹ mướp mà sơ có ngày.
- 295 — Biết đâu là tồ chuồn-chuồn,  
Biết đâu cù đậu, biết đâu lươn nằm.
- 296 — Biết rằng chồng ai, vợ ai,  
Bao giờ ra bảng, ra bài sẽ hay.
- 297 — Biết nhau từ thuở buôn thừng,  
Trăm chắp, nghìn nối, xin đừng quên nhau.
- 298 — Biết nhau tự ấy mà thôi,  
Bây giờ kẻ ngược, người xuôi, mặc lòng.
- 299 — Biều về nói với ông cầu,  
Cá ăn thì giật, dè lâu mất mồi.
- 300 — Bộ Bình, bộ Hộ, bộ Hình,  
Ba bộ đồng tính bóp vú con tôi.
- 301 — Bờ sông lại lở xuống sông,  
Đàn bà mà lấy đàn ông thiệt gi.
- 302 — Bơi Đầm, rước Giả, hội Thầy.  
Vui thi vui vậy, chẳng tày Giã-La.

- 303 — Bởi anh tham việc nông công,  
Cho nên mới cé bò trong bịch ngoài.
- 304 — Bởi đồng, thì bót cù-lao,  
Bót ăn, bót uống thì tao bót làm.
- 305 — Buồn ngủ lại gấp chiếu manh,  
Hay ăn, làm biếng, gấp anh đứng đường.
- 306 — Buồn tênh cháu rễ khóc đưa bà,  
Một tiếng khóc là ba tiếng à.
- 307 — Bực mình chẳng muốn nói ra,  
Muốn đi ăn cỗ chẳng ma nào mời.
- 308 — Buom-buóm mà đậu cành hồng,  
Đã yêu con chị, lại bồng con em.
- 309 — Buóm bay, buóm cũng bạc đầu,  
Thấy hoa thiên lý cui đầu làm tội.

15 chữ

- 310 — Bầu dục đậu đến bàn thứ năm,  
Chè đậu đến chú, chú lăm ăn chè.

16 chữ

- 311 — Bà đợi cho chí bà cai,  
Bà nào hay đỡ chữ cũng l... ngoài, vầy  
[trong.]
- 312 — Bánh tráng nhân đường ngon thậm là ngon,  
Đến con đánh đòn, đau thậm là đau.

313 — Bắt chân chữ ngũ, đánh cù khoai lang.  
Bờ hời cô hàng! Cho anh bắt nước.

314 — Buồn chẳng muốn nói, gọi chẳng muốn trả lời.  
Tưởng sự lấy chồng, tinh như con sáo.

18 chữ

315 — Bố chồng như lòng con phượng,  
Mẹ chồng như tượng mồi tò,  
Nàng dâu là bồ nghe chửi.

316 — Bố vợ là vó cọc chèo,  
Mẹ vợ là bèo trôi sông,  
Chàng rể là ông Ba-vì.

20 chữ

317 — Bố chồng là lòng con lợn,  
Mẹ chồng là trọng mắt lén,  
Nàng dâu mới về là bà Hoàng-hậu.

C

3 chữ

- 1 — Cá hóa rồng.
- 2 — Cảm như hến.
- 3 — Cóc vái giời.
- 4 — Cửa thập phương.
- 5 — Cửa Tam Bảo.
- 6 — Cửa bất đắng.
- 7 — Cura thợ mộc.

4 chữ

- 8 — Cà tỏi cà riềng.
- 9 — Cà cuống lội ngược.
- 10 — Cá diếc ao bèo.
- 11 — Cá mè ao chua.
- 12 — Cá dầu, cau cuối.
- 13 — Cá khô gấp nước.
- 14 — Cá lứa, chim dàn.
- 15 — Cá bè, chim ngàn.
- 16 — Cá nầm chốc thót.
- 17 — Cá mồ đắng lưng.
- 18 — Cá sống vị nước.
- 19 — Cá cá, lợn nhòn.
- 20 — Cá mè một lứa.
- 21 — Cá đối bằng dầu.
- 22 — Cá vàng bụng bọ.
- 23 — Cá thuyền, cá sóng.
- 24 — Cá gió tắt đuốc.
- 25 — Cá ăn cá lo.
- 26 — Cá xốc cá vác.
- 27 — Cá vốn, nhòn lãi.
- 28 — Cải ác, vi thiện.
- 29 — Cải ác, hoàn lương.
- 30 — Cải tử, hoàn sinh.
- 31 — Cạn tàu, ráo máng.
- 32 — Càng già, càng cay.
- 33 — Cảnh thấp, cảnh cao.
- 34 — Cao thành, nở ngọn.

- 35 — Cao mũ, dài áo.
- 36 — Cao tắp, rạp mưa.
- 37 — Cầm sào đợi nước.
- 38 — Cắt tóc đi tu.
- 39 — Cày sâu, tốt lúa.
- 40 — Cày thuê, cuốc mướn.
- 41 — Cày sâu, cuốc bẩm.
- 42 — Cây nhà, lá vườn.
- 43 — Cây cao, lá dài.
- 44 — Cây cao, bóng cả.
- 45 — Cấy gió, chịu bão.
- 46 — Cậy thế, cậy thần.
- 47 — Cầm dao đắng lưỡi.
- 48 — Cầm dù mắt cán.
- 49 — Cầm lúa đốt giời.
- 50 — Cầm cân, nầy mục.
- 51 — Cầm mục, cầm chừng.
- 52 — Cầm khoán, bẻ măng.
- 53 — Cầm dang chịu đói.
- 54 — Cần bắt như chuyên.
- 55 — Cần tắc vô ưu.
- 56 — Cắt lúa, rụng thóc.
- 57 — Cầu chuỗm, bỏ ao.
- 58 — Cầu được, ước thấy.
- 59 — Có giăng, phụ đèn.
- 60 — Có tật, đặt mình.
- 61 — Có thịt, đòi xôi.
- 62 — Có cháo, đòi chè.

- 63 — Có mới, nói cũ.
- 64 — Có nanh, có mỏ.
- 65 — Có mắt như không.
- 66 — Có nếp, có tẻ.
- 67 — Có ngăn, có nắp.
- 68 — Có người, có ta.
- 69 — Có mình thì giữ.
- 70 — Có nước, (1) có cá.
- 71 — Cỏ rậm, vườn hoang.
- 72 — Cốc xương, lòi da.
- 73 — Cốc mò, cò ăn.
- 74 — Coi giờ bằng vung.
- 75 — Con dại, cái mang.
- 76 — Con mống, sống mang.
- 77 — Con ngô, con khoai.
- 78 — Con lon, con chày.
- 79 — Con mày, cái nuôi.
- 80 — Con tiên, cháu rồng.
- 81 — Con tông, gà nòi.
- 82 — Con cà, con kê.
- 83 — Con học, thóc vay.
- 84 — Con khó có lòng.
- 85 — Con ông, cháu cha.
- 86 — Con công thành tàn.
- 87 — Con đực, cháu đàn
- 88 — Còn ăn, hết nhịn.

(1) Tiền

- 89 — Còn ấp vú mẹ.
- 90 — Còn nước, còn tát.
- 91 — Cố đấm ăn xôi.
- 92 — Công như công cốc.
- 93 — Công nợ khất quanh.
- 94 — Công cha, nghĩa mẹ.
- 95 — Cốt nhục tương tàn.
- 96 — Cờ gian, bạc lận.
- 97 — Cờ bạc về sáng.
- 98 — Cờ bạc khát nước.
- 99 — Cờ bì, nhắc xe.
- 100 — Cơm vua, áo chúa.
- 101 — Cơm chấm, mắm chườm.
- 102 — Cơm nhà, việc người.
- 103 — Cơm no, bò cuối.
- 104 — Cơm vua họ dân.
- 105 — Cơm và cháo húp.
- 106 — Cơm té mẹ ruột.
- 107 — Cơm thừa, gạo thiểu.
- 108 — Cơm nặng, áo dày.
- 109 — Cơm sung, cháo rèn.
- 110 — Cơm bạc, dưa ngà.
- 111 — Cơm hàng, cháo chợ.
- 112 — Cơm ráo, cháo nát.
- 113 — Cơm cá, chả chim.
- 114 — Cơm gà, cà gỏi.
- 115 — Cơm đen, vận tung.

- 116 — Cú đọ với tiên.
- 117 — Cú dòm nhà bình.
- 118 — Cú kêu ra ma.
- 119 — Cú có, vợ mừng.
- 120 — Cú đói ăn con.
- 121 — Cũ người, mới ta.
- 122 — Củ tối giắt lưng.
- 123 — Của người, phúc ta.
- 124 — Của chồng, công vợ.
- 125 — Của thiên giả địa.
- 126 — Của đời, người thế.
- 127 — Của trọng hơn người,
- 128 — Của ăn, ngăn đề.
- 129 — Của Bụt già Bụt.
- 130 — Của chợ bỏ chợ.
- 131 — Của chim, của nòi.
- 132 — Cửa là nuốt ruột.
- 133 — Cửa ruộng dắp bờ.
- 134 — Cửa bền tại người.
- 135 — Cửa giờ giả giờ.
- 136 — Cửa mòn, con nhòn.
- 137 — Cửa đau, con xót.
- 138 — Cửa gian, cửa độc.
- 139 — Cùng nước, khác lợ.
- 140 — Cứ mềm thì đục.
- 141 — Cưa tay, vạc dốn.
- 142 — Cưa sừng, xẻ tai.
- 143 — Cửa cẩm, lâu son.

- 144 — Cửa cẩm, thành cao.
- 145 — Cửa đồng, then cài.
- 146 — Cửa cao, nhà rộng,
- 147 — Cực lạc sinh ai,
- 148 — Cứng như sắt nguội.
- 149 — Cứng cỗi như chày.
- 150 — Cười như nắc ně.
- 151 — Cưỡi đầu voi dữ.
- 152 — Cướp cháo lá đà.
- 153 — Cứt lộn lên đầu.

### 5 Chữ

- 154 — Cá nhòn nuốt cá con.
- 155 — Cá mè đè cá chép.
- 156 — Cá bè hơn cày nứa.
- 157 — Cá vú lắp miệng em.
- 158 — Cá sóng, ngã tay chèo.
- 159 — Cái khó bó cái khôn.
- 160 — Cái sảy nầy cái ung.
- 161 — Cái tôm chật gi bề.
- 162 — Cạn ao, bèo đến đất.
- 163 — Cảnh dưới đỡ cảnh trên.
- 164 — Cầm sào sâu khó nhồ.
- 165 — Cắn chảng vỡ hộp cơm.
- 166 — Cây trong rừng ai giống.
- 167 — Cầm đuốc soi chân người.
- 168 — Cỏ gỗ mồ cò thịt.

- 169 — Có tiếng, không có miếng.
- 170 — Có ít xít ra nhiều.
- 171 — Có bột, gột nên hồ.
- 172 — Có cửa giờ được người.
- 173 — Có phúc, thì có phần.
- 174 — Có chuông chùa, niệm Phật.
- 175 — Có trông không được cậy.
- 176 — Cóc lại có lông nách.
- 177 — Coi người nứa con mắt.
- 178 — Con ai, cha mẹ ấy.
- 179 — Con ai, người ấy xót.
- 180 — Con hát xem bao bí.
- 181 — Con chị cõng con em.
- 182 — Con em lèn con chị.
- 183 — Con gái là cái bòn.
- 184 — Con dâu, cha mẹ đầy.
- 185 — Con cũ rủ con mới.
- 186 — Con mẹ dể con con.
- 187 — Còn cha pha chì nốt.
- 188 — Cồng rắn cắn gà nhà.
- 189 — Cơ thám, họa diệc thám.
- 190 — Cởi được khổ, thi sáng.
- 191 — Cơm té là mẹ ruột.
- 192 — Cơm kè miệng chẳng ăn.
- 193 — Cơm treo, mèo nhịn đói.
- 194 — Cú kêu cho ma ăn.
- 195 — Của anh như của chú.

- 196 — Cửa Bụt thiêu cho Bụt.
- 197 — Cửa đồng quyến của nhà.
- 198 — Cửa lầm cảng sây vầy.
- 199 — Cười, hở mười cái răng.
- 200 — Cứt cá hơn lá rau.
- 201 — Cửu hận phùng cam vũ.

6 chữ

- 202 — Cá kè đầu, rau kè mó.
- 203 — Cá chuối chết đuối về con.
- 204 — Cái nết đánh chết cái đẹp.
- 205 — Cái trước đau, cái sau rái.
- 206 — Cái hèo là cắn câu cơm.
- 207 — Càng quen, càng lèn cho đau.
- 208 — Cao không tới, thấp không thông.
- 209 — Cát kè yên dựng ngưu dao.
- 210 — Cây ngay chẳng sợ chết đứng.
- 211 — Cây muốn lặng, gió chẳng dừng.
- 212 — Câm hay ngóng, ngọng hay nói.
- 213 — Câm hay nói, què hay đi.
- 214 — Câm đầu có hòng uốt tay.
- 215 — Câm dù chẳng được vuốt cán.
- 216 — Cần nấu tái, cải nấu dù.
- 217 — Cắt đó người, giữ thời ta.
- 218 — Cò vạc kiếm ăn tung thung.

- 219 — Có cứng mới dừng đầu gió.
- 220 — Có thân phải khô về thân.
- 221 — Có cửa thời có người làm.
- 222 — Có đứt tay mới hay thuốc.
- 223 — Có tiếng mà chẳng có tăm.
- 224 — Có tích mới dịch nên luồng.
- 225 — Có sừng thì dừng hàm trên.
- 226 — Có vỏ mà nọ có ruột.
- 227 — Có cá đồ vụ cho cơm.
- 228 — Có vốn rồi mới có lãi.
- 229 — Có thực mới vực được đạo.
- 230 — Có một ngày, một ngày không.
- 231 — Có cửa làm chẳng nên ăn.
- 232 — Có bụng ăn, có bụng lo.
- 233 — Có rẽ thì đỡ bỗng tay.
- 234 — Coi giờ bằng nửa con mắt.
- 235 — Coi vàng bạc như đất bùn.
- 236 — Coi đồng tiền như cái tán.
- 237 — Con gài cửa gài then đóng.
- 238 — Con heo kén ăn khó nuôi.
- 239 — Con khôn nở mặt cha mẹ.
- 240 — Con ruồi đậu nặng đồng cân.
- 241 — Con giun seo lấm cũng quắn.
- 242 — Con gái dài lở đầu hè.
- 243 — Con không học, thóc không vay

- 244 – Con ông Cổng, cháu ông Nghè.  
245 – Con ông Sấm, cháu ông Sét.  
246 – Con ông Thành, cháu ông Thần.  
247 – Con ăn một, mẹ ăn hai.  
248 – Con nhà lính, tinh nhà quan.  
249 – Con hơn cha, nhà có phúc.  
250 – Con đóng khổ, bố cởi truồng.  
251 – Con trước mặt, con sau lưng.  
252 – Con mắt là mặt đồng cân.  
253 – Con cháu khôn hơn ông vãi.  
254 – Con như con ngô, con khoai.  
255 – Còn cho biết, hết cho hay.  
256 – Còn răng nào, cào răng ấy.  
257 – Cồ tầy cong, mặt tầy linh<sup>(1)</sup>.  
258 – Cỗi áo cho người xem lưng.  
259 – Cơm Văn-Giáp, tắp Cầu Rền.  
260 – Cơm kẽ ngày, cày kẽ huỗi.  
261 – Cơm có bùa, chợ có chiều.  
262 – Cơm là gạo, áo là tiền.  
263 – Cơm nhà chúa, múa tối ngày.  
264 – Cơm ba bát, áo ba manh.  
265 – Cơm chẳng ăn, gạo còn đó.  
266 – Củ-rủ đuôi ruồi không đi.  
267 – Cua thảm càng, nàng thảm mới.  
268 – Cua cỏ óc, cốc cỏ gan.

- 269 – Cửa dẽ được thi dẽ mất.  
270 – Cửa một đồng, công một nén.<sup>(1)</sup>  
271 – Cửa kho, không lo cũng hết.  
272 – Cưa mạch nào, đứt mạch ấy.  
273 – Cửa chẳng qua, n bà chẳng đến.  
274 – Cứt<sup>(2)</sup> ai vừa mũi người ấy.  
275 – Cứu nhất nhân, đắc vạn phúc.

7 chữ

- 276 – Cà cuồng chết đến đít còn cay.  
277 – Cắp cỗ nồi, không đồ thì vỡ.  
278 – Cày vay hay ghét mực tàu ngay.  
279 – Cầm đũa, chẳng biết giở đầu đũa.  
280 – Cò thờ thầy mời được làm thầy.  
281 – Cò cơm ăn, hãy hết đồng mắm.  
282 – Cỏ hoa sói, tinh phụ hoa ngâu.  
283 – Cỏ tre mời cho vay hom gianh.  
284 – Con lèn ba mời ra lòng mẹ.  
285 – Con không khóc, mẹ chẳng cho bú.  
286 – Con sông có khúc chảy, khúc vắt.  
287 – Con cá sầm là con cá nhòn.  
288 – Con bò cạp có nọc nơi đuôi.  
289 – Con lèn ba cả nhà học nói.  
290 – Con có mẹ như măng ấp bẹ.  
291 – Còn nụ cà, hoa mướp gì nữa.

(1) Lái.

(1) Công đi chợ. (2) Rãm.

- 292 — Còng lùng làm cho ngỗng lùng ăn.  
293 — Cối làng Tông, chuồng đồng làng Đống.  
294 — Cống làng Tò, trâu bò làng Hè.  
295 — Cơm ba bát, tắm mát *hom mai*(1).  
296 — Cơm mùa treo chái chùa cũng chín.  
297 — Cơm ăn, tiền lấy, giấy giả quan.  
298 — Cua Phụng-Pháp, rau muống Hiên-Ngang.  
299 — Cửa phù vân không chân hay chạy.  
300 — Cửa đời, người thế, nước non tiên.  
301 — Cửa đời ông ăn không cũng hết(2).  
302 — Cửa phù vân sớm họp, tối tan.  
303 — Cửa ngon đưa đến miệng ai từ.  
304 — Cui đánh đục, thì đục đánh sảng.  
305 — Cùng một nhà l... bà, l... cháu.

8 chữ

- 306 — Cá ao ai vào ao ta, ta được.  
307 — Cá thia quen châu, chồn đèn quen hang.  
308 — Cả sông, đồng chợ; lâm vợ, nhiều con.  
309 — Cái sống dã hết, cái chết dã đến.  
310 — Cái đầu sù-sụ như mỵ ăn mày.  
311 — Cái răng, cái tóc, một góc con người.  
312 — Cái lunge thước mốt, cái giò thước hai.  
313 — Cái vung võ mảnh, cái bát võ tan.

(1) Sớm ngày. (2) Cửa như núi ăn mãi cũng mòn.

- 314 — Cái tép cũng nhầy, cái cua cũng bò.  
315 — Cái cú, cái cáo cũng nháo về rừng.  
316 — Cái ách giữa đàng dem quàng vào cổ.  
317 — Canh một chửa năm, canh năm dã dày.  
318 — Cáo chẳng chịu cáo, mèo lại hoàn mèo.  
319 — Cáo chết ba năm quay đầu về núi.  
320 — Cây chọn mết lá, cá chọn mết vây.  
321 — Cấy lúa được lụ, gieo mạ được quen.  
322 — Cây giàn hàng nồi, đút h... vào lọ.  
323 — Cầm dũa tay chiêu, đập niêu không vỡ.  
324 — Cắn ăn cắn đi, sè ăn sè mắc.  
325 — Cò kiếm cò ăn, cốc kiếm cốc ăn.  
326 — Cò mặt ông sứ, vắng mặt thẳng ngô.  
327 — Cò mặt thi cô, vắng mặt thi dĩ.  
328 — Cò mòm thi cắp, có nắp thi dày.  
329 — Cò chi làm quan, có gan làm giàu.  
330 — Cò rau ăn rau, có cháo ăn cháo.  
331 — Cò con không dạy, đề vậy mà nuôi.  
332 — Cò mười mà tốt, có một vô duyên.  
333 — Cò cẩy có tròng, có giồng có ăn.  
334 — Cò nuôi con mới biết lòng cha mẹ.  
335 — Cò hoa mừng hoa, có nụ mừng nụ.  
336 — Cò thóc cũng thóc, có tiền cũng tiền.  
337 — Cò tiền buôn Đông, không tiền buôn Thái.  
338 — Cò ăn, có chơi mời gọi là trâu.

- 339 — Có ngôn chảng đến mẹ con nhà mày.  
340 — Có đi, có lại mời toại lòng nhau.  
341 — Có thờ có thiêng, có kiêng có lành.  
342 — Có gan ăn cướp, có gan chịu tù. (1)  
343 — Có nứa thùng gạo khẩn giờ làm mưa.  
344 — Có công mài sắt, có ngày nên kim.  
345 — Có giữ có lành, có dành có lúa.  
346 — Có nhân nhàn nở, vò nhân nhàn châm.  
347 — Có mặt thi mắng, vắng mặt thi thương.  
348 — Có đầu có đuôi, nuôi lâu thì nhợn.  
349 — Có ông tướng giở, đỡ ông tướng hay.  
350 — Có con mắt mà không có con người.  
351 — Coi vợ già như chó nắm nhà gác.  
352 — Coi đồng tiền như cái tàn, cái tàn.  
353 — Con đèn (2) thi bỗ, con đỗ thi lùm (3).  
354 — Con đen, con sài chờ hoài bỗ dì.  
355 — Con rô cũng tiếc, con riếc cũng muốn.  
356 — Con dĩ nêu bà, bỗ già nêu ông.  
357 — Con gái tháng hai, con gai tháng tam.  
358 — Con gái mười bảy bẽ gãy sừng bỗ. (4)  
359 — Con giàu một bó, con khó một nén.  
360 — Con nit may ra, mụ già may vào.  
361 — Con ngựa đau cả tầu không ăn cỏ.

(1) Đòn (2) Đèn dầu. (3) Nuôi (4) Trâu

- 362 — Con cóc lắt-léo lại đòi trèo thang.  
363 — Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà.  
364 — Con đã mọc răng nói năng gì nữa.  
365 — Con nuôi cha không bằng bà nuôi ông.  
366 — Con có mạ như thiên hạ có vừa.  
367 — Con chị nó đi, con dì nó nhớn.  
368 — Con chủ, con bác có khác gì nhau.  
369 — Còn thuyền còn chèo, còn nước còn tất.  
370 — Còn da lồng mọc, còn chồi nèn cây. (1)  
371 — Còn răng, răng nhai, hết răng, lợi gặm.  
372 — Có cũng như cha, dì cũng như mẹ.  
373 — Có đi chín tháng, có về một năm.  
374 — Công ai nấy nhờ, tội ai nấy chịu.  
375 — Công danh bánh vẽ, sang giàu chiêm bao.  
376 — Công nợ giả dàn, cháo nóng húp quanh.  
377 — Cờ dến tay ai thi người ấy phát.  
378 — Cơm nem đã tráy, tay tranh đã từng.  
379 — Cơm vua ngày giờ, tối rày còn mai.  
380 — Cơm ông chưa qua, cơm bà đã tới.  
381 — Củ năn bùi nghịch có ngày mất trâu.  
382 — Cửa vua có thần, cửa dân có ma.  
383 — Cửa l... l... dòi, cửa b... b... quên.  
384 — Cửa người Bồ-tát, cửa ta lạt buộc.  
385 — Cửa rè-rè không bằng nghề trong tay.

(1) Hết da trèo lồng.

- 386 – Cửa anh anh mang, cửa nàng nàng xách  
 387 – Cửa đi rẽ-rẽ, cửa về nghêu-nghẹn.  
 388 – Cửa làm ăn no, cửa cho ăn thèm.  
 389 – Cửa thế gian dài người ngoan thiên h[an].  
 390 – Cửa vào nhà quan như than đỗ(1) lồ.  
 391 – Cửa đồng làm ra, cửa nhà làm nén,  
 392 – Cửa giỏi vạn, ngăn tay với không đến.  
 393 – Cửa ngang chẳng góp, nhời tà chẳng thưa.  
 294 – Cửa chẳng ngon, nhà nhiều con cưng hết.  
 395 – Cửa minh thì đẽ, cửa rẽ thi bòn.  
 396 – Cùng nghè đan thúng, tung nghè dan nia.  
 397 – Cùng nghè đi tát, mạt nghè đi cầu.  
 398 – Cùng bạn ăn mày mắng nhau đầy chieu.  
 399 – Cười ba tháng, không ai cười ba năm.  
 400 – Cười vợ tháng hè, bò què tháng sâu.  
 401 – Cứt rứt có chớp, quặt mồ có nhái.  
 402 – Cứu nhân nhân oán, cứu vật vật ơn.  
 403 – Cứu được một người phúc dâng h[an] sa.

9 chữ

- 404 – Cá dưới sông, vợ chồng thuyền chài đánh [nhau].  
 405 – Cả cái dù mà che không được cái cản.  
 406 – Cáo (2) chết đẽ da, người ta chết đẽ [tiếng]

(1) Vào (2) Trâu hoặc hùm.

- 407 – Cây ruộng tháng năm, xem giăng răm tháng [tám].  
 408 – Cấy thura, thura thóc, cấy dày cóc được [ăn].  
 409 – Có cửa thêm yào, chẳng có cửa bào [ra].  
 410 – Có thì ăn, không có bẩm bụng mà chịu.  
 411 – Có thân thì khô, có khô mới nên thân.  
 412 – Có con tội sống, không có con tội chết.  
 413 – Có má ở nhà, mới có cá mà ăn.  
 414 – Có tật giật mình, có tinh kinh trong bụng.  
 415 – Có nghén thì đẽ, có ghẻ đâu mà lây.  
 416 – Có làm tội nhái, nhái làm tội ĩnh-ương.  
 417 – Con gái nhỡ thi, gặp quan Tri hóa vợ.  
 418 – Con nhà tông, chẳng giống lòng cũng [giống] cánh.  
 419 – Con gái chỉ ăn xó bếp, chết gầm chặn.  
 420 – Côn gà sống, gà mái, thi còn gà đò.  
 421 – Cờ phải nước bi, như bị phải giờ mưa.  
 422 – Cửa minh chẳng hay, cửa láng diềng chẳng [biết].

10 chữ

- 423 – Cả vũ lấp miệng em, cả hèm lấp miệng [hũ].

- 424 – Cảnh điền, bắt kiến điêu; hoa thực, điêu  
[phi la]
- 425 – Cây khô không có lộc, người độc không  
[cô con]
- 426 – Cây không giống không tiếc, con không  
[đẻ không thương]
- 427 – Có chú, chè anh hèn, không chủ rèn lấy  
[anh]
- 428 – Có học thi mới biết, có đi thi mới đến
- 429 – Có xôi nói v'ì xôi, có thịt nói với thịt.
- 430 – Có l... thì giữ, b... ông Chữ hay diêm
- 431 – Có độc mới có, có phũ như chó mồi  
[giận]
- 432 – Con mày con nuôi chẳng bằng con b...  
[làm ra]
- 433 – Con so nấm nhà mạ, con dại nấm nhà  
[chồng]
- 434 – Con chẳng chê mẹ khó, chó chẳng chê  
[chủ nghèo]
- 435 – Con vua tốt, vua dấu, con tôi xấu, tôi  
[yêu]
- 436 – Cú người có tóc, chẳng ai cú người trọc  
[dầu]

11 chữ

- 437 – Cơm sống là cơm thảo,  
Cơm nhão là cơm hà-tiên.

- 438 – Cút cưng như rươi,  
Ba bốn mươi cưng như hai tiền.

- 439 – Cú có cú ăn,  
Vợ không có, vợ lăn vợ chết.

12 chữ

- 440 – Cá không ăn muối cá thối,  
Người không ăn nhời người hư.
- 441 – Cả giận mất khôn,  
Bảy giờ cắn rốn lại còn được ru!
- 442 – Cái tôm có chật gì sòng.  
Cái lông có chật gì lô.
- 443 – Cắt dây bầu, dây bí,  
Chẳng ai cắt dây chị, dây em.
- 444 – Cậu lậu bình voi,  
Bao giờ cậu chết cho tôi ăn phàn.
- 445 – Cậu lậu cây bàng,  
Bao giờ cậu chết, cả làng di khiêng.
- 446 – Có phúc lấy được dầu hiền,  
Vô duyên lấy phải dầuẠI.
- 447 – Cò phúc thơ mộc, thơ nè,  
Vô phúc thầy đè, thầy thông.
- 448 – Có cửa dễ lại cho con,  
Không có, dễ nợ cho con.
- 449 – Có tiền khôn như mày-mạy,  
Không tiền dại như đồng-đong.

- 450 – Có phúc đẻ con biết lời,  
Có tội đẻ con hay trèo.
- 451 – Có tiền vợ vợ, chồng chồng,  
Hết tiền chồng, đồng vợ doi.
- 452 – Có tiền mua tiên cũng được,  
Không tiền mua lược cũng không.
- 453 – Có cửa thì khôn như mại,  
Không cửa thì dại như lú.
- 454 – Có thóc thì róc ra gạo.  
Có gạo thì nạo ra cơm.
- 455 – Con có cha mẹ đẻ,  
Không ai ở lỗ nè mà lên.
- 456 – Con mắt lá răm, lòng mày lá liễu dâng  
[trăm quan tiền]
- 457 – Con người mặt hoa, da phấn;  
Con mình mặt eú, da lươn.
- 458 – Con dòng thì bỏ xuống đất.  
Con vất thì đem lên sàn.
- 459 – Con gà béo bán bên Ngõ,  
Con gà khô bán láng diêng.
- 460 – Còn nợ, còn đòi,  
Hết nợ vô dêch vô doi mà về.
- 461 – Cố lõi cố lõc,  
Một trăm ghinh ốc đồ vào l... cố.
- 462 – Cố đấm ăn xôi.  
Đấm thì vô hối, xôi chẳng được ăn.

- 463 – Cơm chin túi, cải vòng non, gài một con  
[gà mái ghẹ,
- 464 – Cơm chảng lành, canh chảng ngon, chín  
[dụn mười con cưng lia.
- 465 – Cửa giờ tám vạn nghìn tur, hẽ ai có  
[phúc thì gấp.
- 466 – Cửa giàu tám vạn nghìn tur, chết hai tay  
[cắp lô đít.
- 467 – Cửa rẻ cửa ôi, tôi rẻ tôi trốn, vợ rẻ vợ  
[lộn.
- 468 – Cửa rẻ là cửa ôi,  
Cửa dày nồi là cửa chảng ngon.
- 469 – Cửa giăng, giăng chơi,  
Có phải cửa giờ đâu mà giờ giữ.
- 470 – Cửa mục lành đun, chồng lành dê khiến,  
[chồng khôn khó chiều.
- 13 Chữ
- 471 – Có, không, mùa đông mới biết,  
Giàu, nghèo, ba mươi Tết mới hay.
- 472 – Có tiền khôn như con tép,  
Không tiền dại như con đồng-dong.
- 473 – Công môi hay hót, mỏng môi hay hờn,  
[dày môi hay ăn vụng.
- 474 – Cờ đến tay ai người ấy phát,  
Đèn nhà ai người ấy rạng.
- 475 – Cửa người thì đứng mà trông,  
Cửa chồng thì cất lấy mà ăn.

14 chữ

- 476 – Cà thảm bỏ góc chan,  
Đến khi hoạn nạn, lại hỏi đến cà thảm.
- 477 – Cá tươi, thì xem lấy mang,  
Người khôn xem lấy đói hàng tóc mai.
- 478 – Cá rô róc-rách ruộng cầy,  
Ai ghẹo gì mày hối cá rô gion.
- 479 – Cá chǎng ăn muối cá trơn,  
Con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư.
- 480 – Cá nục nấu với dưa hồng,  
Lờ-lờ có kẻ mắt chồng như chơi.
- 481 – Cả dời khốn khổ chua cay,  
Ước sao chỉ được một ngày làm vua.
- 482 – Cách sông, nên phải lụy đò,  
Bởi chung về tối, lụy cô bán hàng.
- 483 – Cách sông, nên phải lụy đò,  
Tối giờ, nên phải lụy cô bán dần.
- 484 – Cách sông mới phải lụy thuyền,  
Những như đường liền, ai phải lụy ai.
- 485 – Cái ngoảnh đi, thò tay móc lọ,  
Cái ngoảnh lại đà đận chén say.
- 486 – Cách bức chǎng được nói luôn,  
Những người bên ấy có buồn cùng chǎng.
- 487 – Cái cúc lặn lội bờ sông,  
Muốn lấy vợ đẹp, nhưng không có tiền.
- 488 – Cái cúc ăn giàu đỗ môi,  
Có ai làm lẽ chồng tôi thì làm.

- 489 – Cái cúc lặn lội bờ cù,  
Lấy sống lấy chết ta ư lấy mình.
- 490 – Cái cúc lặn lội qua ngòi,  
Ta chưa lấy nó, nó đòi lấy ta.
- 491 – Cam ngon, quit ngọt đã từng,  
Còn quả khế rụng trên rừng chưa ăn.
- 492 – Cạn đầm, thì uống nước khe,  
Hết người lịch sự, thời ve người dân.
- 493 – Càng thảm thi lại càng phai,  
Thoang-thoảng, hoa nhài càng được thơm lâu.
- 494 – Càng già, càng dẻo, càng dai,  
Càng gãy chân chồng, càng sai chân giường.
- 495 – Canh suông khéo nấu thì ngon,  
Mẹ già khéo tán thì con đất chồng.
- 496 – Canh rau cũng thè canh rau,  
Đè ai cậy thế, ý giàu mặc ai.
- 497 – Cảnh đào, lá liêu phất-phơ,  
Lấy ai thì lấy, đợi chờ làm chi.
- 498 – Cào cào giã gạo bà<sup>(1)</sup> xem,  
Bà may áo đỏ, áo đen cho cảo<sup>(2)</sup>.
- 499 – Cau già, dao sắc, lại non,  
Người già trang điểm phấn son vẫn già.
- 500 – Cau già dao sắc lại non,  
Nạ-dòng trang điểm lại giòn hơn xưa.
- 501 – Cây cao thì gió càng lay,  
Càng cao danh vọng, càng dày gian truân.

(1) lao — (2) mày

- 502 – Cây cao chẳng quản gió rung,  
Đê cao chẳng quản nước sông tràn vào.
- 503 – Cây khô chưa dẽ mọc chồi,  
Mẹ già chưa dẽ ở đời với con.
- 504 – Cây cao, bóng mát không ngồi,  
Ra ngồi chỗ nắng trách giờ không râm.
- 505 – Cây cao, quả chin đồi mồi,  
Anh trông mỏi mắt, anh chờ mỏi tay.
- 506 – Cây khô xuống nước cũng khô,  
Phận nghèo di tời chồ mò cũng nghèo.
- 507 – Cây đồng dương buổi ban trưa,  
Mồ hôi thánh-thót như mưa ruộng cầy.
- 508 – Cầm như bác mẹ chẳng sinh,  
Thì em ra ở Vạn-Ninh cho rồi.
- 509 – Cậu chết, mợ ra người đứng,  
Chú tôi có chết, thím đứng lấy ai.
- 510 – Cầm vàng mà lội qua sông,  
Vàng trôi không tiếc, tiếc công cầm vàng.
- 511 – Cầm bắng chẳng ngủ đêm nay,  
Rồi mai ta sẽ lấy ngày làm đêm.
- 512 – Cầm người giả linh giả thi,  
Chẳng ai cầm người mang bị nói khoác.
- 513 – Cậu đi, ba tháng cậu về,  
Rừng thiêng, nước độc chờ hể ở lâu.
- 514 – Có con phải khổ về<sup>(1)</sup> con,  
Có chồng phải gánh giang sơn<sup>(2)</sup> nhà chồng

- 515 – Có con phải khổ vì con.  
Có chồng phải ngâm bồ-bòn đắng cay.
- 516 – Có chồng chẳng được đi đâu,  
Có con chẳng được đứng lâu một giờ.
- 517 – Có cửa thì có mẹ nàng,  
Có bạc, có vàng thì có kẻ ưa.
- 518 – Có vàng, vàng nó hay phô,  
Có con con nói trăm chò mẹ nghe.
- 519 – Có giàu chẳng để môi thảm,  
Có chồng chẳng để óm nhầm<sup>(1)</sup> cối xay.
- 520 – Có tiên thì hậu mới hay,  
Có giống cây đức mới dày nền nhân.
- 521 – Có giàu, mà chẳng có cau  
Làm sao cho đỗ môi nhau thì làm.
- 522 – Có giàu mà chẳng có vôi,  
Có chǎn, có chiếu chẳng ai nằm cùng.
- 523 – Có cây, mới có dây leo,  
Có cột, có kèo mới có đòn tay.
- 524 – Có cha, có mẹ thi hồn,  
Không cha không mẹ như đòn không<sup>(2)</sup> dây,
- 525 – Có khó mới có miếng ăn,  
Không nhưng ai dễ mang phần đến cho.
- 526 – Có khó thi mới có sang,  
Bỗng nhưng ai vỗng Bà Hoàng đến cho.

(1) gày dựng cho — (2) nước non

(1) nằm gầm — (2) đứt

- 527 – Có mới thì nói cũ ra,  
Mới đẽ trong nhà, cũ đẽ ngoài sân.
- 528 – Có ai ta cũng thế này,  
Không ai ta cũng như ngày có ai.
- 529 – Có ai thêm bận về ai,  
Không ai giường rộng chiếu dài đẽ xoay.
- 530 – Có răng thì đẽ răng nhai,  
Không răng, lợi gầm chẳng sai miếng nái.
- 531 – Có ai nước cũng đứng bờ,  
Không ai nước cũng đứng cơ mực này.
- 532 – Có đ... thì có có chồng,  
Có chim sáo sậu, có lồng sơn son.
- 533 – Có ăn thiếp ở cùng chàng,  
Không ăn thiếp tách, cơ hàn thiếp lui.
- 534 – Có vỗng mà chẳng có đòn,  
Có chồng mà chẳng có con mà bồng.
- 535 – Có chồng mà chẳng có con,  
Khác gì hoa nở trên non một mình.
- 536 – Có chồng càng đẽ chơi ngang,  
Đẽ ra con thiếp, con chàng, con ai...
- 537 – Có chồng thì mặc có chồng,  
Còn đi chơi trộm kiêm đồng mua rau.
- 538 – Có đỗ mà chẳng có thơm,  
Như hoa dâm bụt nên com chào gi.
- 539 – Có ăn vặt và đã cam,  
Không ăn ta nghỉ, ta làm làm chi.
- 540 – Có giăng tình phụ lòng đèn,  
Ba muoi mòng một đi tìm lấy giăng.

- 541 – Có tiền chán vạn người hầu,  
Có bắc, có dầu, chán vạn người khêu.
- 542 – Có lòng thì giãn ơn lòng,  
Xa-xôi lắm lắm đèo bòng được sao.
- 543 – Có ông mới gọi là bà,  
Không ông thì gọi là da cái đ...
- 544 – Có phúc thì mới có lòng,  
Người nào vô phúc sạch không lầu-lầu.
- 545 – Cóc kêu dưới rãnh tre ngâm,  
Cóc kêu mặc cóc, tre đầm mặc tre.
- 546 – Cóc chết lại có minh-tinh,  
Thất nghiệp năm định có trống cầm canh.
- 547 – Con cò, con cựu thời xa,  
Con chú, con bác thật là anh em.
- 548 – Con hư bởi tai cha dong,  
Vợ hư bởi tai thẳng chồng cả nghe.
- 549 – Con cựu, cựu nuôi thầy cho,  
Cháu cựu, cựu bắt chăn bò, chăn trâu.
- 550 – Con tài, lo láo, lo kiêu,  
Con ngu, thì lại lo sao kịp người.
- 551 – Con ông mà lấy con bà,  
Giỏi cho thuận hòa, bà lại lấy ông.
- 552 – Con mẹ có thương mẹ đau,  
Đẽ cho chàng rè nàng đau thương cùng.
- 553 – Con mẹ có thương mẹ thay,  
Chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau.
- 554 – Con gái là con người ta,  
Con đau mới thật mẹ cha mua về.

- 555 — Con gái mới về nhà chồng.  
Thồi com nồi đồng nứa sồng, nứa khé.
- 556 — Con mèo săn vồ nồi rang,  
Con chó chạy lại nó mang lầy đòn.
- 557 — Con mèo con mèo con meo,  
Muốn ăn thịt chuột thi leo xà nhà.
- 558 — Con vua thời lại làm vua,  
Con nhà kẻ khó bắt cua tối ngày.
- 559 — Con vua thì lại làm vua,  
Con nhà thầy chùa <sup>(1)</sup> lại quét lá da.
- 560 — Con quan thì lại làm quan,  
Con nhà kẻ khó đốt than tối ngày.
- 561 — Con ai là chẳng con cha,  
Cháu ai là chẳng cháu bà, cháu ông.
- 562 — Con người có cổ, có ông,  
Như cây có cội, như sông có nguồn.
- 563 — Con tòi cùu phảm chẳng màng,  
Bao giờ đi chợ liếc ngang thẳng mù.
- 564 — Con ơi học lấy nghề cha,  
Một đêm ăn trộm bằng ba năm làm.
- 565 — Con ơi! chờ khóc mẹ rầu,  
Búra mai, búra mốt, ghé báu tối noi.
- 566 — Còn gà tốt mã về lóng,  
Răng đèn về thuốc, rượu nồng về men.
- 567 — Con gái có hai bến nước,  
Bến đục thì chịu, bến trong thì nhở.

(1) sài.

- 568 — Con gái chơi với con gai,  
Rồi sau cái vú bằng hai sọ dừa.
- 569 — Con mèo, con chó có lóng,  
Bụi tre có mắt, nồi đồng có quai.
- 570 — Con chim mày ở trên cây,  
Tao đứng dưới gốc mày bay dang nào.
- 571 — Con sóc mày trèo cây nho,  
Anh kia không vợ hay mò đi đêm.
- 572 — Con ai dem bỏ chùa này,  
Nam-vô đức Phật, con thầy thầy nuôi.
- 573 — Con ông Đô-đốc, Quận-công,  
Lấy chồng cũng phải gọi chồng bằng anh.
- 574 — Con sâu bỗ râu nồi canh,  
Một người làm đĩ xấu danh đàn bà.
- 575 — Con cóc nằm nép bờ ao,  
Lặm-le lại muôn đớp sao trên giờ.
- 576 — Còn giờ, còn nước, còn non,  
Còn giăng, còn gió, hãy còn đó đây.
- 577 — Còn giờ, còn nước, còn non,  
Còn cô bán rượu, anh còn say sưa.
- 578 — Còn cha, nhiều kẻ yêu vi,  
Một mai cha thác, ai thì yêu con.
- 579 — Còn duyên như tượng tó vàng,  
Hết duyên như tó ong tàn ngày mưa.
- 580 — Còn duyên buôn cậy, bán hồng,  
Hết duyên buôn mít cho chồng nhất sơ.
- 581 — Còn duyên kẻ dồn, người đưa,  
Hết duyên di sớm, về trưa mặc lòng.

- 582 – Còn duyên kẻ đón người dura,  
Hết duyên vắng ngắt như chùa bà Đanh.
- 583 – Còn duyên đóng cửa kén chồng, (1)  
Hết duyên ngồi gốc cây hồng nhặt hoa.
- 584 – Còn duyên kén cá, chọn canh,  
Hết duyên củ ráy, rưa hành cũng trôi.
- 585 – Còn duyên kén cá, chọn canh,  
Hết duyên rốc đực, cua kền kền cũng vỡ.
- 586 – Còn duyên kén cá, chọn canh,  
Hết duyên dẫu nắm chày hành cũng xoay.
- 587 – Còn duyên kén những giai tor,  
Hết duyên ông lão cũng vỡ làm chồng.
- 588 – Còn duyên anh cưới ba heo,  
Hết duyên anh đánh ba hèo đuổi đi.
- 589 – Còn giờ, còn nước, còn mây,  
Còn ao rau muống, còn đầy chum tương.
- 590 – Còn đời người đầy người ơi,  
Nào người đã bảy tám mươi người già.
- 591 – Còn tiền chè chén cũng hay,  
Hết tiền đi ngủ lại hay giật mình.
- 592 – Công-công đại lầm ai ôi,  
Uồng công xe cát, sóng rời lại tan.
- 593 – Cô kia đèn thui đèn thuui,  
Phấn dánh vô hồi đèn vẫn hoàn đèn.
- 594 – Cô kia mà tựa hòn than,  
Nằm đâu ngủ đầy lại toan chè chồng.

(1) đồng đánh chè chồng.

- 595 – Cố công sống mấy nghìn năm,  
Thứ xem thửa ruộng mấy trăm người cày.
- 596 – Công trình ân ái biết bao,  
Gặp nhau lại hẹn, toan chào lại thôi.
- 597 – Công cha như núi Thái-sơn,  
Công (1) mẹ như nước trong (1) nguồn chảy ra.
- 598 – Công dầu, công uồng, công thừa,  
Công dầu mực nước tưới dừa tàn quan.
- 599 – Cờ đến tay ai người ấy phất,  
Đất đến tay ai người ấy nêu.
- 600 – Cờ bạc canh đỗ, canh đen,  
Nào ai có dại đem tiền vứt đi.
- 601 – Cờ bạc anh đánh có chừng,  
Hết khăn, đến áo, dây lưng cùng quần.
- 602 – Cờ bạc là bác thằng bần,  
Raóng nương bán hết, chôn chân vào cùm.
- 603 – Cờ bạc là bác thằng bần,  
Áo quần bán hết, ngồi trần tờ-hò.
- 604 – Cơm ăn mỗi bữa một lung,  
Hơi dầu mà giận người dung thêm phiền.
- 605 – Cơm ăn mỗi bữa một niêu,  
Tôi gì bắt ốc cho rêu bám 10..
- 606 – Cơm ăn chẳng sớm thì trưa,  
Nón đội trên đầu chẳng mưa thì nắng.
- 607 – Cơm sỏi cả lửa thi khê,  
Việc làm hay hỏng là lề thế gian.

(1) sửa hay nghĩa. — (2) suối

- 608 — Cơm ăn một bát sao no,  
Kẻ về người ở sao cho đành lòng.
- 609 — Cơm ăn chẳng hết thì treo <sup>(1)</sup>,  
Việc làm chẳng hết thì kêu <sup>(2)</sup> làng điềng.
- 610 — Cơm ăn chẳng hết thì treo,  
Việc làm chẳng hết thì meo mặt vào.
- 611 — Cơm ăn còn có từng lurg,  
Cháy ăn vô chừng chẳng biết đòi no.
- 612 — Cơm cha, áo mẹ ai ơi,  
Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng hoai.
- 613 — Cơm cha, áo mẹ ăn chơi,  
Cắt lấy cơm người đồ bát mồ-hôi.
- 614 — Cơn đắng dòng vừa trông vừa chạy,  
Cơn đắng nam vừa làm vừa chơi.
- 615 — Cơn bên Vang tim đàng mà chạy,  
Cơn bên Gộc đồ thóc ra phơi.
- 616 — Cú lại chè vẹo răng hói,  
Giẻ cùi chè khách dài đuôi vật-vò.
- 617 — Cửa giờ giờ lại lấy đi,  
Giuong hai mắt ếch làm chi được giờ.
- 618 — Cửa Bụt mất một đèn mươi,  
*Bụt hẵg còn cười Bụt chưa lấy cho* <sup>(3)</sup>.
- 619 — Cửa mình thì giữ bo-bo,  
Cửa người thi thả cho bò nó ăn.
- 620 — Cửa đời muôn sự của chung,  
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

(1) đồ vào công — (2) mong.

(3) cửa đức Chúa lời mất một đèn muôn.

- 621 — Cửa đời ông mệ đẽ cho,  
Mặc không, ăn có cửa kho cũng rồi.
- 622 — Cửa rẽ thật là cửa ôi,  
Lấy phải dầu dại khốn tôi trăm đường.
- 623 — Củi mục bà đẽ trong rương,  
Hè ai hỏi đến trăm hương của bà.
- 624 — Cùng giọt máu bác sinh ra,  
Khác giọt máu mẹ ai hòa thương ai.
- 625 — Cùng vì một chút con thơ,  
Cho nên giải chiếu dập dờ trăm đường.
- 626 — Cùng thì con mẹ con cha,  
Cành cao vun xới, cành la bỗ liều.
- 627 — Cùng là con mẹ con cha,  
Con thì chín ruồi, con ba mươi đồng.
- 628 — Cùng đời ăn đech với gừng,  
Vừa cay vừa đắng, vừa sưng cả mồm.
- 629 — Cùng đời ăn đech với chanh,  
Vừa chua vừa chát, vừa tanh cả mồm.
- 630 — Cuộc đời đẽ mặc đời lo,  
Vinh hoa thế sự phô cho mặc đời.
- 631 — Cực lòng nên phải biến đời,  
Biến đời lại gấp phải noi cực lòng.
- 15 Chữ
- 632 — Cố bát sứ, tinh phụ bát đản,  
Nưng niu bát sứ vỡ tan có ngày.
- 633 — Con có cha như nhà có nóc,  
Con không cha như nòng-nọc đứt đuôi.

634 — Con dao vàng dọc lá giàu vàng,  
Mắt anh anh liếc, mắt nàng nàng đưa.

*16 Chữ*

635 — Cá rô tháng tam, chẳng đâm bảo ai,  
Cá rô tháng hai, bảo ai thì bảo.

636 — Cái lá sen rủ, cái củ sen chìm,  
Bao nhiêu quý vật lại tìm quý nhân.

637 — Cái trống sơn đỏ, cái mõ sơn son,  
Ông sur, bà vãi<sup>(1)</sup> có con rõ ràng.

638 — Cao thành nở ngọn thì phường nhở lâu,  
Chót-vót cành câu thì lâu thấy phường.

639 — Có vả mà phụ lòng sung,  
Có chùa bên Bắc, bỏ miếu bên Đông rồi tan.

640 — Con gái mười bảy chớ ngủ với cha,  
Con giai mười ba dừng nằm với mẹ.

641 — Con gái giống cha giàu ba mươi dùn,  
Con giai giống mẹ khó lụn tận xương.

642 — Còn cha, gót<sup>(2)</sup> đỏ như son,  
Đến khi cha chết gót<sup>(2)</sup> mẹ, gót<sup>(2)</sup> con đen sì.

*18 chữ*

643 — Cửa làm ra dề trên gác,  
Cửa cờ bạc dề ngoài sân,  
Cửa phù vân dề ngoài ngõ.

(1) chùa Quốc (2) đách

*19 chữ*

644 — Cũng thi làm lẽ,  
Người ăn bát mě, nắm chiếu manh,  
Người ăn bát Đại-Thanh, nắm chiếu miến.

**CH**

*3 chữ*

1 — Chó cắn quanh.

*4 chữ*

2 — Cha già, mẹ héo.

3 — Cha sinh, mẹ dưỡng.

4 — Cha hươu, mẹ vượn.

5 — Cha lừa, mẹ ngựa.

6 — Cha già, nhà giột.

7 — Cha dưa, mẹ đón.

8 — Cha chài, chú chóp.

9 — Cha truyền, con nối.

10 — Cha già, con mọn<sup>(1)</sup>.

11 — Cha nào, con ấy.

12 — Chạch bỗ giỏ cua.

13 — Chải gió, gội mưa.

(1) mọn

- 14 – Cháy thành vạ lây.
- 15 – Cháy nhà cùng sưởi.
- 16 – Chạy buồm xem gió.
- 17 – Chàng-màng thịt mỡ.
- 18 – Chào mào đỏ đít.
- 19 – Cháo đồ mặt mâm.
- 20 – Chắc như cua gạch.
- 21 – Chắc quá hóa lép.
- 22 – Chẳng mạnh thì bạo.
- 23 – Chẳng rượu, chẳng say.
- 24 – Chặt to bung rứt.
- 25 – Chấy rụng chùm sung.
- 26 – Chân bần, tay lấm.
- 27 – Chân cứng đá mềm.
- 28 – Chân giày, chân giép.
- 29 – Chân le, chân vịt.
- 30 – Chân đi chữ bát.
- 31 – Chân đi vòng kiềng.
- 32 – Chân như ống đồng.
- 33 – Chân lấm vầy càn.
- 34 – Chân giờ, góc bè.
- 35 – Chân răng, kẽ tóc.
- 36 – Chân tâm túc Phật.
- 37 – Chặt thảy ra ngoài.
- 38 – Chặt chiếu siêu bóng.
- 39 – Châu-chấu đá voi.
- 40 – Che mặt thế gian.
- 41 – Chẻ tre, nghe đóng.

- 42 – Chén chú, chén anh.
- 43 – Chèo suối mát mái.
- 44 – Chèo bèo đánh quá.
- 45 – Chê ý chê ôi.
- 46 – Chê lê chảng được.
- 47 – Chê tôm ăn cá.
- 48 – Chết đuối đội đèn.
- 49 – Chết ngài hại của.
- 50 – Chết cha thằng khoắng.
- 51 – Chỉ tay năm ngón.
- 52 – Chỉ néo dưa đường.
- 53 – Chị bị lộc vừng.
- 54 – Chị bị cứt trâu.
- 55 – Chị ngã em nâng.
- 56 – Chiêng làng, rùi rợ.
- 57 – Chiều người lấy của.
- 58 – Chiều người lấy việc.
- 59 – Chiều miễn chăn đảo.
- 60 – Chim khô mùa héo.
- 61 – Chim giờ cá nuroc.
- 62 – Chim mắc lưới hồng.
- 63 – Chim chich vào rừng.
- 64 – Chim sa, cá nhảy.
- 65 – Chín người mười làng.
- 66 – Chín dùn mười trâu.
- 67 – Chín non dù ép.
- 68 – Chín nhịn mười ăn,
- 69 – Chịu chày chịu cối.

- 70 — Chó già giữ xương.  
71 — Chó đen giữ mực.  
72 — Chó ngáp phải ruồi.  
73 — Chó có vảy lịnh.  
74 — Chó ngồi bàn đóc.  
75 — Chó chui gầm chặn.  
76 — Chó chết hết cắn.  
77 — Chó chết hết truyện.  
78 — Chó cùng rút giậu.  
79 — Chó khờ mèo lạc.  
80 — Chó chạy đường quai.  
81 — Chó chạy chuồng chó.  
82 — Chó cắn áo rách.  
83 — Chó cày gần nhà.  
84 — Chó đá vẩy đuôi.  
85 — Chó cái cắn con.  
86 — Chó treo, mèo đây.  
87 — Chó hươu chó vượn.  
88 — Chợc gậy xuống nước.  
89 — Chọn người gửi cửa.  
90 — Chồi cùn, rẽ rách.  
91 — Chôn rau cắt rốn.  
92 — Chôn sấp liệm ngửa.  
93 — Chồng loan, vợ phượng.  
94 — Chồng ma, vợ qui.  
95 — Chồng chung, vợ cha.  
96 — Chồng hòa, vợ thuận.  
97 — Chồng khôn, vợ ngoan.

- 98 — Chồng đường, vợ xá.  
99 — Chồng đồng, vợ doài.  
100 — Chồng đòi vợ ba.  
101 — Chống gối quá tai.  
102 — Chở củi về rừng.  
103 — Choi giảng, quên đèn.  
104 — Chúa rách, Phật vàng.  
105 — Chúa Tầu nghe kèn.  
106 — Chuối sau, cau trước.  
107 — Chuông đeo cổ chó.  
108 — Chuột chù đeo đạc.  
109 — Chuột chù ném (1) giấm.  
110 — Chuột sa chĩnh gạo.  
111 — Chuột đội vỏ trứng.  
112 — Chuột chạy cùng sào  
113 — Chử như gà bới.  
114 — Chử như trấu chát.  
115 — Chura nói dã cười.  
116 — Chura ráo máu đầu.  
117 — Chuba rép ruộng dưa.  
118 — Chửi mèo mắng (2) chó.

5 chữ

- 119 — Cha chung không ai khóc.  
120 — Cháy nhà ra mặt chuột.  
121 — Chạy giờ không khỏi nắng.  
122 — Chán như cơm nếp nát.

(1) nhảm — (2) quèo.

- 123 — Chảng-ràng hoa viên gỗ.
- 124 — Chát như đắm vào cồ.
- 125 — Chân nam đá chân chiêu.
- 126 — Chết tay mới há miệng.
- 127 — Chết trẻ càng khỏe ma.
- 128 — Chết hai tay cắp dít.
- 129 — Chết người không chết tận.
- 130 — Chết đuối vớ phải bọt.
- 131 — Chết trong hòn sống đục.
- 132 — Chết no hơn sống thèm.
- 133 — Chỉ đường cho hươu chạy.
- 134 — Chị sách bị đầu hè.
- 135 — Chiêm khôn hơn mùa dài.
- 136 — Cho thầy bói ăn rươi.
- 137 — Cho voi uống thuốc gió.
- 138 — Chó dữ mắt láng diềng.
- 139 — Chó chè mèo lăm lồng.
- 140 — Chọc cứt ra mà ngửi.
- 141 — Chỗ cao cao chỗ thấp.
- 142 — Chồng tới vợ phải lui.
- 143 — Choi chó, chó liếm mặt.
- 144 — Choi cò, cò mồ mắt.
- 145 — Chuột cắn dây buộc mèo.
- 146 — Chữ như cua bò sàng.
- 147 — Chưa vặt lông đã thuỷ.
- 148 — Chùa, mùa mưa lại chầy.
- 149 — Chùa ăn đã lo đói.

- 6 chữ
- 150 — Cha cầm khoán, con bẻ măng.
  - 151 — Cha làm thầy, con bán sách.
  - 152 — Cha sinh chẳng tày mẹ dưỡng.
  - 153 — Chạy ông phù, phải ông mã.
  - 154 — Cháu bà nội, tội bà ngoại.
  - 155 — Cháu ngoại không đoái đến mồ.
  - 156 — Chắc như tên bắn đụn rạ.
  - 157 — Chẳng chê, mắt lè con gái.
  - 158 — Chẳng thiêng, ai gọi là Thần.
  - 159 — Chẳng thơm cũng thè ngâu Tàu.
  - 160 — Chẳng xanh cũng tựa màu chàm.
  - 161 — Chẳng ra thì rưa hóa rời.
  - 162 — Chẳng ai nhận chỉnh mắm thối.
  - 163 — Chẳng lo trước, ăn lụy sau,
  - 164 — Chè Yên-Thái, gái Tiên-lữ.
  - 165 — Chè Quán-Tiên, tiền Thanh, Nghệ.
  - 166 — Chè vỏ vẫn thua vận đỏ.
  - 167 — Chém tre, chẳng đẽ đầu mặt.
  - 168 — Chém cây sống, giồng cây chết.
  - 169 — Chè chồng chẳng bõ chòng chè.
  - 170 — Chêm-chê như rẽ bà hóa.
  - 171 — Chết chẳng muốn, muốn ăn xôi.
  - 172 — Chết kèn trống, sống dầu đèn.
  - 173 — Chết trẻ, còn hơn lấy lẽ.
  - 174 — Chiêm hơn được, mùa hơn đêm

- 175 – Chiêm róc vỏ, mùa xổ tay.  
176 – Chim có cánh, cá có vây.  
177 – Chim có tồ, người có tông.  
178 – Chim nhớ cây, tờ quên thầy.  
179 – Chín người cũng như một chục.  
180 – Cho trẻ mà nọ cho ăn.  
181 – Cho xôi không tầy đòi dĩa.  
182 – Cho không lấy, tìm không thấy.  
183 – Chó ghẻ có mõ dăng đuôi.  
184 – Chó cắn thì chia con ra.  
185 – Chó gầy hồ mặt người nuôi.  
186 – Chó tha đi, mèo tha lại.  
187 – Chó liền da, gà liền xương.  
188 – Chợ bát cơm, đòn bát cháo.  
189 – Chồng sang vì bởi vợ ngoan.  
190 – Chồng như dó, vợ như hom.  
191 – Chồng học trò, vợ con hát.  
192 – Chồng yêu xỏ chân lỗ mũi.  
193 – Chò được vụ, má đã sưng.  
194 – Chợ có hàng rau, hàng vàng.  
195 – Chợ có lề, quê có thói.  
196 – Choi dao có ngày đứt tay.  
197 – Choi no bỏ gio vào đ...  
198 – Chủ khi ni, mi khi khác.  
199 – Chum chân nhảy qua hàng đói.  
200 – Chuột chủ lại có xạ hương.  
201 – Chưa giả cơm đã giả áo.  
202 – Chưa nặn Bụt, đã nặn bệ.  
203 – Chưa nóng nước, đã đổ gọng.

- 204 – Chưa đánh đã són nước dài.  
205 – Chưa qua cầu đã cắt nhịp.  
206 – Chưa mua mã đã già đâm.  
207 – Chưa đặt trôn, đã đặt miệng.  
208 – Chưa giàu đã lo ăn trộm.  
209 – Chửi cha không bằng pha tiếng.

### 7 chữ

- 210 – Cha hồ mang đẻ con thiu (1) điu.  
211 – Cha thiu (1) điu đẻ con hồ mang.  
212 – Cha vàng, mẹ bạc, bác đồng đen.  
213 – Cha mẹ sinh con, giời sinh tinh.  
214 – Cha bỏ con, đầy tớ bỏ thầy.  
215 – Chẳng được ăn, cũng lăn lẩy vốn.  
216 – Chẳng cơm, chẳng cháo, mạnh gì thầy.  
217 – Chậm chèo tới trước, bước bơi sau.  
218 – Chấp-chối như thầy bói cúng Thánh.  
219 – Châu chấu thấy đồ lừa thì vào.  
220 – Chê rau muống sống, lại ôm dưa già.  
221 – Chê của nào, giời trao của ấy.  
222 – Chê của dì lấy gi làm bữa.  
223 – Chết một đống hon sống một người.  
224 – Chị em dâu như bầu nước lá.

(1) điu

- 225 – Chim đậu chảng bắt, bắt chim bay.  
 226 – Chim phượng-hoàng không màng tới muỗi.  
 227 – Chó giữ nhà, gà gáy trống canh.  
 228 – Chó nhà nào thì sủa nhà ấy.  
 229 – Chó nhà quê đòi ăn mắm mực.  
 230 – Chói-chói như mặt giờ mới mọc.  
 231 – Chợ chua họp, kẻ cắp đã đến.  
 232 – Chợ trần gian sớm họp, chiều tan.  
 233 – Chúa vắng nhà, gà mọc đuôi lóm.  
 234 – Chuông Trà, trống Trụ, mõ Phù-Lưu.  
 235 – Chưa học bò, đã lo học chạy.  
 236 – Chưa làm yòng, đã mong ăn thịt.  
 237 – Chưa có vàng, đã lo túi đựng.  
 238 – Chưa làm xã, đã học ăn bớt.  
 239 – Chưa đi chợ, đã lo ăn quà.

8 chữ

- 240 – Cha hát, con khen, ai chen vô lợt.  
 241 – Cháy nhà hàng phố, bằng chân như vại.  
 242 – Chảy máu sáu quan, chảy mủ đủ chục.  
 243 – Cháo tắm cũng hỏng, cháo lỏng cũng tro.  
 244 – Cháu bà, cháu dì tú-tì lấy nhau.  
 245 – Chẳng cái dại nào giống cái dại nào.  
 246 – Chẳng ốm chẳng đau, làm giàu mấy chốc.  
 247 – Chẳng ai nắm tay thâu ngày đến tối.  
 248 – Chẳng được no lòng, cũng được mồi ruột.  
 249 – Chầy là một tháng, kịp đói mươi ngày.

- 250 – Chân không có rẽ, đất không nề ai.  
 251 – Chân tốt về hài, tai tốt về hoãn.  
 252 – Chè ngọt giọng, thuốc ngọt quyến đờm.  
 253 – Chè thẳng một chai, lấy thẳng hai nậm.  
 254 – Chết đi, sống lại, chặng dài thi ngây.  
 255 – Chết trẻ khỏe ma, chết già ma mệt.  
 256 – Chiêm thừa cấy nỏ, gié thừa bỏ đi.  
 257 – Chiều người lấy của<sup>(1)</sup> chiều chồng lấy con.  
 258 – Chim khôn tiếc lồng, người khôn tiếc nhời.  
 259 – Chim giờ, cá nước ai được thi ăn.  
 260 – Chim ra khỏi lồng khôn trống giờ-lại.  
 261 – Chín tháng ăn ruồi, mười tháng ăn ruốc<sup>(2)</sup>.  
 262 – Chín dùn chẳng coi, một loi ăn dè.  
 263 – Chín dùn, còn muốn dùn nữa là mười.  
 264 – Chó cày gần<sup>(3)</sup> nhà, gà cày gần chuồng<sup>(4)</sup>.  
 265 – Chó dại có mùa, người dại quanh năm.  
 266 – Chó trót mẹ nắm, ráo sè con lại.  
 267 – Chồng khôn, vợ ngoan; chồng quan, vợ bợm.  
 268 – Chồng lời vợ lui, chồng hòa vợ thuận.  
 269 – Chó thấy sóng cả, mà ngã tay chèo.  
 270 – Chớp đồng nhay-nhay gà gáy thì mưa.  
 271 – Chủ đánh cha tôi, tôi tha gì chủ.  
 272 – Chung nhau thì giàu, chia nhau thì khó.  
 273 – Chung khầu đồng từ ông sư cũng chết.  
 274 – Chữ tốt xem tay, ngựa hay xem xoáy.

<sup>(1)</sup> viết – <sup>(2)</sup> động – <sup>(3)</sup> ý thế – <sup>(4)</sup> ý thế vườn

- 275 – Chưa tập bắt chuột, đã tập ịa bếp.  
 276 – Chưa vỗ bụng cút, đã đòi bay bồng<sup>(1)</sup>.  
 277 – Chưa dỗ ông Nghè, đã đe hàng tòng.  
 278 – Chưa ráo máu đầu, đã miệng nói láo.  
 279 – Chưa dui, chưa què, đã khoe răng tốt.  
 280 – Chưa được ăn bánh, bóc lá đã từng.  
 281 – Chưa được bệnh, không ai chưa được mèo.  
 282 – Chưởng qua đắc qua, chưởng đâu đắc đâu.

9 chữ

- 283 – Chẳng làm thời đòi, làm thời chơi xiếc [hòm].  
 284 – Chẳng ăn chẳng chơi, nửa đòi cũng n [ma].  
 285 – Chẳng ai giàu ba họ, ai khó ba đời.  
 286 – Chấp-cha chấp-chối, như qua vào chuồng [lợn].  
 287 – Chồng ghét thi ra, mụ già ghét thi vào.  
 288 – Chớp mắt bắt qua, giả thong manh [đi].  
 289 – Chưa chọc được đui, đã đòi bói ra sứt.

(1) tập bay truyền.

- 10 chữ**
- 290 – Cha muốn cho con hay,  
 Thầy muốn cho trò khá.  
 291 – Chẳng có cửa thêm vào, lại có cửa [hở] ra.  
 292 – Chẳng ngon cũng thê sốt,  
 Chẳng tốt cũng thê mới.  
 293 – Chết sông, chết suối, không ai chết [đuối] đợi đèn.  
 294 – Chó ghét đứa gặm xương,  
 Mèo thương người hay nhử.  
 295 – Chó ba quanh mới nắm,  
 Người ba lăm mới nói.  
 296 – Chuông có<sup>(1)</sup> gỗ mới<sup>(1)</sup> kêu,  
 Đèn có<sup>(1)</sup> khêu mới<sup>(1)</sup> rạng.  
 297 – Chúng chết không chừa, vẫn giữ cùi [dứa] bánh đa.

11 chữ

- 298 – Chè lè chẳng được, rồi ngui-ngủi như [lợn] ăn khoai.  
 299 – Chim khôn ai nỡ bắn,  
 Người khôn ai nỡ nói nặng.  
 300 – Chồng chết chưa hổ cái cỏ, đã bỏ [đi] lấy chồng.

(1) không.

- 301 – Chồng đánh, chồng dây, không bỏ hai mươi  
[bầy chợ Nông]
- 302 – Chẳng dẻ, chẳng thương, chẳng mất tiền  
[cười, chẳng thương cái đ.
- 303 – Chẳng đủ cho dì, cho o,  
Lấy đâu mà cho người ngoài.
- 304 – Chè mẹ chồng trước đánh đau,  
Gặp mẹ chồng sau mau đánh.
- 305 – Chết trước được mồ, được mả,  
Chết sau nằm ngả, nằm nghiêng.
- 306 – Chiêm gon, tim đòn mà gánh,  
Mùa gon công con lên rừng.
- 307 – Chiah chuyên lấy chồng thợ giác,  
Đĩ rạc lấy chồng quận công.
- 308 – Chồng chung chồng chạ, ai khéo hầu ba  
[thì được chồng riêng]
- 309 – Chồng thấp vợ cao, như dôi đưa lệch biệt  
[hao giờ bằng]
- 310 – Chủ bạo chủ khốn, tội rát, tội trốn, tội  
[hai còn đây]
- 311 – Chúa thắn lắn, cái cắn cặt, bà La-sát, con  
[sư tử]
- 312 – Chuồn-chuồn được mấy hột thịt,  
Chiim chích được mấy hột lòng.
- 313 – Chữ thầy giả thầy, bút giả hàng sén, giấy  
[nay phết điếu.]

- 314 – Chứa được, thì hứng bằng rá;  
Đã được, thi dâ bẳng chân.

*14 chữ*

- 315 – Cha đời cái áo rách này,  
Mất chúng, mất bạn vì mày áo oil
- 316 – Chàng về Vạn-Hoạch chàng ơi,  
Con thơ bỏ dỗi ai nuôi cho chàng.
- 317 – Chàng về, thiếp một trông mây,  
Con thơ bỏ dỗi chốn này ai nuôi.
- 318 – Chàng ơi! phải linh thi di,  
Cửa nhà đơn chich đã thị có tôi.
- 319 – Chàng ơi! phụ thiếp làm chi!  
Thiếp như cơm nguội dỗ khi đòi lòng.
- 320 – Chàng đứng chê thiếp vụng về,  
Có tiền, thiếp cũng biết thuê mượn người.
- 321 – Chàng về, thiếp cũng xin đưa.  
Xin giờ đừng nắng, chờ mưa trơn đường.
- 322 – Chanh chua, thi khế cũng chua,  
Chanh bán có mùa, khế bán quanh năm.
- 323 – Cháu cậu mà lấy cháu cô,  
Thóc lúa dày bò giống má nhà ta.
- 324 – Chẳng làm, người bảo rắng ươn,  
Làm, thi sương sống, sương sườn phơi ra.
- 325 – Chẳng tư túi, chẳng giăng hoa,  
Có sao lại thiết việc nhà người dung.
- 326 – Chẳng đi thi dạ chẳng dành,  
Đi ra mang tiếng dỗ dành nhau đi.

- 327 — Chẳng đi, thì nhớ, thi thương,  
Đi ra dãi nắng, dầu sương khó lòng.
- 328 — Chẳng nên tinh trước, nghĩa sau,  
Có con, ta gả cho nhau thiệt gi.
- 329 — Chẳng thiêng, ai gọi là Thần,  
Lối ngang, đường tắt chẳng gần ai đi.
- 330 — Chẳng tra dưa khú, bầu già,  
Trước còn đầm thắm, sau ra nhạt-nhung.
- 331 — Chẳng xinh cũng thè dõi ta,  
Chẳng thơm, cũng thè là hoa ngår Tàu.
- 332 — Chẳng thơm cũng thè hoa nhài,  
Chẳng lịch cũng thè là người Trường An.<sup>(1)</sup>
- 333 — Chẳng được miếng thịt, miếng xôi,  
Cũng được nhời nói, cho người tắm lòng.
- 334 — Chẳng chua cũng thè là chanh,  
Chẳng ngọt cũng thè cam sành chín cây.
- 335 — Chẳng tham nhà ngói ba tòa,  
Tham vì một nỗi mệ cha hiền lành.
- 336 — Chẳng tham nhà ngói rung-rinh,  
Tham về một nỗi anh xinh miệng cười.
- 337 — Chẳng tham vựa lúa anh đầy,  
Tham năm ba chữ cho tay thế gian.
- 338 — Chẳng tham ruộng cỏ, ao liền,  
Tham vì cái bút, cái nghiên anh đồ.
- 339 — Chẳng tham ruộng cỏ, ao sâu<sup>(2)</sup>,  
Tham vì anh tú rậm râu mà hiền.

- 340 — Chẳng qua cái số muộn màng,  
Buôn giàu gặp nắng, buôn đàng gặp mưa.
- 341 — Chán mình những lấm<sup>(1)</sup> mê mê,  
Lại cầm bó đuốc mà dê chân người.
- 342 — Chém cha cái nước sông Bờ,  
Nghĩ rằng báng nước, ai ngờ báng con.
- 343 — Chè tôm lại phải ăn tôm,  
Chè rau muống héo lại ôm dưa (2) già.
- 344 — Chè tôm ăn cá lù dù,  
Chè thẳng ỏng bụng, lấy thẳng gù lưng.
- 345 — Chè chòng chẳng bõ chòng chè,  
Chè chòng thi ít, chòng chè thi nhiều.
- 346 — Chè chòng, rồi lại chòng chè,  
Tôi ăn cho béo, tôi về nhà tôi.
- 347 — Chi bằng cần trúc, áo tơi,  
Danh cương, lợi tỏa, mặc đời đua tranh.
- 348 — Chi khoe chi nặng hơn đồng,  
Sao chi chẳng đúc nên cồng, nên chuông.
- 349 — Chỉ đâu mà buộc ngang giờ,  
Thuốc đâu mà chữa con người lảng-lo.
- 350 — Chỉ đâu mà buộc ngang giờ,  
Tay đâu mà dây miệng người thế gian.
- 351 — Chị thời quần lĩnh hoa tranh,  
Chúng em tôi khó quần quanh lụa diều.
- 352 — Chị giàu, chị đánh cá mè,  
Chúng em tôi khó buôn bè gỗ lim.

(1) thượng kinh. — (2) lấm ruộng nhiều trâu.

(1) cát. — (2) rên già.

- 353 – Chị giàu chị lấy ông Nghè,  
Chúng em tôi khó, giờ về lấy vua.
- 354 – Chị gi, chị bị cứt trâu,  
Chị ra đầu cầu, chị ỉa chị ăn.
- 355 – Chị em nắm nem ba đồng,  
Muốn ăn, thì giả sáu đồng mà ăn.
- 356 – Chị kia có quan tiền dài,  
Có bị gạo nặng coi ai ra gi.
- 357 – Chiều chiều ra đứng bờ sông,  
Kẻ kéo cho chết, người không động mình.
- 358 – Chim khôn đậu nóc nhà quan,  
Giai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng.
- 359 – Chim khôn tránh lưới, tránh dò,  
Người khôn tránh chốn xô-dò mới khôn.
- 360 – Chim khôn, tiếng kêu rảnh-rang,  
Người khôn tiếng nói dịu dàng dễ nghe.
- 361 – Chim khôn khôn cả từ lồng,  
Khôn cả tận lồng, người gánh cũng khôn.
- 362 – Chim khôn chưa bắt đã bay.  
Người khôn chưa nói dang tay đỡ nhau.
- 363 – Chim chích mà ghẹo bồ nông,  
Đến khi nó mồ, lạy ông tôi chừa.
- 364 – Chim sa, cá nhảy, chó chơi,  
Những người lồng bụng chó chơi bạn cùng.
- 365 – Chim, gà, cá, lợn, cành cau,  
Mùa nào thức ấy, giữ mầu nhà quê,

- 366 – Chinh chuyên chết cũng ra ma,  
Lắng-lơ chết cũng đem<sup>(1)</sup> ra ngoài đồng.
- 367 – Chinh chuyên<sup>(2)</sup> xuống đất ăn giun,  
Anh-hùng nhổ vận lên nguồn đốt than.
- 368 – Chó dâu có sữa<sup>(3)</sup> chồ khồng,  
Chẳng thẳng kẻ trộm,<sup>(4)</sup> thời ông ăn mày.
- 369 – Chồi cùn cắp nách khăng-khăng,  
Hè ai hỏi đến thời vãng nghìn vàng.
- 370 – Chồn ước mơ lắt lơ mà hỏng,  
Nơi tình cờ mà đóng nhân duyên.
- 371 – Chồng thấp mà lấy vợ cao,  
Nội tròn, vung méo úp sao cho vừa.
- 372 – Chồng hen lại lấy vợ hen,  
Đêm nằm cò-cử như kèn thổi dài.
- 373 – Chồng còng lấy vợ cũng còng,  
Nằm phản thi chật, nằm nong thi vừa.
- 374 – Chồng què lấy vợ khiêng chân,  
Nuôi được đứa ở dứt chân cũng què.
- 375 – Chồng khôn thi nỗi cơ đồ,  
Chồng dại, luống tồn công phu nhọc mình.
- 376 – Chồng khôn vợ được đi hải,  
Vợ khôn, chồng được nhiều bài cậy trông.
- 377 – Chồng sang, vợ được di giày,  
Vợ sang, chồng được ghé ngày cây trông.
- 378 – Chồng chài, vợ lưới, con câu,  
Sông Ngô, hễ Sở biết đâu là nhà.

(1) đứa hoặc chồn (2) chim quyền  
(3) chó sữa (4) ăn cắp

- 379 – Chồng ăn chǎ, vợ ăn nem,  
Đứa ở có thèm, mua thịt mà ăn.
- 380 – Chồng đánh bạc, vợ đánh bài,  
Chồng hai ba vợ, vợ hai ba chồng.
- 381 – Chồng giận, thi vợ làm lành,  
Miệng cười hớn hở răng: Anh giận gi?
- 382 – Chồng giận, thi vợ bớt nhời,  
Cơm sỏi, nhỏ lửa một đời không khé.
- 383 – Chồng giận, thi vợ bớt nhời,  
Chồng giận, vợ giận, thi giùi nó quăng.
- 384 – Chồng dữ, thi em mới sầu,  
Mẹ chồng mà dữ, giết trâu ăn mừng.
- 385 – Chồng dữ, thi em mới lo,  
• Mẹ chồng mà dữ mỗ bò ăn khao (!)
- 386 – Chồng già, vợ trẻ là tiên,  
Vợ già, chồng trẻ là duyên nợ nần.
- 387 – Chồng nhơn, vợ bé thì xinh,  
Chồng bé, vợ nhơn ra tình chị em.
- 388 – Chồng chèo thi vợ cũng chèo,  
Hai dảng đã nghèo lại đụng lấy nhau.
- 389 – Chồng người chẳng mượn được lâu,  
Mượn được hôm trước, hôm sau người đòi.
- 390 – Chồng người đi ngược, về xuôi,  
Chồng tôi nằm bếp thò đuôi ra ngoài.
- 391 – Chồng con là cái nợ nần,  
Thà răng ở vây nuôi thân béo mầm.

(1) giết bò khao quẩn.

- 392 – Chồng chết còn chưa hết tang,  
L... dà ngốm-ngáp như mang cá mè.
- 393 – Chồng yêu cái tóc nén dài,  
Cái duyên nén đẹp, cái tài nén khôn.
- 394 – Chồng ta áo rách, ta thương,  
Chồng người áo gấm xông hương, mặc người.
- 395 – Chồng cô, vợ cậu, chồng dì,  
Trong ba người ấy chết thì không tang.
- 396 – Chồng cô với lại chồng dì,  
Tiếng kêu bằng dương, tình thì lăng-lênh.
- 397 – Chợ thấy sóng cả mà lo,  
Sóng cả mặc sóng, chèo cho có chừng.
- 398 – Chợ chè chùa Tich răng xa,  
Mà đem xôi oán cúng nhờ gốc cây.
- 399 – Chợ lo chó lảng mà gầy,  
Bao nhiêu lo lắng đề thầy nó lo.
- 400 – Chợ nghe quán tử nói ồn,  
Mà rồi có lúc âm con một mình.
- 401 – Chợ chè em xấu, em đen,  
Em như nước đục, đánh phèn lại trong.
- 402 – Chợ thấy duyên muộn mà phiền,  
Tuy rằng duyên muộn, có tiên đợi chờ.
- 403 – Chợ thấy hùm ngủ vuốt râu,  
Đến khi hùm dậy, đầu lâu chẳng còn.
- 404 – Chợ vội ăn nóng mà hur,  
Đè lâu càng nguội, càng nhừ, càng ngon.
- 405 – Choi hoa cho biết mùi hoa,  
Hoa lê thi trắng, hoa cà thi xanh.

- 406 — Choi hoa, cho biết mùi hoa,  
Cầm cân, cho biết cân già, cân non.
- 407 — Choi xuân, nọ nhớ đến hoa,  
Mời cậu về nhà, xuân lại thêm xuân.
- 408 — Choi giăng từ thuở giăng tròn <sup>(1)</sup>,  
Choi hoa từ thuở hoa còn trên cây.
- 409 — Choi thì chơi chốn cho thanh,  
Tuy rằng lộ tiết, nhưng danh dề đời.
- 410 — Choi thì chơi chốn thập-thành,  
Nhời ăn tiếng nói nhẹ nhàng như tên.
- 411 — Chuồn-chuồn có cánh thì bay,  
Kéo thẳng ống bụng bắt mày dem chôn.
- 412 — Chuồn-chuồn có cánh thì bay,  
Kéo thẳng be-be thò tay bắt mày.
- 413 — Chuồn-chuồn mắc phải dện vương,  
Đã chót <sup>(2)</sup> quắn-quít thì thương nhau cùng.
- 414 — Chuông già đong điếu, chuông kêu,  
Anh già nhời nói, em xiêu tấm lòng.
- 415 — Chuột chù chê khỉ răng hôi,  
Khỉ lại giả nhời: Cả họ mày thơm.
- 416 — Chuột chê xó bếp chẳng ăn,  
Chó chê nhà dột ra lăn bụi tre.
- 417 — Chữ « Nhẫn » là chữ tương vàng,  
Ai mà nhẫn được thì càng sống lâu.

1 non. — 2 náo ai

- 418 — Chưa mua, thì nói rằng hèn,  
Đến khi mua được, vừa khen, vừa mừng.
- 419 — Chưa được khấn bà một trâu,  
Được rồi thì có trâu đâu cho bà.
- 420 — Chưa tối đã vội đi nằm,  
Em coi giấc ngủ đáng trăm quan tiền.
- 421 — Chưa buôn thì vốn còn dài,  
Buôn thì vốn đã theo ai mất rồi.

15 chữ

- 422 — Chị chẳng muốn cho em vàng dùi,  
Em đi mua nghệ, em bồi cho vàng.
- 423 — Chưa đánh được người, mặt đỏ như vang,  
Bánh được người, mặt vàng như nghệ.
- 424 — Chưa đánh được người, mày xanh mắt tía,  
Đánh được người, hồn vía lên mây.

16 chữ

- 425 — Cha lươn chẳng đào mà cho lươn ở,  
Mẹ lươn chẳng làm tổ cho lươn nằm.
- 426 — Chồng đánh chẳng chừa, cùi dừa bánh cháng,  
Mẹ đánh chẳng chán, bánh cháng cùi dừa.
- 427 — Chè la, chè lit, bà cho quả quýt,  
Bà đánh đau tay, chắp tay lạy bà.

18 chữ

- 428 — Chǎn tǎm hái dâu, cũng bồ nau áo vá;  
Đứng đường đứng xá, cũng áo vá bồ nau.

# D

## 3 chữ

- 1 — Dai như chảo.
- 2 — Dầy như mo.
- 3 — Dinh như sơn <sup>(1)</sup>.
- 4 — Dọi bà cốt.
- 5 — Dốt eó chuôi.
- 6 — Dữ như beo. <sup>(2)</sup>

## 4 chữ

- 7 — Da mồi tóc bạc.
- 8 — Da trắng như ngà.
- 9 — Dạ cá, lòng chim.
- 10 — Dai như rẽ rách.
- 11 — Dai như đĩa đói.
- 12 — Dài lung tốn vải.
- 13 — Dãi nắng, dầu sương.
- 14 — Dạy khỉ leo dây.
- 15 — Danh ô nan thực.
- 16 — Danh lương, lợi tỏa.
- 17 — Dao chém đẳng đọng.
- 18 — Dao cùn Phó Đề.
- 19 — Dao-dở bàn tay.
- 20 — Dắt nhau xuống giếng.
- 21 — Dày mơ, rẽ mái.

- 22 — Dầy như ván xé.
- 23 — Đầu mỡ chó liếm.
- 24 — Đầu đầu hổ đuôi.
- 25 — Đầu hoa vun cây.
- 26 — Dẽ người dẽ ta.
- 27 — Dẹn chằng ô thuốc.
- 28 — Dĩ trường kích đoản.
- 29 — Dĩ hòa vi quí.
- 30 — Dĩ nông vi bản.
- 31 — Diện thị bối phi.
- 32 — Do tiêu chí đại.
- 33 — Đọc ngang giờ rộng.
- 34 — Dòng-dòng theo ná.
- 35 — Dỗi trên, hại dưới.
- 36 — Dỗi đặc cán mai <sup>(1)</sup>.
- 37 — Dở khóc dở cười.
- 38 — Dở ngong <sup>(2)</sup> dở nghịch <sup>(3)</sup>.
- 39 — Dở ông dở thẳng.
- 40 — Dời gót đặt dờ.
- 41 — Du thủ du thực.
- 42 — Dục tóc bất đạt.
- 43 — Dục bà dục hĩ.
- 44 — Dưỡng hổ dí hoạn.
- 45 — Dưỡng lão, khất ngôn.

(1) câu này có khi thêm hai chữ *gõ lá* ở dưới

(2) Ngò. (3) ngong.

5 chữ

- 46 — Da nọt ấp da kia.
- 47 — Đại, dẽ bán mà ăn.
- 48 — Đại bầy hơn khôn độc.
- 49 — Danh lợi bắt như nhàn.
- 50 — Dao năng liếc thì sắc.
- 51 — Dắt trâu chui qua ống.
- 52 — Dây cà ra dây muống.
- 53 — Dân chí ngu nhi thần.
- 54 — Dân như cây gỗ tròn.
- 55 — Dốt đặc như cán mai.
- 56 — Dốt từ nóc oát xuống.

6 chữ

- 57 — Da trắng như trứng gà bóc.
- 58 — Dao sắc chẳng gợt được chuôi.
- 59 — Dãy che mưa, sura che gió.
- 60 — Dám vồ tang, đạo vồ tích.
- 61 — Dám-dẫn như chó cắn ma.
- 62 — Dâu là con, rề là khách.
- 63 — Dẫu vội, chẳng lội qua sông.
- 64 — Dẫu đất, nhưng cắt nẹn miếng.
- 65 — Dốc một lòng, trông một đạo.
- 66 — Dốt đặc hơn hay chữ lồng.
- 67 — Dốt như bò vực chưa thành.
- 68 — Dở chân khỏi áng phong trần.
- 69 — Dựa hơi hùm, vễnh râu cáo.
- 70 — Dứt dây ai nỡ dứt chối.

7 chữ

- 71 — Dầu vỏ nhà, mù già ra ngô.
- 72 — Dụng tâm, mạc nhược vỏ tâm hảo.
- 73 — Dừng-dừng như bánh chưng ngày tết.

8 chữ

- 74 — Dạ sâu hơn bè, bụng kín bon buồng.
- 75 — Đại làm cột con, khôn làm cột cái.
- 76 — Dao thủ giàu héo, kéo thủ lụa sô.
- 77 — Dâu dâu rề rề, cũng kẽ là con.
- 78 — Dĩ ăn vi thú, dĩ ngủ vi tiên.
- 79 — Doi theo ống thẳng, lận theo bầu tròn,
- 80 — Dốt Đông-Ngàn bằng người ngoan thiên-hà.
- 81 — Dốt nát tim thầy, bóng bảy tim thơ.

9 chữ

- 82 — Dâu dứa mất họ, chó dứa mất láng diềng.

10 chữ

- 83 — Dao năng liếc thì sắc, người năng chào thi.
- 84 — Dâu hiền hơn con gái, rề hiền hơn con giai [quen.

13 chữ

- 85 — Dì thăm sì lỗ đít, bắt con bọ-xít bỏ lỗ đít dì.

14 chữ

- 86 — Dạy dỗ vén sồng,  
Dạy ông cống vào tràng,  
Dạy bà lang bốc thuốc.
- 87 — Dạy con từ thuở còn thơ,  
Dạy vợ từ thuở ba-vợ mới về.
- 88 — Dạy con, con chẳng nghe nhỉ,  
Con nghe ông hěnh dì dỏi nhà con.
- 89 — Dáng chú mày coi cũng xinh,  
Cơm ngày ba bữa còn rinh cơm em.
- 90 — Dẫu ngồi cửa sổ trạm rồng,  
Chiếu hoa, nệm gấm không chồng cũng h
- 91 — Dẫu xài chín bức<sup>(1)</sup> phù đồ,  
Chẳng bằng làm phué cứu cho một người.
- 92 — Dẫu mà nợ bắt, nợ đòi,  
Phong lưu ta cũng cứ nói phong lưu.
- 93 — Dễ-dàng là thói hồng nhan,  
Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều.
- 94 — Dì ruột thương cháu như con,  
Rủi mà không mạ, cháu còn cậy trông.
- 95 — Dơ<sup>(2)</sup> đậu, dơ<sup>(2)</sup> chẳng có ngăn,  
Ruốc<sup>(3)</sup> đậu, <sup>(3)</sup> ruốc chẳng để phản choai.
- 96 — Dù anh buôn đậu bán đậu,  
Cũng không tránh khỏi tuần Châu, Văn Sango

- 97 — Dù ai buôn đậu bán đậu,  
Mồng mười tháng tam trại trâu thì về.
- 98 — Dù ai buôn bán trăm nghề,  
Gặp ngày con nước cũng về tay không.
- 99 — Dù ai cho bạc cho vàng,  
Chẳng bằng trông thấy mặt chàng hôm nay.
- 100 — Dù chàng năm thiếp bảy thê,  
Cũng không tránh khỏi gái sè này đâu.
- 101 — Dù rách mời ra thân tàn,  
Xưa kia nó cũng hồng nhan hơn người.
- 102 — Dù em lấy được chồng khôn,  
Như lợ vàng cẩm anh tròn dầu giường.
- 103 — Dù ai xấu-xi như ma,  
Tắm nước Đồng-Lâm cũng ra con người.
- 104 — Dù ai nói ngược nói xuôi,  
Ta dày vẫn giữ đạo giới khăng-khăng.
- 105 — Dù em mặt ủ dầu dầu,  
Họ hàng thân thích rủ nhau mà nhìn.
- 106 — Dù ai sang cả mặc ai,  
Thân này nước chảy, hoa trôi sá gi.
- 107 — Dưỡng nam bắt giáo như dưỡng lư,  
Dưỡng nữ bắt giáo như dưỡng trư.
- 108 — Duyên sao cắc-cờ hối duyên,  
Cầm gương gương tối, cầm vàng vàng phai.

(1) cứu cấp — (2) ngu. — (3) dại. — (4) làm sao cho khéo  
Châu thi làm.

*16 chữ*

- 109 — Dưa La, cà Láng, *nem*<sup>(1)</sup> Bàng, tương B  
Nước mắm Vạn-Vân, cá rô Đàm Sét.  
110 — Day tay mắm miệng cưng phầm oán quả chuối  
Tù-bi cưng phầm oán quả chuối.

**D**

*4 chữ*

- 1 — Đa nhân hiếp quả.  
2 — Đa hư, thiểu thực.  
3 — Đa đa ách thiện.  
4 — Đa giả vi thị.  
5 — Đa thư loạn mục.  
6 — Đa ngôn, đa quá.  
7 — Đá thúng, dụng nia.  
8 — Đá dưa đầu lưỡi.  
9 — Đá dẫn ngọn cỏ.  
10 — Đái tội lập công.  
11 — Đám hội nhà chay.  
12 — Đan gầu tát biễn.  
13 — Đan chả tày giãm.  
14 — Đàn bà kiến tha.

- 15 — Đàn ngọt, hát hay.  
16 — Đàn gầy tai trâu.  
17 — Đanh đá cá cầy.  
18 — Đánh trống, bỏ giùi.  
19 — Đánh chó, ngó chúa.  
20 — Đánh rắn giữa khúc.  
21 — Đánh rắn rập đầu.  
22 — Đánh đu với tinh.  
23 — Đánh đồ cầu ao.  
24 — Đánh cờ lấy nước.  
25 — Đánh mộc lấy miếng.  
26 — Đánh phấn, đeo hoa.  
27 — Đánh đồng, dẹp bắc.  
28 — Đào giả vi gian.  
29 — Đào ngã, mận thay.  
30 — Đáo xú sinh huy.  
31 — Đạo vợ, nghĩa chồng.  
32 — Đạp sỏi giầy sành.  
33 — Đau răng ăn cẩm.  
34 — Đau chóng, dã chày.  
35 — Đau thiết, thiệt van.  
36 — Đắng cao viên chiểu.  
37 — Đắng như bồ-hòn.  
38 — Đắt lo, ế mừng.  
39 — Đám lao, theo lao.  
40 — Đám dầu vào bụi.  
41 — Đập niêu không vỡ.  
42 — Đất lành chim đậu.

(1) gọi.

- 43 – Đất thơm cò đậu.
- 44 – Đất khách quê người.
- 45 – Đất vua, cơm giỏi.
- 46 – Đất vua, chùa làng.
- 47 – Đầu đi đuôi lột.
- 48 – Đầu Ngô, minh Sở.
- 49 – Đầu voi, đuôi chuột.
- 50 – Đầu tròn gót vuông.
- 51 – Đầu đội, vai mang.
- 52 – Đầu tắt, mặt tối.
- 53 – Đầu ráo, áo trót.
- 54 – Đầu bò, đầu bướu.
- 55 – Đầu bạc, răng long.
- 56 – Đầu xanh, tuổi trẻ.
- 57 – Đầu cua, tai ếch.
- 58 – Đầu rồng, đuôi tôm.
- 59 – Đầu trộm, đuôi cướp.
- 60 – Đầu thử kỵ khí.
- 61 – Đầu gối tay ấp.
- 62 – Đầu gối quá tai.
- 63 – Đầu sông, ngọn nguồn.
- 64 – Đầu dần, cuối đậu.
- 65 – Đầu chấy, vảy rận.
- 66 – Đầu mắm thất nghiệp.
- 67 – Đầu gà, má lợn.
- 68 – Đầu ai, chấy nẩy.
- 69 – Đầu chầy, dit thớt.
- 70 – Đầu như trái kẹ.

- 71 – Đầu dầm, chặt đuôi.
- 72 – Đem muối bỏ bể.
- 73 – Đem côn bỏ chợ.
- 74 – Đầu xuôi, dóm ngược.
- 75 – Đếm Phật đóng oắn.
- 76 – Đến chậm gặm xương.
- 77 – Đi mưa, về nắng (1).
- 78 – Đi buồn nước dãi.
- 79 – Đi guốc trong bụng.
- 80 – Đi dời nhà ma.
- 81 – Đi ngang, về tắt.
- 82 – Đi sớm, về trưa.
- 83 – Đi nhớ về thương.
- 84 – Đi xa về gần.
- 85 – Đi đây về đó.
- 86 – Điếc thì đạn súng.
- 87 – Điểu nặng tiếng nhẹ.
- 88 – Điểu kêu tốn thuốc.
- 89 – Đò nát đụng nław.
- 90 – Đò như hòn son.
- 91 – Đói khóc, no cười.
- 92 – Đòn xóc (2) hai đầu (3).
- 93 – Đong đầy, bán voi.
- 94 – Đò náo thíc ấy.
- 95 – Đổ lại vào ngâm.
- 96 – Đổ náo, ngâm ấy.

(1) giỗ — 2 cần — 3 mũi.

- ✓ 97 – Đồ rót cho nhẹo.
- ✓ 98 – Đồi phúc cùng giới.
- ✓ 99 – Đồi trắng, thay đen.
- 100 – Đội vây nát mè.
- 101 – Đồng như miếng tiết.
- ✓ 102 – Đồng the, hè đụp.
- 103 – Đồng trắng, nước trong.
- 104 – Đồng ra, đồng vào.
- 105 – Đồng tử vò tri.
- 106 – Đồng tâm, hiệp lực.
- 107 – Đom đó ngọn tre,
- 108 – Đom vào miệng cá.
- ✓ 109 – Đục nước béo cò.
- 110 – Dun vàng hang tiền.
- ✓ 111 – Đút cò vào tròng.
- 112 – Đứng làm mụ chị.
- ✓ 113 – Đứng mũi chịu sào.
- ✓ 114 – Được voi đòi tiên.
- 115 – Được cá quên nom.
- 116 – Được cau đau lúa.
- 117 – Được người, được nết.
- 118 – Đười ươi giữ ống.
- 119 – Đường xa, vật nẻo,
- 120 – Đường đi ở miệng.
- ✓ 121 – Đường xa đậm thẳng.
- 122 – Đứt, nối; lối, nắm.
- 123 – Đứt tay hay thuốc.

- 5 chữ
- 124 – Đá trời, lăng không trời.
  - 125 – Đã chót, thi phải chét.
  - 126 – Đã khó, chó cắn thêm.
  - 127 – Đãi nàng hầu về sáng.
  - 128 – Đại Thánh đánh giả giờ.
  - 129 – Dan lối hóa miếng chám.
  - 130 – Đánh lệnh giết bò nhà.
  - 131 – Đánh rắn không rập đầu.
  - 132 – Đánh cờ phải xuất tướng.
  - 133 – Đánh đòn không so gáy.
  - 134 – Đánh chó đá vãi cứt.
  - 135 – Đánh điếu thuốc cầm hơi.
  - 136 – Dắng như mặt cá mè
  - 137 – Đắt cá hơn rẻ thịt.
  - 138 – Hắt chè hơn rẻ nước.
  - 139 – Đâm đầu vào hang hổ.
  - 140 – Đấm chuồng giữa mặt thầy.
  - 141 – Đắt sỏi có trạch vàng.
  - 142 – Đắt bụt ném chim giờ.
  - 143 – Đắt cũ dài người mới.
  - 144 – Đầu dã hai thứ tóc,
  - 145 – Đầu gối tranh trưởng nam.
  - 146 – Đầu chẳng phải, phải tai.
  - 147 – Đầu như cối chày máy.
  - 148 – Den đầu kề là người,
  - 149 – Đeo đòn gánh đè vai.
  - 150 – Đẹp chẳng mài mà uống.

- 151 — Đẹp đòn dáng mà đi.  
 152 — Đẹp người, hơn đẹp nết.  
 153 — Đẹp nết không đẹp người.  
 154 — Đẹp như ông sao băng.  
 155 — Đề giành tra vào rõ.  
 156 — Đì không lướt ngon cỗ.  
 157 — Đĩa bát có khi xô.  
 158 — Điểm như con mày-mạy.  
 159 — Đỏ như mặt giờ mọc.  
 160 — Đói bụng ăn rau má.  
 161 — Đói, đầu gối phải bò.  
 162 — Đom-dóm sáng đằng đít.  
 163 — Đồng tí ngọ nói xong.  
 164 — Đồng cửa đi ăn mày.  
 165 — Độc có lòng trong bụng.  
 166 — Đồng tay hòn hay làm.  
 167 — Đồng như cửa Lại Bộ.  
 168 — Đồng tiền liền khúc ruột.  
 169 — Đồng trên đè đồng dưới.  
 170 — Đuа mốc chòi mâm son.  
 171 — Đuа bếp khuấy nồi bung.  
 172 — Đuồi con vào đám giỗ.  
 173 — Đức trọng, quỉ thần kinh.  
 174 — Đừng dẻ sau khôn trước.  
 175 — Được thề dẽ nói phét.

6 chữ

- 176 — Đá hư bất như thiều thực.  
 177 — Đá có khi chảy mồ hôi.

- 178 — Đai các giả, phong lưu mượn.  
 179 — Đại nhân năng dụng tiêu nhọn.  
 180 — Đại lân nằm gốc cây xung.  
 181 — Đàn ông như con dao pha.  
 182 — Đạn ăn lén, tên ăn xuống.  
 183 — Đánh như táo đồ mặt mâm.  
 184 — Đánh trống qua cửa nhà sấm.  
 185 — Đánh mõ không bằng gõ thớt.  
 186 — Đánh nhau rồi mới nhận họ.  
 187 — Đánh bẫy, lại chè đực, cái.  
 188 — Đánh ruồi không đủ miệng còng.  
 189 — Đánh cửa trước, yào cửa sau.  
 190 — Đánh chẳng được, tha làm phúc.  
 191 — Đánh như két, thét như lôi.  
 192 — Đào chả thấy, lấy chả được.  
 193 — Đào ngạch gấp phải nhà thờ.  
 194 — Dám dò nhân thể *giặt met*. (1).  
 195 — Đắt lúa té, rẻ lúa nếp.  
 196 — Đắt *ra*<sup>(2)</sup> quế, ể *ra*<sup>(3)</sup> cùi.  
 197 — Dám bị thóc, chọc bị gạo.  
 198 — Đắt có tuần, dàn có vận.  
 199 — Đắt cam thảo, dàn lão thần.  
 200 — Đắt Thổ-Công, sông Hà-Bá.  
 201 — Đắt chẳng dây, cây dựng sào

(1) — *rửa tròn* (2) — và (3) — là

- 202 – Đất có lè, quê có thói.
- 203 – Đậu nành là anh nước lã.
- 204 – Đen thua lận, trắng thua mòn.
- 205 – Đen dầu cũng kẽ làm người.
- 206 – Đen nhà ai, nhà ấy rạng.
- 207 – Đẹp vàng son, ngon mặt mõ.
- 208 – Đi cầu nào, biết cầu ấy.
- 209 – Đi đến nơi, về đến chốn.
- 210 – Đi đêm, có ngày gặp ma.
- 211 – Đi lên năm, về lên mười.
- 212 – Đi cưới không tay lại mặt.
- 213 – Đĩ chết có văn tế nôm.
- 214 – Điếc tai cày, sáng tai họ.
- 215 – Định đám người, mẹ con ta.
- 216 – Đó dần den, dày máu đỏ.
- 217 – Đói chẳng chết, rét chẳng gầy.
- 218 – Đói thi rau, đau thi thuốc.
- 219 – Đói ăn vụng, túng làm càn.
- 220 – Đói cho sạch, rách cho thơm.
- 221 – Đói năm, không ai đòi bùa.
- 222 – Đòn dưới đất cất lên lung.
- 223 – Đòn cửa trước, rước cửa sau.
- 224 – Bồ tề đánh nhau nong thịt.
- 225 – Đông có mây, tây có sao.
- 226 – Đời người được mấy gang tay.
- 227 – Đua hơi với giải thời thua.
- 228 – Bủng-đỉnh như chính trời sông.
- 229 – Đừng khinh khó, chờ cây giàu.
- 230 – Đừng chờm có ngày chấn móng.

- 231 – Đừng thái quá, chờ bất cập.
- 232 – Đứng núi này, trông núi nọ.
- 233 – Đứng ngoài, mặc áo dài<sup>(1)</sup> thâm.
- 234 – Được bùa<sup>(2)</sup> nào, sào bùa<sup>(2)</sup> ấy.
- 235 – Được<sup>3</sup> thê cũng dễ nén khôn.
- 236 – Được mùa, thầy chùa no bụng.
- 237 – Được lòng rắn, mất lòng ngóe.
- 238 – Được đầu voi, đói đầu ngựa.
- 239 – Được con em<sup>(3)</sup>, thêm<sup>(4)</sup> con chi<sup>(5)</sup>.
- 240 – Được dẳng chán, lán dẳng đầu.
- 241 – Được mùa lúa, úa mùa cau.
- 242 – Được mùa cau, đau mùa lúa.
- 243 – Được cãi cầm<sup>(6)</sup>, thua cãi cỗ.
- 244 – Được làm vua, thua làm giặc.
- 245 – Đường chẳng đi, đường còn lại.
- 246 – Đường mòn, nhân nghĩa không mòn.

### 7 chữ

- 247 – Ba nhân duyên, nhiều đường phiền não.
- 248 – Đánh dī, không đủ tiền phán sáp.
- 249 – Đánh dī, lại gấp nămtoi b...
- 250 – Đánh cho chết, nết cũng chẳng chừa.
- 251 – Đánh chò, không ngờ đến chúa.
- 252 – Hau thương thân, lành thời tiếc của.
- 253 – Đất có gấu, thì gấu lại mọc.
- 254 – Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt.

<sup>1</sup> chung – <sup>2</sup> miếng – <sup>3</sup> chi – <sup>4</sup> đòi – <sup>5</sup> em – <sup>6</sup> cùng.

- 255 — Đầu ngoài sân, sau lẩn vào bếp.  
 256 — Đeo đòn gánh, đòn gánh đè vai.  
 257 — Đề hòn đất, nặn nén ông Bụt  
 258 — Đi buôn cò bạn, bán một mình.  
 259 — Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ.  
 260 — Đi đầu ghe, dài té xuống bể.  
 261 — Đi đến đâu, chết trâu đến đấy.  
 262 — Đi có tòng, ai giống nên dì.  
 263 — Đĩa bám chân ai, người ấy gõ.  
 264 — Độc dàng cho mọi ăn trộm trâu.  
 265 — Đói cho chết, ngày Tết<sup>(1)</sup> cũng no.  
 266 — Đói chửa qua, xít-xa đã đến.  
 267 — Độc được khò khầu, lợi ư bệnh.  
 268 — Đồi bát mồ hôi lấy bát cơm.  
 269 — Đội vào chợ, gánh cũng vào chợ.  
 270 — Bùn-dởn như đĩ được cái danh.  
 271 — Đủng-dỉnh như Đề Lĩnh vào kho.  
 272 — Hứa có tình rinh thắng có ý.  
 273 — Được lòng ta, xót xa lòng người.  
 274 — Được tiếng khen, ho hen chẳng còn.  
 275 — Đường quang chẳng đi, đi đường rậm<sup>(2)</sup>.

8 chữ

- 276 — Đại mộc lưu giang bắt đắc hồi cỗ.  
 277 — Đại phú do thiền, tiểu phú do cẩn.

- 28 — Dàn ông như rõ, dàn bà như hom.  
 29 — Dàn ông như nước, dàn bà như ro.  
 30 — Dàn ông cắp chà, dàn bà làm tồ.  
 31 — Dàn ông cụ-kệ, dàn bà tệ-lại.  
 32 — Dàn anh có mả, kẻ cả có dòng.  
 33 — Hàng cưa vay, trách lưỡi cưa không ngay.  
 34 — Đánh chuông ra mặt, đánh giặc ra tay.  
 35 — Đánh giặc họ Hàn, làm quan họ Đặng.  
 36 — Đánh nhau chia gạo, mồi nhau ăn cơm.  
 37 — Đánh ghen gái dại, cắm nêu ruộng chùa.  
 38 — Đào hổ thả sen, làm men ủ bột.  
 39 — Đắc xích thủ xich, đắc thốn thủ thốn.  
 40 — Đặt lửa lửa đỏ, đặt cỏ cỏ cháy.  
 41 — Đặt chảng chịu giờ, giờ phải chịu đất.  
 42 — Đất thiếu giống rura, đất thừa giống cau.  
 43 — Đầu dàn quan mối, đầu rốt quan hai.  
 44 — Đầu năm sương muối, cuối năm gió nồm.  
 45 — Đầu năm buôn muối, cuối năm buôn vôi.  
 46 — Đầu bằng con ruồi, đuôi bằng cái dĩa.  
 47 — Đầu bằng quả quít, đít bằng cái thúng.  
 48 — Đầu chép, mép chỏi, môi mè, lườn châm.  
 49 — Đen đầu thì bỏ, đỏ đầu thì nuôi.  
 50 — Đề một thời giàu, chia nhau thời khó.  
 51 — Dém bảy, ngày ba, vào ra không kể.  
 52 — Bị nói dối cha, về nhà dối chủ.  
 53 — Bị buôn lỗ vốn, làm ruộng mất mùa.  
 54 — Đi xem đến hội, đi chơi đến chùa.  
 55 — Giác săm bầu, đi câu săm giỗ.

(1) — ba ngày tết. (2) — rậm.

- 306 — Đi chợ ăn quà, về nhà đánh con.  
 307 — Đi cầy mồi gói, đi cuốc đau tay.  
 308 — Đi một quãng dài, học một sàng khôn.  
 309 — Đi một buổi chợ, học một mớ khôn.  
 310 — Đi vắn mình xà, mặt sa chữ «nǎi».  
 311 — Đi đến nước Lào, phải ăn mắm *ngóe* (!).  
 312 — Điều lành thì nhớ, điền dở thì quên.  
 313 — Điều lành mang lai, điều dại mang đi.  
 314 — Đo sông do bể, dẽ đo lòng người.  
 315 — Đỏ thi vàng son, ngon thì mệt mõ.  
 316 — Đỏ như hoa vàng, đồng như miếng tiết.  
 317 — Đói nợ tháng ba, đót nhà tháng tám.  
 318 — Đói thời sang Bắc, chạy giặc xuống Nam.  
 319 — Đói không ai tha, giàu ra có phận.  
 320 — Đói thi ăn vất, mất thi nói quàng.  
 321 — Đòn gánh giữa đường, vác ngang lên cột.  
 322 — Đòn người cửa trước, rước người cửa sau.  
 323 — Đốm đầu thi nuôi, đốm đuôi thi thịt.  
 324 — Đồng Kỳ, tây Lạc, bắc Dũng, nam Chân.  
 325 — Đồng sao thời nắng, vắng sao thời mưa.  
 326 — Đồng bắc thi qua, đồng quà thi nhớ.  
 327 — Đồng nồi trời gio, đồng bể no lòng.  
 328 — Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.  
 329 — Đời cha vo tròn, đời con bóp bếp.  
 330 — Đời trước dấp nấm, đời sau ấm mõ.  
 331 — Đời cua, cua máy; đời cáy, cáy đảo.  
 332 — Đứa ở ba mùa, thầy chùa ba năm.  
 333 — Đừng chóng chờ lâu, đừng mau chờ chán.

(1) nhài.

- 334 — Đừng ăn cây táo, mà rào cây sung.  
 335 — Đừng thấy ông Huyền to bụng mà sợ.  
 336 — Được ăn, được nói, được gói đem về.  
 337 — Được mối hàng, mẹ chẳng nhường cho con.  
 338 — Được bạc thì sang, được vàng thì độc.  
 339 — Được chim bẻ ná, được cá quên ném.  
 340 — Được vài đấu thóc, khấn giờ làm mura (!).  
 341 — Đường đi hay tối, nói dối hay cùng.

9 chữ

- 342 — Đàn ông như nước rửa ai người ấy sạch.  
 343 — Đàn ông như cái nơm bạ đậu úp đầy.  
 344 — Đánh kẻ chạy đi, ai đánh kẻ chạy lại.  
 345 — Đâm đi đâm lại, gái dại cũng làm nên.  
 346 — Đàn chày máy nói, cuối chày máy không thật.  
 347 — Đầu gối đi đâu, thì lắc-lè đi đó.  
 348 — Đẹp thi chỉ có ông sao băng trên giờ.  
 349 — Đẹp như giổi, chẳng có mối cũng không xong.  
 350 — Ði buồn nói ngay bằng đi cầy nói dối,  
 351 — Đói ra kẻ trợ, đừng lên rợ mà chết.  
 352 — Hỏi ông ở nhà, không đòi bà đi chợ.  
 353 — Đồng biển Đại Bàng, bắc nồi rang cho săn.  
 354 — Đứa ở xét công, vợ chồng xét nhân nghĩa,  
 355 — Hược như nhời nói làm nhà ngói mà ở.

(1) mặt mùa.

10 chữ

- 356 — Đang dài hay súc ngựa,  
Nước loạn biết tối ngay.
- 357 — Bì cúi mặt xuống đất,  
Về cất mặt lên giờ.
- 358 — Bồi trẻ chờ voi lo,  
Giàu trẻ chờ voi mừng.
- 359 — Bồi ăn rau má,  
Chờ ăn bảy-ba mà chết.
- 360 — Đồng có láng giềng đồng,  
Nhà có láng giềng nhà.
- 361 — Được một bữa cơm người,  
Mất mười bữa cơm nhà.

11 chữ

- 362 — Bãi cút sáo lầy hạt da,  
Bãi cút gà lầy tấm.
- 363 — Đọc không đi, ăn như đồ,  
Làm như gỗ trôi sông.

12 chữ

- 364 — Đã gian, lại ngoan,  
Đã đi làm đĩ, lại toan cáo lảng.
- 365 — Hã xấu lại den,  
Đã kém nhan sắc, lại hèn chán đi.
- 366 — Đánh bạc quen tay, ngủ ngày quen mắt,  
[ ăn vặt quen mồm.

- ni buồn gặp năm hồng thủy,  
Lâm đĩ gặp năm vắng khách ()�.
- pi ả không biết đường lại,  
Pi dài không biết đường về.
- pí rày dĩ rạc, dĩ khoác áotoi, dĩ ơi là dĩ.
- pí dài, dĩ dột, dĩ không có hột, là dĩ vỏ nhân.
- picro mùa, buôn vải, buôn vóc,  
Mát mùa buôn thóc, buôn gạo.
- picro mùa thi chè cơm hầm,  
Mát mùa thi lầm cơm thiу.
- puc kiên, mười bốn quan năm,  
Thua kiện mười lăm quan chẵn.
- puc miếng mò, nhảm miếng mò;  
Puc miếng nò, nhảm miếng nò.

13 chữ

- bê con khôn mát như nước,  
Bê con dại thi dát như ho.

14 chữ

- bã chết, mà nết không chừa,  
Bến mai di chợ, chở dừa lại ăn.
- bã sinh ra kiếp đàn ông,  
Béo cao, núi thăm, sông cung quản chi.
- bã có một lượt thì thôi,  
Lượt này, lượt khác, người đời khinh chê.

bã.....

- 379 — bà sinh ra kiếp hay choi,  
Thì giờ lại đọa vào nơi không tiền (1).
- 380 — bà giàu, thì lại giàu thêm,  
Bà khó, lại khó cả đêm lẫn ngày.
- 381 — bà từng ăn bát cơm đầy,  
Bà từng nhịn đói bảy ngày không ăn.
- 382 — nã lòng dùm bọc yêu vị,  
Thời anh đắp điểm trăm bề dại khôn.
- 383 — bà thành gia-thất thì thôi,  
Nèo bòng chi lầm, tội giờ ai mang.
- 384 — nãi bôi kia hối dài bôi.  
Có một dấu tăm dài mười khúc sông.
- 385 — bàn ông rộng miệng thì tài,  
Bàn bà rộng miệng diếc tai láng điềng.
- 386 — bàn ông rộng miệng thì sang,  
Bàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.
- 387 — bàn ông học sẩy, học sàng,  
Đến cơn vợ đẻ phải làm mà ăn.
- 388 — bàn ông một trăm là gan,  
Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người.
- 389 — bàn ông không râu bất ngờ,  
Bàn bà không vú, lấy gì nuôi con.
- 390 — bàn ông nồng-nỗi giếng khơi,  
Bàn bà sầu-sắc như coi đựng giàu.
- 391 — bàn ông chó kẽ Phan-Trần,  
Bàn bà chó kẽ Thúy-Vân, Thúy-Kiều.

(1) — phải làm.

- 392 — bàn ông đóng khổ đuôi luron,  
Bàn bà mặc yếm hở lườn mới xinh.
- 393 — bàn ông quan tắt (1) thi chày,  
Bàn bà quan tắt nửa ngày, nên quan.
- 394 — bàn ông năm bảy dàn ông,  
Vợ dặn mua hồng, đi mua cay con,
- 395 — bàn bà năm bảy dàn bà,  
Chồng dặn mua gà, đi mua cuốc con.
- 396 — bàn bà yếu chán, mềm tay,  
Làm ăn chẳng được, lại hay nổ mồm.
- 397 — bàn bà như hạt mưa (2),  
Hạt rơi xuống giếng, (2) hạt ra ngoài đồng (3).
- 398 — bàn bà tốt tóc thì sang,  
Bàn ông tốt tóc thì mang nặng đầu.
- 399 — bàn bà lạnh-lanh tiếng đồng,  
Một là sát chồng, hai là hại con.
- 400 — bàn đâu mà gầy tai trâu,  
Bạn đâu bắn sẻ, gươm đâu chém ruồi.
- 401 — đánh cờ nước bi không toan,  
Dù anh khéo liệu, trăm bàn, cũng thua.
- 402 — đánh giặc, mà đánh tay không,  
Thả về xó bếp gù rong cung bắn mèo.
- 403 — bảo thăm thi đào lại phai,  
Bò nấu giãi nắng, thi mài chẳng đi.

(1) — một

(2) — vào gác tia — (3) — ruộng cấy.

- 404 – bụng thì uống nước sông,  
bầu mắt lấy giữa xương rồng mà bôi  
405 – bụng, lấy bụng mà chườm,  
Nhược bằng không khỏi, hắc hương với g  
406 – păm-dăm trổng dạng ngàn hà,  
Bóng sao tinh dầu đã ba năm tròn.  
407 – bằng cay cũng thè ruột già.  
Ngọt ngào cho lầm cũng là người d  
408 – bắt hàng gấp á, cùng anh,  
É hàng gấp những thong manh quang  
409 – dây ta như cây giữa rừng,  
Ai lay chằng chuyền, ai rung chằng  
410 – dây vàng, dây cũng đồng đen,  
Dây hoa sói trắng (1), dây sen Tây Hồ  
411 – dây song, dây cũng mày liền,  
Dây có một tiền, dây cũng sáu mươi  
412 – pát tốt giồng cây rướm-rà,  
Những người thanh lịch nói ra qui quy  
413 – pát xấu giồng cây ngẳng-nghiu,  
Những người thô tục nói điều phèm ph  
414 – pát bụi lại ném chim giờ,  
Chim thời bay mất, đất rơi xuống đầu  
415 – bầu cha lấy làm chán con.  
Mười bốn năm tròn, hết số thi thời

- 416 – bầu trọc lồng-lốc bình vôi,  
Mẹ ngồi mẹ iả, mẹ bồi lên đầu.  
417 – bầu trọc lồng-lốc bình đào,  
Nhà ai có cồ, thi vào gầm xương.  
418 – bé con khôn, mắt I..... rời-rời,  
Bé con dại, thảm hại cái I.....  
419 – bé con chẳng dạy, chẳng răn,  
Thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy lòng  
420 – bèm chuông đi đầm nước người,  
Chẳng kêu, cũng đầm ba hồi cho kêu (1)  
421 – bèm chuông đi đầm nước người,  
Chẳng kêu, tôi vác chuông tôi, tôi về.  
422 – bèn giờ, giờ sáng bốn phương,  
Bèn tôi sáng tờ dầu giường nhà tôi.  
423 – bèn nhà ai, rạng nhà ấy,  
Khách di qua đường biết dây lă dâu.  
424 – deo bầu mang tiếng thị phi,  
Bầu khong cò rượu, lấy gì làm say.  
425 – Đẹp như cái tép kho tương,  
Kho di, kho lại, nó chuong phèn-phèn.  
426 – ném qua cò ngũ xin thè,  
Một giấc đến sáng, chờ hè vẩy tai.  
427 – ném qua cò ngũ xin thè,  
Phản thi muỗi dốt, phản mè sự tình.  
428 – ném năm tấu chuối cò đòi,  
Hơn năm chiếu miến lẻ loi một mình.

(1) — tây danh

- 429 – Ném khuya thiếp mới hỏi chàng,  
Cau khô ăn với giàu vàng xứng không!
- 430 – Ném qua chung bóng, chung hơi,  
Bây giờ kẻ ngược, người xuôi mặc lồng.
- 431 – Ném qua mới gọi là đêm,  
Ruột xót như muỗi, dạ mềm như dưa.
- 432 – Ném nằm, nghĩ lại mà coi,  
Lấy chồng hay chũ như soi gương vàng.
- 433 – Ném nằm nghĩ lại mà coi,  
Lấy chồng đánh bạc như voi phà nhà.
- 434 – Ném qua chớp bẽ mưa nguồn,  
Hỏi người tri-thức<sup>(1)</sup> có buồn hay chàng?
- 435 – Ném qua dốt đinh hương trầm,  
Khói lên nghi ngút, âm thầm lòng ai.
- 436 – Ném qua ngỏ cửa chờ ai?  
Ném nay cửa đóng then cài khăng-khang
- 437 – Ném qua ngỏ cửa chờ chồng,  
Ném nay ngỏ cửa gió đông lọt vào.
- 438 – Ném đêm vuốt bụng thở dài,  
Thở ngắn bằng chạch, thở dài bằng lưa.
- 439 – Ném tháng năm, chưa năm dã sảng.  
Ngày tháng mươi chưa cười dã tối.
- 440 – Ném ta mới biết cửa ta,  
Nghìn trăm năm trước biết là cửa ai.

- 441 – Đến đây nhặt miệng thèm chanh,  
Khi về dã có cam sành chín cây.
- 442 – Đi cho biết đó biết đây,  
Ở nhà với mẹ, biết ngày nào khôn.
- 443 – Đi đâu, cho thiếp đi cùng,  
Đối no thiếp chịu, lạnh-lùng thiếp cam.
- 444 – Đi đâu có anh, có tôi,  
Người ta mới biết là đôi vợ chồng.
- 445 – Đi với Phật mặc áo cà-xa,  
Đi với ma thi mặc áo giấy.
- 446 – Đi dã ba bầy chín chu,  
Giờ về đến ngõ, chuột chù gặm chân<sup>(1)</sup>.
- 447 – Đi ra gặp bạn giữa đường,  
Cũng bằng Tiến-sĩ trong trường mới ra.
- 448 – Đi cho lang tạ làm chi,  
Ở nhà thi cũng như đi lấy chồng.
- 449 – Đi đâu chẳng lấy học trò,  
Thấy người ta dỗ thập-thò mà nom.
- 450 – Đi đâu mà bỏ mẹ già,  
Gối nghiêng ai sửa, chén trà ai nâng?
- 451 – Đi đâu mà chẳng ăn re,  
Đến khi hết cửa, thì rè chẳng ra.
- 452 – Đi đâu mà vội mà vàng,  
Mà bỏ túi bạc, mà mang túi chí.
- 453 – Đi đâu mà chẳng nắm eo,  
Đè cho nó đứt sừng bò vào sau.

<sup>(1)</sup> gh...

(1) — quân tử.

- 454 – Đì ra dàn soi gương đánh sáp,  
Khi về nhà liếm láp nồi niêu.
- 455 – Đì ra, chơi nước, nghiêng giờ,  
Về nhà không có một noi cui đầu.
- 456 – Đì bộ thời khiếp Ái-Vân,  
Đì thuyền thi khiếp sóng Thần, hang Giời.
- 457 – Đì trước thời súroc cỏ gà,  
Về nhà đọc kinh ra đình chết chém.
- 458 – Đì lâu mới biết đường dài,  
Ở lâu mới biết con người phải cháng.
- 459 – Đì sau, ăn rau bá dẻ,  
Ăn giẻ chùi trôn, ăn l... chấm muối.
- 460 – Đì dại làm hại thằng tù,  
Nó cho cái kẹo, nó cù cả đêm.
- 461 – Đò dưa cô Tẩy, cô Tân,  
Cô Tân xuống huyện, cô Tân sang sông.
- 462 – Đò dây trước lạ sau quen,  
Chẳng gần, qua lại dỏi phen cũng gần.
- 463 – Đò sao đò có không dưa,  
Tại người đi sớm về trưa không chừng.
- 464 – Đói thì nặng mặt sa mày,  
No thời tức bụng giờ hay cháng giờ.
- 465 – Đói thời ăn ráy, ăn khoai,  
Chó thấy lúa rõ tháng hai mà mừng.
- 466 – Đói thì ăn khế, ăn sung,  
Trông thấy mẹ chồng, thi nuốt cháng trứ.
- 467 – Đói lòng ăn nắm lá sung,  
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.

- 468 – Đói no một vợ, một chồng  
Một niêu cơm tấm, dầu lòng ăn chơi.
- 469 – Đói thi thèm thịt, thèm xôi,  
Hết no cơm té, thi thôi mọi đường.
- 470 – Đói thi ăn cơm lại no,  
Từ ngày có vợ chẳng dò di đâu.
- 471 – Đói thi dầu gối phải bò,  
No cơm ấm cật, chẳng dò di đâu. (1)
- 472 – Đói lòng ăn nửa trái sim,  
Uống lung bát nước đi tìm người thương.
- 473 – Đồng-dòng di đạo dòng-dòng,  
Trẻ vui đạo trẻ, già dong đạo già
- 474 – Đố ai bắt chạch dàn duối,  
Bắt chim đầu cánh, bắt người trong giăng.
- 475 – Đố ai nằm võng không dưa,  
Ru con không hát, anh chừa nguyệt hoa.
- 476 – Đố ai biết lúa mẩy cây!  
Biết sòng mẩy khúc, biết mẩy mẩy từng?
- 477 – Đố ai quét sạch lá rừng,  
Đè la khuyên gió, gió dừng rung cây.
- 478 – Đố ai biết đà mẩy hòn,  
Tua rua mẩy chiếc, giăng tròn mẩy đêm?
- 479 – Đố ai tát bể Bồng-khé  
Tát sông Bồ-Bè, nhổ mả cấy chiêm?
- 480 – Đố ai lượm đá quẳng giờ,  
Đan gầu tát biển, ghẹo người trong giăng?

(1) cái chân bay chạy, cái giò hay đi.

- 481 – Đố ai lặn xuống vực sâu,  
Mà do miệng cá uốn câu cho vừa?
- 482 – Đói ta là nghĩa tao khang,  
Xuống khe bắt ốc, lên dàn hái rau?
- 483 – Đói ta như ngái Phan Tiễn,  
Khi xa ngàn dặm, khi gần nèn đói.
- 484 – Đói ta như dũa nòng-nòng,  
Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha.
- 485 – Đói ta như lúa phơi màu,  
Đẹp duyên thì lấy, tham giàu làm chi.
- 486 – Đói ta như rắn thiu-diu,  
Nước chảy mặc nước, ta chèo lấy ta.
- 487 – Đói tay cầm đói ống to,  
Dù năm ba mồi, cũng chờ mồi anh.
- 488 – Đói tay cầm đói quả hồng,  
Quả chát phần chồng, quả ngọt phần già.
- 489 – Đói tay cầm đói dao cau,  
Chỉ giờ vạch đất lấy nhau phen này.
- 490 – Đòn răng kẻ Trọng lăm cau,  
Kẻ Cát lăm lúa, kẻ Mau lăm tiền.
- 491 – Đồng tiền đi trước đồng tiền khôn,  
Đồng tiền đi sau đồng tiền dại.
- 492 – Đồng tiền không phấn không hổ,  
Đồng tiền khéo diễm, khéo tó mặt người.
- 493 – Đốt than, nướng cá cho vàng,  
Lấy tiền mua rượu cho chàng uống chơi.
- 494 – Đời cha cho đến đời con,  
Có muốn nặn tròn, thời phải nặn vuông.

- 495 – Đời người sống mấy gang tay.  
Hơi đâu cầm-cụi cǎ ngày cǎ đêm.
- 496 – Đời người có một gang tay,  
Ai hay ngủ ngày chỉ được nửa gang.
- 497 – Đời người tắm mát, đeo hoa,  
Đời người ỉa chịt cũng qua một đời.
- 498 – Đời xưa kén những con dòng,  
Đời nay ấm cật, no lòng thi thôi.
- 499 – Đời vua Vĩnh-tộ lên ngôi,  
Cơm nguội đầy nồi trẻ chảng ăn cho.
- 500 – Dũng khôn ngoan chờ vụng về,  
Dũng cho ai lận, chờ hề lận ai.
- 501 – Dũng có chết mất thì thôi,  
Kia như cái cúc bòi vôi lại về.
- 502 – Dũng có chết mất thì thôi,  
Sống thì có lúc no xỏi, chán chè.
- 503 – Dũng chè tôi xấu, tôi già,  
Tôi dì bán thị mọi bà mọi hôn.
- 504 – Được mùa chờ phụ môn khoai,  
Đến năm than-dậu không ai bạn cùng.
- 505 – Được mùa cơm những Tâm-xoan,  
Đến khi cơ hàn gié cũng như chiêm.
- 506 – Đường đi những lách cùng lau,  
Cha mẹ tha thiết giàu ép nồng duyên con.
- 507 – Đường xa đi gấp lại gần,  
Mẹ di lấy vợ Thanh-Thần cho tôi.
- 508 – Đường dài ngựa chạy biết lầm,  
Người thương có nghĩa trăm năm cũng về.

15 chữ

- 509 — Đấy song, dày cung mày già.  
Đấy con Đô-Đốc, dày cung cháu bà quan-  
[công].
- 510 — Đục đến chạm, thì chạm đến khăng,  
Đòn đánh lý-trưởng thời vắng cả làng.
- 511 — Được bạn, thì lại bỏ bè,  
Được con trâu trộm, lại chè me không cày.

16 chữ

- 512 — Đã có con mắt thì xem dàng,  
Có phải cận thị mà ngó quàng ngó quờ.
- 513 — Đàm ông vượt bể, có chúng, có bạn,  
Đàn bà vượt cạn chỉ có một mình.
- 514 — Đĩ xơ dĩ xác, dĩ xác dĩ xờ,  
Đĩ ở trên bờ, dĩ lặn xuống ao.
- 515 — Động biển Đại-Bàng, vác nồi rang thóc,  
Động biển bên Sóc, đồ thóc ra phơi.
- 516 — Đom-dóm bay ra, giồng cà, cho đồ,  
Tua-rua bằng mặt, cắt bát cơm chǎm.

19 chữ

- 517 — Đàm bà không biết nuôi heo, đàm bà nhác,  
Đàn ông không biết cột nuộc lạt, đàm ông  
[hư].

20 chữ

- 518 — Đôi ta dã trót nhời thề  
Con dao lá trúc dã kẽ tóc mai  
Dặn rắng: « Ai chờ quên ai ».

E

4 chữ

- 1 — Em ngã, chị nưng.

6 chữ

- 2 — Ép quả thì nước chảy ra.

8 chữ

- 3 — Em thuận anh hoà, là nhà có phúc.

- 4 — Ép dầu, ép mỡ, ai nỡ ép duyên.

12 chữ

- 5 — Em khôn cũng là em chị,  
Chị dại cũng là chị em.

14 chữ

- 6 — Em ngã thi chị phải nưng,  
Đến khi chị ngã, em bung miệng cười.

- 7 – Em về hỏi mẹ cùng cha,  
Có cho em lấy chồng xa hay dìng.  
8 – Em về hỏi mẹ cùng thầy,  
Có cho anh cưới tháng này thì cho.  
9 – Em là con gái kẽ Đằng,  
Bên Tề, bên Sở biết rằng theo ai?  
10 – Em thời trướng gấm quần là,  
Chị thời tan-tác như hoa giữa đường.  
11 – Em như cục cứt trôi sông,  
Anh như con chó đứng trông trên bờ.  
12 – Em đứng dậy sắc, khoe hay,  
Khéo thay nòi thủng về tay thợ hàn.  
13 – Em ơi! anh bảo em này:  
Trứng chơi với đá có ngày vỡ tan.  
14 – Em ơi, anh bảo đây này:  
Sóng sâu chờ lội, đò đầy chờ đi.  
15 – Em ngoan lấy phải chồng dần,  
Cho giời mười phần ai biết rằng ngoan.  
16 – Én bay thấp, mưa ngập bờ ao.  
Én bay cao, mưa rào lại tạnh.

15 chữ

- 17 – Em chính chuyền anh cũng được nhờ,  
Lắng-lờ nào biết cõi bờ là đâu.

16 chữ

- 18 – Em trông thấy anh, em cũng muốn theo,  
Sợ mẹ anh nghèo, bán vây em đi.

- 17 chữ
- 19 – Em thấy anh, em cũng muốn chào,  
Sợ anh chồng cũ nó đứng bờ rào nó trông  
20 – Em đứng bỏ tiếng bắc chí,  
Anh dở chán vui bạn cũng nhớ khi em  
[nhẹ lòng.

19 chữ

- 20 – Em chờ thấy anh bé mà sầu,  
Kia con ong nó bao nhiêu tuổi, nó chàm  
[bầu, bầu thui.

20 chữ

- 21 – Em nay khăn-khăn một lòng,  
Muốn cho phu xưởng, phụ tòng cùng nhau,  
Lòng em như ý sở cầu,
- 

Ê

4 chữ

- 1 – Éch mọc lông nách,  
2 – Éch ngồi đáy giếng,

5 chữ

- 3 – Éch nào chẳng là thịt,  
4 – Éch thấy hoa thi vồ,

6 chữ

- 5 – Éch tháng ba, gà tháng bảy,

7 chữ

- 6 – Éch ngồi trong hang cũng còn lo chết.

8 chữ

- 7 – Éch ngồi dây giึง coi giờ bằng vung.<sup>(1)</sup>
- 

# G

3 chữ

- 1 – Gan cóc tia.  
2 – Gàn bát sách.  
3 – Gầy đàn môi.  
4 – Gurom kè cô.  
5 – Gương tầy liếp.

(1) – biết giờ bao lùn.

4 chữ

- 6 – Gà sống nuôi con.  
7 – Gà mọc lông mảng.  
8 – Gà mái gáy gổ.  
9 – Gà sống còn giò.  
10 – Góc kéo, đầu kim.  
11 – Gái dĩ già mồm.  
12 – Gái tơ ngứa nghè.  
13 – Gái mạnh về chồng.  
14 – Gan già, ma mọi.  
15 – Gan chai, phôi đá.  
16 – Gan sành, dạ sói.  
17 – Gan vàng, dạ sắt.  
18 – Gan liền tướng-quản.  
19 – Gan đục, lòng trong.  
20 – Gan cóc, mặt công.  
21 – Gánh vã, buôn thuyền.  
22 – Gánh nặng, vác nhẹ.  
23 – Gánh vàng vào kho.  
24 – Gạo dài quá<sup>(1)</sup> chuôi.  
25 – Gạo muối ném theo.  
26 – Gạo chau, củi quế.  
27 – Gạo chợ, nước sông.  
28 – Gặp sao hay vậy.  
29 – Gặp ch้าง, hay chó.  
30 – Gặp phải hang hùm.  
31 – Gầy gối, tối mặt.  
32 – Gầy làng díp làng<sup>(2)</sup>.

(1) – hơn (2) – đám đánh đám

- 33 – Gần nhà, xa ngô.
- 34 – Gần lửa rất mặt.
- 35 – Gần đất, xa giới.
- 36 – Ghé đầu chịu báng.
- 37 – Ghét người, yêu của.
- 38 – Gỏi thêm, nem thừa.
- 39 – Góp gỗ nên rừng.
- 40 – Góp gió làm bão.
- 41 – Góp của thập phuông.
- 42 – Gót chân, đỉnh đầu.
- 43 – Gói rơm, nấm đất.
- 44 – Gục đầu vai vế.
- 45 – Gửi của làm tin.
- 46 – Gửi trứng cho quạ.
- 47 – Gurom cầm đằng chuỗi.
- 48 – Gurom gầy gà xác.

5 chữ

- 49 – Gà ăn hơn công ăn.
- 50 – Gà dẻ, gà cục tác.
- 51 – Gà què bị chó đuổi.
- 52 – Gái dở thèm của chua.
- 53 – Gắp lửa bỏ bàn tay.
- 54 – Gậy ông dập lưng ông.
- 55 – Gậy vòng phả nhà gạch.
- 56 – Ghét đào đất đồ đi.

6 chữ

- 57 – Gà cỏ chở mỏ về rừng.
- 58 – Gà nhà lại bởi bếp nhà.
- 59 – Gà cùng chuồng đá lắn nhau.
- 60 – Gà tức nhau về tiếng gáy.
- 61 – Gái tham tài, gai tham sắc.
- 62 – Gái hòn hai, gai hòn một.
- 63 – Gái Xuân-Mai, gai Yên-Thái.
- 64 – Gái hóa lo việc Triều-dinh.
- 65 – Gái ngoan làm quan cho chồng.
- 66 – Gạo da ngà, nhà gỗ lim.
- 67 – Gạo đồ bốc chẳng đầy thung.
- 68 – Gạo đậu có đồ bằng thung.
- 69 – Gần chợ, dề nợ cho con.
- 70 – Gặt gù tay dùa, tay chén.
- 71 – Gò má làm khà người ta.
- 72 – Gối rơm theo phận gối rơm.
- 73 – Gông làng, vừa mang vừa hát.
- 74 – Gurom hai lưỡi, miệng trăm hình.

7 chữ

- 75 – Gà người gáy, gà nhà ta sáng.
- 76 – Gai ở ngọn giòn hơn gai gốc.

- 77 — Gái chạm chồng, mẹ cha khắc khoải.  
 78 — Gái có công thì chồng chẳng phụ.  
 79 — Gần chẳng trao dề xa mà với.

8 chữ

- 80 — Gái khôn, giai dỗ lâu ngày cưng siêu.  
 81 — Gái dở một dành, gái lành một sọt.  
 82 — Gái nhỡ thì gặp quan Tri hóa vợ.  
 83 — Gao đê bồ dài, muối đê bàn chân.  
 84 — Gạo chợ, nước sông, củi đồng, giàu miếng.  
 85 — Gặp cơn đại loạn mới hay trung thần.  
 86 — Gặp thi buổi nào, theo kỷ-cương ấy.  
 87 — Gần mực thi đèn, gần đèn thi rang <sup>(1)</sup>.  
 88 — Gõ cho hết chày, còn gì là niêu.  
 89 — Gửi nhời thì nói, gửi gởi thì mở.

9 chữ

- 90 — Gà chè thóc chẳng bói, người mới chè tiền.  
 91 — Gái giết chồng, đàn ông ai giết vợ.  
 92 — Gái ăn thụ thai, gai ăn làm lý-trưởng.  
 93 — Gái chồng rầy phi trứng nọ, thi tật kia.  
 94 — Ghen vợ, ghen chồng không nồng bằng ghen <sup>ân</sup>.

10 chữ

- 95 — Gần tre che một phía, gần mía bẻ một cây.

(1) sáng.

11 chữ

- 96 — Gần sông quen tinh cá,  
 Gần núi không lạ tiếng chim.

12 chữ

- 97 — Gần nhà có giỗ không được ăn cỗ cưng-  
 [được liếm lá].  
 98 — Gà béo thi bán bên Ngò,  
 Gà khô thi bán láng diềng.

13 chữ

- 99 — Gà Tò, lợn Tò <sup>(1)</sup> vỏ Vạn Đồn, l... Cồ-am,  
 [c... Hành-thiện].  
 100 — Gái Sơn-dông ăn với chồng một bữa, nằm-  
 với chồng nửa đêm.

14 chữ

- 101 — Gà què ăn quắn cối xay,  
 Ăn đi ăn lại cối này một câu.  
 102 — Gai trên rừng ai bứt mà nhọn,  
 Trái trên cây ai vo mà tròn.  
 103 — Gái chè chồng đến Bông giờ lại,  
 Gai chè vợ đến Ngài giờ về.  
 104 — Gái không chồng như thuyền không lái,  
 Gai không vợ như ngựa không cương.

- 105 — Gái có chồng như gông deo cổ,  
Giai có vợ như rọ buộc chàm<sup>(1)</sup>.
- 106 — Gái chưa chồng trông mong đi chợ,  
Giai chưa vợ lo-lửng đứng dàn.
- 107 — Gái thương chồng dang dông buổi chợ,  
Giai thương vợ nắng quái chiều hôm.
- 108 — Gái mà chi! gai mà chi!  
Sinh ra có ngãi có nghỉ là hơn.
- 109 — Gái khôn tránh khỏi đò đża,  
Giai khôn tránh khỏi vợ thừa người ta.
- 110 — Gái đâu có gái lạ đời,  
— Chỉ còn thiếu một ông giời không chim.
- 111 — Gánh cực mà đồ lên non,  
Cong lung mà chạy cực còn theo sau.
- 112 — Gáo đồng<sup>(2)</sup> múc nước giếng tây,  
Khôn ngoan cho lầm tờ thay người ta.<sup>(3)</sup>
- 113 — Gạo chợ một tiền mười thung,  
Mẹ con nhịn đói vì chưng không tiền.  
— Gắm xem thế sự nực cười,  
Một con cá lội mây người buông câu.
- 115 — Gần thi rầy viếng, mai thăm,  
Xa xôi cách trở một năm vài lần.
- 116 — Gần chùa phong cảnh mọi đường,  
Ở gần thợ ruộm vẻ vang mọi mẫu.

- 117 — Gần chùa gọi Bụt băng anh,  
Thấy Bụt hiền lành, bê Bụt đi chơi<sup>(1)</sup>.
- 118 — Gần thi chẳng hợp duyên cho,  
Xa-xôi cách mấy lần đò cũng theo.
- 119 — Gặp ghềnh nước chảy qua đèo,  
Ngựa sô xuống bến, thuyền chèo lên non.
- 120 — Ghe bầu giờ lại về dòng,  
Làm thân con gái thờ chồng, nuôi con.
- 121 — Gỗ trắc đem lát ván cầu,  
Yến sào đem nấu với dầu tôm khô.
- 122 — Gối chăn, gối chiếu chẳng êm,  
Gối lụa chẳng mềm bằng gối đầu tay.
- 123 — Grom vàng rót xuống hồ Tây,  
Công cha cưng trọng, nghĩa thay cũng sâu.

### 15 chữ

- 124 — Gái có chồng như rồng có vây,  
Gái không chồng như cối xay chết ngổng.
- 125 — Gần nhà giàu, đau răng ăn cẩm,  
Gần nhà kẻ trộm, ốm lưng chịu đòn.

### 16 chữ

- 126 — Gá đèn chán trắng, mẹ mang cũng mua,  
Gá trắng chán chi, mua chi giống ấy.
- 127 — Gái có con như bồ hòn có rẽ,  
Gái không con như bè ngõ trôi sông.

(1) lỗ tiền chòn. (2) — vàng (3) — chàng kéo cờm thấy com cờ.

(1) — nghe nói Bụt lành, ba xuống đất chơi.

20 chữ

- 128 — Gái phải hơi gai như thài-lại phải cứt chó.  
Gai phải hơi vợ như cò bợ phải giờ mưa.

21 chữ

- Gái một con trông mòn con mắt,  
129 — Gái hai con vú quặt dẳng sau,  
Gái ba con thì đâu ngồi đấy.
- 

# GI

4 chữ

- 1 — Gia bần thân lão.  
2 — Già kề miệng lồ.  
3 — Già hay trái chứng.  
4 — Già néo đứt dây.  
5 — Già kén kẹn (1) hom.  
6 — Già đòn, non nhẽ.  
7 — Già lừa nhỡ lứa.  
8 — Già giải, non hột.  
9 — Già áo, túi cơm.  
10 — Giả tinh, giả say.  
11 — Giả diếc, giả đui.

(1) — ebèn

- 12 — Giả linh, giả thị.  
13 — Giả cầm, giả diếc.  
14 — Giả chết bắt quả.  
15 — Giai lành, gái tốt.  
16 — Giai tơ, gái mềm.  
17 — Giai tài, gái sắc.  
18 — Giáo đa thành oán.  
19 — Giấy máu ăn phèn.  
20 — Giấy người, nứa người.  
21 — Giận chồng vật con.  
22 — Giận cá chém thớt.  
23 — Giật gấu vá vai.  
24 — Giàu ăn, khó chịu.  
25 — Giàu trọng, khó khinh.  
26 — Giàu con, lầm của.  
27 — Giàu hởi, khó phiền.  
28 — Giàu diếc, sang đui.  
29 — Giàu làng khó góp.  
30 — Giấu đầu hở đuôi.  
31 — Giấu voi dùn rạ.  
32 — Giệu nát chó ỉa.  
33 — Giết người không dao.  
34 — Giòn cười, tươi khóc.  
35 — Giơ cao, đánh sẽ.  
36 — Gioi tay quá trán.  
37 — Giở may quay nồm.  
38 — Giời cao, đất dày.  
39 — Giời cao, bể rộng.  
40 — Giời sâu, bể thảm.

- 41 — Giới nam, bắc bắc.  
 42 — Giới sinh, giới dưỡng.  
 43 — Giới đánh, Thánh vật.  
 44 — Giùi dục, cẳng tay.  
 45 — Giùi trong tay áo.  
 46 — Giữ đồ cho chủ.

5 chữ

- 47 — Già còn chơi trống bồi.  
 48 — Già lừa đẻ con ngựa.  
 49 — Già lừa đạp rùa thối.  
 50 — Giá thú bất luận tài.  
 51 — Giả lê bà Chúa Mường.  
 52 — Giai tờ vở nạ dòng.  
 53 — Giáo nứa dâm vườn hoang.  
 54 — Giấy rách giữ lấy lề.  
 55 — Giận người dung thêm phiền.  
 56 — Giàu người ta tiếng minh.  
 57 — Giấu kim trong tay áo.  
 58 — Giấu như mèo giấu cút.  
 59 — Giậu đồ, bim-bim leo.  
 60 — Giếng đâu thì ếch đó.  
 61 — Gió thổi là chổi giờ.  
 62 — Giới trong xương giới ra.  
 63 — Giới cho hơn lo làm.  
 64 — Giơ nách cho người cũ.  
 65 — Giở mặt như bàn tay.

- 66 — Giữ gìn không dây chốt.  
 67 — Giữ nhau như miếng mộc.

6 chữ

- 68 — Già sinh tật, đất sinh cỏ.  
 69 — Già quen việc, trẻ quen ăn.  
 70 — Già sức khỏe, trẻ bình yên.  
 71 — Giai xóm trại, gái hàng com <sup>(1)</sup>.  
 72 — Giai trứng cá, gái má đào <sup>(2)</sup>.  
 73 — Giai thi loạn, gái thi bình.  
 74 — Giai thi mạnh, gái thi mềm.  
 75 — Giai tay trái, gái tay mặt.  
 76 — Giai anh hùng, gái thuyền quyền.  
 77 — Giai tứ chiềng, gái giang hồ.  
 78 — Giai Tam-Đái, gái Từ-Liêm.  
 79 — Giang sơn nào, anh hùng ấy.  
 80 — Giặc phá không bằng nhà cháy.  
 81 — Giặc chẳng bắt, bắt thầy tu.  
 82 — Giảng chẳng dứt, dứt chẳng ra.  
 83 — Giày con hàng xóm xuống ao.  
 84 — Giận thi mắng, lặng thi thương.  
 85 — Giận mắt khôn, lo mắt ngon.  
 86 — Giận con rận, đốt cái áo.  
 87 — Giật dầu cá và dầu tôm.  
 88 — Giàu là họ, khó người dung.

(1) — trắng thí, (2) — hồng

- 89 — Giàu giờ ngọ, khó giờ mù.  
90 — Giàu làm kép, hép làm đơn.  
91 — Giàu út ăn, khó út chịu.  
92 — Giàu bán chó, khó bán con.  
93 — Giàu ruộng đợ, nợ ruộng thuê.  
94 — Giàu ăn uống, khó đánh nhau.  
95 — Giàu tân, không bằng khó cự.  
96 — Giàu vẻ-vang, sang lịch-sự.  
97 — Giàu lái buôn, khôn thắng dốt.  
98 — Giàu chiều hôm, khó sớm mai.  
99 — Giàu lo bạc, dói lo cơm.  
100 — Giàu một lọ, khó một bát.  
101 — Giàu về bạn, sang về vợ.  
102 — Gieo mạ, còn phải kén giống.  
103 — Gió chiều nào, che chiều ấy.  
104 — Gió nam đưa xuân sang hè.  
105 — Giỗ nhà ai, quai nhà nấy.  
106 — Giồng mái tai, gài mái tóc.  
107 — Giỗ chưa làm, heo còn dở.  
108 — Giồng cây bí, thi cây tre.  
109 — Giồng cây, cỏ ngày ăn quả.  
110 — Giở giốn cho thiên hạ dòm.  
111 — Giời đánh, còn tránh miếng ăn.  
112 — Giời còn rộng, đất cùn dài.

- 113 — Giời chẳng đóng cửa nhà ai.  
114 — Giời làm đất, đất làm giờ.  
115 — Giời sinh voi, giờ sinh cỏ.  
116 — Giùi dục chấm nước mắm cáy.  
117 — Giùi đánh dục, dục đánh chạm.  
118 — Giữ như ông thầy giữ ấn.

7 chữ

- 119 — Giã một trăm chày, gạo mới trắng.  
120 — Giai có vợ tè gia nội trợ.  
121 — Giai có vợ như giỗ có hom.  
122 — Giai có vợ như dợ buộc chân.  
123 — Giai năm trắng gấp nàng bảy trống.  
124 — Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh.  
125 — Giàu có ba mươi tết mới hay.  
126 — Giàu làm chị, khó lụy làm em.  
127 — Giết mèo mà cứu vạn chuột.  
128 — Gió heo may mía bay lên ngọn.  
129 — Giọt máu đào hơn ao nước lũ.  
130 — Giỗ được mã, thì già mất đám.

8 chữ

- 131 — Giã ba buồm không nuôi câu một luỗi.  
132 — Giã gạo thì ốm, giã cối thì khỏe.  
133 — Giăng quàng thi cạn, giăng tàn thi mưa.  
134 — Giấy trắng mực đen làm quen thiên hạ.

- 135 — Giàu thì dễ người, khó thì nói lão.  
 136 — Giàu hai con mắt, khó hai bàn tay.  
 137 — Giàu về nén <sup>(1)</sup> chẳng giàu về sén bờ.  
 138 — Giàu lúc còn son, giàu lúc con nhún.  
 139 — Giết một con cò, cứu trăm con tép.  
 140 — Gió bắc hiu-hiu sếu kêu thì rét.  
 141 — Giới không chịu đất, đất phải chịu giới.  
 142 — Giới nắng tốt dưa, giới mưa tốt lúa.  
 143 — Giới nắng chóng trưa, giới mưa chóng tối.  
 144 — Giới đất hương hoa, người ta cơm rượu.  
 145 — Giới-giác như thắng lác té xuống ao.  
 146 — Giữ được dâng tròn, dâng l.... qua mồ.

9 chữ

- 147 — Già được bát canh, trẻ được manh áo mới.  
 148 — Già chẳng trót đời, mặc áo tối mà chết.  
 149 — Giai chờ dò ngang, gài bán hàng giàu miếng.  
 150 — Giai thấy l.... lạ như qua thấy gà con.  
 151 — Giặc bên Ngô, không bằng bà cô bên chồng.  
 152 — Giàu thù quê, không bằng ngồi lè kè chơ.  
 153 — Giàu nuôi lợn đực, khó cực nuôi lợn cái.  
 154 — Gió heo may chẳng mưa rầm thì bão giật.

(1) — ruộng.

10 chữ

- 155 — Giai anh hùng vò duyên,  
 Gái thuyền quyên bạc phản.  
 156 — Giai khôn lăm nước dài,  
 Gái khôn lăm nước mắt.  
 157 — Giai linh tuần, linh thú,  
 Gái cửa phủ, cửa đồng.  
 158 — Giai Cầu Vồng, Yên-Thế.  
 Gái Nội-Duệ cầu Lim.  
 159 — Giăng đèn rầm thi tròn,  
 Sao đến tối thi mọc.  
 160 — Giăng mờ tốt lúa nở,  
 Giăng tảo tốt lúa sâu.  
 161 — Giận dứa ngủ quên ngủ,  
 Mè vận lú quên ăn.  
 162 — Giàu chủ kho, no nhà bếp, chóng chết quắn voi.  
 163 — Giàu con út, khó con út, chút sạch cửa nhà <sup>(1)</sup>.  
 164 — Giới nào có dông kẻ gian, có oan người ngay.

11 chữ

- 165 — Giàu ngày ăn ba bữa,  
 Khó cung đồ lừa ba lần.

12 chữ

- 166 — Giai ơn vua cưỡi thuyền rồng,  
 Gái ơn chồng bồng con thơ.

(1) — cắn cơm, cắn sữa

- 167 — Giai chưa vợ, bạc đầy cong,  
Gái chưa chồng, tiền đầy gác.  
168 — Giai khôn tránh khỏi đòn quan,  
Gái khôn tránh khỏi đòn chồng.  
169 — Giàu đời nay lăm kẽ ưa,  
Giàu đời xưa chẳng ai màng.  
170 — Gió đông là chồng lúa chiêm,  
Gió bắc là duyên lúa mùa.  
171 — Giồng cây chua, ăn quả chua,  
Giồng cây ngọt, ăn quả ngọt.  
172 — Giúp nhời không ai giúp cửa,  
Giúp dũa không ai giúp cơm.

14 chũ

- 173 — Già thì già tóc, già tai,  
Già răng, già lợi, đồ chơi không già.  
174 — Già thì mọi sự mọi hèn,  
Giang sơn phó mặc <sup>(1)</sup> dàn em sau này.  
175 — Giai khôn kén vợ chợ đông,  
Gái khôn kén chồng giữa chốn ba quán.  
176 — Giai tay không chẳng thêm <sup>(1)</sup> nhờ vợ,  
Gái ruộng đợ phải ăn mày chồng <sup>(2)</sup>.  
177 — Giai ba mươi tuổi dang xoan,  
Gái ba mươi tuổi đã toan về già.  
178 — Giai ba mươi tuổi mà già,  
Gái bốn mươi tám dang ra mà hồng.

(1) — già (2) — ai (3) — trăm mẫu ruộng đợ cũng tiếng nhà chẽ

- 179 — Giai từ chiêng, gái giang hồ,  
Gặp nhau ta nỗi cơ đồ từ đây <sup>(1)</sup>.  
180 — Giai từ chiêng hầu bao, dạ cá,  
Gái giang hồ yếm vá, cõi sây.  
181 — Giai bất nhân phá quân thin tuất,  
Gái bạc tình thảm sát nhàn cung.  
182 — Giai nuôi vợ đẻ gầy mòn,  
Gái nuôi chồng ốm béo cùn cõi xay.  
183 — Giai tàn <sup>(2)</sup> gái hóa thi chơi,  
Đừng nơi có vợ, chờ nơi có chồng.  
184 — Giai hồn vua được lúc đua thuyền,  
Gái hồn chồng được lúc bồng con.  
185 — Giai mồng mệt, gái hôm râm,  
Nuôi thì nuôi vậy, còn căm dạ này.  
186 — Giai làm nên năm thê, bảy thiếp,  
Gái làm nên thủ tiết thờ chồng.  
187 — Giang sơn một gánh cất ngồi,  
Đầu con, đầu vợ, đầu nồi, đầu niêu.  
188 — Giang sơn phó mặc hàng mâm,  
Sấm chớp ý-ầm phó mặc Thiên-lôi.  
189 — Giăng khuyết rồi giăng lại tròn,  
Mụ già kén rẽ con còn hóa lâu.  
190 — Giăng chưa cho lúa vàng-vàng,  
Cho anh đi cắt, cho nàng quẩy cơm.  
191 — Giăng thanh, nguyệt rạng mãi định,  
Chén son chưa cạn sao tình đã quên.

(1) — cũng nèo. ( ) — không

- 192 – Giăng rầm vừa tő, vừa cao,  
Cho nên ai cũng ước ao giăng rầm.
- 193 – Giăng mờ còn tő hơn sao,  
Đâu rằng núi lở còn cao hơn đồi.
- 194 – Giận chồng mà chẳng bể con,  
Cha mày làm mất cái giòn mẹ đi.
- 195 – Giận mà nói lại cho hay,  
Thau đồng hồ dễ khỏi tay thợ hàn.
- 196 – Giàu không hà tiện, khó liền tay,  
Khó không hà tiện, khó ăn mày.
- 197 – Giàu từ<sup>(1)</sup> trong trúng giàu ra.  
*Khó từ ngã bay ngã ba khó về*<sup>(2)</sup>.
- 198 – Giàu sơn lâm lăm kẽ tim đến,  
Khó giữa chợ chẳng ma nào nhìn.
- 199 – Giàu sang nhiều kẻ tới nhà,  
Khó khăn nên nỗi ruột già xa nhau.
- 200 – Giàu nhân ngãi hãi giữ cho giàu,  
Khó tiền bạc mưa lo rằng khó.
- 201 – Giàu về thề, nghèo về thề,  
Mèo uống nước bể chẳng bao giờ cạn.
- 202 – Giàu đâu đến kẽ ngủ trưa,  
*Sang*<sup>(3)</sup> đâu đến kẽ say sura rượu chè<sup>(4)</sup>.
- 203 – Giàu thi cơm cháo bồ lao,  
Khó thi đánh điếu thuốc lào ngậm hơi.
- 204 – Giàu ba mươi tuổi chờ mừng,  
Khó ba mươi tuổi em đứng với lo.

(1) – em (2) – đói em, đói thua mẹ cha sinh thành,  
(3) – hay (k) – lỗi ngày.

- 205 – Giàu thì dãi vải tháng ba,  
Khó khăn mua vải hồ la tháng mười.
- 206 – Giàu thì cũng chẳng có thèm,  
Khó khăn ta liệu ta làm, ta ăn.
- 207 – Giàu trong làng trái duyên khôn ép,  
Khó nức người phải kiếp cung theo
- 208 – Giàu này coi nặng như chì,  
Ăn thì dã vây, lấy gì giả ơn.
- 209 – Giế cùi tốt mĩ dài đuôi,  
Hay ăn cút chó, ai nuôi giế cùi.
- 210 – Gió đưa ông đội vào kính,  
Bà đội thương tình cắp nón chạy theo.
- 211 – Gió đưa cày cải về giờ,  
Rau răm ở lại chịu nhời dáng cay.
- 212 – Gió đưa tờ giấy lên mây,  
Gió đưa cô tú vào dày ăn giàu.
- 213 – Gió nồm là gió nồm nam,  
Trách chàng quân-tử ăn tham không chào.
- 214 – Gió nồm là gió nồm nôm,  
Trách chàng quân-tử có mồm không ăn.
- 215 – Gió bên Đông, dòng bên Tây,  
Tuy rằng nói dối, nhưng dày biết rồi.
- 216 – Giõe bồ thương kẻ ăn đong,  
Có chồng thương kẻ nằm không một mình.
- 217 – Giới ơi! sinh giặc làm chi,  
Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường.
- 218 – Giới kia Khôn cũng thừa Càn,  
Nước kia Tần cũng hợp Tần mới xong.

- 219 — Giời mưa uột là dài-bi,  
Con mẹ, mẹ xót, xót gì con đâu.
- 220 — Giời nào có phụ ai đâu,  
Hay làm thì giàu, có chí thì nên.
- 221 — Giời làm một trận phong ba,  
Chồng tôi như đứa bán gà chợ phiên.
- 222 — Giời làm một trận lảng-nhăng,  
Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông.
- 223 — Giời còn khi nắng, khi mưa,  
Ngày còn khi sớm, khi trưa, nữa người.
- 224 — Giời mưa, thì mặc giời mưa,  
Tôi không có nón, giời chưa tôi ra.
- 225 — Giời Phật thì ở trên mây.  
Nhiều tiền dong dày, ít tiền dong voi.
- 226 — Giời sinh hùm chẵng có vây,  
Hùm mà có cánh, hùm bay lên giời.
- 227 — Giời sinh ra kiếp hay chơi,  
Sao giờ lại khép vào nơi không tiền.
- 228 — Giời nắng rồi giờ lại mưa,  
Chứng nào tật ấy có chưa được đâu.
- 229 — Giời sao giờ ở chẵng cản,  
Người ăn không hết, người lần chẵng ra.
- 230 — Giời sao giờ ở chẵng công,  
Người ba bốn vợ, người không vợ nào.
- 231 — Giời mưa nước chảy qua ngõi,  
Tôi chẵng lấy nó, nó dời lấy tôi.
- 232 — Giời mưa nước chảy qua đình,  
Tôi chẵng lấy nó, nó đình lấy tôi.

- 233 — Giời mưa nước chảy qua hè,  
Tôi chẵng lấy nó, nó dè lấy tôi.
- 234 — Giữa làng có cây đa xanh,  
Giò đánh một cành, tươi vẫn hoàn tươi.
- 235 — Giường rộng thì ghé lưng vào,  
Nghìn năm ai có tơ hào với ai.
- 236 — Giai chè vợ mất của tay không,  
Gai chè chồng một đồng giả thành bốn.
- 237 — Giời quả báo ăn cháo gầy răng,  
Ăn cơm gầy đũa, xỉa răng gầy chày.

17 chữ

- 238 — Già ăn trẻ lại, gái ăn đắt chồng,  
Nhờ nhỡ những nhùng, ăn được lứa đẻ thèm.

20 chữ

- 239 — Giàu giàu giàu kém mười trâu dày [một chục.  
Lợn dê nhung-nhúc kém mười chục dày [một trăm.

H

3 chữ

- 1 — Hiền như Bụt.  
2 — Hót như khướu.

- 3 — Hồn như gấu.  
4 — Hùm mát thịt.

4 chữ

- 5 — Há miệng, mắc quai.  
6 — Há miệng chờ ho.  
7 — Hai bàn tay trắng.  
8 — Hai sương, một nắng.  
9 — Hai năm rõ mười.  
10 — Hai chín trùng nhau.  
11 — Hải mู lặn hồ.  
12 — Hại nhân, nhân hại.  
13 — Hay, xoay vào lòng.  
14 — Hảm chó, vỏ ngựa.  
15 — Hàng văn đánh ngược.  
16 — Hàng cót bằng nan.  
17 — Hao dầu, tổn bắc.  
18 — Hắn hoi lỗ miệng.  
19 — Hàng-hà sa-số.  
20 — Hầu cõi, hầu cậu.  
21 — Hậu bạc tùy tình.  
22 — Hết chung thì chạ.  
23 — Hết nợ làm giàu.  
24 — Hết hương, còn khói.  
25 — Hết rên, quên thầy.  
26 — Hết khòn hóa rõ.  
27 — Hết thuốc, hết xôi.  
28 — Hết bột lên bồi.  
29 — Hết xôi, rồi việc.

- 30 — Hỉ mũi chưa sạch.  
31 — Hiền giả quá ngu.  
32 — Họ dôi ba bè.  
33 — Hoa hòe, hoa sói.  
34 — Hoa đậu, bướm đầy.  
35 — Họa lai, thằn ám.  
36 — Học tài, thi phận.  
37 — Học hay, cầy biết.  
38 — Hồi sứ mượn lược.  
39 — Hom tranh bẻ hai.  
40 — Họp chợ lấy người.  
41 — Họ-pháp ăn tép.  
42 — Họ-pháp cắn chắt.  
43 — Hồi như chuột chù<sup>(1)</sup>.  
44 — Hồng nhan đa truân.  
45 — Hồng nhan bạc phận.  
46 — Hòn chảng bõ hao.  
47 — Hủi ăn thịt mỡ.  
48 — Hu thân miết nết.  
49 — Hương hỏa mã dài.  
50 — Hữu lao, vỏ công.  
51 — Hữu danh, vỏ hình.  
52 — Hữu thủy, vỏ chung.  
53 — Hữu cầu tất ứng.  
54 — Hữu chí cánh thành.

5 chữ

- 55 — Hà địa bất sinh tài.  
56 — Hải thung vào một dấu.

<sup>(1)</sup> — họ xít hoặc tồi cú.

- 57 – Hai tay vun lỗ miệng.
- 58 – Hay ác thì vạc sừng.
- 59 – Ham ăn thì mặc bẫy.
- 60 – Hàng thịt nguýt hàng cá.
- 61 – Hết khôn dồn ra đợi.
- 62 – Hết quan thi hoàn dân.
- 63 – Hết nạc, vạc đến xương.
- 64 – Hết cái thì đến nước.
- 65 – Hò voi bắn súng sậy.
- 66 – Hoa thơm đánh cả cùm.
- 67 – Hoàng kim hắc thế tâm.
- 68 – Học như gà đá vách.
- 69 – Hót như khướou-bách-thanh.
- 70 – Hồ phụ sinh khuyền tử.
- 71 – Huýt chó vào bụi rậm.
- 72 – Hương Bụt thấp thờ Bụt.

6 chữ

- 73 – Hay chữ chằng bằng dữ dòn.
- 74 – Hay ăn mà chẳng hay làm.
- 75 – Hay nó ở, dở nó đi.
- 76 – Hay cửa nào, chào cửa ấy.
- 77 – Hay thi khen, hèn thi chê.
- 78 – Hay ăn thi lăn vào bếp.
- 79 – Ham một đĩa, bỏ cả mâm.
- 80 – Hang hầm ai dám mó tay
- 81 – Hết cửa nhà, ra cửa người.
- 82 – Hết gạo, thi nạo thêm khoai.
- 83 – Hết duyên hờ dẽ tìm duyên.
- 84 – Hi-hứng như Ngô được vàng.

- 85 – Họ ra bạc, khạc ra tiền.
- 86 – Hoài phân dem đồ ruộng người.
- 87 – Hoài cành mai cho cù đậu.
- 88 – Học như cuốc kêu mùa hè.
- 89 – Học thầy chả tẩy học bạn.
- 90 – Học mặc tài, thi mặc phận.
- 91 – Học chả hay, cầy chả biết.
- 92 – Hồi thi nói, gọi thi thura.
- 93 – Hòn cút còn có đầu đuôi.
- 94 – Hồng-hồng như l... chực cưới.
- 95 – Hồng đắng nợ, vớ đắng kia.
- 96 – Hồ vo tròn, lại bóp bếp.
- 97 – Hơn một ngày, hay một chước.
- 98 – Hùm dữ chảng ăn thịt con.
- 99 – Húng mọc, tia-tó cũng mọc.
- 100 – Hứng tay dưới, đỡ tay trên.
- 101 – Hươu trèo thì nai cũng trèo.

7 chữ

- 102 – Ham cái nết, không hết chi người.
- 103 – Hè nóng nước, thi toan vơ rể.
- 104 – Hiềm nghèo như gươm treo sợi tóc.
- 105 – Họ nhà tóm cứt lộn lên đầu.
- 106 – Hoa mắt nhị, lấy gì làm thơm.
- 107 – Hoa mai nở tối, chiều ra đi.
- 108 – Hoài tiền mua pháo mượn người đốt.
- 109 – Hoài thóc ta cho gà người bới.
- 110 – Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân,
- 111 – Học thi đốt, vợ tốt thì muốn.

- 112 — Học chọc bát cơm, đơm bát cháy (1).  
 113 — Học chẳng hay, thi may thì đỗ.  
 114 — Hung-hăng như nhặng vào chuồng liệu.

8 chữ

- 115 — Hà tiện cùng Bụt, thí phát cùng ma.  
 116 — Hà tiện mồi giàu, cơ cầu mồi cõi.  
 117 — Hai tai một đầu, hai râu một cầm.  
 118 — Hay ăn, hay uống là tướng giới sinh.  
 119 — Hay ăn vào bếp, chóng chết quản voi.  
 120 — Hay làm thi đói, hay nói thi no.  
 121 — Hay ăn miếng ngon, chồng con giả người.  
 122 — Hảm huyết phún nhâñ, tiên ô tự khâu.  
 123 — Hảm chó, vó ngựa, cựa gà, ngà voi.  
 124 — Hàng cót, bằng nan, hàng rào, bằng lũy.  
 125 — Hát khi xay lúa, múa khi tắt đèn.  
 126 — Hết quan tàn dân, thua quân bán ruộng (2).  
 127 — Họa vô đán chí, phúc bất trùng lai.  
 128 — Họa tùng khầu xuất, bình tùy khầu nhập.  
 129 — Học ăn, học nói, học gói, học mở.  
 130 — Hòm rương nhiều ít mặc tài phát thân.  
 131 — Hòn đất ném đi, hòn chì ném lại.  
 132 — Hùm mắt hươu tiếc hơn mèo mắt thịt.  
 133 — Hung chi hơn gạo, bạo chi hơn tiền.  
 134 — Hững-hờ như hàng tống đánh kẻ cướp.  
 135 — Hữu thực hữu tác, vô tác vác mõ.

9 chữ

- 136 — Hà tiện mồi cõi, phũ như chó mồi giàu.

(1) chẳng kịp. — (2) câu đánh ô.

- 137 — Hại bát cơm đầy, không hại thầy to tiếng.  
 138 — Hay lam hay làm quanh năm chẳng lo đói.

10 chữ.

- 139 — Hai vợ chồng son, để một con hóa bốn người.  
 140 — Hơn một ngày chẳng ở,  
     Kém một ngày chẳng đi.  
 141 — Hương nồng thấp, nồng khói,  
     Nhời nồng nói, nồng lỗi (!).  
 142 — Hữu xạ tự nhiên hương, hà tất đương phong  
     [lập.]

11 chữ.

- 143 — Hay ăn đi ở vú,  
     Hay dụ đi làm nàng hầu.

12 chữ.

- 144 — Hay lam hay làm, chè lam bánh bồng, chẳng  
     [hỗn] miếng nào.  
 145 — Hữu tật thì bái tứ phương,  
     Vô tật đồng hương chẳng mất.  
 146 — Hữu hăng sản, vô hăng tâm;  
     Hữu hăng tâm, vô hăng sản.

13 chữ.

- 147 — Hay ăn thì lăn vào bếp,  
     Chẳng ai khen cái nết hay làm.

(1) phai.

148 — Hàng say, hàng sáo, lão nháo ghéo chồng  
[còn, bồ còn thòe hết]

14 chữ.

149 — Hà tiện mà ăn cháo hoa,  
Đồng đường, đồng đậu cũng rà ba đồng.

150 — Hai bên tranh lấy quả cầu,  
Dẫn yên, nước thịnh dài lâu vĩnh huyền.

151 — Hai tay ôm lấy ngang lưng,  
Tôi đau bụng lầm lấy gừng cho tôi.

152 — Hai mươi bốn giăng mọc còn năm,  
Hai mươi nhăm giăng mọc đã dày.

153 — Hay sóc đĩa ông mời về,  
Gái này đang muốn ngừa nghè với ông.

154 — Hay làm mà chẳng hay lo,  
Làm chi cho lầm, làm cho nhọc mình.

155 — Hay quần, hay áo, hay hoi,  
Mà chẳng hay người là của bỏ đi.

156 — Hãy cho bền chí câu cua,  
Đù ai câu chạch, câu rùa mặc ai.

157 — Hãy xin bớt giận làm lành,  
Bắt con rận béo nấu canh rau rền.

158 — Hán-vương còn mặt mũi nào,  
Đã nhồ lại liếm, làm sao cho dàn.

159 — Hạt tiêu nó bé, nó cay,  
Đồng tiền, nó bé, nó hay cửa quyền.

160 — Hầm duyên lấy phải chồng dần.  
Có rầm mầu ruộng bán dần mà ăn.

161 — Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử,  
Ngô nghịch hoàn sinh ngô nghịch nhi.

162 — Hèn mà làm bạn với sang,  
Chỗ ngồi, chỗ đứng có ngang bao giờ.

163 — Họ không đi, ri không đứng,  
Nhủ đi dẳng ri, nó đi dẳng tắc.

164 — Hoa thơm mất nhị đi rồi,  
Còn thơm đâu nữa mà người ước ao.

165 — Hoa thơm mất nhị đi rồi,  
Đủ rằng trang điểm cũng người vò duyên.

166 — Hoa thơm bán một đồng mười,  
Hoa tàn nhị rữa bán đỏi lặng vàng.

167 — Hoa thơm ai chẳng nàng niu,  
Người khôn ai chẳng kính yêu mọi bề.

168 — Hoa thơm ai chẳng muốn deo,  
Người khôn ai chẳng nàng-niu bèn minh.

169 — Hoa thơm ai nỡ bỏ rơi,  
Người khôn ai nỡ nặng nhời đến ai.

170 — Hoa thơm, thơm nức cả rừng,  
Ông chưa đám đậu, bướm đứng xòn-xao.

171 — Hoa sen mọc bãi cát dầm,  
Tuy rằng lầm lạp vẫn mầm hoa sen.

172 — Hoa thơm, thơm lá, thơm lung,  
Thơm cây đến rẽ, người giồng cũng thơm.

173 — Họa hồ, họa bì, nan họa cốt,  
Tri nhân, tri diện, bất tri tâm.

- 174 — Hoài tiền mua thuốc nhuộm răng,  
Đề tiền mua mia đánh khăng vào mồm.
- 175 — Hoài tiền mua mía đánh khăng,  
Đề tiền mua thuốc nhuộm răng cho vàng.
- 176 — Hoài tiền mua pháo đốt chơi,  
Pháo nổ ra xác, tiền ôi là tiền!
- 177 — Hoài nhời nói kẻ vô-tri,  
Một trăm gánh chì đúc chẵng nên chuông.
- 178 — Hoài hơi mà dấm bị bông,  
Dấm được bên nõ, nó phòng bên kia.
- 179 — Hoàng-cương ăn tẩm củng no,  
Đông-viên có thóc bán cho kẻ Hoàng.
- 180 — Học chẵng biết chữ cu, chữ cò,  
Nói những chữ như rồng, như rắn.
- 181 — Học hành thì ích vào thân,  
Chức cao, quyền trọng dần dần theo sau.
- 182 — Học trò đi học đã về,  
Cơm canh chưa nấu lại trè mới ra.
- 183 — Học trò thò lò mũi xanh,  
*Cầm miếng* (2) bánh đúc chạy quanh nhà thầy.
- 184 — Hỏi vợ thì cười liền tay,  
Chó đẻ lâu ngày lăm kẽ dêm pha.
- 185 — Hòn đất nó biết nói nǎng,  
Thì thầy địa-lý hàm răng chẵng còn.
- 186 — Hỏi chùa Thầy có hang Cắc-cớ,  
Giai chưa vợ thì nhớ hỏi Thầy.

(1) — đề tiền mua bánh đúc mà quăng vào mồm — (2) *tin vung*

- 187 — Hôm nay mười bốn, mai rằm,  
Ai muốn ăn oản lên nằm với sư.
- 188 — Hồn răng: Hồn thác ban ngày,  
Thương cha, nhớ mẹ hồn rày thác đêm.
- 189 — Hồng nhan ai kém ai đâu,  
Kẻ xe chỉ thảm, người xâu hạt vàng.
- 190 — Hơi đâu mà giận người dừng,  
Bắt sao được cái chim rừng nó bay.
- 191 — Hồi cô thất giải lưng xanh,  
Ngày ngày thấp-thoáng trong mành trông ai?
- 192 — Hồi cô yếm thảm bùa deo,  
Chồng cô, cô bỏ, cô theo chồng người.
- 193 — Hồi ai vết chiếu hành-rành,  
Chén sơn chưa cạn, mà tình đã voi.
- 194 — Hồi con vịt nước kia oi,  
Sao mây vùng-vây ở nơi Ngân-hà.
- 195 — Hòn nhau tẩm áo manh quần,  
Thả ra bóc trần ai cũng như ai.

*15 chữ*

- 196 — Hoa thơm đánh cả cụm, mít ngon đánh  
[ cả sơ, mia ngọt bòn cả vỏ.]

*16 chữ*

- 197 — Hay lam, hay làm đầu quang, mặt sạch,  
Chẳng hay làm đầu rêch, mặt dơ.
- 198 — Hạt lúa vàng, hạt thóc cũng vàng,  
Anh yêu em, bác mẹ, họ hàng cũng yêu.

- 199 — Học trò học trẹt ỉa phẹt ra mồ,  
Chó chẳng liếm cho, học trò liếm vậy.

*20 chữ*

- 200 — Hoài hồng ngâm cho chuột vọc,  
Hoài hòn ngọc cho ngâu vầy,  
Hoài bánh giầy cho thẳng mèo miệng.

*23 chữ*

- 201 — Hứng truyện non, thấy bà có cỗ ấm con  
[cho bà]  
Hứng truyện già, thấy bà sé thịt gà, di hài  
[lá chanh]

# I

*4 chữ*

- 1 — Ích kỷ hại nhàn  
2 — Im hơi lặng tiếng.  
3 — Ít thày dày dây.  
4 — Ít ngài dài dưa.

*6 chữ*

- 5 — Ít bột không nặn nhiều bánh.

*7 chữ*

- 6 — Ím-ím như gái ngồi phải cọc.  
7 — Ím-ím như gái dài gốc dâu.  
8 — Ím-ím như bà cốt uống thuốc.

# Y

*3 chữ*

- 1 — Yếu như sên.

*4 chữ*

- 2 — Ỷ thế, ỷ thần.  
3 — Yếu thầm, dấu vụng.  
4 — Yếu chân, mềm tay.  
5 — Yếu chân chạy trước.

*5 chữ*

- 6 — Yếu trâu bằng khỏe bò.

*6 chữ*

- 7 — Yếu cây, nên dấu đèn hoa.  
8 — Yếu [con] chi, vị con em.  
9 — Yếu nhau lăm, cắn nhau đau.  
10 — Yếu nhau, chin hở làm mười.  
11 — Yếu nên tốt, ghét nên xấu.  
12 — Yếu cho vợt, ghét cho chơi.  
13 — Yếu hoa, nên phải vin cảnh.  
14 — Yếu nhau rào giận cho kín.

*7 chữ*

- 15 — Yển trước khởi tri hồng hộc chi.

*12 chữ*

- 16 — Yếu ai thì bốc lên giờ,  
Ghét ai thì đâm xuống đất.

17 — Yêu con cho roi, cho vọt,  
Ghét con cho ngọt cho bùi.

18 — Yêu trẻ, trẻ hay đến nhà,  
Kính già, già <sup>(1)</sup> tuổi cho.

14 chữ

- 19 — Ý ai, thì mặc ý ai,  
Ý tôi, tôi muốn canh khoai đầy nồi.
- 20 — Yêu nhau, mọi việc <sup>(2)</sup> chẳng nè,  
Dù <sup>(3)</sup> trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.
- 21 — Yêu nhau, cau bảy bồ ba,  
Ghét nhau, cau bảy bồ ra làm mười.
- 22 — Yêu nhau cõi áo cho nhau,  
Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay.
- 23 — Yêu nhau chẳng quản gần xa,  
Một ngày chẳng đến, thi ba, bốn ngày.
- 24 — Yêu nhau chẳng quản lầm than,  
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.
- 25 — Yêu nhau quá đỗi nén mè,  
Rồi sau mới biết kẻ chê người cười.
- 26 — Yêu nhau, giấu vỏ cũng say.  
Ghét nhau, cau đậu đầy khay chẳng mang.
- 27 — Yêu nhau sé lụa may quần,  
Ghét nhau kẽ nợ kẽ nần nhau ra.
- 28 — Yêu nhau bốc bãi dần sàng.  
Ghét nhau đũa ngọc, mâm vàng chờ thay<sup>(4)</sup>.

(1) bớt — (2) van sự, — (3) một — (4) chẳng ăn.

- 29 — Yêu nhau, yêu cả đường đi,  
Ghét nhau, ghét cả tông chi họ hàng.
- 30 — Yêu nhau cũng chẳng cho vàng,  
Ghét nhau cũng chẳng tránh dàng mà đi,
- 31 — Yêu nhau, chữ vị là vị,  
Chữ dục là muốn, chữ tùy là theo.
- 32 — Yêu nhau xin quyết một lòng,  
Đậu ngâm ra giá dãi dằng nhau chí
- 33 — Yêu nhau chẳng quản chiểu giường,  
Dẫu rằng tav lá che sương cũng tình.
- 34 — Yêu ai thì nói quá ưa.  
Ghét ai nói thiếu, nói thừa như không.
- 35 — Yêu cày mới nhớ đến hoa,  
Yêu đi thẳng dỗ, mua quà nó ăn.
- 36 — Yêu em gánh gạch về dày,  
Chẳng dắp nên núi, cũng xây nên thành.
- 37 — Yêu ta, ta cũng thế này,  
Ghét ta, ta cũng như ngày mình yêu.
- 38 — Yêu anh, tâm tri hao mòn,  
Yêu anh đến thác cũng còn yêu anh.

16 chữ

39 — Yên-Dương : Tung-Hàng ; Kim-Thành : Quỳnh-Khé,  
Tử-Liêm ; Đông-Ngạc, Bạch-Hạc : Nhật-Chiêu.

18 chữ

40 — Yêu nhau chị em gái, rái nhau chị em dâu,  
danh nhau vỡ đầu là anh em rể

20 chữ

41 – Yêu nhau tam, từ nùi cũng trèo, thất, bát  
khe cũng lội, từ cùu tam-thập-lục đèo cũng qua.

# K

4 chữ

- 1 – Kẽ vai chồng đồng.
- 2 – Kẽ thura, người bầm.
- 3 – Kẽ tung, người hưng.
- 4 – Kẽ yêu, người nê.
- 5 – Kẽ kinh, người nhường. (1)
- 6 – Kèn xuôi, giảm ngược.
- 7 – Kén cá, chọn canh.
- 8 – Kéo cầy giả nợ.
- 9 – Kị hồ nan hạ.
- 10 – Kiến cơ nhi tác.
- 11 – Kiến bò miệng chén.
- 12 – Kiện gian, bàn ngay.
- 13 – Kim chỉ có đầu.
- 14 – Kín công, cao tường.
- 15 – Kín trên, bền dưới.
- 16 – Kinh thiên, động địa.
- 17 – Kính chẳng bõ phiền.
- 18 – Kinh lão đắc thọ.

(1) rái.

5 chữ

- 19 – Kẻ dát nát người bạo.
- 20 – Kẻ cắp gấp bà già.
- 21 – Kẻ gà, kẻ dê, ngỗng.
- 22 – Kiếm ăn xa, độc nước.
- 23 – Kim ngân phá lệ luật.
- 24 – Kín gianh hòn lành gỗ.

6 chữ

- 25 – Kẻ nói đơn, người nói kép.
- 26 – Kẻ nưng bị, người cắt quai.
- 27 – Kẻ ăn ruroi, người chịu bão.
- 28 – Kẻ ham công, người tiếc việc (1).
- 29 – Kè-lè con cá, con kè.
- 30 – Kêu cho thấu, tấu cho đến.
- 31 – Ky-cóp cho cop nó ăn (2).
- 32 – Kiếm được mót, muốn ăn mười.
- 33 – Kiến tha lâu cũng dày tở.
- 34 – Kiêng ăn nhầm ngày hết gạo.
- 35 – Kinh một đẳng, thỉnh một đẳng.

7 chữ

- 36 – Kẻ cắp lại chê vải hép khồ.
- 37 – Kẻ trước bắc cầu, người sau noi.
- 38 – Kẻ có công đồng kẻ có cửa.
- 39 – Kẻ mót quan khinh kẻ chín tiền.
- 40 – Kẻ có nhàn mươi phần chẳng khó.
- 41 – Kẻ có tiếng chẳng mạnh thì bạo.
- 42 – Kim bạc rẻ lâu ngày cũng ra.

(1) ham cửa. — (2) tha

8 chữ

43 — Kẻ khó được vàng, người sang cất lấy.

9 chữ

44 — Kiếm cùi ba năm, thiêu không đầy một giờ.

14 chữ

45 — Kẻ có tình thì rinh trong bụi,  
Kẻ vô tình lủi-thủi mà đi.

46 — Kèngh nghê vuí thú kèngh nghê,  
Tép tôm thi lại vui bè tép tôm.

47 — Kỳ này lúa mọc đầy đồng,  
Giỗ vua Thái-Tồ, Thái-Tông mưa rào.

48 — Kia ai học sách Thánh Hiền,  
Lắng tai nghe lấy cho chuyên án cần.

49 — Kiến leo cột sắt bao mòn,  
Tò-vò xây tổ bao tròn mà xây.

50 — Kiến bò miệng chậu thi chầy,  
Kiến bò miệng chén chẳng rầy, thi mai.

51 — Kim vàng ai nỡ uốn câu,  
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng nhời.

52 — Kim đâm vào thịt thi đau,  
Thịt đâm vào thịt nhớ nhau cả đời.

53 — Kinh đồ cũng có người rõ,  
Man-di cũng có Sinh đồ Trạng-nghéo.

**KH**

4 chữ

1 — Khác mâu, tanh lòng.

2 — Khai quyền hữu ích.

3 — Khất chầy, khất cối.

4 — Khầu Phật, tâm xà.

5 — Khầu xà, tâm Phật,

6 — Khầu tụng, tâm suy.

7 — Khầu thuyết vỏ hăng.

8 — Khầu tâm bất nhất.

9 — Khó lụn xương sườn.

10 — Khó sạch, rách thơm.

11 — Khó, chó cắn thêm.

12 — Khóa nào, chìa ấy.

13 — Khoái mã nhất tiên.

14 — Khói vòng <sup>(1)</sup>, cong đuôi.

15 — Khó chân gân mặt.

16 — Khổ rách, áo ôm.

17 — Khổ tăng gia khổ.

18 — Khôn nhà, dại chợ.

19 — Khôn ngoan rùa mốc.

20 — Khôn khéo vào nhòng.

21 — Khôn ngoan có nọc.

22 — Khôn sống, mống chết.

23 — Khôn cay, khéo nhò.

24 — Khuất mắt khôn coi.

(1) — trông.

5 chữ

- 25 – Khác lợ, cùng một nước.  
 26 – Khách ba, chúa nhà bảy.  
 27 – Khẩn trâu, giả lê bò.  
 28 – Khen phò-mã tốt áo.  
 29 – Khen nba giàu lăm thóc.  
 30 – Khinh khỉ, mắc độc già.  
 31 – Khó Khách hơn giàu An-nam.  
 32 – Khoét ngạch phải nhà thờ.  
 33 – Khỏi nhà ra thất nghiệp.  
 34 – Khỏi họng ra bọng đờ.  
 35 – Khỏi lỗ thi vô vế.  
 36 – Khồ, đồ cho hàng vải.  
 37 – Khôn lăm lại dại nhiều.  
 38 – Không dung phải vụ vịt.  
 39 – Không làm thì dừng ăn.  
 40 – Không voi, bò làm nhón,  
 41 – Khu nào, quan Lang ấy.

6 chữ

- 42 – Khấp-khênh như răng bà lão.  
 43 – Khầu thị phong, bút thị tung.  
 44 – Khéo con mắt, vụng hai tay.  
 45 – Khéo và may, vụng chầy cối.  
 46 – Khéo và vai, tai và nách.  
 47 – Khéo đẽ cái méo ra ngoài.  
 48 – Khi nén, giờ cũng chiều lòng.  
 49 – Khi nắng còn có khi mưa.  
 50 – Khó giữ đầu, giàu giữ cửa.  
 51 – Khó muốn giàu, đau muốn dā.

- 52 – Khó nói dồng, giàu nói đất.  
 53 – Khó mắt mau, giàu được thưa,  
 54 – Khoai ruộng la, mạ ruộng quen.  
 55 – Khôn ăn cái, dại ăn nước.  
 56 – Khôn ăn người, dại người ăn,  
 57 – Khôn thi khói, dại thi mắc.  
 58 – Khôn ra miệng, dại ra tay.  
 59 – Khôn văn tế, dại văn bia.  
 60 – Khôn như giải, dại như voi.  
 61 – Khôn như mại, dại như lư.  
 62 – Khôn ba năm, dại một giờ.  
 63 – Khôn bảy giờ, dại chốc nữa.  
 64 – Khôn làm lại, dại ở nhà.  
 65 – Khôn thì ngoan, gian thì nồng.  
 66 – Khôn nên quan, gan nên giàu.  
 67 – Khôn khéo chẳng bằng lèo bờ.  
 68 – Không độc không bằng ngốc dân.  
 69 – Không từ trong trứng khôn ra.  
 70 – Không bóp cổ, chẳng lè lưỡi.  
 71 – Không lấy, cũng khuấy cho hồi.  
 72 – Không ăn ốc, phải đồ vỏ.  
 73 – Không rứa, thi rứa có rồi.  
 74 – Không rứa, đồ thừa cho xấu.  
 75 – Không thầy, đồ mày làm nén.  
 76 – Không bót sao gột nên hồ (1).  
 77 – Không được ăn, thi đạp đồ.  
 78 – Không mà cả, giả không hết.  
 79 – Không ngồi thử cũng có phần.

- 80 — Không muối, thì hành lanh-chanh.  
 81 — Không tiền, nói chẳng ra khôn.  
 82 — Không chó, bắt mèo ăn cút.  
 83 — Không có mày, sao có mưa?  
 84 — Không có tinh, lại có tướng.

7 chữ

- 85 — Khách đến nhà, chẳng gà thi *vít* (1).  
 86 — Khi giận, ai bê thước mà đo.  
 87 — Khó ở làng, sang ở thiên hạ.  
 88 — Khó Huyện quan hơn giàu Tư-vụ.  
 89 — Khó nhặt *mięng*, (2) mồ côi nhặt nhời (3).  
 90 — Khó chẳng tha, giàu ra có phản.  
 91 — Khóc hổ ngươi, cười ra nước mắt.  
 92 — Khôn với vợ, dại với anh em.  
 93 — Khôn như tiên, không tiền cũng dại.  
 94 — Không ai đóng vai vật đứa què.  
 95 — Không sợ hẹp nhà, sợ hẹp bụng.  
 96 — Không có cá, lấy cua làm trọng.  
 97 — Không có trâu, bắt bò đi đâm.  
 98 — Khư-khư như ông từ giữ oán.

8 chữ

- 99 — Khen người thi tốt, giật người thi xấu.  
 100 — Khéo ăn thi no, khéo co thi ấm.  
 101 — Khi không gãy gánh giữa đường chẳng hay.  
 102 — Khi kiến ăn cá, khi cá ăn kiến.  
 103 — Khi măng không uốn, thì tre trồ vòng.

(1) — gói (2) — nhời (3) — chịu lẽ.

- 104 — Khi ơi (1) là khỉ, mèo vẫn hoàn mèo.  
 105 — Khỏe thì nắm dọc, nhọc thì nắm ngang.  
 106 — Khô chân gân mặt, đắt tiền cũng mua.  
 107 — Khôn khi vỏ sự, thảo khi no lòng,  
 108 — Khôn thì ngậm miệng, khỏe thi cắp tay.  
 109 — Khôn khéo bánh đầy, vụng dại chày cối.  
 110 — Khôn khéo vá may, vụng dại cày cấy.  
 111 — Khôn di làm lẽ, khỏe di ở mùa.  
 112 — khôn làm cột cái, dại làm cột con, (2)  
 113 — Khôn chẳng qua nhẹ, khỏe chẳng qua nhời.  
 114 — Khôn đâu có trẻ, khỏe đâu có già.  
 115 — Khôn vừa chử, khôn lầm lại chết non.  
 116 — Không cầu mà được, không ước mà nén.  
 117 — Không tiền, không gạo, mạnh bạo gì thầy.  
 118 — Không có giờ, ai ở được với ai.  
 119 — Không dẻ không thương, không máu không  
[xót].  
 120 — Không ai nắm tay thâu ngày đến tối.  
 121 — Không ai duỗi tay thâu ngày đến sáng.

9 chữ

- 122 — Khách nhớ nhà hàng, nhà hàng không nhớ  
[khách].  
 123 — Khen nết hay làm, ai khen nết hay ăn.  
 124 — Khéo làm tội vụng, vụng chẳng làm tội ai.  
 125 — Khó giữa làng còn hơn chồng sang thiên hạ.  
 126 — Không có quân-tử, thì ai khiến tiêu-nhân.

(1) — lại, (2) — quân

10 chữ

- 127 — Khi thương, bòng cõ ruột,  
Lúc ghét, mắng chó mèo.
- 128 — Khó giúp nhau mồi thảo,  
Giàu trù nợ không ơn.
- 129 — Không cõng chết, dại cõng chết, ai biết thi sống
- 130 — Không ngoan kiém ăn người,  
Mặt dời kiém ăn quanh.
- 131 — Không ai giàu ba họ,  
Không ai khó ba đời.
- 132 — Không ai khen đám cưới,  
Nỡ ai cười đám ma.
- 133 — Không mãnh nào nõ qua,  
Không ma nào nõ nhìn<sup>(1)</sup>.
- 134 — Không gấp đi đâu tối,  
Không vội đi đâu đêm.
- 135 — Không mỗi người một ý,  
Lịch-sự mỗi vẻ một hay.
- 136 — Không ngoan hiện ra mặt,  
Què quặt hiện ra chàn tay.
- 137 — Không dại tại tâm, hay giận thầm là người il co  
[câu dài]
- 138 — Không cho nói thi khóc, cho nói thi móc

12 chữ

- 139 — Khéo liệu, khéo lo, khéo bán con bò tâu  
[lấy ĩnh-uong]

(1) — vốn.

- 140 — Khi nóng, bắt lấy tai,  
Khi nguội chẳng biết tai là gì.
- 141 — Khi lành, quạt giấy cõng cho,  
— Khi dữ, quạt mo cõng đòi.
- 142 — Khi lành, cho nhau ăn cháy,  
Khi dữ, mắng nhau cày nỗi.
- 143 — Không từ trong trứng khôn ra<sup>(1)</sup>,  
Dại dẫu đến già cõng dại.

14 chữ

- 144 — Khác nào quã mượn lòng công,  
Ngoài hình xinh đẹp, trong lòng xấu xa.
- 145 — Khen ai khéo tạc bình phong,  
Ngoài long, lân, phượng, trong lòng gạch vôi.
- 146 — Khen ai khéo tạc giàn mui,  
Tôi với không tới, tôi chui, tôi trèo.
- 147 — Khen ai khéo dúc chuồng chí,  
Đang thi có dạng, đánh thi không kêu.
- 148 — Khi vui thi miệng lép-bép,  
Khi buồn ruồi đậu bên mép không đòi.
- 149 — Khi vui, non nước cõng vui,  
Khi buồn sáo thõi, kèn đói cõng buồn.
- 150 — Khi vui, thi muốn sống dai,  
Khi buồn, thi muốn thác mai cho rồi.
- 151 — Khi vui thi vỗ tay vào,  
Đến khi té ngắt<sup>(2)</sup>, thi nào thấy ai.

(1) — không thì từ thuở lên ba.

(2) — có sự hoặc hoạn nạn.

- 152 — Khi chưa, cầu lũy trám dàn,  
Được rồi, thì lại phũ-phàng làm ngo.  
153 — Khi xưa ai biết ai đâu,  
Chỉ vì điếu thuốc, miếng giàu nên quen.  
154 — Khi xưa ước những chân mây,  
Bây giờ rót xuống giữa dây bim-bim.  
155 — Khi xưa ăn những gạo vay.  
Bây giờ mò đến cái chầy già hơi.  
156 — Khi ăn chẳng nhớ đến tai,  
Đến khi phải bỗng, lấy ai mà sờ.  
157 — Khi giàu chẳng có đỡ ai,  
Đến khi hoạn nạn, chẳng ai đỡ mình.  
158 — Khi nêu vung phả cũng nêu,  
Khi suy, dù khéo giữ gìn, cũng suy.  
159 — Khi thương nhau ngóng trông lâu-lau,  
Khi ghét nhau mặt cựu làm ngo.  
160 — Khi đi cửa Hội còn không,  
Khi về cửa Hội đồn trong, diếm ngoài.  
161 — Khi đi trúc mọc le-te,  
Khi về trúc dã cảnh bè giữa sông.  
162 — Khó thì hết thảo, hết ngay,  
Công cha cũng bỏ, nghĩa thầy cũng quên.  
163 — Khó khăn tối rắp cây ông,  
Ai ngờ ông lại khốn cùng hơn tối.  
164 — Khó khăn đắp dồi lắn hỏi,  
Giàu thi chưa dẽ em ngồi em ăn.  
165 — Khoan-khoan hối ả chèo đò,  
Ôi anh cầm lái dặn đò trước sau.

- 166 — Khôn thế-gian làm quan Địa-ngục,  
Dại thế-gian làm quan Thiên-dường.  
167 — Khôn ngoan tâm tình tại lòng,  
Lợ là uống nước giữa dòng mới khôn.  
168 — Khôn ngoan chẳng lợ là nhiều,  
Người khôn mới nói nửa điều đã khôn.  
169 — Khôn ngoan thì bảo rằng ngoa,  
Vụng dại thì bảo người ta rằng dần.  
170 — Khôn ngoan chẳng lợ thật thà,  
Lường thùng, tráo dẫu chẳng qua dong đầy.  
171 — Khôn ngoan ở đất nhà bay,  
Dù che, ngựa cưỡi, đến dày phải luồn.  
172 — Khôn ngoan cũng thè đòn bà,  
Dẫu rằng vụng dại cũng là đòn ông.  
173 — Khôn ngoan qua cửa sông La (1),  
Để ai có cánh bay qua Lũy Thầy (2).  
174 — Khôn ngoan đá đập người ngoài,  
Gà cùng một mẹ chở hoài đá nhau.  
175 — Khôn ngoan đá đập người trong,  
Gà cùng một mẹ chỉ tròng nhau chơi.  
176 — Khôn thì trọng trí lượng ra,  
Dại thì học lốm người ta bề ngoài.  
177 — Không tiền ngồi gốc cây đa,  
Có tiền, thì sẽ lân-là vào hàng.  
178 — Không chồng mà chưa mới ngoan,  
Có chồng mà chưa, thế-gian sự thường.

(1) — Thanh-Hà (2) — Lũy-Chàng.

- 179 — Không sơn mù gắn mới hèo,  
Không bùa, không thuốc mà theo mồi tình.
- 180 — Không nghe tan cửa, hại nhà,  
Nghe thì hai bảy, mươi ba cực lòng.
- 181 — Không thương doi-lại chút tình,  
Nhẽ nào có nhẽ bất bình cả hai.
- 182 — Khuyên anh cờ bạc thời chừa,  
Rượu chè, gai gái say-sưa mặc lòng.
- 183 — Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ,  
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu.
- 184 — Khuyên chàng nhóm lửa thuỷ trâu,  
Sói kinh, nấu sứ, dao bầu thớt lim.

*15 chữ.*

- 185 — Khôn ngoan đến cửa quan mới biết,  
Giàu có đến ba mươi Tết mới hay.

*16 chữ.*

- 186 — Khôn ngoan qui quyết chết lao, chết lù,  
Lù-khù lù-khù chết già chết rũ.
- 187 — Khôn thì ăn cháo ăn chè,  
Đại thì ăn dếch, ăn đặc, ăn gh... cái l...
- 188 — Khôn thì ăn trước, ngồi trên,  
Đại thì đứng dựa cột đình, đánh trống cầm  
[canh.
- 189 — Khôn cho người dài, dài cho người thương,  
Dở-dở ương-ương, tồ người ta ghét.

**L**

*3 chữ*

- 1 — Lành như Bụt.  
2 — Lạnh như đồng.  
3 — Lặng như tờ.  
4 — Lý sự cùn.  
5 — Lịch quá niên.

*4 chữ*

- 6 — Lá rụng về cội.  
7 — Làm phúc phải tội.  
8 — Làm bạn mất bạn.  
9 — Làm mướn không công.  
10 — Làm tốt, mốt đui.  
11 — Làm ơn nên oán.  
12 — Làm chẳng nên ăn.  
13 — Làm thừa, làm thiếu.  
14 — Làm nem, làm chạo.  
15 — Lành ăn, dê khiến.  
16 — Lão lai tài tật.  
17 — Lão giả an chí.  
18 — Lão bang sinh chàu.  
19 — Lão mưu da kế.  
20 — Lạt mềm buộc chặt.  
21 — Lắm duyên nhiều nợ,  
22 — Lắm người nhiều diều.

- 23 — Lắm thầy *rày* <sup>(1)</sup> mà.  
24 — Lắm rẽ nhiều cảnh.  
25 — Lắm bậc nhiều tiền.  
26 — Lắm thóc, nhọc xay.  
27 — Lận ngòi, noi nước.  
28 — Lận hồ hái muống.  
29 — Lấy thịt đè người.  
30 — Lấy gậy chọc giời.  
31 — Lấy dây buộc mình.  
32 — Lấy công làm lãi.  
33 — Lấy thúng úp voi.  
34 — Lấy dầu làm lẽ.  
35 — Lật như bàn tay.  
36 — Lâu ngày dầy kén.  
37 — Leo cày dò cá.  
38 — Lê bạc tâm thành.  
39 — Lê vò bắt đáp.  
40 — Lê do nghĩa khởi.  
41 — Lê nghi tùy xứ.  
42 — Lê như té sao.  
43 — Lên bồng xuống chim.  
44 — Lên ngược, xuống xuôi.  
45 — Lên ngàn, xuống bể.  
46 — Lên thác, xuống ghềnh.  
47 — Lên dồn, xuống phủ.  
48 — Lên mặt, xuống chân.  
49 — Lý vô tận sát.

(1) — thổi.

- 50 — Lý vô nhị thị.  
51 — Lý gian, bàn ngay.  
52 — Liệu <sup>(1)</sup> gió phất cờ.  
53 — Liệu oán đọc canh.  
54 — Liệu cơm, gấp mắm.  
55 — Liệu bò, đo chuồng.  
56 — Lô bò trắng răng.  
57 — Lòng giòi, lở đất.  
58 — Lòng vàng, gan đá.  
59 — Lòng kiến dạ kiến.  
60 — Lòng chim dạ cá.  
61 — L... tù, c... linh <sup>(2)</sup>.  
62 — Lòng mày/mũi mác.  
63 — Lòng giả thành chân.  
64 — Lợi bất cập hại.  
65 — Lợn nhà, gà chợ.  
66 — Lục diện bát phương.  
67 — Lù-lù mắt voi.  
68 — Lửa xe nước gạo.  
69 — Lụa dịp gieo cầu.  
70 — Lực bất tòng tâm.  
71 — Lực bất như mưu.  
72 — Lưng đèn khổ cao.

5 chữ

- 73 — Lá lành dùm lá rách.  
74 — Làm phúc như làm giàu.  
75 — Làm phúc lại được phúc.  
76 — Làm ơn được nên ơn.

(1) — tuy (2) — hầm.

- 77 – Làm quan, sang cả họ.  
 78 – Làm khách thì sạch ruột.  
 79 – Làm như trò phuờng chèo.  
 80 – Lát-sát như bát vỗ.  
 81 – Lão bất tử thành tặc.  
 82 – Lắm mối tối nǎm không.  
 83 – Lắp-cặp gấp là họa.  
 84 – Lấy chồng ăn mày chồng.  
 85 – Lấy chồng hơn ở hóa.  
 86 – Lấy chỉ buộc chân voi.  
 87 – Lấy đồng tiền làm lão.  
 88 – Lắm-lết như chuột ngày.  
 89 – Lần như ma lần mồ.  
 90 – Lập-lòe như ma chơi.  
 91 – Lè-nèt như chè thiu.  
 92 – Leo cày đã đến buồng.  
 93 – Linh tuần là ao rượu.  
 94 – Lội sông đã đến bờ.  
 95 – Lơ-láo như bồ-nhin.  
 96 – Lụt thì lút cả làng.  
 97 – Lương y đa kỵ tật.

6 chữ

- 98 – Lạy ông tôi ở bụi này.  
 99 – Làm hàng sǎng chết bỏ chiếu.  
 100 – Làm có <sup>(1)</sup> chúa, muá có <sup>(2)</sup> trống.  
 101 – Làm phù-thủy phải đèn gà <sup>(3)</sup>.  
 102 – Làm như nhà trò giữ dịp.

(1) – và (2) – không – (3) – không nhẽ đều gà.

- 103 – Làm cỗ sẵn cho người ăn.  
 104 – Làm cỗ không lo mất phần.  
 105 – Làm biếng lấy miệng mà đưa.  
 106 – Làm dĩ có văn tế nôm.  
 107 – Làm tùy chủ, ngủ tùy chồng.  
 108 – Làm phúc không cầu được phúc.  
 109 – Lam lớn thì làm cho lão.  
 110 – Lam nén, một mình một cỗ.  
 111 – Lam tối ngay, ăn mày thật.  
 112 – Lanh-chanh như hành không muối.  
 113 – Lanh cho đường, dữ thêm trưng.  
 114 – Lanh, rách dùm học lấy nhau.  
 115 – Lanh thi dở, dở thi đè.  
 116 – Lào-nháo như cháo với cơm.  
 117 – Lào-lạo như gạo trong giăng.  
 118 – Lẩn-lóc như cóc bồi vôi <sup>(1)</sup>.  
 119 – Lăng-xăng như thằng mất khố.  
 120 – Lặng như ao, động như bể.  
 121 – Lặng như nhà Thánh tế rồi.  
 122 – Lắp-cặp như ông gấp bà.  
 123 – Lâu ngày lá dâu thành lụa.  
 124 – Lâu ngày cứt trâu hóa bùn.  
 125 – Lâu-bầu như chó hóc xương.  
 126 – Le-te như ghe vào khò.  
 127 – Lê-thay dạo, gạo thay tu.  
 128 – Lem-lém như thực ăn giăng.  
 129 – Len-lết như rắn mòng năm.  
 130 – Len-lết như quạt tháng mười.  
 131 – Lép-bép như gà mồ tép.

(1) – trên trường.

- 132 — Lèch-xech như gà mang hòm.  
 133 — Lý-lý như dì hàng thịt.  
 134 — Lý như tiền chì hai mặt.  
 135 — Linh ngô trận mồi nên công.  
 136 — Linh ông không bằng công bà.  
 137 — Lo (1) bạc râu, sầu (2) bạc tóc.  
 138 — Lo như cá nằm trên thoát.  
 139 — Lo nát gan, bàn nát tri.  
 140 — Lò-rò như cò bắt tép.  
 141 — Loanh-quanh như chó nằm chồi.  
 142 — Lon-son như con với mẹ.  
 143 — Lọng máu cáo, áo hoa hiên.  
 144 — Lò-sò như ngô vồ tầu.  
 145 — Lôi-thói như dọi bà cốt.  
 146 — Lôi-thói đấm voi chả chết.  
 147 — Lôi-thói như mèo sổ ruột.  
 148 — Lôi-thói như con bạch tuộc.  
 149 — Lội nước còn sợ uớt chân.  
 150 — Lộn con toán, bán con trâu.  
 151 — Lơ-thơ như sáo buỗi sớm.  
 152 — Lơ-lão như chó thấy thóc.  
 153 — Lờ-dờ như mắt chó giấy.  
 154 — Lờ-dờ như dom-dom dực.  
 155 — Lờ-ngờ như gà mang hòm.  
 156 — Lợi bốn tám, hại năm tư.  
 157 — Lợn lành chừa ra lợntoi (3).  
 158 — Lù-lù như mu mới mọc.  
 159 — Lúa ré là mẹ lúa chiêm.  
 160 — Luân-quần như chèo đò đêm.

(1) — đòi (2) — râu, (3) — què.

- 161 — Lúng-tùng như ếch mắc xiếc.  
 162 — Lút-lít như đứa có tật.  
 163 — Lửa cháy lại trời dầu thêm.  
 164 — Lưng chữ cụ, vú chữ tâm.  
 165 — Lươn bò dê tanh cho rồ.  
 166 — Lướt-sượt như áo lê sinh.

7 chữ

- 167 — Làm giải nói phân hai dẽ chối (1).  
 168 — Lam kẽ cả (2) phải ngả mặt lên.  
 169 — Làm kiếp trâu kéo cày giả nợ.  
 170 — Làm đồ mồ-hôi, xót con mắt.  
 171 — Làm khi lành dẽ dành khi đau.  
 172 — Làm thân lươn chẳng nề lấm mắt.  
 173 — Lang-lảng như chó phải dùi đục  
 174 — Lang-thang như Thành-hoàng lang khổ.  
 175 — Lảng-vảng như Thành-hoàng xuất ngoại.  
 176 — Lành với Bụt, chẳng lành với ma.  
 177 — Lắm người yêu hơn nhiều người ghét.  
 178 — Lắm sãi không ai đóng cửa chùa.  
 179 — Lấy chồng nhờ hồng phúc nhà chồng.  
 180 — Lày-bày như Cao-Biền dậy non.  
 181 — Lầm-dầm như đĩ khấn Tiên-sư.  
 182 — Lầm-lầm như chó ăn vụng bột.  
 183 — Lầm-lết như qua chui chuồng lợn.  
 184 — Lật-dật như xa vật ống vải (3).  
 185 — Léo-nhéo như mèo vật đống rom,  
 186 — Léo-nhéo như mõ réo quan viễn.

(1) — mà nói — (2) làm anh, làm ả. — (3) — ma vật ống vải.

- 187 — Lẽ vào quan như than vào lò,  
 188 — Lèn-dênh như bè nứa trôi sông.  
 189 — Linh buỗi mai, cai linh buỗi chiều (1).  
 190 — Loanh-quanh như thẩy bói dọn cưới.  
 191 — Lóc-sóc không bằng một góc ruộng.  
 192 — Lòe tròn kim, ai lòe yếm thăm.  
 193 — Lòng người ai bẻ thörac mà đo.  
 194 — Lôi-thôi như cá trôi sô ruột.  
 195 — Lôi-lôi như cứt trôi đầu bê,  
 196 — Lòng-bóng như ngựa chạy đường quai.  
 197 — Lờ-dờ như rợ xuống đồng bằng.  
 198 — Lợn trong chuồng thả ra mà đuổi.  
 199 — Lù-rù như chuột chù phải khói.  
 200 — Lú-nhú như chú nấm với cháu.  
 201 — Lụ-khụ như ông cụ bảy mươi,  
 202 — Lúa bông vang thì vàng con mắt.  
 203 — Lủi-thủi như hủi đi chợ trưa,  
 204 — Lúng-tùng như thợ vụng mất kim.  
 205 — Lù-dù như ông từ vào đèn,  
 206 — Lù-lù như mèo nấm với người.  
 207 — Lứa gân rơm lâu ngày cũng bén.  
 208 — Lứa thử vàng, gian nan thử đức.  
 209 — Lứa đã đỗ lại bỏ rơm thêm.  
 210 — Lứa được con dâu, sáu con mắt.  
 211 — Lượt-bượt như lè-sinh đất vở.  
 212 — Lượt-thượt như ông dò chết vợ.

8 chữ

- 213 — Làm quan có mả, kẻ cǎ có dòng.

(1) — hôm.

- 214 — Làm quan hay quan, làm chồng hay vợ.  
 215 — Làm quan có dạng, làm dáng có hình.  
 216 — Làm thầy địa-lý mất mả-táng cha.  
 217 — Làm thầy thi đỗ, thế chuông thi khó.  
 218 — Làm thầy nuôi vợ, làm thợ nuôi miệng.  
 219 — Làm tối nhà giàu hơn hầu quan lớn.  
 220 — Làm suối một nhà, làm ra cả họ.  
 221 — Làm giàu có số, ăn cỗ có phần.  
 222 — Làm ơn nên oán, làm bạn thiệt mình.  
 223 — Làm không dụng xác, xác không dụng vai.  
 224 — Làm ruộng không trâu, làm giàu không thóc.  
 225 — Làm ruộng thi ra, làm nhà thi tốn.  
 226 — Làm ruộng tháng năm, coi châm tháng mười.  
 227 — Làm ruộng có năm, nuôi tắm có lứa.  
 228 — Làm vậy, làm vợ, làm nợ, làm khác.  
 229 — Làm phúc quá tay ăn mày không kip.  
 230 — Làm phuoc nơi nao cầu ao chẳng bắc.  
 231 — Làm thần đất ta, làm ma đất người.  
 232 — Lang duối thi bán, lang trán thi cầy.  
 233 — Lành ở một chỗ, lo ở một nơi.  
 234 — Lao nhí vô công, dật nhí đắc thành.  
 235 — Lắm ruộng thi thu, lắm trâu thi bán.  
 236 — Lấy vợ không treo queo ngoeo không máu (1).  
 237 — Lấy vợ xem tông, lấy chồng kén giống.  
 238 — Lần trước bị đau, lần sau thi chừa.  
 239 — Lấp sông lấp giếng ai lấp được miệng.  
 240 — Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong.  
 241 — Lên thác xuống ghềnh, mày tao, mày ló.  
 242 — Liệu com gấp mắm, liệu con gá chồng.

(1) — liều gieo xuống ngồi

- 243 — Liệt hỏa thí kim, gian nan thi đức.  
 244 — Lo eo đầu gối, lo rỗi lòng l...  
 245 — Lòng súng súng nỗi, lòng gỗ gỗ kêu.  
 246 — Lợt sàng xuống nia, di đâu mà thiệt.  
 247 — Lỗ miệng ky cóp, lỗ tròn tản tài.  
 248 — Lỗ miệng khoan thai, lỗ chôn thông th...  
 249 — Lời thầy mặc sách, cứ nhách mà cưa.  
 250 — Lời bùn lấm chân, vọc sơn phủ mặt.  
 251 — Lợi bất khả dộc, mưu bất khả chung.  
 252 — Lúa chiêm bóc vỏ, lúa mùa sở lay.  
 253 — Lụa tốt xem biển, người hiền xem tướng.  
 254 — Lửa lò thét ngọn vàng càng nên trong.

9 chữ

- 255 — Làm tội thằng hùi hơn chịu tủi anh em.  
 256 — Làm đĩ chín phượng dễ một phương [chồng]  
 257 — Lắm-cắm lui-cụi như mụ tra rút trạc.  
 258 — Lộn thửng, lộn chão quá như trâu lợn cày.  
 259 — Lợn đói một bùa bằng người đói nửa năm.

10 chữ

- 260 — Lạc dàn năm đuôi chó,  
     Lạc ngõ năm đuôi trâu.  
 261 — Làm cho đầu rau phải mùa, chúa đất [phải cuội]  
 262 — Làm ruộng ăn cơm nắm,  
     Chăn tắm ăn cơm dứng.  
 263 — Làm ruộng ba năm, không bằng chăn tắm [một lứa]

- 264 — Làm hoa cho người hái,  
     Làm gái cho người chồng.  
 265 — Làm kiếp trâu ăn cỏ,  
     Làm kiếp chó ăn do.  
 266 — Làm giai lấy vợ bé,  
     Nhà giàu tàu nghé hoa.  
 267 — Làm dày tờ thằng khôn hơn làm thầy [thằng đại].  
 268 — Làm bạn với sông giang, mất cả quang [lẫn gánh].  
 269 — Làng theo thề lệ làng,  
     Nước theo thề lệ nước.  
 270 — Lành làm gáo, vỡ làm mồi, lời thói làm [thia (1)].  
 271 — Lắm con, lắm nợ, lắm vợ nhiều cái oan [gia].  
 272 — Lấy con mắt mà đưa, đừng lấy tay mà sờ.  
 273 — Lấy cửa che thân, không ai lấy thân che [cửa].  
 274 — Lê Phật quanh năm không bằng ngày rằm [tháng giêng].  
 275 — Lợn đói một năm không bằng tắm đói [một bùa].  
 276 — Lúa rõ thập thời, vợ chồng đánh nhau lời [mắt].  
 277 — Lúa rõ, ngả mạ, vàng dạ thời mạ xuống [rược].  
 (1) — sống nuôi chết thịt.

11 chữ.

- 278 — Lấy chồng khó giữa làng, hơn lấy chồng  
[sang thiên hạ]
- 279 — Lấy con xem nụ, lấy gái hóa xem dỗ  
[chồng xưa]
- 280 — Lá trẻ mùa hè, không bằng lo bò que  
[tháng sáu]
- 281 — Lộc Phật hằng-hì sa số, đường nào lối  
[thời ta]

12 chữ

- 282 — Là-lượt là vợ thông lại,  
Nhẽ-nhai là vợ học-trò.
- 283 — Làm nhà cạnh đường, kẻ rǎng dùng dằng  
[người rằng kéo cõi]
- 284 — Làm rề nhà giàu, vừa được cơm no, vừa  
[được bò cõi]

- 285 — Làm rề chờ nấu thịt trâu,  
Làm đâu chờ đồ xôi lại.
- 286 — Láo-nháo cháo cũng như cơm,  
Lơm-nhơm cơm cũng như cháo.
- 287 — Lấy vợ kiêng tuổi đàn bà,  
Làm nhà kiêng tuổi đàn ông.

- 288 — Linh làng nào làng ấy đánh,  
Thánh làng nào làng ấy thờ.
- 289 — Lúc khôn dã già, lúc biết ăn bớt dâ ra  
[lão làng]
- 290 — Luồn cửa tiền, cửa hậu chẳng thêm luồn  
[bờ giậu chờ chui]

13 chữ

- 291 — Làm nền, một mình một cỗ,  
Chẳng làm nền, thi vô tay không.
- 292 — Lúc thi chẳng có ai, lúc thi ông xã, ông  
[cai dây nhâ]
- 293 — Lúc giận bẻ ngay hóa vạy,  
Khi ưa tò vẽ méo nén tròn.

14 chữ

- 294 — Lá khô mà hay treo ngành,  
Giận thì nói vậy sao dành bồ nhau.
- 295 — Lá vàng còn ở trên cây,  
Lá xanh rụng xuống, giờ hay chẳng giờ.
- 296 — Lạ gì tính mụ cũng hay,  
Phải năm ba chén, mụ say la-dà.
- 297 — Lạ lung anh mới tới đây,  
Là thung lợ thở, anh nay là nàng.
- 298 — Lạy giờ cho cả gió nồm,  
Cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chầy ra.
- 299 — Lạy giờ cho cả gió nồm,  
Cho kèo tôi chầy, cho mồm tôi xơi.
- 300 — Lạy giờ cho cả gió đông,  
Cho kèo tôi chầy cho chồng tôi xơi.
- 301 — Lạy giờ lạy Phật lạy vua,  
Đè tôi sức khỏe, tôi xua con ruồi.

- 302 — Làm giai đã đáng nên giai,  
Đánh <sup>(1)</sup> đóng đóng tĩnh, đánh <sup>(2)</sup> đánh <sup>(3)</sup> [đoai tan]
- 303 — Làm giai chí ở cho bèn,  
Đừng lo muộn vợ, chờ phiền muộn con.
- 304 — Làm giai có chí lập thân,  
Rồi ra gặp hội phong vân có ngày.
- 305 — Làm giai quyết chí tang hổng,  
Sao cho tỏ mặt anh hùng mời cam.
- 306 — Làm giai cờ bạc thi chừa,  
Rượu làng thi uống, rượu mua thi dùng.
- 307 — Làm giai rửa bát, quét nhà,  
Vợ gọi thi dạ: «Bầm bà tôi dày».
- 308 — Làm giai đã đáng nên giai,  
Ăn cơm với vợ, lại nài vết niêu.
- 309 — Làm giai có chí thi hơn,  
Lấy vợ hay hờn nhiều bữa đánh nó.
- 310 — Làm giai cho đáng nên giai,  
Vót dưa cho dài ăn vụng cơm con.
- 311 — Làm giai cho đáng nên giai,  
Một trăm bữa cỗ chẳng sai bữa nào.
- 312 — Làm giai lấy vợ Sơn-Đông.  
Thịt xôi chẳng có, tiền chồng như non.
- 313 — Làm giai tập đánh tồ tóm,  
Uống chè phuơng-thái, xem nôm Thúy-Kiều.
- 314 — Làm thi chẳng muốn <sup>(3)</sup> bằng ai,  
Ăn thi thứ nhất, thứ hai trong làng.

(1) — xuống (2) — lên (3) — so chăng.

- 315 — Làm chẳng nên, lại trách giờ cao,  
Đã vụng múa, lại chê đất lệch.
- 316 — Làm tối thi ở cho trung,  
Chờ ở hai lòng mà hóa dở-dang.
- 317 — Làm anh, ăn trước, bước đầu,  
Về với em út ngõ hẫu thay cha.
- 318 — Làm trên ở chẳng chính ngồi,  
Khiến cho kẻ dưới chúng tôi hồn hào.
- 319 — Làm gi những thói đưa-dong,  
Gái bắt nạt chồng, em chẳng có ngoan.
- 320 — Làm người có miệng, có môi,  
Khi buồn thì khóc, khi vui thì cười.
- 321 — Làm người suy chín, xét xa,  
Cho tướng gốc ngọn, cho ra ván dài.
- 322 — Làm người phải đắn phải do,  
Phải cân nặng nhẹ, phải rò nồng sâu.
- 323 — Làm người mà chẳng biết suy,  
Đến khi nghĩ lại, còn gì là thận.
- 324 — Làm người ăn tối lo mai,  
Việc mình hồ dề dề ai lo lường.
- 325 — Làm đâu vụng nấu, vụng kho,  
Chồng không bắt bẻ, mụ o nhím trè.
- 326 — Làng cày lại hỏi làng cày,  
Lưng đen như ác, mặt dày như mo.
- 327 — Làng diềng còn đẽ <sup>(1)</sup> ba ngày,  
Chồng cô, vợ cậu nửa ngày cũng không.

(1) — đẽ chồ

- 328 – Lảng-lơ cũng chẳng có mòn,  
Chinh chuyền cũng chẳng sơn son đê dành.  
329 – Lảng-lơ chết cũng ra ma,  
Chinh chuyền chết cũng *khiêng*<sup>(1)</sup> ra ngoài  
[đồng].  
330 – Lảng-lơ deo nhẫn không chừa,  
Nhẫn thì rơi mất, lảng-lơ hãy còn.  
331 – Lấy chồng cho đáng tẩm chồng,  
Bồ công trang diềm má hồng, răng đen.  
332 – Lấy chồng cờ bạc là tiên,  
Lấy chồng chè rượu là duyên nợ nần.  
333 – Lấy chồng ăn những của chồng,  
Ăn hết con mắt, khoét lòng con người.  
334 – Lấy chồng thì phải theo chồng,  
Thôi dừng theo thói cha ông nhà mình.  
335 – Lấy chồng chẳng biết mặt chồng,  
Đêm nằm mơ tưởng nghĩ ông làng điềng.  
336 – Lấy chồng làm lẽ khôi lo,  
Cơm nguội đầy rá, cá kho đầy nồi.  
337 – Lấy ai thi cũng một chồng,  
Lấy anh hàng thịt ăn lòng sớm mai.  
338 – Lấy ai mà chẳng một chồng,  
Lấy anh câu éch nằm song xi-xoài.  
339 – Lấy gì làm thú giải-phiền,  
Cái xe, cái lô, ngọn đèn, cái tiêm.  
340 – Lâm-râm khấn vái Phật Giời,  
Xin cho cha mẹ sống đời nuối con.

(1) – chèn

- 341 – Lập nghiêm ai dám tới gần,  
Bởi quan đùn-dởn cho dân nó nhὸn.  
342 – Lật-dật cũng đến bến giang,  
Anh nay thong-thả cũng sang đến đò.  
343 – Lật-dật thi đất cũng đè,  
Những người thong-thả rượu chè năm canh.  
344 – Lèn-dèn qua cửa Thần-phù,  
Khéo tu thì nỗi, vụng tu thì chim.  
345 – Lèn-dèn bè ngỗ, bè rùa,  
Quần nau áo vá, đâu vừa thi chơi.  
346 – Lo chi việc ấy mà lo,  
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu.  
347 – Lợ là thết mắng, cặp rèn,  
Một nhời xiết cạnh bằng nghìn roi xong.  
348 – Lòng vả cũng như lòng sung,  
Một trăm con lợn cũng chung một lòng.  
349 – Lòng ta muốn lấy thợ kèn,  
Đàm sang thi bánh, dám hèn thi xôi.  
350 – Lòng ta muốn lấy thợ sơn,  
Một mình một cỗ lại hơn thợ kèn.  
351 – Lòng ta đã quyết thi hành,  
Đã dẫn thi vác cả cảnh lắn cây.  
352 – Lòng em đã quyết thi hành,  
Đã cấy thi gặt với anh một mùa.  
353 – Lòng đá thăm, đá vàng phai.  
Hỏi đâu theo đuổi đường dài uồng công.  
354 – Lò miệng thi nói Na-mô,  
Trong lòng thi đựng ba bồ dao găm.

16 chữ

— 204 —

- 355 — Lộc còn ăn bông cày tùng,  
Thuyền quyền đợi khách anh hùng vãng lai.
- 356 — L... rắng l... chẵng sợ ai.  
Sợ thằng say rượu d... dai đau l...
- 357 — Lời nói chẵng mất tiền mua,  
Liệu nhời mà nói cho vừa lòng nhau.
- 358 — Lúa mùa thi cấy cho sâu,  
Lúa chiêm thi gầy cành đầu mới vừa.
- 359 — Lúa chiêm nép ở đầu bờ,  
Hết nghe tiếng sấm phất <sup>(1)</sup> cờ mà lên.
- 360 — Lúc nghèo thì chẵng ai nhìn,  
Đến khi đỗ Trạng chin nghìn anh em.
- 361 — Lúc thương nhau, cho đường thêm bánh,  
Buỗi ghét nhau, tay đánh miệng la.
- 362 — Lưỡi vò độc quá đuôi ong,  
Xui người tan hợp rút lòng nghĩa nhân.
- 363 — Lưỡi không xương nhiều đường lắt-léo,  
L... không cap l... méo làm ba.
- 364 — Luron ngắn lại chè trạch dài,  
Thòn bơn méo miệng chè trai lệch mõm.
- 365 — Luron nằm trong lỗ trông ra,  
Thấy trạch đi qua hỏi: « Gì dài mấy? ».

15 chữ

- 366 — Lấy anh, anh sắm sửa chó:  
Cái bị, cái bát, cái quạt mo đuỗi ruồi.

- 367 — Làm thân con vạc mà chẵng biết lo,  
Bán đồng cho cò, phải đi ăn đêm.
- 368 — Làm đĩ chẵng đất, mắng dếch không thiêng,  
Mắng con láng diêng: « Sao mày dữ vía ».
- 369 — Làm đĩ có tàn, có tàn, có hương án thờ  
[vua, có chuồng chùa niệm Phật.]
- 370 — Lận-dận lao-dao phải sao chịu vậy,  
Tôi số ăn mày bị gãy phải mang.
- 371 — L.. tốt về lụa, lúa tốt về phàn,  
Chân tốt về hài, tai tốt về hoãn.
- 372 — Long vàng che nải chuối xanh,  
Tiếc cho con chim loan phượng đậu ngành  
[tre khô]
- 373 — Lúa tháng năm trông giăng rầm tháng tám  
Lúa tháng mười trông mừng tám tháng tư.
- 374 — Lạy ông nắng lên, cho trẻ nó chơi,  
Cho già bắt rận, cho tôi đi cày.

17 chữ

- 375 — Lạy ông nắng lên cho ấm trẻ ông ơi,  
Già thì chảy rận chờ tôi được gì.

21 chữ

- 376 — Lo gì mà lo, lo quanh lo quần, lo con bò  
trắng răng, mua ba đồng thuốc ruộm răng  
[cho bò.]

(1) — mõ.

# M

3 chữ

- 1 — May hòn khôn.
- 2 — Mắt bồ câu.
- 3 — Mắt diều-hâu.
- 4 — Mồm cá ngao.
- 5 — Mũi thồ-công.

4 chữ

- 6 — Ma mặc áo giấy.
- 7 — Ma chết mất miệng.
- 8 — Ma thiêng, nước độc.
- 9 — Ma chè, quỉ hòn.
- 10 — Ma to, giỗ nhởn.
- 11 — Ma chè, cười trách.
- 12 — Má hồng phản bạc.
- 13 — Mạ già, ruộng ngầu.
- 14 — Mách lẻo đói eo.
- 15 — Mang nặng, đẻ đau.
- 16 — Mạnh bạo xó bếp.
- 17 — Mạnh máu dưa di.
- 18 — Mát cưa, mướp đắng.
- 19 — Máu chảy ruồi bâu.
- 20 — Máu chảy ruột mềm.
- 21 — Máu đậu, trâu đố.
- 22 — Măng mọc quá bờ.
- 23 — Măng mèo, chửi chó.

- 24 — Mắt lòe, chân chậm.
- 25 — Mắt la mày lết.
- 26 — Mắt phượng mày ngài.
- 27 — Mắt trước, mắt sau.
- 28 — Mắt thành, tai hiền.
- 29 — Mắt gioi, mày chuột.
- 30 — Mắt cú, da lươn.
- 31 — Mắt cú, da gioi.
- 32 — Mắt bủng, da chi.
- 33 — Mắt xám, mày xanh.
- 34 — Mắt xanh, nanh vàng.
- 35 — Mắt vuông chữ điền.
- 36 — Mắt rõ tő gan (1).
- 37 — Mắt dày mày dạn.
- 38 — Mắt rắn như sành.
- 39 — Mắt súra, gan lim.
- 40 — Mắt sắt đen sì.
- 41 — Mắt hoa, da phấn.
- 42 — Mắt lung mày vực.
- 43 — Mắt ngang mày dọc.
- 44 — Mắt muội mày gio.
- 45 — Mắt rác mày dơ.
- 46 — Mắt chai mày đá.
- 47 — Mắt măng miệng sữa.
- 48 — Mắt như chuột kẹp.
- 49 — Mắt tươi như hoa.
- 50 — Mâm cao cô dày.
- 51 — Mâm son, bát bit (2).
- 52 — Mắt lòng còn ruột.

(1) — ghen, (2) — sú.

- 53 — Mắt một đèn mười.  
54 — Mắt ruộng lấy bờ.  
55 — Mắt ngọt chết ruồi.  
56 — Mắt ít ruồi nhiều.  
57 — Mầu mỡ riêu cua.  
58 — Mẹ gà con vịt.  
59 — Mẹ già, nhà nghèo.  
60 — Mèo vật đống rơm.  
61 — Mèo già hóa cáo.  
62 — Mèo hay ỉa bếp.  
63 — Mẽ tận, dân tán.  
64 — Mềm lưng uốn gối.  
65 — Mềm nắn, rắn buông.  
66 — Miệng khôn, tròn dại.  
67 — Miệng khẩn, tay vái.  
68 — Miệng nói, chân đi.  
69 — Miệng cắn, chân đá.  
70 — Miệng ăn núi lửa.  
71 — Miệng nói, tai nghe.  
72 — Miệng lắn, lưỡi mối.  
73 — Miệng hùm, gan súra.  
74 — Miệng hùm, nọc rắn.  
75 — Miệng như gấu gai.  
76 — Miệng mật, lòng dao.  
77 — Minh vàng, đách ngọc.  
78 — Minh linh, tinh quan.  
79 — Minh già tuổi yếu.  
80 — Minh gầy xác ve.

- 81 — Mò kim rốn bỗ.  
82 — Mò cua bắt ốc.  
83 — Móc mắt moi mè.  
84 — Mọc lông trong bụng.  
85 — Mồi gối chồn vai.  
86 — Móng tay mõ sέ.  
87 — Mồng mày hay hạt.  
88 — Mồng như lá lúa.  
89 — Môi thăm mắt trắng.  
90 — Môi hở răng lạnh.  
91 — Mồm còn hơi sữa.  
92 — Mồm loa mép giải.  
93 — Mồm loa mép chảo.  
94 — Mồm năm miệng mười.  
95 — Mồm như quả cái.  
96 — Môn đang hộ đối.  
97 — Mống đóng, vòng tây.  
98 — Một miệng hai lòng.  
99 — Một gươm đói lưỡi.  
100 — Một đồng một cốt.  
101 — Một thuyền một bến.  
102 — Một đầu một kép.  
103 — Một kín mười hở.  
104 — Một công hai việc.  
105 — Một bồ lấy bốn.  
106 — Một dạ một lòng.  
107 — Một vốn bốn lãi.  
108 — Một cỗ hai tròng.  
109 — Một bà hai ông.  
110 — Một mắt mười ngò.

- 111 — Một chốn *bốn* (1) quê.  
112 — Một vừa hai phải.  
113 — Mỡ dẽ miệng mèo.  
114 — Mời chuộng, cũ vong.  
115 — Mũ ni che tai.  
116 — Mũ dài dai rộng.  
117 — Mua vải bán áo.  
118 — Mua trâu bán chả.  
119 — Mua đoạn, bán rồi.  
120 — Mua bắc thắt cổ.  
121 — Mùa nào thức ấy.  
122 — Mùa nào áo ấy.  
123 — Múa tay trong bị.  
124 — Múa gảy vườn hoang.  
125 — Muốn sao muốn vậy.  
126 — Mưa rầm, gió bắc.  
127 — Mưa ngọ, gió mùi.  
128 — Mực đen giấy trắng.  
129 — Mười ăn chín nhịn.  
130 — Mười mắt trông một.  
131 — Mừng mặt bắt tay.  
132 — Mưu thầy chước thơ.

5 chữ

- 133 — Ma cũ nạt ma mới.  
134 — Mạ nhân như giáo nhân.  
135 — Mai làm tốt mốt đui.  
136 — Mai cốt, bắt mai danh.  
137 — Mán đòi ăn chè đường.

- 138 — Mạnh bạo anh hùng rơm.  
139 — Mau tay hơn tay đũa.  
140 — Máu gà cầm xương gà.  
141 — Máu ai thảm thịt nấy.  
142 — Mắt trắng như lợn luộc.  
143 — Mắt đỏ như cá chày.  
144 — Mắt như mắt rắn ráo.  
145 — Mắt tó như ốc nhồi.  
146 — Mắt giương như mắt ếch.  
147 — Mắt như không đồng-tử.  
148 — Mắt lẩn như sắt nguội.  
149 — Mắt như mặt mo ngâm.  
150 — Mắt ngay như cán *thuồng*. (1)  
151 — Mắt nặng như đá đeo.  
152 — Mắt tiền tậu trâu chiêu.  
153 — Mắt cá chì lẩn chài.  
154 — Mẹ hát, con khen hay.  
155 — Mẹ lừa ưa con ngọng.  
156 — Mèo nhỏ bắt chuột con.  
157 — Miếng thịt là miếng nhục.  
158 — Miệng nói như sẹo gỗ.  
159 — Mòn sinh tiêu triều đình.  
160 — Một nhà ba con ngọng.  
161 — Một trạch không đầy đầm.  
162 — Một mặt hơn mười gói.  
163 — Một sòng chảy hai dòng.  
164 — Một cây chẳng nên non.  
165 — Một quan đẻ chín tiền.  
166 — Mua pháo mượn người đốt.

(1) — tần.

- 167 — Mua nhầm, bán không nhầm.  
168 — Múa riu qua mặt thợ.  
169 — Muốn ông sao trên giờ.  
170 — Muốn thế, cho được thế.  
171 — Mưa rầm lâu eũng lụt.  
172 — Mưa, thời mưa cho khắp.  
173 — Mưa tháng tư hư đất.  
174 — Mưa tháng ba hoa đất.  
175 — Mưa tháng sáu máu rồng.  
176 — Mượn đầu voi nấu cháo.  
177 — Muru thâm, họa diệc thâm.

6 chữ

- 178 — Ma bắt, coi mặt người ta.  
179 — Má bánh đúc, mặt mâm xôi.  
180 — Má bánh đúc, dạ đường phèn.  
181 — May vây phòng khi cả da.  
182 — Mày băng tao, ao băng giếng.  
183 — Màn treo, lười rách cũng treo.  
184 — Mang chết, chó cũng lè lưỡi.  
185 — Mảng lo khó bó không chặt.  
186 — Mạnh vì gạo, bạo vì tiền.  
187 — Mạnh dùng sức, yếu dùng chước.  
188 — Mau miệng ăn, thura miệng nói.  
189 — Mau bò cũng như tiết dè.  
190 — Mặc cái vạ, như vạ vịt.  
191 — Mặc ai lười, mặc ai te.  
192 — Mắt trống, tay trỏ đủ mười.  
193 — Mắt ba vành, đầu tám tọng.  
194 — Mắt ốc nhồi, mồi chuối mǎn.

- 195 — Mặt rõ như tờ ong càng (1).  
196 — Mặt tái như gà cắt tiết (2).  
197 — Mặt bèn-bẹt như bánh dày.  
198 — Mặt làm thính, tình dã ung.  
199 — Mặt như bị phải một đập.  
200 — Mặt tầy lịnh, cổ tầy cong.  
201 — Mẩy khi rồng đến nhà tóm.  
202 — Mẩy dời sứa vượt qua dǎng.  
203 — Mắt vải lại phải di do.  
204 — Mắt của rồi lại dại người.  
205 — Mắt của ta ra của người.  
206 — Mắt tiền thật, phét 1... mo.  
207 — Mắt bò, mồi lo làm chuồng.  
208 — Mắt trộm rồi, mồi rào giậu.  
209 — Mầu củ đậu, hạt lòng chanh.  
210 — Mẹ già như chuối chín cây.  
211 — Mèo cáo không sẻ vách vôi.  
212 — Mèo mù vớ được cá rán.  
213 — Méo miệng đòi ăn xôi vò.  
214 — Mềm thi đào, bở thi đục.  
215 — Mềm như lạt, mát như nước.  
216 — Mền kén binh họ nhà diều. (?)  
217 — Mia có đốt sâu, đốt lành.  
218 — Miếng ngon đánh ngã bát dày.  
219 — Miếng ăn quá khẩu thành tàn.  
220 — Miếng giàu là đầu câu truyện.

(1) — bǎn (2) — sống thiến.

- 221 — Miếng giầu là dầu thuốc cám.  
222 — Miếng giầu nên dầu nhà người.  
223 — Miệng thơm-thót, dạ ót ngâm.  
224 — Miệng ông cai, vai dày tớ.  
225 — Minh ở lỗ, cổ đeo hoa.  
226 — Mit chạm cành, chanh chạm rẽ.  
227 — Mong như mong mẹ về chợ.  
228 — Mối Bảo-Hà, Ma Thác-Cái.  
229 — Mồm mẹ Mě nói chẳng sứt.  
230 — Một tiền gà, ba tiền thóc.  
231 — Một mặt người, mười mặt của.  
232 — Một đời kiện, chín đời thù.  
233 — Một đời cha, ba đời con.  
234 — Một công, một cửa bằng nhau.  
235 — Một cửa, một con ai từ.  
236 — Một cái râu, một xâu bánh.  
237 — Một đồng, cũng đỡ một đồng.  
238 — Một ngôi sao, một ao nước.  
239 — Một đồng chẳng thông đi chợ.  
240 — Một nuộc lạt, một bát cơm.  
241 — Một là vợ, hai là nợ.  
242 — Một già, một trẻ bằng nhau.  
243 — Một đêm năm, một năm ở.  
244 — Mói có ván dã bán thuyền.  
245 — Mù giờ mới bắt được két.  
246 — Mua thì thêm, chém thì chắt.  
247 — Mùa nứt nanh, chiêm xanh dầu.  
248 — Mũi dài thì lái chịu dön.

- 249 — Muối đồ lòng ai nấy xót.  
250 — Muốn ăn hét phải đào giun.  
251 — Muốn ăn cá phải thả câu.  
252 — Muốn ăn lúa, thì tìm giống.  
253 — Muốn cho chắc nhắc cho người.  
254 — Muốn trắng thi gắng lấy cơm.  
255 — Mưa như trút, sáng như gương.  
256 — Mực mài tròn, son mài dài.  
257 — Mười người cũng như một chục.  
258 — Mướp non nấu với gà đồng.  
259 — Muru con dĩ, tri học trò.  
260 — Muru cao chẳng bằng chi dày.

7 chữ

- 261 — Ma quan, cưới chịu, linh năm canh (1).  
262 — Ma Mường lấy cả người lẫn của.  
263 — May gấp duyên, chẳng may gấp nợ.  
264 — May hóa long, không may xong máu.  
265 — May hơn khôn, nhón l... hơn đẹp.  
266 — Mảnh bát ngô hơn bồ bát dàn.  
267 — Mảnh chồng quan bằng dàn chồng dàn.  
268 — Măng không uốn, uốn tre sao được.  
269 — Mắt trắng, môi thâm, da thiết bì.  
270 — Mắt ngay như chúa Tàu nghe kèn.  
271 — Mắt tái mét, nói phét tinh thần.  
272 — Mập-mờ như mụ lão sở kim.  
273 — Mập bợ hung, đói chí ve-ve.  
274 — Mắt lòng trước hơn được lòng sau.

(1) — canh năm.

- 275 — Mẹ con mệt lần da đến ruột.  
 276 — Mèo già lại thua gan chuột nhất.  
 277 — Mia tháng bảy nước chảy về ngon.  
 278 — Miệng nhà giàu nói đâu ra đấy.  
 279 — Miệng bà đồng như lồng chim khouston.  
 280 — Miệng tö-lò làm khó chân tay.  
 281 — Miệng thế gian chẳng ít thì nhiều.  
 282 — Miệng lung-búng như ngậm hạt thị.  
 283 — Miệng hỏa lò ăn hết cơ nghiệp.  
 284 — Miệng dọc ca, tay gầy dàn lôi.  
 285 — Miệng chào gioi, lạy giờ đừng ăn.  
 286 — Minh làm ra, chẳng ma nào làm.  
 287 — Mit tròn, dưa méo, thị vẹo tròn.  
 288 — Mồ chẳng chối, nói đổi cho mồ.  
 289 — Một con sâu bỗ rầu nỗi canh.  
 290 — Một cái đầm lại một cái đẹp.  
 291 — Một đời ta, man vàn đời nó.  
 292 — Một mẹ già bằng ba con ở <sup>(1)</sup>.  
 293 — Một chồng rây là bảy chồng chờ.  
 294 — Một chữ ông Thánh bằng gánh vàng.  
 295 — Một gon chọn không được một người.  
 296 — Một câu <sup>(2)</sup> nhện là chin câu <sup>(3)</sup> lành.  
 297 — Một sào nhà là ba sào đồng.  
 298 — Một tay hàng được mấy trái bông ?  
 299 — Một nạm giờ bằng một hó chèo.  
 300 — Một lạy sống bằng đồng lạy chết.  
 301 — Một cái giá bằng ba cái đánh.  
 302 — Một mặt người bằng mười mặt cửa.  
 303 — Một điều mừng trăm điều lo lắng.

(1) — then cửa (2) — và (3) — sự.

- 304 — Một đầm được mấy con cá nhón.  
 305 — Một nạm lác bằng một vác chèo.  
 306 — Một con sa bằng ba con đέ.  
 307 — Một đầu cầu mấy con chó chết.  
 308 — Một lần nhóm bếp một lần khó.  
 309 — Một người siêng bằng ba người nhác.  
 310 — Một miệng kín, chin mười miệng mở.  
 311 — Mũ rách như Thủ-công vườn hoang.  
 312 — Mưa lúc nào, mắt mặt lúc ấy.  
 313 — Mười voi không được bát nước sáo.  
 314 — Mười người ở thì mười năm một.

8 chữ

- 315 — Ma nhà chưa tổ, ma ngõ đã thông.  
 316 — Mạ mùa sương cao, mạ chiêm ao thấp.  
 317 — Mài mực ru con, mài son đánh giặc.  
 318 — Mài gurom dạy vợ, giết chó khuyên chồng.  
 319 — Máu gái dễ có khỏe cưng nên kiêng.  
 320 — Máu chảy đèn dầu, ruồi bâu đèn đấy.  
 321 — Mặc ống cỏ chó <sup>(1)</sup>, mặc bà có trâu <sup>(2)</sup>.  
 322 — Mặc anh, mặc chị, mặc cả đổi bên.  
 323 — Mây xanh thi nắng, mây trắng thi mưa.  
 324 — Mắt tiền mua mắm thi đậm cho thẳng.  
 325 — Mắt tiền mua thúng thi dựng cho raon.  
 326 — Mắt ngọt chết ruồi, mặn mắm chết ròi.  
 327 — Mẹ giàu con cỏ, mẹ khó con không.  
 328 — Mẹ bắt con khen, ai chén vở lợt.  
 329 — Mèo uống nước bể chẳng bao giờ cạn.  
 330 — Mia sầu tung <sup>(3)</sup> đốt, nhà dột tung <sup>(4)</sup> nọi.

<sup>(1)</sup> — già (2) — thóc (3) — và (4) — cỏ.

- 331 — Miệng ngon nhó lâu, nhời đau nhở dài.  
332 — Miệng tu-hú ăn lở rú lở ri.  
333 — Miệng hùm chờ sợ, vầy rồng chờ ghê.  
334 — Miệng phàm tay cộc, đánh mười chửi năm.  
335 — Mồm loa, miệng chảo mách lèo dài eo.  
336 — Môn không ngứa, mà khoai ngứa nỗi gi.  
337 — Mồng ba ăn rốn, mồng bốn ngồi tro.  
338 — Mồng cao gió táp, mồng áp mưa ráo.  
339 — Mồng dài giờ lụt, mồng cựt giờ mưa.  
340 — Một giọt máu đào hơn ao nước lũ.  
341 — Một năm một tuổi như đuôi xuân di.  
342 — Một lần đập cứt một lần chặt chan.  
343 — Một con so lo bằng mười con dạ.  
344 — Một bị vừng chữa nhám được một hột.  
345 — Một trăm người bán, một vạn người mua.  
346 — Một điều nói dối, xám hối bảy ngày.  
347 — Một người một điều dở lều mà đi.  
348 — Một nghề thi kín, chin nghề thi hờ.  
349 — Một lần sợ tốn bốn lần chẳng xong.  
350 — Một lần không chin, chin lần chẳng nên.  
351 — Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa.  
352 — Một ngày nên nghĩa, chuyển dở nên quen.  
353 — Một ngựa hai yên, một chĩnh hai gáo.  
354 — Một câu nói ngay làm chay cả tháng.  
355 — Một con quạ ra năm mười cái qua.  
356 — Một con ngựa đau, cả tàu chè cỏ.  
357 — Một đời làm lại bại hoại ba (1) đời.

(1) — muôn.

- 358 — Một dòng một giỗ chẳng bỏ nghè câu.  
359 — Một chân bước ra, ba chân bước vào.  
360 — Một kho vàng không bằng một nang chữ.  
361 — Một người làm quan cả họ được nhờ.  
362 — Một cái nóc chờ được nghìn cái rui.  
363 — Một thi mừng một, hai thi mừng hai.  
364 — Một mái chèo xuôi, mười mái chèo ngược.  
365 — Một năm làm nhà, ba năm hết gạo.  
366 — Mở gà thì gió, mở chó thì mưa.  
367 — Mời lên khỏi bể lại vào trong hang.  
368 — Mớm cơm, mớm cháo, mặc áo xổ tay.  
369 — Mũ ni che tai sự ai chả biết.  
370 — Mua heo chọn nái, mua gái chọn dòng.  
371 — Mua trâu xem vó, lấy vợ xem nòi.  
372 — Mua cau xem càng, mua cá xem mang.  
373 — Mua áo thi rẻ, mua giẻ thi đắt.  
374 — Mùa hè cá sông, mùa đông cá ao.  
375 — Mùa hè nuôi con, mùa đông ấp trứng.  
376 — Muốn giàu nuôi tắm, muốn nằm di kiệu.  
377 — Muốn nói ngoa, làm mẹ cha mà nói.  
378 — Muốn nói không, làm mẹ chồng mà nói.  
379 — Muốn nói ngoan, làm ông quan mà nói.  
380 — Muốn làm ông, cái lông chẳng muốn mất.  
381 — Muốn lãi buôn bè, muốn què tật vật.  
382 — Muốn làm giàu phải có đầu, có kép.  
383 — Mưa không qua ngọ, gió không qua mùi.  
384 — Mừng cùi trên rừng, mừng cá dưới sông.  
385 — Mười răm giăng náu, mười sáu giăng treo.  
386 — Mười ngón tay có ngón dài, ngón ngắn.  
387 — Mưu sự tại nhàn, thành sự tại thiên.

9 chữ

- 388 — Mẫu mǔ chǎng thương, thương thiên hàn  
[háng xá]
- 389 — Mặc áo đến vai, chǎng ai mặc qua đầu.
- 390 — Mẹ cù con tiên, mẹ hiền con xục-xạc.
- 391 — Mèo già hóa cáo, táo già hóa thần chử (1).
- 392 — Miếng giàu nhận ngõ là miếng giàu bờ đi.
- 393 — Miệng thì mòi xin, bụng thì lạy dìng ău.
- 394 — Một năm chǎn tằm bằng ba năm lâm ruộng.
- 395 — Một bát nước sa bằng ba bát cháo lòng.
- 396 — Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp.
- 397 — Một miếng khi dói bằng một gói khi no.
- 398 — Một người biết lo bằng kho người hay lam.
- 399 — Một công hai gáo chǎng khua lão cũng long.
- 400 — Một trăm cửa bề cũng nề cửa Tuần Vương.
- 401 — Mù dắt mù, cả hai lăn cù xuống ao.
- 402 — Mùa hè dang nắng, cỏ gà trắng thi mưa.
- 403 — Muốn ăn lúa ré, xem giăng rầm tháng giêng.
- 404 — Muốn đào mương cho ngay thi phải triềng  
[trước.]

10 chữ

- 405 — Ma ăn mày Bụt, Bụt chǎng thèm ăn mày ma.
- 406 — Mặt bằng cái gáu gáu; miệng bằng hai gáu [sòng.]
- 407 — Mặt đỏ như lửa, thấy dàn bà chưa cũng tránh.
- 408 — Mất tiền mua mã, mượn rõ thầy cả đọc kinh.
- 409 — Mẹ đánh một trăm, không bằng cha ngắn [một tiếng.]

(1) — kháo già hóa vàng tám.

- 410 — Mẹ ngoảnh đi con dại, mẹ ngoảnh lại con [khòn.]
- 411 — Mẹ dạy thì con khéo, bố dạy thì con khôn.
- 412 — Mèo đến nhà thi khó, chó đến nhà thi giàu.
- 413 — Mông-minh lơ-láo, như thẳng dốt pháo giật [minh.]
- 414 — Một ngày thả chài, bảy mươi hai ngày phơi [lưới.]
- 415 — Một quan tiền công, không bằng một đồng [tiền thường.]
- 416 — Một bàn tay thi dày, hai bàn tay thi vơi.
- 417 — Muốn chắc ở nhà gạch, muốn sạch quét [chồi cùn.]
- 418 — Muốn mát nǎn: ngựa gỗ, muốn đỡ nhuộm [phảm hồng.]

11 chữ

- 419 — Ma không thương người ốm,  
Kẻ trộm không thương nhà nghèo.
- 420 — Mèo lành chǎng ở mả,  
À lành chǎng ở hàng cơm.
- 421 — Mèo khoe mèo dài đuôi,  
Chuột răng nhỏ mình dễ chạy.
- 422 — Minh làm mình chịu,  
Chẳng ông Tồ, ông Tinh nào làm.
- 423 — Một ăn được cứt sắt,  
Chó ăn được cứt thuyền chài.
- 424 — Một trăm ông chú,  
Chẳng bằng một cái hǐm bà cô.

- 450 — Mặc ai chác lợi mua danh,  
Miễn ta học dặng đạo lành thì thôi.  
451 — Mặc ai lười, mặc ai te,  
Ta cứ thủng-thỉnh kéo bè nghênh-ngan.  
452 — Mặc đời cua máy, cây đào,  
Gai kia ai bứt, quả nào ai vo.  
453 — Măng chua nấu với ngạnh nguồn,  
Sự đời đắp đời khi buồn, khi vui.  
454 — Mặt vàng đồi lấy mặt xanh,  
Hai tay hai gày, lạy anh sông Bờ.  
455 — Mặt rõ như tờ ong bầu,  
Cái răng khấp-khẽn như cầu rữa chân.  
456 — Mặt giời tang-tảng rạng đông,  
Chàng ôi thức dậy ra đồng kéo trưa.  
457 — Mấy đời rồng đến nhà tôm,  
Tôi đến nhà chị không môn thi bù.  
458 — Mấy đời bánh đúc có xương,  
Mấy đời dì ghẻ có thương con chồng.  
459 — Mấy đời sấm trước có mưa,  
Mấy đời dì ghẻ có tra con chồng.  
460 — Mất tiền rồi lại thua thảm,  
Mất tiền rồi lại tri âm bạn cười.  
461 — Mất trâu thi lại tậu trâu,  
Những quân cướp nợ có giàu hơn ai.  
462 — Mất vải lại phải đi đò,  
Mất tiền đi đò, lại phải kéo dây.  
463 — Mất ngọt càng tồ chết ruồi,  
Những nơi cay đắng là nơi thực thả.

- 464 — Mẫu đơn nở <sup>(1)</sup> cạnh nhà thờ,  
Đối ta trình tiết đợi chờ lấy nhau.  
465 — Mẹ chồng dữ, mẹ chồng chết,  
Nàng đâu có nết, nàng đâu chừa.  
466 — Mẹ nuôi con bằng giờ bằng bồ,  
Con nuôi mẹ, con kề từng ngày. <sup>(3)</sup>  
467 — Mẹ già, con vịt chít-chiu,  
Mấy đời dì ghẻ nung-niu con chồng.  
468 — Mẹ già ở chốn lều gianh,  
Đối no chẳng biết, rách lành chẳng hay.  
469 — Mẹ già dữ lắm em ôi !  
Khoan ăn, bớt ngủ mà nuôi mẹ già.  
470 — Mẹ cha bú móm nung-niu,  
Tôi giời thi chịu không yêu bằng chồng.  
471 — Mẹ anh như mẹ người ta,  
Thi anh có cửa có nhà dã lâu.  
472 — Mẹ già lo bảy lo ba,  
Lo cau lò muộn, lo già hết duyên.  
473 — Mẹ già hết gạo treo niêm,  
Mà anh khăn đồ, khăn điều vắt vai.  
474 — Mẹ thời già, nhà thời khó,  
Tôi muốn lấy nó, nó chẳng lấy tôi.  
475 — Mẹ già như chuối chín cây,  
Sao dây chẳng liệu cho dây liệu cùng.  
476 — Mèo lành ai nỡ cắt tai,  
Gái kia chồng rầy khoe tài chi em.

<sup>(1)</sup> — mọc <sup>(2)</sup> — bồ hồ lai láng <sup>(3)</sup> — kề tháng, kề ngày.

- 477 — Mèo hoang lại gặp chó hoang,  
Anh đi ăn trộm gặp nàng bứt khoai.
- 478 — Mèo tha miếng thịt xòn-xao,  
Kênh tha con lợn thì nào thấy chi.
- 479 — Mèo tha miếng thịt thi đòn,  
Kênh tha con lợn mắt coi chừng-chừng
- 480 — Mèo lành ở mả bao giờ,  
Cửa yêu ai có bày ra ở ngoài.
- 481 — Miệng kẻ sang có gang có thép,  
Đồ nhà khó vừa nhọ vừa thảm.
- 482 — Miệng dã se có chè thết khách,  
Vây dã rách có lụa bán rao.
- 483 — Miếu thiêng chẳng có ai thờ,  
 Tay ai thanh tịnh xin nhờ thấp hương.
- 484 — Minh về đường ấy hôm nay,  
Mồ cha đưa gối đầu tay cho về.
- 485 — Minh về ta chẳng cho về,  
Cầm tay kéo lại, minh thi ở đây.
- 486 — Mồ côi cha ăn cơm với cá,  
Mồ côi mẹ liếm lá đầu chợ.
- 487 — Mồ cha con bướm khôn ngoan,  
Hoa thơm bướm đậu, hoa tàn bướm bay.
- 488 — Mồ cha đẻ mẹ con giơi,  
Sao mày ăn nói nhũng nhời Hà-dông.
- 489 — Mỗi người thi có một nghề,  
Làm cốt thi ngáp, làm nghề thi chầu.

- 490 — Mồng năm, mười bốn, hăm ba,  
*Đi chơi cũng thiệt nữa là đi buôn*<sup>(1)</sup>.
- 491 — Mồng bốn cá đi ăn thè,  
Mồng tám cá về, cá vượt Vũ-mòn.
- 492 — Một tay đun chín bếp rơm,  
Một tay nạo mướp, chị nhường chồng cho.
- 493 — Một giăng là mấy cuối ngồi,  
Mặt gương tư mã mấy người soi chung.
- 494 — Một năm là mấy tháng xuân,  
Một ngày được mấy giờ dần sớm mai.
- 495 — Một năm là mấy tháng xuân,  
Một đời người được mấy lần vinh hoa.
- 496 — Một con tằm cũng phải hái dầu,  
Một con trâu cũng phải đứng đồng.
- 497 — Một đôi cho đáng một đôi,  
Anh thì sứt mũi, chị tội lẹm cẩm.
- 498 — Một lần mà tưởng đến già,  
Đừng đi nước mặn mà hà ăn chán.
- 499 — Một ngày đứng mũi thuyền rồng,  
Còn hơn chín tháng ở trong thuyền chài.
- 500 — Một đêm quân-tử nằm kè,  
Còn hơn thẳng nhẳng vô về quanh năm.
- 501 — Một cảnh dầu sớm nở hoa,  
Muôn cây ngàn cỏ cũng đều nướng thơm.
- 502 — Một quan có giấy một quan,  
Năm tiền không giấy, mất oan đừng nài.

<sup>(1)</sup> — Dù ai buôn bán cũng là về không.

- 503 — Một mình ăn hết bao nhiêu,  
Mò cua bắt ốc cho rêu bám dìu.  
504 — Một nhà hai chủ không hòa,  
Hai vua, một nước át là không yên.  
505 — Một thuyền, một lái chẳng xong,  
Một chĩnh hai gáo còn nong tay vào.  
506 — Một hòn đắp chẳng nền non,  
Ba hòn chụm lại nên cồn Thái-son.  
507 — Một cây đắp chẳng nền non,  
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.  
508 — Một đời được mấy anh hùng,  
Một nước được mấy đức ông trị vì.  
509 — Một trăm ông chủ không lo,  
Lo về một nỗi muộn nở mồm.  
510 — Một nong tắm là năm nong kén,  
Một nong kén là chín nén to.  
511 — Một cái nóc gánh trăm cái dui,  
Trăm cái dui đè một cái nóc.  
512 — Một liều, ba, bảy cũng liều,  
Cầm bảng con trẻ chơi diều đứt dây,  
513 — Một mình vừa chống, vừa chèo,  
Không ai tắt nước đỡ nghèo một khì.  
514 — Một ngày mấy lượt trèo non,  
Lấy gì làm <sup>(1)</sup> đẹp làm <sup>(2)</sup> giòn hối anh.  
515 — Một ngày ba bàn trèo cồn,  
Còn gì mà đẹp, mà giòn hối anh.

- 516 — Một ngày ba bàn trèo đèo,  
Vì ai vú xếch, lưng eo hối chàng.  
517 — Một ngày ba bữa cơm đèn,  
Lấy gì má phán, răng đen hối chàng.  
518 — Một ngày hai bữa cơm đèn,  
Lấy gì má phán, răng đen với chồng.  
519 — Một tiền là chín, mươi thung,  
Mẹ con nhịn đói vì chưng không tiền.  
520 — Một nhời nói quan tiền thúng thóe,  
Một nhời nói dùi đục cẳng tay.  
521 — Một năm một tuổi một già,  
Ba năm một tuổi chỉ mà đợi anh.  
522 — Mơ mang, mang chạy lên rừng,  
Ta hay mang chạy, ta dừng mở mang.  
523 — Mới yêu, thì cũ cũng yêu,  
Mới có mỹ-miều, cũ có công-lênh.  
524 — Mụ già ba bảy mụ già,  
Mụ thi tiền ruồi, mụ ba mươi đồng.  
525 — Mua cá thì phải xem mang,  
Mua bầu xem cuống mới toan không nhầm.  
526 — Mua cam thì chọn lấy cam,  
Lấy chồng thì chọn trưởng nam cho giàu,  
527 — Mua thịt thì chọn miếng mòng,  
Lấy chồng thì chọn con tông nhà nòi.  
528 — Muôn nghìn chờ lấy học trò,  
Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm.  
529 — Muôn nghìn chờ cấy kê La,  
Cái tương thì thối, cái cà thì thâm.

(1) — và (2) — mà.

- 530 — Muốn ăn cơm trắng, cá kho,  
Trốn cha, trốn mẹ xuống đò cùng anh.
- 531 — Muốn ăn đậu phụ, tương tầu,  
Mài dao, đánh gẹo gọt dầu đi tu.
- 532 — Muốn tu chùa ngôi, Bụt vàng,  
Chùa gianh, Bụt dắt ở làng thiêú chí.
- 533 — Muốn ăn oản Bụt cho thơm,  
Ba đồng gạo nếp thì đom cả ngày.
- 534 — Muốn răng oản Bụt cho thơm,  
Những như cơm nếp ở nơm trong nhà.
- 535 — Muốn cho lầm cõi, nhiều cảnh,  
Muốn cho lầm chí, nhiều anh cậy nhờ.
- 536 — Muốn cho có đó, có đây,  
Sơn lâm chưa dễ một cây nên rừng.
- Muốn cho no vợ dù chồng,  
Đề mà kết tóc trông mong ở dời.
- 538 — Muốn cho gần bến, gần thuyền,  
Gần bác, gần mẹ, nhân duyên cũng gần.
- 539 — Muốn cho gần mẹ, gần cha,  
Khi vào thung thóc, khi ra quan tiền.
- 540 — Muốn cho chợ họp đến chiều,  
Cho lầm kẻ bán, cho nhiều người mua.
- 541 — Muốn cho có thiếp, có chàng,  
Ba sáu mười tam cơm hàng có canh.
- 542 — Muốn sao tháng đòi tuần giăng,  
Muốn sao đấy ở cho bằng lòng dây.
- 543 — Muốn may thi phải có kim,  
Muốn hay thi phải ắt tìm người xưa.

- 544 — Muốn ràng tết-tứu, lang-trung,  
Còn như chú-sự lấy thùng mà dong.
- 545 — Muốn đánh thi đẻ con ra  
Muốn ăn thi thỏi cơm nhà mà ăn,
- 546 — Muốn lấy chồng mà chồng chẳng lấy.  
Biết già chồng đang mấy mà mua.
- 547 — Muốn sang thi bắc cầu kiều,  
Muốn con hay chữ thời yêu lấy thay.
- 548 — Mười năm lưu lạc giang hồ,  
Một ngày tu tác cơ đồ lại nén.
- 549 — Mượn mầu kinh sử ăn chơi,  
Đi đâu là chẳng có nơi hữu tình.
- 550 — Mượn mầu một chút làm duyên,  
Mấy đời gỗ mục đóng nên thuyền rồng.
- 551 — Mướp dâng đã có mặt cưa,  
Bố bay hay lừa lại gấp mẹ bay.
- 552 — Mừng nay có chủ Thuấn Nghiêu,  
Gió nhán, mưa huệ chầy đều muôn dân.

### 15 chữ

- 553 — Mồ cha không khóc, khóc đồng mối.  
Mồ mẹ không khóc, khóc bối bòng bong.
- 554 — Một cái rầm bằng năm thuốc tiêu, bằng  
liều thuốc gió, bằng lộ thuốc viễn.
- 555 — Một cảnh tre, năm bầy cảnh tre,  
Lấy ai thì lấy, chờ nghe họ hàng.
- 556 — Một cảnh dâu, năm bầy cảnh dâu.  
Bên tài, bên sicc lấy nhau cũng vừa.

557 — Muốn cho sông cạn, đò đầy,  
Muốn cho anh chung mẹ chung, thầy với em.

16 chữ

558 — Mặt mũi méo mó thì có đồng tiền.  
Mặt vuông chữ diện thì tiền không có.

559 — Mẹ chồng không ai nói tốt nàng dâu,  
Nàng dâu không ai nói tốt mẹ chồng.

560 — Miệng như hỏa lò ăn hết cơ nghiệp,  
Con mắt ốc bươu làm cho sợ sệt.

561 — Mồng bảy hội Khám, mồng tám hội Dâu.  
Mồng chín dâu dâu giở về hội Gióng.

562 — Một người làm nén, cả họ được cày,  
Một người làm bậy, cả họ mất nhờ.

563 — Một người làm xấu cả hận mang đơ,  
Một người làm tốt cả hận được nhơ.

564 — Muốn ăn cá cả phải thả câu dài,  
Kia như miệng cá ai hoài mà đo.

18 chữ

565 — Một chờ, hai đợi, ba trông,  
Bốn thương, năm nhớ, bảy, tám, chín mong  
[mười tám]

19 chữ

566 — Mùa hè đang nắng, cỏ già mọc trắng thời mưa.  
Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì hão.

20 chữ

567 — Một trăm con gai không bằng lỗ tai con gai,  
Một trăm con gai không bằng hòn g ... con  
[gai].

21 chữ

568 — Muốn ăn lúa tháng năm, xem giảng rầm  
[tháng tám].

Muốn ăn lúa tháng mười, xem giảng mồng  
[tám tháng tư].

N

3 chữ

1 — Nói như ròng.

4 chữ

2 — Nay đợi, mai chờ.

3 — Nay gánh, mai đợi.

4 — Nay sang, mai hèn.

5 — Nay dày, mai dó.

6 — Nanh nọc nầy nòi.

7 — Nát như đất bùn.

8 — Nát như tương đàm (1).

9 — Nát dẻo, sống bùi.

10 — Nát dởm kinh hồn.

- 11 — Năm người, mười làng.
- 12 — Năm bà, ba truyện.
- 13 — Năm lừa, bảy lọc.
- 14 — Năm chờ, tháng đợi.
- 15 — Năm hết, Tết đến.
- 16 — Năm cùng, tháng tận.
- 17 — Năm cha, ba mẹ.
- 18 — Năm ngửa nhở ngực.
- 19 — Năm mèo xó bếp.
- 20 — Năm sương, gối lá.
- 21 — Năm sương, gối đất.
- 22 — Năm được đằng chuôi.
- 23 — Nặng nhặt chặt bị.
- 24 — Nặng chì di chài.
- 25 — Nặng nói, nặng lối.
- 26 — Nặng tắm nặng mặt.
- 27 — Nặng hát nặng hay,
- 28 — Nặng bồng nhẹ tách.
- 29 — Nem công chả phượng.
- 30 — Ném bùn sang ao.
- 31 — Ném đất (<sup>(1)</sup>) dấu tay.
- 32 — Nét mặt sống trâu.
- 33 — Nề quá hoá sơ.
- 34 — Nin như ngâm thóc.
- 35 — Nịnh thắn ôm váy.
- 36 — No cơm, lành áo.
- 37 — No ăn, ấm mặc.

(1) — đá.

- 38 — No dồn, đói góp.
- 39 — No xói, thoi cơm.
- 40 — No lòng mát ruột.
- 41 — No cơm đứng mõ.
- 42 — No dạ đã thèm.
- 43 — Nói nào giống ấy.
- 44 — Nói chuyện đường dài.
- 45 — Nói đứng, dựng ngực.
- 46 — Nói điêu nói toa.
- 47 — Nói chua nói ngoa.
- 48 — Nói chua như mè.
- 49 — Nói như chém gạch.
- 50 — Nói như tép nhảy.
- 51 — Nói như pháo ran.
- 52 — Nói khoác gấp dịp (<sup>(1)</sup>).
- 53 — Nói ngang cành búa.
- 54 — Nói ráo hột mép.
- 55 — Nói đè ngoài tai.
- 56 — Nói rắn nói rồng.
- 57 — Nói dàn cung mây.
- 58 — Nói thánh nói thần.
- 59 — Nói sóng nói gió.
- 60 — Nói bóng nói bầy.
- 61 — Nói trước, quên sau.
- 62 — Nói dõi thò đuôi.
- 63 — Nói như thanh lẹm.
- 64 — Nói toạc móng heo (<sup>(2)</sup>).
- 65 — Nói què cu gáy.
- 66 — Nói giọng Hà-đông.

(1) — thi (2) — giờ.

- 67 — Non mặt trẻ tuổi.  
68 — Non măng trẻ súra.  
69 — Nòng nọc đứt đuôi.  
70 — Nồi như pháo rang.  
71 — Nồi nào vung ấy.  
72 — Nồi đồng cối đá.  
73 — Nồi giáo cho giặc.  
74 — Nồi ầm ngoại đồ.  
75 — Nòng như đĩa đèn.  
76 — Nòng nồi giếng khói.  
77 — Nốt ruồi ở cổ.  
78 — Nở ngành, xanh ngọn.  
79 — Nở như bánh rán.  
80 — Nợ van, quan khất.  
81 — Nợ mòn, con nhón.  
82 — Nợ như chúa Chồm.  
83 — Nợ như lồng lươn.  
84 — Nợ như hom dâu.  
85 — Nơi cầu, nơi vong.  
86 — Nữ cà, hoa mướp.  
87 — Nuộc lạt, bát cơm.  
88 — Nuôi ong tay áo.  
89 — Nuôi cáo trong nhà.  
90 — Nuôi khỉ giữ nhà.  
91 — Nữ hành giành bạc.  
92 — Nữ sinh (1) ngoại tộc.  
93 — Nữ khóc, nứa cười.  
94 — Nữ ngô, nứa khoai.  
95 — Nữ người, nứa ngon.

(1) — nhí

- 96 — Nứa nạc nứa mỡ.  
97 — Nứa thật, nứa bõn  
98 — Nước chảy chỗ chũng.  
99 — Nước chảy bè trôi.  
100 — Nước chảy đá mòn.  
101 — Nước sông, gạo chợ  
102 — Nước đồ dầu vịt.  
103 — Nước đồ lá khoai.  
104 — Nước đồ khó bốc.  
105 — Nước khe, chè núi.  
106 — Nước Nam nước Đế.

5 chữ

- 107 — Nam nhí đại chí khi.  
108 — Nặng may hơn dầy giẻ.  
109 — Nặng như hòn đá deo.  
110 — Ném chuột cùn ghê cũi bát.  
111 — No cơm dứng hồng mao.  
112 — No bụng, đói con mắt.  
113 — No trong mơ, ngoài đất.  
114 — Nói ngọt lọt đến xương.  
115 — Nói ngọt như mia lùi.  
116 — Nói dở như cảm hấp.  
117 — Nói phải, gãi chỗ ngứa.  
118 — Nói mất chữ như rác.  
119 — Nói như khướu bách-thanh.  
120 — Nói như chó cắn ma.  
121 — Nói như dao phát thạch.

- 122 — Nói như dao chém đá.  
123 — Nói như dao chém nước.  
124 — Nói như tát nước bè.  
125 — Nói lành sành ra dữ.  
126 — Nói nhỏ (1) suýt ra to (2).  
127 — Nói ngay, hay trái tai.  
128 — Nói trên giờ dưới bè.  
129 — Nói chưa sinh chưa tử.  
130 — Nói hay hơn hay nói.  
131 — Nói truyện voi đẻ trứng.  
132 — Nói răng-đa bà cụ.  
133 — Nói tron như nước (3) chảy.  
134 — Nóng tay bắt lỗ tai.  
135 — Nói nát về Cầu-Nôm.  
136 — Nuôi cắt, cắt đánh đầu.  
137 — Nước lâ quấy nên hồ.  
138 — Nước mura là cưa giờ.  
139 — Nước khe đè nước suối.  
140 — Nước chảy ngược lên đường.  
141 — Nước gạo tắm cho voi.  
142 — Nước dến chan mời nhảy.  
143 — Nước lợng trọng nước khe.

6 chữ.

- 144 — Na-mô một bồ lấy bốn.  
145 — Na-mô một bồ dao găm.  
146 — Nai ăn dâu, nát giậu dò.  
147 — Nay ăn tắm, mai ăn gạo.  
148 — Nam trúng chữ, nữ trúng kim.

(1) — ít (2) — nhiều (3) — cháo.

- 149 — Nát gỗ hãy còn bờ tre.  
150 — Nằm giữa chẳng mất phần chăn.  
151 — Nắng bè nào, che bè ấy.  
152 — Nắng tốt dura, mưa tốt lúa.  
153 — Nắng ui-ui hui chết người.  
154 — Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.  
155 — Nắng không ưa, mưa không chịu.  
156 — Nén bạc đậm toạc tờ giấy.  
157 — No nê Bụt, đói nê ma.  
158 — No cơm tấm, ấm ồ rom.  
159 — No hết ngon, giận hết khôn.  
160 — Nó nói tôi dám diếc tai.  
161 — Nó lú nhưng chú nó khôn.  
162 — Nóc nhà xa hơn kẻ chợ.  
163 — Nói chưa sach, vạch chưa thông.  
164 — Nói như rót vào lỗ tai.  
165 — Nói như đóng đanh vào cột.  
166 — Nói như đá ném xuống vực.  
167 — Nói như dựa chém xuống đất.  
168 — Nói như phát, nhát như cheo.  
169 — Nói khó cho qua buổi chợ.  
170 — Nói như nước đồ lá khoai.  
171 — Nói như nước đồ dầu vịt.  
172 — Nói có sách, mách có chứng.  
173 — Nói trặt họng như cối xay.  
174 — Nói thì có, làm thì không.  
175 — Nói với dura dại khôn cùng.  
176 — Nói khoác một tắc đến giờ.  
177 — Nói trước mà bước không dời.  
178 — Non chẳng nốn, già nở đốt.

- 179 — Nón không quai, thuyền không lái.  
180 — Nồi đồng đánh ra lại sáng.  
181 — Nôm na là cha mách quê,  
182 — Nồng như vôi, cay như ớt.  
183 — Nuốt miếng đắng, nhả miếng ngọt.  
184 — Nữ thập tam, nam thập lục.  
185 — Nước nóng còn có khi nguội.  
186 — Nước chè tàu, giàu cơi thiếc.  
187 — Nước cửa Trà, ma cửa Họ.  
188 — Nước nhè mạ, mạ nhè nước.  
189 — Nước lă ai vã nén hồ.  
190 — Nước lụt, chó nhảy bàn độc.  
191 — Nước chảy đâu đâu cũng tới.  
192 — Nước chảy xuôi, bè kéo ngược.  
193 — Nước xa khôn cứu lứa gần.  
194 — Nước suối có bao giờ đục.

7 chữ

- 195 — Nam vò tǔu như kỳ vò phong.  
196 — Nặn như bà cò bóp con cháu.  
197 — Nắng gió thì cũng chẳng phải nao.  
198 — Nắng tháng ba chó già lè lưỡi.  
199 — Nắng tháng ba mà hoa không héo.  
200 — Nắng đan đỏ, mưa gió đan gầu.  
201 — Nắng nỏ, mắt cá ngõ lẩn mõm.  
202 — Nếp lòn lòn, cha con đánh chán.  
203 — Nói một đàng bắt quàng một nẻo.  
204 — Nói con rắn trong lỗ bò ra.  
205 — Nói lủng-bủng như húp cháo nóng.  
206 — Nói như dùi đục chấm nước mắm.

- 207 — Nói dẩm-dẳn như váy ba bức.  
208 — Nồi đồng sỏi, nồi đất cũng sỏi.  
209 — Nồi nát chẳng khỏi tay thợ hàn.  
210 — Nợ chẳng phải hoa đê mà ngửi.  
211 — Nôm-nóp như cá nằm trên thớt.  
212 — Nuôi con không phép kè tiền cơm.  
213 — Nửa trời sông không rập thì gầy.

8 chữ

- 214 — Năm nhân như chấy, nữ nhân như rận.  
215 — Năm thực như hổ, nữ thực như miêu.  
216 — Năm mới năm me lấy que chọc đ.....  
217 — Năm cũ chưa qua, năm mới đã đến.  
218 — Năm Tị, năm Ngọ ai có nấy ăn.  
219 — Năm Thìn, năm Tị chỉ chẳng nhìn em.  
220 — Năm trước được cau, năm sau được lúa.  
221 — Năm quan mua người, mười quan mua nết.  
222 — Năm tiền có chưng, mệt quan có cờ.  
223 — Năm con năm nhớ, mười vợ mười thương.  
224 — Năm ngón tay có ngón dài, ngón ngắn.  
225 — Nắng như nắng trứng, hứng như hứng hoa.  
226 — Ném tiền xuống ao không được xem tăm.  
227 — Né cò, né di, lấy gì làm vốn?  
228 — No ba ngày Tết, đói ba tháng hè.  
229 — No ăn đất bói, đói ăn đất khoai.  
230 — No ăn nhà bếp, chóng chết quản voi.  
231 — Nói dai nhách như chó nhai giẻ rách.  
232 — Nói gần, nói xa, chẳng qua nói thật.  
233 — Nói đổi thêm chánh, nói hành thêm lỗi.  
234 — Nói xuôi cũng được, nói ngược cũng hay.

- 235 — Nói với người say như vay không già.  
 236 — Nói bảy quăng ra, nói ba quăng vào.  
 237 — Nốt ruồi ở cõi có lỗ tiền trôn.  
 238 — Nơi nèn nọ có, nơi có nọ nèn  
 239 — Nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà.  
 240 — Nuôi ong tay áo, áp rắn vào ngực,  
 241 — Nước mắm Vạn-Vân, cá rô Đầm-Sét.  
 242 — Nước xáo dầu vịt nghĩ lâu nực cười.

9 chữ

- 243 — Nó với nó chẳng phải thịt chó bán rao.  
 244 — Nói tràng ba mươi, khoát không được một tấc.  
 245 — Nói đi cũng phải, nói lại cũng dễ nghe.  
 246 — Nói trên không có chẳng, dưới không có rẻ.  
 247 — Nuôi con trong dạ đồ vạ cho ông vải.

10 chữ

- 248 — Nay tát đầm, mai tát đìa, ngày kia giỗ hụt.  
 249 — Nợ có đầy miệng mo, có đâu cho mo dài.  
 250 — Nồn nadeon trăm cái đầu giường, nghìn [cái đầu tay.  
 251 — Nồi tròn<sup>(1)</sup> úp vung tròn, nồi méo<sup>(2)</sup> úp [vung méo.  
 252 — Nợ mươi hùm chưa đủ, đàm một thô [thẩm chí.  
 253 — Nuôi heo lấy mỡ, nuôi đứa ở đỡ chân tay.  
 254 — Nuôi lợn ăn cơm nắm, nuôi tằm ăn cơm đưng.  
 255 — Nước mắm xem màng màng, Thành hoàng [xem tàn<sup>(3)</sup> quạt.

(1) — đồng (2) — đất (3) — cõi.

12 chữ

- 256 — Nắng sớm thì di giờng cà,  
 Mưa sớm ở nhà phơi théo.  
 257 — Nói với người khôn không lại,  
 Nói với người dại không cùng.

14 chữ

- 258 — Na-mô một bồ lấy bốn,  
 Người ta đã khốn, lại còn na-mô.  
 259 — Na-mô A-di-dà Phật,  
 Đồ mật vào nồi, chửa sôi đã ném.  
 260 — Na-mô Bồ-tát, bồ hòn,  
 Ông sư bà vãi quận tròn lấy nhau.  
 261 — Na-mô đức Phật Quán-Âm,  
 Bao nhiêu vãi mầm thì lấy tiêu tôi.  
 262 — Nay mừng anh chị tốt đời,  
 Mong cho có cháu để tôi cho vòng.  
 263 — Nào là cá nhón di đâu,  
 Để cho cá nhỏ cắn câu thế này.  
 264 — Nào nhời chàng dặn nàng hay,  
 Ăn nhín qua bữa, chờ vay đồ lời.  
 265 — Nào ai cầm chợ, ngăn sông,  
 Ai cầm chủ lái thông đồng đi buôn.  
 266 — Nào ai cầm chợ, ngăn đò,  
 Nào ai cầm lái, hẹn hò đi buôn.  
 267 — Năm kia dễ mấy mùa xuân,  
 Đỗ kia hầu dễ mấy lần đặt tên.

- 268 — Năm canh thì ngủ lấy ba,  
Hai canh lo lắng việc nhà làm ăn.  
269 — Năm gai, năm gái là mươi,  
Năm dâu, năm rẽ là đòn mươi tròn.  
270 — Năm lại thì chắc như cua,  
Mở ra thì lại được rùa mà thôi.  
271 — Nắng mưa thì giếng nắng đầy,  
Anh hay đi lại, mẹ thầy nắng thương.  
272 — Nắng mưa, *nắng*<sup>(1)</sup> tốt lúa đường.  
Nắng đi, nắng lại xem thường xem khinh.  
273 — Nên ra trên kính, dưới nhường,  
Chẳng nên đạp hắt bên đường mà đi.  
274 — Nếu đẹp đã có tiếng đồn,  
Lợ là nhí nhảnh như tròn chich-chòe.  
275 — No thì ra Bụt, đói ra ma,  
Chẳng lạ nhân tình đất kẽ ta.  
276 — Nói nhời thì nhớ lấy nhời,  
Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.  
277 — Nói người chẳng gâm đến ta,  
Cái gương tay liếp đè mà soi chung.  
278 — Nói người chẳng gâm đến thân,  
Thứ sờ lên gáy<sup>(2)</sup> xem gần hay xa.  
279 — Nói thi đâm năm, chém mươi,  
Đến bữa tối giờ không dám ra sân,  
280 — Non cao cũng có đường trèo,  
Đường dẫu hiềm-nghèo cũng có lối đi.

- 281 — Non cao cũng có đường trèo,  
Những bệnh hiềm-nghèo có thuốc thần tiên.  
282 — Nồi tròn thì úp vung tròn,  
Đứng úp vung méo, nũa con người cười.  
283 — Nồi nát lại về Cầu-Nôm,  
Con gái nỏ mồm về ở với cha.  
284 — Nő nào mèo lại ăn than.  
Bởi chưng có mõ đồ trán lên trên.  
285 — Nợ nần cũng chẳng là bao,  
Ra công tháo vác lúc nào cũng xong.  
286 — Núi Đọi ai đắp nên cao,  
Ngã ba sông Lãnh ai đào nên sâu.  
287 — Nuôi con chẳng biết tính con,  
Hễ vú gai gao thi l... chớp động.  
288 — Nuôi lợn thi phải vót bèo,  
Lấy vợ thi phải nộp cheo cho làng.  
289 — Nửa về nửa muốn ở đây,  
Về nhà nhớ bạn, ở đây nhớ nhà,  
290 — Nực cười chữ *nai* là bèn,  
Mất tiền mà có ai khen chi mình.  
291 — Nực cười cháu-cháu chống xe,  
Tưởng rằng cháu ngã ai ngờ xe nghiêng.  
292 — Nực cười thầy bối soi gương.  
Thầy tu trải lược, người thương bức mình.  
293 — Nực cười cơm nguội có hơi,  
Cạnh buồm kẽ tó, áo tơi viền tà.  
294 — Nứng c... thi vặc đến nhà,  
L... còn đau mắt không ra đến ngoài.

(1) — thi (2) — trán.

- 295 — Nước còn quyến cát làm doi,  
Huống chi ta chẳng tài bời lấy nhau.
- 296 — Nước lên rồi nước lại dòng,  
Đỗ ai bắt được con còng trong hang.
- 297 — Nước trong mà giếng hôi phèn,  
Tuy là em lịch mà hèn mẹ cha.
- 298 — Nước trong ai chẳng rửa chân,  
Cái má trắng ngần ai chẳng muốn hôn.
- 299 — Nước lã mà vã nén hồ,  
 Tay không mà nỗi cơ đồ mới ngoan,
- 300 — Nước sông còn đỏ như vang,  
Nhiều nơi lịch sự hơn chàng, chàng ơi!
- 301 — Nước triều ai tát, ai khơi,  
Khi lên thời thiế, cơn rồi như không.
- 302 — Nước sông cuồn-cuộn chảy suối,  
Có con cá riếc đỏ đuôi theo mồi.
- 303 — Nước trong khe suối chảy ra,  
Mình chê ta đục, mình đà trong chưa.
- 304 — Nước trong múc lấy một xanh,  
Hoa thơm bẻ lấy một nhành cầm tay.
- 305 — Nước giữa dòng chè trong, chè đục,  
Vũng trâu dầm hì-hục khen ngon.
- 306 — Nước lên cá đuối ăn theo,  
Lái buôn hết gạo bỏ neo cầm chừng.
- 307 — Nước đầy đồ đĩa khôn bưng,  
Dù ai vinh hiển thì mừng cho nhau.

- 308 — Nói chơi cho đỡ vui lòng,  
Ăn dã có chốn, tựa loan phòng có nơi.

15 chữ

- 309 — No cơm ấm cật, đậm đậm mọi nơi,  
*Quần áo* (1) tả tai mọi nơi chẳng đặt.
- 310 — Nói bỡn mà chơi, nói cợt mà chơi,  
Áo ai người mặc có mùi gì đâu.
- 311 — Nửa trôi sông chẳng rập thì gầy,  
Gái chồng rầy chẳng chứng nợ thì tật kia.
- 312 — Nước lên, cuốn sáo nhỏ dăng,  
Trong tay em có ngọc cũng không bằng có anh

17 chữ

- 313 — Nin-náu mồng chín, dụn-đìn mồng mười,  
Sợ chị em cười ở đến ngày mười một.

18 chữ

- 314 — Na-mò một bộ dao găm, một trăm dao mac,  
một vác dao bầu, một xâu thịt chó.

20 chữ

- 315 — Nằm đất hàng hương hơn nằm giường hàng cá,  
L... có hàng cá còn nhẵn hơn má anh hàng hương

| hương

(1) — đầu óc.

22 chữ

316 — Na-mò một bồ dao găm.

Một trăm con chó, một họ mắm tôm.  
Một ôm rau húng, một thúng rau răm.

# NG

3 chữ

- 1 — Ngay ruột ngựa.
- 2 — Ngang như cua,
- 3 — Ngâu tháng bảy,

4 chữ

- 4 — Ngày ba, tháng tám,
- 5 — Ngày rạng, đêm khuya,
- 6 — Ngày rộng, tháng dài,
- 7 — Ngang giờ, dọc đất.
- 8 — Ngang bằng, sỗ ngay.
- 9 — Ngắn hai, dài một.
- 10 — Ngậm dắng, nuốt cay.
- 11 — Ngàn tiền vô vị.
- 12 — Nghe hơi nồi chõ.
- 13 — Nghe mõ ra tiền.
- 14 — Nghèo rớt mồng tai.
- 15 — Nghịch như quỷ sứ.
- 16 — Nghiến như mợ nghiến.
- 17 — Ngọc lành có vết.

- 18 — Ngón tay dùi đục.
- 19 — Ngón tay búp măng.
- 20 — Ngón nguồn, chân sóng.
- 21 — Ngót như mía lùi.
- 22 — Ngồi ngay như thôn.
- 23 — Ngồi như Bụt mọc.
- 24 — Ngồi lý cung thang <sup>(1)</sup>.
- 25 — Ngồi thẳng, cất cạp.
- 26 — Ngồi thúng, cất thúng.
- 27 — Ngồi dai khoai nát.
- 28 — Ngỗng ông lẽ ông.
- 29 — Ngủ ngày, cày đêm.
- 30 — Ngư thủy nhất đường.
- 31 — Ngứa ghẽ, dòn ghen.
- 32 — Ngứa tay xin việc.
- 33 — Ngựa chạy dảng dài.
- 34 — Ngựa qua cửa sổ.
- 35 — Ngựa quen dảng cũ.
- 36 — Ngựa non sáo <sup>(2)</sup> dá.
- 37 — Người roi, voi búa.
- 38 — Người sống đồng vàng.
- 39 — Người khôn chóng già.
- 40 — Người khôn, cửa khó.
- 41 — Người chết ra ma.
- 42 — Người chết, cửa hết.
- 43 — Người chết, nết côn.
- 44 — Người gầy thầy cơm.

(1) — quan tướng.

(2) — hấu hoặc xấu

5 chữ

- 45 — Ngâm bồ-hòn làm ngọt.  
 46 — Nghèo, nhung nghèo nỗi đồng.  
 47 — Nghè vỗ đánh giả thầy.  
 48 — Ngô ông túc nhược ông.  
 49 — Ngôi mát, ăn bát đầy <sup>(1)</sup>.  
 50 — Ngu si hưởng thái bình.  
 51 — Người đông như kiến cỏ.  
 52 — Người khôn dồn ra mặt.  
 53 — Người rát nát người bạo.  
 54 — Người nhơn, tinh trẻ con.  
 55 — Người ta là hoa dát.

6 chữ

- 56 — Ngày vui ngắn chẳng đầy gang.  
 57 — Ngày đường không bằng gang nước.  
 58 — Ngắn quan hai, dài quan tam.  
 59 — Ngắn tay với chẳng đến giờ.  
 60 — Ngầm-ngập như ông gấp bà.  
 61 — Nghĩ lại thì gi... chẳng còn.  
 62 — Nghĩ trước, nghĩ sau hãy nói.  
 63 — Ngõ cửa chо gió lọt vào.  
 64 — Ngoài anh em, trong cờ bạc.  
 65 — Ngọc bất chắc, bất thành khi.  
 66 — Ngọc tốt không nê bán rao.  
 67 — Ngoe-nguầy như chó vây đuôi.

(1) — vàng.

- 68 — Ngoe-nguầy như cua gãy càng.  
 69 — Ngọn tẩy bồ, gốc tẩy tăm.  
 70 — Ngồi la-liệt như La-hán.  
 71 — Ngồi dống thóc, móc dống tiền.  
 72 — Ngông-nghènh như chó thấy thóc.  
 73 — Ngo-ngác như mắt kẻ cắp.  
 74 — Ngụ cư bắt nạt chúa làng.  
 75 — Nguồn dục thi dòng cũng dục.  
 76 — Người chết mà nết không chừa.  
 77 — Người đẹp mà nết chẳng đẹp.  
 78 — Người trên vị, kẻ dưới nề.  
 79 — Người là vàng, của là ngãi.  
 80 — Người ba dứng, của ba loài.  
 81 — Người dốt như trống vào vách.  
 82 — Người bung lõi, người thòi kèn.  
 83 — Người ăn ốc, người đồ vỏ.  
 84 — Người vụng dan thúng giữa đường.  
 85 — Người còn, thi của hãy còn.

7 chữ

- 86 — Ngày-ngó như chúa Tàu nghẹ kèn.  
 87 — Ngắt-nguồng như minh-tinh nhà có.  
 88 — Nghe con, lon-son mắng làng diêng.  
 89 — Nghênh-ngaeng như mụ thung sang dò.  
 90 — Ngồi gốc sung há miệng chực rơi.  
 91 — Người lành không hỏi, hỏi người mù.  
 92 — Người làm quan nhất tự cách trùng.  
 93 — Người đi buôn cầu nước, cầu non.

- 94 — Người làm sao, *chiêm bao* (1) làm vậy.  
 95 — Người một quan khinh kẽ chín tiền.  
 96 — Người như hoa ở đâu thơm đấy.  
 97 — Người gánh gánh tránh người đi không.

8 chū.

- 93 — Người cõi bể miệng kêu không thấu giờ.  
99 — Nghi nhàn mạc dụng, dụng nhàn mạc nghi.  
100 — Ngón tay e còn có máu cả mươi.  
101 — Ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình.  
102 — Ngoái/ngoài như bà phủ Khoái xin tương.  
103 — Ngủ ngày quen mắt, ăn vặt quen móm.  
104 — Người sống của còn, người chết của hết.  
105 — Người sống về com, cá sống về nước.  
106 — Người chẳng ra người, ngợm chẳng ra ngợm.  
107 — Người dại *cõi chuồng* (2) người khôn xấu mặt.  
108 — Người đáng đồng sứt, cứt đáng chày lim.  
109 — Người mà vò lẽ khác gì muông dè.  
110 — Người mà không học khác gì đi đêm.  
111 — Người ngay mắc nặn, đứa giàn vui cười.  
112 — Người ăn thì còn, con ăn thì mất.  
113 — Người khôn nói mánh, người dại đánh dòn.  
114 — Người trên cây chẳng lo, người dưới lo.  
115 — Người thi xòng khói, nhời nói xòng hương.  
116 — Người tốt vì lúa, lúa tốt vì phân.

2 chū

- 117 - Ngắt-nga ngắt-ngưởng như xã trưởng mất  
[via 3].

(1) — quān bao (2) — dēi l... (3) — gāi.

- 118 — Người cưới ba tháng, không ai cưới ba năm.  
 119 — Người cưới trước làm chước cho kẻ cưới sau.  
 120 — Người làm nên cửa, cửa không làm nên người

10 ch<sup>iv</sup>

- 121 — Người mót ăn bát dày, lày cầy không dày [bát-năm].  
 122 — Người khôn nhọc lo, dứa dai ăn no lai [năm].  
 123 — Người mót, ta mười, người mười, ta cũng [được mót].

11 chū

- 121 - Ngày-ngò như gà ngờ, lò-dò như dom  
[dom đực.]

12 chū

- 125 — Ngầm ngập như mẹ gấp con,  
Lon-son như con gấp mẹ.

126 — Người khôn chóng già,  
Người dại lẩn-quất vào ra tối ngày.

127 — Người có chí át phải nén,  
Nhà có nền át phải vững.

14 chir

- 128 - Ngày rằm, giăng tò, giăng tròn,  
Ba mươi, mồng một giăng lòn đám mây  
129 - Ngày ba bữa ăn chưa no,  
Đến khi dồi bụng thì rờ đến niêu.

- 130 — Ngày ngày cắp nón ra đi,  
Buôn gì chẳng có, bán gì thì không.
- 131 — Ngày ngày ra đứng bờ sông,  
Sông xa, xa tit cho lòng em đau.
- 132 — Ngày thời còn mải đi chơi,  
Tối lặn mặt giờ đồ thóc vào rang.
- 133 — Ngày sau con tế ba bò.  
Sao bằng lúc sống con cho lấy chồng.
- 134 — Ngáp đôi hay là ngáp no,  
Có phải ngáp ngủ thì cho lên giường.
- 135 — *Ngân-ngoại* như chú (1) bán gà,  
Tiền ruồi chẳng bán, bán ba mươi đồng.
- 136 — Nghe tin anh nói nhọc nhằn,  
Mẹ cho trái mit anh mần cả sơ.
- 137 — Nghe anh được lúc bảy giờ,  
Mai sau trúng nước con thơ ai nhìn.
- 138 — Nghè chơi cũng lắm công phu,  
Làng chơi ta phải biết cho đủ điều.
- 139 — Nghêu-ngao vui thú yên hà,  
Mai là bạn cũ, hạc là người quen.
- 140 — Nghêu-ngao cho đỡ buồn,  
Dù ai chê dại, chê khôn mặc lòng.
- 141 — Ngọc còn ẩn bóng cây tùng,  
Thuyền quyên đợi khách anh hùng *vắng lai* (2).
- 142 — Ngọn cờ đinh núi xa trông,  
No nao lại được hợp cùng bạn loan.

(1) — *Ngoang-ngoài* như á (2) — chỉ đợi anh hùng mà thôi.

- 143 — Ngồi cầu, ngồi quán chẳng sao,  
Hỗn ai mò đến, thì bao nhiêu tiền.
- 144 — Ngồi rồi sao chẳng xe gai,  
Đến khi có cá mượn chài ai cho.
- 145 — Ngồi buồm vuốt bụng thở dài,  
Nhớ chồng thì ít, nhớ giai thi nhiều.
- 146 — Ngồi buồn kè ruốc nhau ra,  
Ruốc ông cũng thối, ruốc bà chẳng thơm.
- 147 — Ngờ đâu quá giận mắt khôn,  
Khi vui đã vậy, khi buồn làm sao.
- 148 — Ngõ rẳng cây cỏ bóng cao,  
Thiếp lấn minh vào phoi nắng cùng mưa.
- 149 — Ngõ rẳng ông thử, ông thương.  
Ai ngờ ông thử trăm đường ông thối.
- 150 — *Ngũn-ngõn* như con thuyền chài,  
Áo ngắn mặc ngoài, áo dài mặc trong.
- 151 — Ngựa long-cong ngựa cũng đến bến,  
Voi thủng-thinh voi cũng đến đò.
- 152 — Người dời ai có dại chi,  
Khúc sông eo-hẹp phải tùy khúc sông
- 153 — Người dời khác nứa là hoa,  
Sớm còn, tối mất, nở ra lại tàn.
- 154 — Người dời như cánh phù-du,  
Sớm còn, tối mất công phu nhẹ-nhang.
- 155 — Người dời phải xét thiệt hơn,  
Đừng nghe tiếng sáo, tiếng đòn mà sai.
- 156 — Người dời hữu tử, hữu sanh,  
Sống lo xứng phận, thác dành tiếng thơm.

- 157 — Người dời muôn sự của chung,  
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.
- 158 — Người khôn không nỡ rời dòn,  
Một nhời nhẹ-hẹ hãy còn đắng cay.
- 159 — Người khôn dòn trước rào sau,  
Đề cho người dại biết đâu mà dò.
- 160 — Người khôn con mắt den sì,  
Người dại con mắt nửa chì, nửa than.
- 161 — Người thanh, tiếng nói cũng thanh,  
Chuồng kêu sẽ đánh bén thành cũng kêu.
- 162 — Người ta đi ở lấy công,  
Thân tôi đi ở *tay không giở về* (1).
- 163 — Người ta bắt chạch đắng dầu,  
Mẹ em tham giàu bắt chạch đắng đuôi.
- 164 — Người gian thi sợ người ngay,  
Người ngay chẳng sợ đường cày khúc-khuỷ.
- 165 — Người mặc người, ta mặc ta,  
Minh chưa giữ được lợ là le ai.
- 166 — Người lá-lay có chốn vỗ về,  
Học lai-láng không nơi giùm đỡ.
- 167 — Người giờ lại bán chợ giờ,  
Hễ ai biết cửa, biết người thi mua.
- 168 — Người thì chẳng đáng đồng chi,  
Ba hồn chín vía dời đi vông đào.
- 169 — Người thì mờ bầy, mờ ba,  
Người thì áo rách như là áotoi.

(1) — lấy ông chủ nhà.

- 170 — Người sao một hẹn mà nên,  
Tôi sao chín hẹn thì quên cả mười.
- 171 — Người về chăn chiếu no đói,  
Đè tôi gối chéch lè-loi một mình.
- 172 — Người dung ơi hồi người dung!  
Bánh dày phải lửa thì sưng *phồng-phồng* (1).
- 173 — Người xấu, duyên lận vào trong,  
Bao nhiêu người đẹp duyên bong ra ngoài.
- 174 — Người trên ở chẳng kỷ trọng,  
Khiển cho kẻ dưới lập trường mày mưa.
- 175 — Người giồng cây hạnh người chơi,  
Ta giồng cây đức đề dời về sau.

### 16 chữ

- 176 — Người có lúc vinh, cũng có lúc nhục,  
Nước có lúc đục, cũng có lúc trong.
- 177 — Người dung có ngã, thì dãi người dung;  
Anh em vô ngã, thi dừng anh em.
- 178 — Người ta đánh chú, tôi chẳng tha người.  
Chú đánh cha tôi, tôi chẳng tha chú.

## NH

### 3 chữ

- 1 — Nhăn như khi.  
2 — Nhảy chán sáo.

(1) — bằng bồ.

3 — Nhớn chuối hột.

4 chữ

- 4 — Nhà vàng, gác tía.
- 5 — Nhà ngang, dãy dọc.
- 6 — Nhà ngôi, cây mít.
- 7 — Nhà giàu tham việc.
- 8 — Nhà như tàu tượng.
- 9 — Nhà rách, vách nát.
- 10 — Nhà siêu khó trống.
- 11 — Nhà trò giữ dịp.
- 12 — Nhà trò khua phách.
- 13 — Nhanh như cái cắt.
- 14 — Nhặt như nước ốc.
- 15 — Nhắc trống, động phách.
- 16 — Nhắm mắt nói liều.
- 17 — Nhắm mắt bước qua.
- 18 — Nhắng ăn bánh(!) đường.
- 19 — Nhặt gạch ném vườn.
- 20 — Nhảy cao đá lề.
- 21 — Nhận tâm cách bi.
- 22 — Nhận tâm bất chắc.
- 23 — Nhận tâm tùy thích.
- 24 — Nhận tình phản phúc.
- 25 — Nhận bần trí đoán.
- 26 — Nhặt mẹ, nhì con.
- 27 — Nhặt yợi, nhì giờ.

(1) — cỗ

- 28 — Nhất tội, nhì nợ.
- 29 — Nhất khắc, nhất chiếu.
- 30 — Nhất chưng phi chưng.
- 31 — Nhất tự cách trùng.
- 32 — Nhật cửu thành tinh.
- 33 — Nhiều no, ít đủ.
- 34 — Nhiều thầy thối ma.
- 35 — Nhiều con giòn mẹ.
- 36 — Nhịn miệng thất khách.
- 37 — Nhiu môi, nhọn mõ.
- 38 — Nhỏ mà ốc tiêu.
- 39 — Nhờ lụt đầy rieu.
- 40 — Nhờ gió bẻ măng.
- 41 — Nhớn bùi, bé mềm.
- 42 — Nhớn vù bụ con.
- 43 — Nhục huyền hỗi khâu.
- 44 — Như dê tế đèn.
- 45 — Như gấm thêm hoa.
- 46 — Như rết lầm chân.
- 47 — Như gà mất mẹ.
- 48 — Như tằm rút ruột.
- 49 — Như mèo thấy mõ.
- 50 — Như dẹn vương tor.
- 51 — Như vịt nghe sấm.
- 52 — Như muỗi bỏ bể.

5 chữ

- 53 — Nhà rách có Bụt vàng.
- 54 — Nhà khó đẻ con khôn.
- 55 — Nhà kéo rào không động.

- 56 — Nhầy như con chi-chi.  
57 — Nhân lão, tâm bất lão.  
58 — Nhân nhân hữu kỳ tài.  
59 — Nhất thân dô thị đỗm.  
60 — Nhất kiến như cự thửc.  
61 — Nhất sự, suy vạn sự.  
62 — Nhất hào sai thiên lý.  
63 — Nhẹ không tra, tra nặng.  
64 — Nhì-nhắt như chuột ngày.  
65 — Nhờ phèn nước mồi trong.  
66 — Nhờ thầy tăng ăn trộm.  
67 — Nhời nói là gói vàng.  
68 — Nhời nói bằng đợi máu.  
69 — Nhớn đầu to cái dại.  
70 — Nhớn thuyền thi nhớn sóng.  
71 — Nhụt như dao Phó-Đề.  
72 — Như sét đánh ngang giờ.  
73 — Như cá nằm trên thớt.  
74 — Như trứng quay dầu gày.  
75 — Như hươu vọt đồng nội.  
76 — Như sâm vớ được gày.

6 chữ.

- 77 — Nhà giàu nói đâu ra đấy.  
78 — Nhà đói mắc bệnh bá hộ.  
79 — Nhanh-nhanh đoảng, thật thà hư.  
80 — Nháo-nhác như gà lạc mẹ (1).

(1) — ong vỡ tă.

- 81 — Nhǎn-nhỏ như l... lở sơn.  
82 — Nhǎm thua, vô ý mất tiền.  
83 — Nhậm lòng chó ai nhậm thịt.  
84 — Nhân súc vật, vật dưỡng nhân.  
85 — Nhất quận-công, nhì không lều.  
86 — Nhất cõn giai, hai tiến-sĩ.  
87 — Nhất anh hùng, nhì cõi cùng.  
88 — Nhất chơi tiên, nhì giốn tiền.  
89 — Nhất song nhà, nhì sà treo.  
90 — Nhất có râu, nhì bầu bụng.  
91 — Nhất Tam-Đái, nhì Khoái-Châu.  
92 — Nhất thì được, nhì thì thua.  
93 — Nhất sự thuận, vạn sự lành.  
94 — Nhất thốn thồ, nhất thốn kim.  
95 — Nhất nghệ tinh, nhất thần vinh.  
96 — Nhè óng sứ mà mượn lược.  
97 — Nhẹ như bắc, nặng như chì.  
98 — Nhiều làm phúc, ít làm duyên.  
99 — Nhiều no lòng, ít mát ruột.  
100 — Nhiều nghề cá trê húp nước.  
101 — Nhiều tay thời vô nén bôp.  
102 — Nhớ óng vải, húp nước suýt.  
103 — Nhời nói nên vợ nên chồng.  
104 — Nhời nói quan tiền, tấm lụa.  
105 — Nhớn mắt thây, gầy không thịt.  
106 — Nhớn bát cơm, to bó lạt.  
107 — Nhớn-nhơ như đĩ đánh bồng.  
108 — Nhung-nhúc như ruồi tháng chín.  
109 — Như ếch vồ hoa dâm-bụt.  
110 — Như dao dùi cắt thịt bụng,

7 chữ

- 111 — Nhà hàng nói thách, khách giả rẻ.  
 112 — Nhà gần chợ đê nợ cho con.  
 113 — Nhà không chủ như tủ không khóa.  
 114 — Nhà không móng như bóng không người.  
 115 — Nhà có ngạch, vách có lỗ tai.  
 116 — Nhăn-nhó như nhà khó hết ăn (1).  
 117 — Nhân nghĩa gi bằng nhân nghĩa tiền.  
 118 — Nhất duyên, nhì phận, tam phong thờ.  
 119 — Nhất nhật thanh nhàn, nhất nhật tiên.  
 120 — Nheo-nhéo như mõ rέo quan viên.  
 121 — Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa.  
 122 — Nhoi-nhói như thầy bói đám cua.  
 123 — Nhồ cây sống mà giồng cây chết.  
 124 — Nhơ-nhác như quạ vào chuồng lợn.  
 125 — Nhờ giờ, nợ nhờ gi ông già.  
 126 — Nhời nói như ném ch\u00e1u, gieo vàng.  
 127 — Nhời nói không c\u00f3 cánh mà bay.

8 chữ

- 128 — Nhà giàu tham việc, thất nghiệp tham ăn.  
 129 — Nhà sạch thì mát, bát sạch thì ngon.  
 130 — Nhân hiền tại mạo, trắng gạo ngon cơm.  
 131 — Nhất qui, nhì ma, thứ ba học trò.  
 132 — Nhất tội nhất xá, vạn tội vạn xá.  
 133 — Nhất mẹ, nhì cha, thứ ba bà ngoại.  
 134 — Nhất con, nhì cháu, thứ sáu người dưng.  
 135 — Nhất nam viết h\u00f9u, thập nữ viết v\u00f2.  
 136 — Nhất nhật tại tú, thiên thu tại ngoại.  
 137 — Nhất thế phá h\u00f3n nh\u00e1n, tam thế c\u00f3ng.

(1) — Khi ăn g\u00f3ng.

- 138 — Nhập giang tuy kh\u00fc, nh\u00e1p gia tuy tục.  
 139 — Nh\u00e1p gia v\u00e1n h\u00uy, nh\u00e1p quốc v\u00e1n tục.  
 140 — Nhiều tiền c\u00fa tốt, ít tiền c\u00fa xấu.  
 141 — Nhiều tiền đong đầy, ít tiền đong voi.  
 142 — Nhiều \u00e1o thi \u00e1m, nhiều người thi vui.  
 143 — Nhiều v\u00f3n nhi\u00eau l\u00e1i, nhi\u00eau n\u00e1i nhi\u00eau d\u00e9.  
 144 — Nhiều tiền mua thịt, ít tiền mua xương.  
 145 — Nhiều tiền nhi\u00eau bạc l\u00e1i ti\u00eann trên đời.  
 146 — Nhịn miệng qua ngày, \u00e1n vay mắc nợ.  
 147 — Nh\u00f3ng tu\u00f3ng l\u00e1ng c\u00e1y l\u00e1i hay l\u00e1m d\u00e1ng.  
 148 — Nh\u00f3ng c\u00f3m nh\u00f3ng \u00e1o, kh\u00f4ng ai nh\u00f3ng [ch\u00f3ng].

9 chữ

- 149 — Nhịn d\u00e1i n\u00e1m c\u00f3 c\u00f3n h\u00f3n \u00e1n no, v\u00e1c nặng (1).

10 chữ

- 150 — Nhà c\u00f3 l\u00e1ng di\u00e8ng nh\u00e1, d\u00f3ng c\u00f3 l\u00e1ng [di\u00e8ng d\u00f3ng].  
 151 — Nhà kh\u00f4 c\u00e1y vợ hiền, n\u00f3rc loạn nh\u00f3r tướng [gi\u00f3i].  
 152 — Nhân tham tài nhi tử, di\u00e8u tham thực nhi [vong].  
 153 — Nhất t\u00f4i d\u00e1o c\u00f3ng m\u00f3n, c\u00f9u ng\u00fcr nan [th\u00f3c xu\u00e1t].  
 154 — Nhiều thầy thôi ma, nhiều cha con kh\u00f4 [l\u00e1y ch\u00f3ng].  
 155 — Nh\u00f3n nh\u00f3n nh\u00f3n chu\u00f3i h\u00f3t, b\u00e9 nh\u00f3n [b\u00e9 h\u00e1t ti\u00eau].

— ph\u00e1i l\u00e1m.

12 chữ

- 156 — Nhà giàu ngày ăn ba bữa, nhà khó đỗ lâu  
[ba lầu]  
157 — Nhất sỉ nhi nông, hết gạo chạy ròng, nhái  
[nóng nhì sỉ]  
158 — Nhất Thanh-Oai, hai Thanh-Tri, nhất Thanh  
[Tri nhì Thanh-Oai]  
159 — Nhẹ bằng lồng quăng chǎng đi, nặng bằng  
[chỉ xa lồng-lắc]  
160 — Nhiều tiền thiền niên vạn đại, ít tiền làm  
[lại làm đi]  
161 — Nhiều tiền hoàng-cầm hoàng-kỳ, ít tiền  
[trần-bì chỉ-xác (1)]  
162 — Nhời nói quan tiền thúng thóc, nhời nói  
[dùi đục cảng lay]  
163 — Nhũng người cưa sừng sẻ tai, chǎng long  
[tai thi gãy cuồng]

14 chữ

- 164 — Nhà giàu yêu kẽ thật thà,  
Nhà quan ưa kẽ vào ra nịnh thần.  
165 — Nhà (2) giàu giồng lau ra mía,  
Nhà khó giồng củ tía ra củ nẫu.  
166 — Nhà này có quái trong nhà,  
Có con chó đực cắn ra đằng mõm.  
167 — Nhà bay chết lợn,toi gà.  
Năm bá ông cống đến nhà ngày mưa.

- 168 — Nhà Bè nước chảy chia hai,  
Ai về Gia-Định, Đồng-Nai thì về,  
169 — Nhác trong ngõ tượng tò vò,  
Nhìn lâu mới biết chầu-chàng giờ mưa.  
170 — Nhất cao là núi Tân-Viên,  
Thanh nhàn vó sự (1) là tiên trên đồi.  
171 — Nhất cao là núi Tân-Viên,  
Nhất sâu là vũng Thủy-Tiên cửa Vương.  
172 — Nhất cao là núi Ba-Vi,  
Thứ ba Tam-Đảo, thứ nhì Độc-Tôn.  
173 — Nhất trong là nước Giêng Hồi,  
Nhất béo, nhứt bùi là cá rõ câu.  
174 — Nhợ đèn cũng thề là vàng,  
Đá hoa chạm vẽ lát dàng mà đi.  
175 — Nhọc nhăn ăn nợ được khoai,  
Nấu một nồi bông lụa hai củ sùng.  
176 — Nhờ giờ mưa gió thuận hòa,  
Nào cày, nào cấy, trẻ già đua nhau.  
177 — Nhờ ai nhớ mãi thế này,  
Nhớ đêm quên ngủ, nhớ ngày quên ăn.  
178 — Nhờ ai như nhớ thuốc lào,  
Đã chôn điếu xuống, lại đào điếu lên.  
179 — Nhời nói chǎng mất tiền mua,  
Liệu nhời mà nói cho vừa lòng nhau (2).  
180 — Nhởn-nhở rạo bước đường mây.  
Điệu-dàng ca vũ giang tay chúc mời.

(1) — rẽ sỉ rẽ mái (2) — số.

Nhất thanh, nhái sác (2) — tai nghe.

- 181 — Nhữn̄g người chép miệng thở dài,  
Chỉ là sầu khổ bằng ai bao giờ.
- 182 — Nhữn̄g người lữ-khứ lữ-khứ.  
Chẳng ở Đại-Tử thi ở Vũ-Nhai.
- 183 — Nhữn̄g người ti-hi mắt lươn̄.  
Giai thi chộm cắp, gái buôn chồng người.
- 184 — Nhữn̄g người phinh-phính mặt mo,  
Chân đi chữ bát thi cho chẳng màng.

*16 chữ*

- 185 — Nhứt niên chí kế mạc như chủng cốc  
Thập niên chí kế mạc như chủng mộc.

# O

*4 chữ*

- 1 — Oan hồn, hồn hiện.

*5 chữ*

- 2 — Ôn-эн như quan thị.

*6 chữ*

- 3 — Oai-oái như rắn bắt nhái.  
4 — Óc-nóc cũng có mõ sa.  
5 — Ông bụng muốn trèo cây cao.

*7 chữ*

- 6 — O may coi dáng cũng như may.

*14 chữ*

- 7 — O này có tính dở người,  
Nấu cơm ra cháo, nấu khoai ra bù.
- 8 — O bà cũng nọ mìn chi,  
Hết ông thương dặng, thì dì cũng hơn.
- 9 — O mi coi dáng nhu-mì,  
Cứt đê bỏ bị mà đi khắp làng.
- 10 — Ông làm mặt mà không được ăn,  
Yến làm tò mà không được ở.
- 11 — Ông kiến còn có vua tôi,  
Huống chi loài người chẳng có nghĩa rư.

# Ô

*4 chữ*

- 1 — Ôm chân nấp bóng

- 2 — Ông gi ông ồng.

*5 chữ*

- 3 — Ông ghê, bà cũng gớm.

*6 chữ*

- 4 — Ôm tiếc thân, lành tiếc của.  
5 — Ông vừa qua, bà vừa đến.  
6 — Ông nói gà, bà nói vịt.

7 — Ông phải dấm, bà phải dẹp.

7 chữ

8 — Ông trên bờ, bà quờ xuống ruộng.

8 chữ

- 9 — Ông huyền chửa đi, ông chi đã lại.  
 10 — Ông có cái giò, bà thò *chai rượu*<sup>(1)</sup>.  
 11 — Ông mất của kia, bà chia của nọ.  
 12 — Ông sư có ngái, bà vãi có nghi.  
 13 — Ông Đùng bà Đà, ông Đà, bà Mit.

10 chữ.

14 — Ông chảng mang nỗi mình, lại còn  
[mang cọc rêu.

12 chữ

- 15 — Ông thầy khoe ông thầy tốt,  
Bà cốt cay bà cốt hay.  
 16 — Ông lão hoc, con nit khóc,  
Trẻ con học, cối xay thóc.

14 chữ

- 17 — Ông tha mà bà <sup>(2)</sup> chảng tha,  
Đánh mót <sup>(3)</sup> cái lụt mồng ba tháng người,  
 18 — Ông thánh còn cò khỉ nhầm,  
Huống chi con gái tám nhăm tuổi đầu.

(1) — cái nặm (2) — mụ (3) — hãy còn.

19 — Ông ơi, tôi chẳng lấy đâu,  
Ông đừng cạo mặt, nhồ tàu tốn tiền.

O

4 chữ

- 1 — Ông chùa đốt chùa  
 2 — Ông bè vào ngòi.  
 3 — Ông vua, lộc nước  
 4 — Ông dân, nghĩa bợm

5 chữ

- 5 — Ông hiền <sup>(1)</sup> lại gặp lành <sup>(2)</sup>.  
 6 — Ông nghĩa mắt hơn mua.  
 7 — Ông định nào, chúc định ấy.  
 8 — Ông chọn noi, chơi chọn bạn.  
 9 — Ông nhà giàu, hầu quan lớn.

7 chữ

- 10 — Ông chùa có ông Thiện, ông Ác.  
 11 — Ông dân như hạt cơm dính mỡ.

8 chữ

- 12 — Ông bần thi tròn, ở ống thi dài.  
 13 — Ông yên chảng lành, đọc canh chịu tội.

(1) — rìa (2) — hậu.

7 — Ông phải đấm, bà phải đập.

7 chữ

8 — Ông trên bờ, bà quờ xuống ruộng.

8 chữ

- 9 — Ông huyền chửa di, ông chi dâ lại.  
 10 — Ông có cái giò, bà thò *chai rượu*<sup>(1)</sup>.  
 11 — Ông mất cửa kia, bà chia cửa nọ.  
 12 — Ông sứ có ngãi, bà vãi cỏ nghi.  
 13 — Ông Đùng bà Đà, ông Đà, bà Mít.

10 chữ.

14 — Óc chẳng mang nồi mình, lại còn  
[mang cọc rêu.

12 chữ

- 15 — Ông thầy khoe ông thầy tốt,  
Bà cốt cay bà cốt hay.  
 16 — Ông lão hóc, con nit khóc,  
Trẻ con học, cối xay thóc.

14 chữ

- 17 — Ông tha mà bà<sup>(2)</sup> chẳng tha,  
Đánh một<sup>(3)</sup> cái lụt mồng ba tháng mươi.  
 18 — Ông thánh còn có khi nhảm,  
Huống chi con gái tam nhăm tuổi đâu.

(1) — cái nặm (2) — mụ (3) — hãy còn.

19 — Ông ơi, tôi chẳng lấy đâu,  
Ông đứng cao mặt, nhồ râu tốn tiền.

O

4 chữ

- 1 — Ở chùa đốt chùa  
 2 — Ở bể vào ngói.  
 3 — Ông vua, lộc nước  
 4 — Ông dân, nghĩa bợm

5 chữ

- 5 — Ở hiền<sup>(1)</sup> lại gặp lành<sup>(2)</sup>.  
 6 — Ông nghĩa mắt hơn mua.  
 7 — Ở đình nào, chúc đình ấy.  
 8 — Ở chọn nơi, chơi chọn bạn.  
 9 — Ở nhà giàu, hầu quan lớn.

7 chữ

- 10 — Ở chùa có ông Thiện, ông Ác.  
 11 — Ông dân như hạt cơm dinh mờ.

8 chữ

- 12 — Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.  
 13 — Ở yên chẳng lành, dọc canh chịu tội.

(1) — rõ (2) — hau.

- 14 — Ở đâu có khói, thì lửa ở đó.  
 15 — Ông bằng cái đĩa, nghĩa bằng con ruồi.  
 16 — Ông vua giấy vàng, ông làng giấy trắng.

9 chữ

- 17 — Ở hóa ba năm, lấy phải chồng hay ngủ.

12 chữ

- 18 — Ở tinh gặp ma, ở quỷ gặp quái, gian tà  
[gặp nhau].  
 19 — Ở hiền gặp lành, chui đầu vào giặc mà  
[trộn mắt lên].

14 chữ

- 20 — Ở cho phải phải, phàn phàn,  
Cày da cày thân, thân cày cày da.  
 21 — Ở đời chẳng biết sợ ai,  
Sợ thằng say rượu nói — dai tối ngày.  
 22 — Ở nhà nhất mẹ, nhì con,  
Ra đường tắm kẻ còn giòn <sup>(1)</sup> hơn ta.  
 23 — Ở sao cho vừa lòng người,  
Ở rộng người cười, ở hẹp <sup>1</sup> rời chè.  
 24 — Ở hiền thì lại gặp lành,  
Ở ác gặp giữ <sup>1</sup> tan tành như <sup>(2)</sup>.  
 25 — Ở đây gần bạn, gần thầy,  
Có công mài sắt, có ngày n kim.

<sup>(1)</sup> — chán vạn kẻ giòn <sup>(2)</sup> — những  
giờ dành phúc chờ.

- 26 — Ở đây những núi cùng khe,  
Chân sim, bông đá, tiếng ve gọi sầu.  
 27 — Ông ai một chút chờ quên,  
Ôán ai một chút để bên dạ này.

15 chữ

- 28 — Ở xa anh tưởng là tiên,  
Lại gần mới biết gái thuyền-quyên lòn chồng.

# PH

3 chữ

- 1 — Phật tại tâm.

4 chữ

- 2 — Phải trái hai mang.  
 3 — Phải ai tai nấy.  
 4 — Phận gái theo chồng.  
 5 — Phận mỏng cánh chuồn.  
 6 — Phận đẹp, duyên may.  
 7 — Phú quý dật lùi.  
 8 — Phụ nhân nan hóa.  
 9 — Phúc đẳng hà sa.  
 10 — Phúc chủ, lộc thầy.  
 11 — Phúc đức tại mâu.

trời nhau đúc

5 chữ

- 13 — Phật thường độ hữu duyên.  
 13 — Phép vua thua lè làng.  
 14 — Phú quý sinh lê nghĩa.  
 15 — Phụ vợ không gặp vợ.  
 16 — Phúc thiên dài phúc địa.  
 17 — Phúc đức khán tử tôn.

6 chữ

- 18 — Phóng lưu xa cũng nên gần.  
 19 — Phóng tài hóa thu nhân tam.  
 20 — Phú mệt cũng như phu mười.  
 21 — Phú bất nhân, bần bất nghĩa.

22 — Phục được bất như giảm khẩu.

7 chữ.

- 23 — Phận dàn em ăn thèm, vác nặng.  
 24 — Phi của giờ, mười đời chẳng có.

8 chữ

- 25 — Phải tội cửa sau, luân vào cửa trước.  
 26 — Phải tội mua mạ, phai vạ mua than.  
 27 — Phấn giỏi mặt, chẳng ai giỏi gót chân.  
 28 — Phúc bất trùng lai, họa vỏ dàn chi.  
 29 — Phúc chí tâm linh, họa lai thần ám.

9 chữ.

- 30 — Phụ trái tử hoàn, tử trả phụ bất can.

10 chữ

- 31 — Phá lá cây thi đẽ, phá chồi chằng dẽ đâu.  
 32 — Phi châm bất dẫn tuyến, vô thủy bất độ  
[thuyền]  
 33 — Phú quý đa nhân hội, bần cùng thân thích ly.

12 chữ

- 34 — Phản chủ đầu trâu, ăn cơm nhà Phật đốt  
[râu thầy chùa].  
 32 — Phong lưu mỗi người một cách, lịch sự mỗi  
[người một kiểu].

14 chữ

- 36 — Phải duyên như bám như keo,  
Trái duyên, trái kiếp <sup>(1)</sup> như kèo đục vénh.  
 37 — Phải duyên phải kiếp thì theo,  
Cám còn ăn được, nứa bèo hử anh.  
 38 — Phải là con mẹ con cha,  
Thi sinh ra đất Duyên-Hà Thần-Khé.  
 39 — Phong-phanh ba thước lụa hồ,  
Ba vuông khăn nhiêu cơ đồ có chi.  
 40 — Phong lưu là cạm ở đời,  
Hồng nhan là bả những người tài hoa.  
 41 — Phóng khi sấm sét bất kỳ,  
Cá ao rây họa nứa thì làm sao.  
 42 — Phượng hoàng chặt cánh đuôi di,  
Bắt con bìm-bìm đem về mà nuôi.

<sup>(1)</sup> — chồng chềnh.

22 chữ.

- 43 — Phỉ hồ, lấy rõ mà che, lấy nong mà đe,  
lấy dấu mà dứa, lấy ngọn rau dứa chấm  
[cứt mà ăn.]

# QU

3 chữ

- 1 — Quần cháo lòng.  
2 — Quyền thằng hủi.

4 chữ

- 3 — Qua rào vồ vế.  
4 — Qua đò khinh sóng.  
5 — Qua cầu cất dịp.  
6 — Qua sông đến bến.  
7 — Qua ngày đến tối.  
8 — Qua ngày, đoạn tháng.  
9 — Quá mù ra mưa.  
10 — Quá giận mất khôn.  
11 — Quá khầu thành tàn.  
12 — Quả xanh, nanh sắt.  
13 — Quả hòa vó thán.  
14 — Qua mồ, điếu tha.  
15 — Qua theo gà con.  
16 — Quay thua, dáo gõ.  
17 — Quan tha, nha bắt.

- 18 — Quan yêu, bạn ghét.  
19 — Quan bắt tại ngu.  
20 — Quan hai, lại một.  
21 — Quan cần, dân trễ,  
22 — Quan thăng, lại tồn,  
23 — Quan pháp vỏ thân,  
24 — Quat nồng, ấp lạnh.  
25 — Quẩy hôi, bòi nhọ.  
26 — Quản tử phòng thân.  
27 — Quản tử nhất ngôn,  
28 — Quản là, áo lượt.  
29 — Quản rộng, áo dài.  
30 — Quen thói hành hung.  
31 — Quen thói bốc rời.  
32 — Quen mặt đất hàng.  
33 — Què cha đất tồ.  
34 — Quỉ khóc, thần kinh.  
35 — Quỉ tha, ma bắt.  
36 — Quỉ quẩy nhà chay  
37 — Quỉ đóng, quỉ tây,  
38 — Quyền rơm, vạ dá.  
39 — Quyền cao, chức trọng.  
40 — Quyền bà *hoàng-hậu* (1).  
41 — Quiet ngọt, chanh chua.  
42 — Quiet lám, cam chịu.

5 chữ

- 43 — Quả không vo mà tròn.  
44 — Quạ thấy gà thi dởp,

(1) — độ đắc.

- 45 — Quạ qua nuôi tu-hú.  
 46 — Quan cả thì vạ to.  
 47 — Quân trong hơn quan ngoài.  
 48 — Quần mạnh dân quần mạnh.  
 49 — Qui vật đỗi qui nhân.

6 chữ

- 50 — Qua sông, dãm b... vào sông.  
 51 — Quan bắt phiền, dân bắt nhiễu.  
 52 — Quan nhất thời (1) dàn vạn đại (2).  
 53 — Quan cứ lệnh, linh cứ truyền.  
 54 — Quan Phủ (3) di, quan Tri nhậm.  
 55 — Quan kẻ Mộc, thóc Mẽ-Trì.  
 56 — Quần lồng đèn, áo mảnh bát.  
 57 — Quần trứng sáo, áo hoa hiên.  
 58 — Quen mùi thấy mùi ăn mãi.  
 59 — Quen nhà mạ, lạ nhà chồng.  
 60 — Quen dài (4) dạ, lạ dài áo (5).  
 61 — Quen biết dạ, lạ hỏi tên.

7 chữ

- 62 — Quạ ăn dưa, bắt cò giải nắng.  
 63 — Quan thấy kiện như kiến thấy mõ.  
 64 — Quan xứ Nghệ, linh lệ xứ Thanh.  
 65 — Quan thời xa, bẩn nha thời gần.  
 66 — Quan muốn sang, nhà hàng muốn đất.  
 67 — Quan nói hiếp, chồng nghiệp nói thừa.  
 68 — Quan Trầm Vạc, cờ bạc Khôa-nhu.  
 69 — Quán vỏ tướng như hồ vỏ đầu.

(1) — chí quan (2) — chí dân (3) — huyện (4) — sự (5) — sự áo quần

- 70 — Quần ném bẩy khúc sông không chìm.  
 71 — Qui hồ tinh, bất qui hồ da.

8 chữ

- 72 — Qua giêng hết năm, qua rằm hết tháng.  
 73 — Quan viên tháng giêng, tuần phiên tháng mười.  
 74 — Quan tam củng ừ, quan tư củng gật.  
 75 — Quan sang dã trải, bị mang dã từng.

9 chữ

- 76 — Quản-lữ phòng thân, tiêu-nhân phòng bị gậy.

10 chữ

- 77 — Qua chợ còn tiền, vô duyên càng khỏi nhẫn-  
 [má].  
 78 — Quản-lữ cố cùng, tiêu-nhân cùng tư lạm hĩ.

12 chữ

- 79 — Quan to thì ông Phủ Đinh,  
 Quan nhỏ thì ông Phủ Kiến.  
 80 — Quản tử học tắc ái nhân,  
 Tiêu-nhân học tắc dị sử.

14 chữ

- 81 — Qua đình, ghé nón trông đình,  
 Đình bao nhiêu ngôi, thương mình bấy nhiêu.  
 82 — Qua cầu dừng bước trông cầu,  
 Cầu bao nhiêu dịp, em sầu bấy nhiêu.

- 83 — Quả báo: ăn cháo gãy răng,  
Ăn cơm gãy đũa, sīa răng gãy chảy.
- 84 — Quạ mà đã biết quạ đen,  
Có đâu quạ dám mon-men với cò.
- 85 — Quan chảy rồi, thợ ngồi cึง tēeh.  
Còn có chiêu lêch-xéch theo sau.
- 86 — Quan có cần nhưng dân chưa vội,  
Quan có vội, quan lội quan sang.
- 87 — Quan đầu thương kẻ ngu si,  
Của đâu cho dira nắm lì mà ăn.
- 88 — Quan vẫn mất một đồng tiền,  
Xem bằng quan' vô mất quyền quản-công.
- 89 — Quang không lành, mắng giành không tron  
L... không lành, mắng quanh làng xóm.
- 90 — Quản-tử ngồi buồn rung chống gối,  
Tiểu-nhàn dắc chi gãy dán mồi,
- 91 — Quản-tử cố cùng, quản-tử cố,  
Tiểu-nhàn dắc-ý tiểu-nhàn hay.
- 92 — Quản-tử thời oán tam nién.  
Tiểu-nhàn thời oán nhän tiền mà thôi.
- 93 — Quản-tử ú-hụ đã đau,  
Tiểu-nhân dùi đục dập đầu như không.
- 94 — Quản-tử là quản-tử Tàu,  
Ăn cơm thi ít, ăn rau thi nhiều.
- 95 — Quản dài thì ăn mắm thối,  
Quản đến đầu gối thi ăn mắm thơm.

- 96 — Quản hò áo cánh làm chi,  
Quản hò áo cánh có khi ăn mày (!).
- 97 — Quý nhau như nén vàng hò,  
Cho một tí lửa hoá gio túc thì.
- 98 — Quý hò anh có lòng thương,  
Em có lòng đợi như rương khóa rồi.
- 99 — Quỳnh-lâm, khánh đá, chuông đồng,  
Muốn chơi, em giả của chồng, em chơi.

18 chữ

- 100 — Quản-tử nhất ngôn là quản-tử đại,  
Quản-tử nói đi, nói lại là quản-tử khôn.

R

4 chữ

- 1 — Ra ngõ gấp gáy.  
2 — Ra luồn, vào cùi.  
3 — Ra chậm, vào dụng.  
4 — Rán sành ra mồ.  
5 — Rào sau, đón trước.  
6 — Rát như lửa bỏng.  
7 — Rau già, cá ươn.  
8 — Rau nào sâu ấy.  
9 — Răng cắn phải lưỡi.

(1) — lời tàn.

- 10 — Rầy tời mai qua.  
 11 — Rầy nắng, mai mưa.  
 12 — Rầy dò, mai dày.  
 13 — Rậm râu, sâu mắt.  
 14 — Rồ rá cạp lại.  
 15 — Rối như ruột lầm.  
 16 — Rối như canh hẹ.  
 17 — Rốn sâu như giếng.  
 18 — Rốn lồi quả quít.  
 19 — Rốn bẽ mò kim.  
 20 — Rồng đến nhà tôm.  
 21 — Rồng như đít Bụt.  
 22 — Run như cầy sấy.  
 23 — Run như que giẽ.  
 24 — Rung khô, bẻ héo.  
 25 — Rung cây nhát khí.  
 26 — Ruộng sâu, trâu nái.  
 27 — Ruộng cả, ao liền.  
 28 — Ruột đê ngoài da.  
 29 — Ruột như phổi bò.  
 30 — Rút dây động rừng.  
 31 — Rụt như cõi rùa.  
 32 — Rừng mạch, vách tai.  
 33 — Rước voi giày mồ.  
 34 — Rượu vào, nhời ra.

5 chữ

- 35 — Ra tay lửa đốt giờ.  
 36 — Rách như tàu chuối khô.  
 37 — Rậm người hơn rậm cua.

- 38 — Róng chà cho cá nhảy.  
 39 — Ruột ngay như ruột ngựa.  
 40 — Rũa như miếng phổi bò.

6 chữ

- 41 — Ra tay gạo xay ra cám.  
 42 — Rành-rành như canh nấu hẹ.  
 43 — Rành-rành như hành nấu thịt.  
 44 — R... ai vừa mũi người ấy.  
 45 — Rắn đi còn dầm để lại.  
 46 — Rắn con lăm nuốt cá voi.  
 47 — Răng chuỗi tiêu, lưỡi núc nác.  
 48 — Rẻ tiền mặt, đắt tiền chịu.  
 49 — Rế rách cũng đỡ nóng tay  
 50 — Rổ nhà ai, quai nhà nấy.  
 51 — Rộng làm kép, hẹp làm đơn.  
 52 — Ruồi bậu mép chẳng buồn xưa.  
 53 — Ruộng đầu chợ, vợ giữa làng.  
 54 — Ruộng giữa đồng, chồng giữa làng.  
 55 — Ruộng ai, thì nấy đắp bờ.  
 56 — Ruột bỏ (1) ra, da bỏ (2) vào.

7 chữ

- 57 — Rảng mõ gà có nhà thi giũ.  
 58 — Rắn đến nhà chẳng đánh thời quái.  
 59 — Râu ông nợ cầm cầm bà kia.  
 60 — Rẻ như bèo, nhiều hươu cũng hết.  
 61 — Rền-rèn như dỗ phải tim-la.

(1) — và (2) — ném.

- 62 — Ruộng không phàn, như thân không của.  
63 — Rượu treo, cháo thi, nghe hát nhở.

8 chữ

- 64 — Ráng vàng thời nắng <sup>(1)</sup>, ráng trăng <sup>(2)</sup> thời  
[mưa].  
65 — Rắn mai tại lỗ, rắn hổ về nhà.  
66 — Rắn già rắn lột, người già người chột.  
67 — Rắn rết bò vào, cúc nhái bò ra.  
68 — Răng đen bòi bác, răng vàng lịch sự.  
69 — Rô anh còn tiếc, nứa giếc tôi ư.  
70 — Ruộng cao giồng mầu, ruộng sâu cấy chiêm.

9 chữ

- 71 — Ruộng bè-bè không bằng một nghè trong tay

10 chữ

- 72 — Ra đường hỏi ông già, về nhà hỏi con nít.  
73 — Rẻ thi mua chơi, đắt thi nghỉ ngơi đồng tiền.

11 chữ

- 74 — Rau muống tháng chin, nàng dâu nhện cho  
[mẹ chồng ăn].

12 chữ

- 75 — Rồng đen lấy nước thì nắng,  
Rồng trắng lấy nước thì mưa.

(1) — giờ. (2) — đồ.

14 chữ

- 76 — Ra đi thì sự đã liều,  
Mưa mai không biết, nắng chiều không hay.  
77 — Ra đi, rắng đứt, rắng dành,  
Ra về, đẽ mối to mành ai quây.  
78 — Ra đi rắng đứt mà đi,  
Rắng về, rắng khỏi chốn ni mà về.  
79 — Ra đường vui những cảnh người,  
Về nhà tôi thấy cảnh tôi, tôi buồn.  
80 — Ra đường thấy cánh hoa rơi,  
Hai chân giậm xuống chẳng chơi hoa thừa.  
81 — Ra đường thấy cánh hoa rơi,  
Hai tay nâng lấy, cũ người, mới ta.  
82 — Ra đường gió mát thánh-thơ,  
Thương người nằm võng nắng nôi ở nhà.  
83 — Ra với mới biết cạn sâu,  
Ở trong lạch hối, biết đâu mà oà.  
84 — Ra tay cầm lửa đốt giờ,  
Chẳng may lửa cháy, lửa rơi xuống đầu.  
85 — Rã-tràng xe cát bẽ đóng,  
Nhọc lòng mà chẳng nên công can gì.  
86 — Ra đồng chiêm, có liềm thì cắt,  
Ra đồng mùa, có mắt thì trông.  
87 — Rầm Giời, rầm Bụt, rầm Tiên,  
Rầm dâu đến chú, chú nhăm hôm rầm.  
88 — Rắn đến nhà chẳng đánh thì quái,  
Gài đến nhà chẳng chơi cũng thiệt.

- 89 — Răng đèn chẳng lọ là nhăn,  
Người giòn chẳng lọ vấn khăn mới giòn.
- 90 — Rập-rèn nước chảy qua đèo,  
Bà già tấp-tèn mua heo cưới chồng.
- 91 — Râu tôm nấu với ruột bầu,  
Chồng chan, vợ húp gật đầu khen ngon.
- 92 — Rõ ràng giấy trắng, mực đen,  
Duyên ai phán ấy chớ ghen mà gầy.
- 93 — Roi song đánh đoạn thi thôi,  
Một nhời siết cạnh muôn đời chưa quên.
- 94 — Rồng vàng tắm nước ao tù,  
Người khôn ở với người ngu bức mình.
- 95 — Rồng nằm bê cạn phơi râu,  
Mấy nhời anh nói giấu đầu hở đuôi.
- 96 — Ru con con ngủ cho rồi,  
Mẹ ra chỗ vắng, mẹ ngồi than thản.
- 97 — Rù đầu giả dại, làm ngày,  
Khôn kia dễ bán dại này mà ăn.
- 98 — Ruộng gần bờ cỏ không cày,  
Chợ xa quà rẻ, mấy ngày cũng đi.
- 99 — Rút dây còn sợ động rùng,  
Bảng đầu thẳng trọc, nề lòng ông sư.
- 100 — Rừng có mạch, vách có tai,  
Người trong chưa tỏ, người ngoài đã hay.
- 101 — Rượu nhạt uống lầm cũng say,  
Người khôn nói lầm, đầu hay cũng nhảm.
- 102 — Rượu ngon bất luận be sành,  
Áo rách khéo vá, hơn lành vụng may.

16 chữ

- 103 — Ra đường ông Tú, ông Chiểu,  
Về nhà móng tay mỏ sẻ, cây niêu đã mòn.
- 104 — Ra đường chẳng biết ai nói thế nào,  
Về nhà lấy thớt, lấy dao băm l...
- 105 — Ra ngõ gấp gáy, mọi cái mọi hay,  
Ra ngõ gấp gáy, vừa may vừa mắn
- 106 — Rèm xưa ba bức màn mành,  
Con mắt cô mày thế ấy tu hành được đâu.

S

3 chữ

- 1 — Sa đít dện.  
2 — Sắc như nước. (1)  
3 — Sóng bạc đầu.  
4 — Sợ mất via. (2)  
5 — Sợ kinh hồn.

4 chữ

- 6 — Sa cơ nhỡ bước.  
7 — Sa chân xuống giếng.  
8 — Sà ngang, ruồi dọc.  
9 — Sai sâu về bờ.

(1) — mác (2) — mặt.

- 39 — Sóng rộng, sóng că.  
 40 — Sóng lở, cát bồi.  
 41 — Sóng lở, sóng cồn.  
 42 — Sóng khôn, chết thiêng.  
 43 — Sóng chết có số.  
 44 — Sóng nuôi, chết chôn.  
 45 — Sóng Tết, chết giô.  
 46 — Sợ xo Bai-Công.  
 47 — Sợ mướt mồ-hôi.  
 48 — Sợ run que rẽ.  
 49 — Sớm đi, tối về.  
 50 — Sớm qua, tối đến.  
 51 — Sớm ăn, tối nhịn.  
 52 — Sớm con, muộn chồng.  
 53 — Sơn cao, thủy trường.  
 54 — Sơn cao, thủy thâm.  
 55 — Sơn cung, thủy tận.  
 56 — Sơn thủy hữu tình.  
 57 — Sơn thủy hữu nhân.  
 58 — Suy đồng, tinh lặng.  
 59 — Suy hòn quǎn thiệt.  
 60 — Sứ giả nhà giòi.  
 61 — Sứa túi, nang khăn.  
 62 — Sức dài, vai rộng.  
 63 — Sương sa hoa nở.  
 64 — Sương mè bỏ con.

5 chữ

- 65 — Sa cơ phải lụy cơ.  
 66 — Sẩy vai xuống cánh tay.

- 10 — Say lướt cò bợ.  
 11 — Say tít cung thang.  
 12 — Say như điếu, đồ.  
 13 — Sáng mưa, trưa tạnh.  
 14 — Sáng ra, tối vào.  
 15 — Sắc như guồm tàu.  
 16 — Sắn vây quai cồng.  
 17 — Sảy quang dứt gánh.  
 18 — Sảy đàn tan nghé.  
 19 — Sảy nỗi, vơ dể.  
 20 — Sám động gió tan.  
 21 — Sâu như giếng khơi.  
 22 — Sâu ao cao bờ.  
 23 — Sen ngó đào to.  
 24 — Sành nạ quạ tha.  
 25 — Sếu chết về mồi.  
 26 — Siêng ăn nhác làm.  
 27 — Sinh năm, đẻ bảy (3).  
 28 — Sinh nở có thời.  
 29 — Sinh ký, tử quy.  
 30 — Sinh thuận, tử an.  
 31 — Sinh tử bất kỳ.  
 32 — Sinh sự, sự sinh.  
 33 — So dũa xô mâm.  
 34 — So tầy gốc rạ.  
 35 — So kè so măng.  
 36 — So kè hết nước.  
 37 — So tầy, vót dọn.  
 38 — Sói gan, nỗi mệt.

(3) — mươi.

- 67 — Sống lâu hơn ở sạch.  
 68 — Sống no hơn chết thèm.  
 69 — Sống lâu lên lão làng.  
 70 — Sở như xẩm sở vợ.  
 71 — Sở tròn chẳng thấy thối.  
 72 — Sở như run, như rẽ.  
 73 — Sứa không nhảy qua dǎng.

6 chữ

- 74 — Sai một ly, đi một dặm.  
 75 — Sanh sảnh như mảnh nồi rang.  
 76 — Sáng tai họ, diếc tai cầy.  
 77 — Sáng giăng suông bà về vây.  
 78 — Sáng con mắt chặt đầu gối.  
 79 — Sáng uớt áo, trưa ráo đầu.  
 80 — Sáo ngã, bò cầu lướt dập.  
 81 — Săn sóc chẳng bằng góc ruộng.  
 82 — Sắt-sành là anh kẻ trộm.  
 83 — Sày chân còn hơn sày miệng.  
 84 — Sấm bên động động bên tây.  
 85 — Sâu khó lội, cao khó trèo.  
 86 — Sinh con ai nỡ sinh lòng.  
 87 — Sinh hữu kỳ, tử vô hạn.  
 88 — Sóng có khúc, người cò lúc.  
 89 — Sống gửi thịt, chết gửi xương.  
 90 — Sống quê cha, ma quê chồng.  
 91 — Sống cục đất, mất cục vàng.  
 92 — Sống ở làng, sang ở nước.  
 93 — Sống dầu đèn, chết kèn trống.  
 94 — Sống lâu biết nhiều sự lạ.

- 95 — Sống cây nhà, già cây mồ.  
 96 — Sống chỉ mặt, chết chỉ mồ.  
 97 — Sống ngày nào, biết ngày ấy.  
 98 — Sở chẳng ra, sà chẳng thấy.  
 99 — Sở hùm, sở cả cứt hùm.  
 100 — Sở như bò thấy nhà táng.  
 101 — Sớm chẳng cần, trưa chẳng vội.  
 102 — Sớm ngồi lê, tối vê sỏi.  
 103 — Sớm rửa cửa, trưa mài đục.  
 104 — Suy bụng ta ra bụng người.  
 105 — Sứ hồ mang, vãi rắn rết.  
 106 — Sứ giả ăn trước Thành-hoàng.  
 107 — Sưng chân cùng tuồng chết rầm.  
 108 — Sướng một lúc khô một đời.  
 109 — Sứt mang xỏ quàng con mắt.

7 chữ

- 110 — Sang nước Lào phải ăn mắm nhái.  
 111 — Sáng gió may, tối quay gió nồm.  
 112 — Sanh không thủng cá di đàng nào.  
 113 — Sày quang, đứt đòn gánh giữa đàng.  
 114 — Số ăn mày cầm tinh bị gậy.  
 115 — Sở hẹp lòng, không sở hẹp nhà.  
 116 — Sở ông Thần, phải nề cây đa.  
 117 — Sở chi lo bà vãi trọc đầu.  
 118 — Sở chi lo ông đò khát nước.

8 chữ

- 119 — Sàn-sạt như hai gái lấy một chồng.  
 120 — Sao mau thi mưa, sao thưa thi nắng.

- 121 — Sắc nanh chuột dễ cắn được cồ mèo.  
 122 — Sây da ba quan, chảy máu sáu quan.  
 123 — Sâu muống thì đen, sâu đèn thi trắng.  
 124 — Sâu ao lầm cá, độc dạ khốn thân.  
 125 — Sinh được một con, mất một hòn máu.  
 126 — Sinh vô gia cư, tử vô địa táng.  
 127 — Sóng đâu không mỏi, khói đâu không lửa.  
 128 — Số phận lao-đao, phải sao chịu vậy.  
 129 — Sông sâu chớ lội, đò dầy chớ đi.  
 130 — Sông mặc vải Bùi, chết vùi vàng tâm.  
 131 — Sông chẳng được nhò, chết phải đê tang.  
 132 — Sông lâu súc khỏe mọi vẻ mọi hay.  
 133 — Sông chết mặc bay, tiền thầy bỏ bị.  
 134 — Sợ người ở phải, hãi người cho ăn.  
 135 — Sơn ăn từng mặt, ma bắt từng người.  
 136 — Sung cũng như ngái, mài cũng như mây.  
 137 — Sự nói <sup>(1)</sup> sự phải, vãi nói <sup>(2)</sup> vãi hay.  
 138 — Sự làm hay hỏng, sự *ngóng* <sup>(3)</sup> hay tro.

9 chữ

- 139 — Sa chân dỗ lại, sa miệng dỗ không lại.  
 140 — Sầy cha còn chủ, sầy mẹ ấp vú đi.  
 141 — Sinh voi sinh cỏ, sinh rươi sinh vỏ quýt.  
 142 — Sông hoảm không chết, đi chết vũng trâu  
[đầm].

10 chữ

- 143 — Sáng rửa cửa, trưa mài đục, tối giục nhau về

(1) — và (2) — ràng (3) — hỏng

- 144 — Sống một người một nết, chết một người [một tật].  
 145 — Sống một người một nhà, chết một người [một mồ].  
 146 — Sống canh của Tràng-Tiền, chết bộ-hạ Trung-[Hiền].  
 147 — Sống được miếng dồi chó, chết được bó vàng tâm.  
 148 — Sống một đồng không hết, chết một đồng [không đủ].  
 149 — Suy ta ra người, máu bò cũng như tiết dê.  
 150 — Sự thật che sự bóng tối lấp vì sáng giờ.

11 chữ

- 151 — Sông làm gai Bát-Tràng, chết làm Thành-[hoàng] Kiêu-Ky.  
 152 — Sợ mẹ sợ cha, chẳng bằng sợ tháng ba [ngày dài].

12 chữ

- 153 — Sông về mò về mả,  
Chẳng ai sống về cả bát cơm.

14 chữ

- 154 — Sa chân bước xuống ruộng dưa,  
Đâu ngay cho chết cũng ngờ rằng gian.  
 155 — Sá bao cá chậu chim lòng,  
Hết người quân-tử cõi cùng mới nên.  
 156 — Sang chơi, thì cứ mà sang,  
Đừng bắt dồn dập mà nhọc lòng dân.

- 157 — Sáng ngày bồ dục chấm chanh,  
Trưa gói cá cháy, tối canh cá cháy.
- 158 — Sáng giăng, giải chiếu hai hàng,  
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tờ.
- 159 — Sáo đói thì sáo ăn đa,  
Phượng-hoàng lúc đói cứt gà cũng ăn.
- 160 — Sắn quần, bắt kiến cuỗi chơi,  
Trèo cây rau má, bỏ rơi mất quần.
- 161 — Sấm bên đông, động bên tây,  
Tuy rằng nói đấy nhưng đây động lòng.
- 162 — Sầu đông trong héo, ngoài tươi.  
Vui là vui gượng, cười là cười khuây.
- 163 — Sinh con ai nỡ sinh lòng,  
Sinh con ai chẳng vun giống cho con.
- 164 — Sinh không, tử lại hoàn không,  
Khó ta, ta chịu đừng mong giàu người,
- 165 — Sinh ra ở chốn non tùng,  
Giở về dương thế bạn cùng người ngoan.
- 166 — Sinh con, rồi mới sinh cha,  
Sinh cháu giữ nhà, rồi mới sinh ông.
- 167 — Soi gương còn mặt mũi nào,  
Đã dở lại xấu soi vào sao dang.
- 168 — Sóng còn gấp lúc sóng cùng,  
Giờ ơi hâm kẽ anh-hùng làm chi!
- 169 — Số thầy là số lôi-thoi,  
Quanh năm chỉ những chùi nồi cǎ năm.
- 170 — Số giàu đem đến dusk-dung,  
Lợ là con mồi tráo-trúng mới giàu.

- 171 — Số giàu tay trắng cũng giàu,  
Số nghèo chín đụn, mười trâu cũng nghèo.
- 172 — Số khó làm chẵng nên giàu,  
Thír khuya, dậy sớm cho đau xương sườn.
- 173 — Sông sâu cá lặn vào bờ,  
Lấy ai thì lấy, đợi chờ nhau chi.
- 174 — Sông dài mà sầm dò ngang,  
Em nhiều nhân ngãi, em mang oán thù.
- 175 — Sông sâu, sào ngắn khôn dò,  
Người khôn ít nói, khôn do tắc lòng.
- 176 — Sông sâu cá lội ngù-ngờ,  
Biết em có đợi mà chờ uồng công.
- 177 — Sông sâu cá lội mắt tăm.  
Chín tháng cũng đợi, mười năm cũng chờ.
- 178 — Sông sâu nước đục lờ-lờ,  
Cảm sào mà đợi bao giờ cho trong.
- 179 — Sông sâu còn có kẻ dò,  
Lòng người nhам hiềm ai đo cho cùng.
- 180 — Sông sâu còn thề bắc cầu,  
Lòng người nham hiềm biết đâu mà dò.
- 181 — Sông bao nhiêu nước cũng vừa,  
Giai bao nhiêu vợ cũng chưa bằng lòng.
- 182 — Sông Lô một giải trong ngàn,  
Thánh-thoi ta rũ bụi tràn cũng nén.
- 183 — Sông Lô nước đục, người đen,  
Ai lên Phố Én cũng quên đường về.
- 184 — Sông Thương nước chảy dồi dòng,  
Giai quên vợ, gái quên chồng, thi lên.

- 185 — Sống thời con chẳng cho ăn,  
Chết thời xôi, thịt làm ván tế ruồi.
- 186 — Sống thi chẳng cho ăn nào.  
Chết thi cúng giỗ mâm cao, cỗ đầy.
- 187 — Sống thi sống đủ một trăm,  
Chết thi chết giữa hăm nhăm tháng mười.
- 188 — Sớm đi kháo Mẹ kháo Con,  
Cơm ăn bò ống lại còn Đèo Giang.
- 189 — Sơn-lâm mấy cội tượng vàng,  
Cành bao nhiêu lá, thương chàng bấy nhiêu.
- 190 — Sự đời nghĩ cũng nực cười,  
Một con cá lội mấy người buông câu.
- 191 — Sự đời đẽ mặc đời lo,  
Nghiêng tai giả điếc, gật đầu làm ngo.

15 chữ

- 192 — Sá chi một khúc thịt bò,  
Ba tò gạo lứt mà anh xô tôi hoài.

**T**

3 chữ

- 1 — Tiễn hàng xéo.  
2 — To tay định.  
3 — Tu tại gia.  
4 — Tùng thi tinh.

4 chữ

- 5 — Tai qua, nạn khôi.  
6 — Tai bay, vạ gió.  
7 — Tai vách, mạch rừng.  
8 — Tai to, mặt nhợn  
9 — Tai loi ti liêm.  
10 — Tài gai gửi rề.  
11 — Tài cán cóc khô.  
12 — Tay dao, tay thớt.  
13 — Tay nem, tay chạo.  
14 — Tay xách, nách mang.  
15 — Tay cầm, tay cắp.  
16 — Tay chèo, tay lái.  
17 — Tay bồng, tay ấm.  
18 — Tay dũa, tay chén.  
19 — Tay thầy thuốc thợ.  
20 — Tay hòm chìa khoá.  
21 — Tay dứt, ruột xót.  
22 — Tay sờ lên gáy.  
23 — Tam tồ thánh hiền.  
24 — Tam toạng từ ô.  
25 — Tam sao thất bǎn.  
26 — Tam tư hậu hành.  
27 — Tam Vương, ngũ Đế.  
28 — Tan cửa nát nhà.  
29 — Tan xương, nát thịt.  
30 — Tan như xác pháo.  
31 — Tân che, ngựa cưỡi.  
32 — Tang thương biến cải.  
33 — Tát cạn bắt lấy.

- 34 — Tát nước theo mưa.
- 35 — Tầm gửi lán nganh.
- 36 — Tập dứ tinh thành.
- 37 — Tết năm răm mười.
- 38 — Ti-hí mắt lươn.
- 39 — Tích thiều thành đa.
- 40 — Tích tiêu thành đại.
- 41 — Tiếc thịt trâu toi.
- 42 — Tiếc vãi máu mắt.
- 43 — Tiền khói, bạc đồng.
- 44 — Tiền trăm <sup>(1)</sup> bạc chục <sup>(2)</sup>.
- 45 — Tiền dư, thóc mục.
- 46 — Tiền rời, thóc đống.
- 47 — Tiền rừng, bạc bồ.
- 48 — Tiền dòng, bạc chảy.
- 49 — Tiền trao cháo mực.
- 50 — Tiền giả, mạ nhô.
- 51 — Tiền ngắn, mặt dài.
- 52 — Tiền thầy bỏ túi.
- 53 — Tiền lung, gạo bị.
- 54 — Tiền hết, gạo không.
- 55 — Tiền mất tật mang.
- 56 — Tiền nằm, lãi chạy.
- 57 — Tiền oan nghiệp trưởng.
- 58 — Tiền kiếp luân hồi.
- 59 — Tiền Thần, hậu Phật.
- 60 — Tiền chủ, hậu khách.
- 61 — Tiền phú, hậu bàn.

- 62 — Tiền triền, hậu thị.
- 63 — Tiền khóa, gạo đong.
- 64 — Tiếng chi, tiếng bắc.
- 65 — Tiếng nọ, điều kia.
- 66 — Tiểu nhân đắc chí.
- 67 — Tin giả năng nhập.
- 68 — To đầu khó chui.
- 69 — To đầu mà dại.
- 70 — To gan nhớn mặt.
- 71 — To như voi nan.
- 72 — Tọa hưởng kỳ thành.
- 73 — Tọa thực sơn băng.
- 74 — Tóc xanh, nanh vàng.
- 75 — Tóc tròn như mõ.
- 76 — Tóc mây, mày nguyệt.
- 77 — Tóc bạc, răng long.
- 78 — Tóc bạc, da mồi.
- 79 — Tóc như rễ tre.
- 80 — Tòng dầu triết vĩ.
- 81 — Tòng tiểu chí đại.
- 82 — Tôm phồng quặt.
- 83 — Tôi tờ đồng tiền.
- 84 — Tôi như hũ dứt.
- 85 — Tôi lửa tắt đèn.
- 86 — Tôi báo oan gia.
- 87 — Tôi tị, vạ lạy.
- 88 — Tôm he cá mực.
- 89 — Tốt mẽ khoe mầu <sup>(1)</sup>.

(1) — nghìn (2) — van

(1) — khó danh.

- 90 — Tốt tài, sai lộc.  
 91 — Tốt mái, bại sống.  
 92 — Tốt ông không khổ <sup>(1)</sup>.  
 93 — Tốt lẽ dẽ van.  
 94 — Tốt số hơn khôn.  
 95 — Tốt quá hoá lốp <sup>(2)</sup>.  
 96 — Tu nhân tích đức.  
 97 — Tu hú dẻ nhờ.  
 98 — Túi vóc đựng vàng.  
 99 — Túi phân, hòn duyên.  
 100 — Tùy cơ tùy quản.  
 101 — Tùy kỵ sở thích.  
 102 — Tung đất sảy chân.  
 103 — Tụng kính sám hối.  
 104 — Tứ tung, ngũ hành.  
 105 — Tức nước vỡ bờ.  
 106 — Tươi như hoa nở.  
 107 — Thủ nhập ngôn xuất.

5 chữ

- 108 — Tà bất cảm phạm chính.  
 109 — Tay sốt đồ tay nguội.  
 110 — Tay không bắt gió giờ.  
 111 — Tâm động qui thần trí.  
 112 — Tập quán thành tự-nhiên.  
 113 — Tế sớm càng khởi ruồi.  
 114 — Tiếc con gà quạ tha.  
 115 — Túa <sup>(3)</sup> rời bõ dây gal.

(1) — tiền, (2) — lép (3) — tiền.

- 116 — Tiền tẩy mua rượu cẩn.  
 117 — Tiền thật mua của giả.  
 118 — Tiền không có lỗ xổ.  
 119 — Tiền vàng sâu lõi lụa.  
 120 — Tiền hết đã vua đúc.  
 121 — Tiền rơ quá tiền trâu.  
 122 — Tiền tài phá nhân nghĩa.  
 123 — Tiền tài nhân nghĩa tận <sup>(1)</sup>.  
 124 — Tiền ông Táo chầu giờ.  
 125 — Tiếng trống rồng nghìn quân.  
 126 — Tịt như pháo mất ngòi.  
 127 — To mắt hay nói ngang.  
 128 — Tóc xóm như ồ quạ.  
 129 — Tô tóm ù tay trên.  
 130 — Tối như đêm ba mươi.  
 131 — Tồn than tan lưỡi cày.  
 132 — Tốt danh hơn lành áo.  
 133 — Tốt số hơn bố già.  
 134 — Tốt mã mà rã đám.  
 135 — Tứ hải giải huynh đệ.  
 136 — Tức lòng súng, súng nồ.

6 chữ

- 137 — Tay đám ra, tà đám xuống.  
 138 — Tay voi đàn, chân quán tẩy.  
 139 — Tay que giẽ, chân yòng kiềng.  
 140 — Tay ống sậy, chân ống đồng.

(1) — kiết hoặc tuyệt

- 141 — Tay dùi đục, chân bàn chồi.
- 142 — Tay bắp cày, chân bàn cuốc.
- 143 — Tay nhọ thì mặt cũng nhọ.
- 144 — Tay chàm không phải lái lửa.
- 145 — Tay không, nói chẳng nên điều.
- 146 — Tảng-hẳng như chó mất giải.
- 147 — Tất-tả như bà đả ông.
- 148 — Tậu voi chung với Đức-ông.
- 149 — Tiên học lẽ, hậu học văn.
- 150 — Tiên có đồng, cá có con.
- 151 — Tiên có ít, thịt muối nhiều.
- 152 — Tiên trao ra, gà bắt lấy.
- 153 — Tiên của như nước thủy-triều.
- 154 — Tiên là gạch, ngãi là vàng.
- 155 — Tiên chinh mua phải cá thối.
- 156 — Tiên tầy xỏ không lợt chuỗi.
- 157 — Tiên xứng bờ, hậu cò lội.
- 158 — Tiếng chào cao hơn mâm cỗ.
- 159 — Tiu-nghỉu như mèo *mắt*<sup>(1)</sup> tai.
- 160 — Tóc đuôi gà, mày lá liễu.
- 161 — Tôi như đêm, dày như đất.
- 162 — Tôi như hũ, chạy như chớp.
- 163 — Tốt số bằng bồ hay làm.
- 164 — Tốt duyên lấy được chồng chung.
- 165 — Tu-hú săn tồ mà dέ.
- 166 — Tuần hà là cha kẻ cướp.
- 167 — Túng minh nằm với con ở.
- 168 — Tướng diện bất như tướng tam.
- 169 — Tửu phát tâm phúc chi ngôn.

(1) — *cắt*.

7 chữ

- 170 — Tam sơn, tứ hải, nhất phần diền.
- 171 — Tam tư kinh là rình cơm nguội.
- 172 — Tầm khi nào, vuốt mặt khi nấy.
- 173 — Tất đèn, nhà ngói như nhà gianh.
- 174 — Tâm là lòng, ý cũng là lòng.
- 175 — Tâm bất tại nghe nói thì cái.
- 176 — Tấp-tưng như trẻ được cái bánh.
- 177 — Tiên không chân xa gần di khắp
- 178 — To cánh bè, dài dòng văn tự.
- 179 — Toe-toét như ống nhò thày đè.
- 180 — Tốt phô ra, xấu xa dậy diệm.
- 181 — Tú mờ giấy, anh hùng đom-dóm.
- 182 — Thủ nhập tâm như hổ nhập lâm.
- 183 — Tác xá đạo bàng, tam niên bất thành.
- 184 — Tay lèn hàm nhai, tay quai miệng trê.
- 185 — Tam nam bất phú, ngũ nữ bất bần.
- 186 — Tam vợ vợ già, tam nhà nhà nát.
- 187 — Tám-ngầm tám-ngầm dấm thầm chết voi.
- 188 — Tất-tả như người đi ăn giỗ hậu.
- 189 — Tậu ruộng giữa đồng, lấy chồng giữa làng
- 190 — Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác.
- 191 — Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn.
- 192 — Tiên đáo tiền tạ, hậu đáo hậu tạ.
- 193 — Tiền hết gạo không, khôn ngoan rùa mốc.
- 194 — Tiền rứng bạc bẽ, tay không hững-hờ.
- 195 — Tiền bạc đi trước, mực thước đi sau.
- 196 — Tiền xa ký phúc, hậu xa bất giới.
- 197 — Tiền mòn khước hổ, hậu hộ tiền lang.
- 198 — To như chuỗi hạt không bày cỗ nào.

- 199 — To đầu mà dại, bé g... mà khôn.  
 200 — Tòng thiện như dǎng, tòng ác như bǎng.  
 201 — Tối đâu là nhà, ngã đâu là giường.  
 202 — Tôi hữu sở qui, ai làm nấy chịu.  
 203 — Tôi vịt chưa qua, tôi gà đã đến.  
 204 — Tốt tóc nặng dầu, tốt râu nặng cǎm.  
 205 — Tốt giống tốt mạ, tốt mạ tốt lúa.  
 206 — Tua-rua bǎng mặt cất bát cơm chǎm.  
 207 — Tú tài đàm tho, đồ hộ đàm trư.  
 208 — Tử sinh hữu mịnh, phú qui tại thiền.  
 209 — Tuy rằng cỏm dáng nhưng trùm làng soi.  
 210 — Tượng chết về ngà, điếu chết về lóng.

*9 chữ*

- 211 — Tay phân tay nỡ, ruột cắt ruột, sao dành.  
 212 — Tân-hăn fó-hó như nhà khó được cửa.  
 213 — Tiền không một đồng, muốn ăn hông một hột.  
 214 — Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống.  
 215 — Tơ-hơ tòng-hồng, như rè cõng ông già.

*10 chữ*

- 216 — Tiền lĩnh quần chí chẳng bằng tiền chí  
[quần em.]

*11 chữ*

- 217 — Tầm gửi, lấn cành, trước lấn cành, sau  
[lấn cả cây.]

*12 chữ*

- 218 — Tại gia tòng phu,  
Xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử.

- 219 — Tam ngu thành hiều,  
Ba người dại hợp lại một người khôn.  
 220 — Tết đến sau lưng,  
Ông vái thì mừng, con cháu thì lo.  
 221 — Tiền ở trong nhà tiền chửa,  
Tiền ra khỏi cửa tiền dể.  
 222 — Tiền phú hậu bần,  
Làm giàu có số, tiền bần hậu phú.  
 223 — Tiều thuyền bất kham trọng tải,  
Ghe nhỏ chở nặng sao được.  
 224 — Tin bợm mất bò,  
Tin bạn mất vợ, nắm eo một mình.

*13 chữ*

- 225 — Tài giai lấy năm lấy bảy,  
Gái chính chuyền chỉ lấy một chồng.  
 226 — Tay ra đồng vào,  
Ai cho đồng nào mà bỏ giả không đi.  
 227 — Từ sáng đến trưa chửa thấy đâu,  
Nữa là từ trưa đến tối.

*14 chữ*

- 228 — Ta trong cây khế ta ra,  
Mình còn cạnh khế với ta hồi mình !  
 229 — Ta về ta tắm ao ta,  
Dù trong, dùduc ao nhà đã quen.  
 230 — Ta về ta dựng mây lên,  
Giòi xe may lại một bên Hòn Lèn.

- 231 — Tay cầm cái chỉ, cái kim,  
Tay cầm *tấm lụa*<sup>(1)</sup> đi tìm thợ may.
- 232 — Tay cầm cái kéo, con dao,  
Chọc giời, vạch đất, lấy nhau phen này.
- 233 — Tay cầm tiền quí<sup>(2)</sup> bo bo.  
Đưa cho thầy bói thèm lo vào mình.
- 234 — Tay mang khăn gói sang sông,  
*Mồ hôi ướt đượm*<sup>(3)</sup> thương chồng phải theo.
- 235 — Tay mang túi bạc kè-kè,  
Nói quây nói quá người nghe ầm-ầm.
- 236 — Tay nung chén muối dĩa gừng,  
Gừng cay, muối mặn, xin đừng có quên.
- 237 — Tay tiễn rót chén rượu đào,  
Đồ đi thời tiếc, uống vào thời say.
- 238 — Tay chân nhi-nhi bắp cầy,  
Cái lưng thắt dây cũng tầy voi nan.
- 239 — Tay cầm bán nguyệt xênh-xang,  
Đem người quản tử mỏ mang sơn hà.
- 240 — Tam Hoàng, Ngũ Đế chi thư,  
Có anh mắt vợ ngồi thử mặt ra.
- 241 — Tang bồng tích hồi vân vi,  
Bé nghe cha mẹ, nhỡn thì nghe anh.
- 242 — Tạnh giờ mày cuốn<sup>(4)</sup> về non,  
Hẹn cùng cây cỏ chờ còn trông mưa.
- 243 — Tầm sao tầm chảng ăn đậu,  
Tầm dồi ăn ruộng, ăn trâu, ăn nhà.

(1) — cái kéo (2) — tiền buộc giải yếm, (3) — nước mắt, hoặc  
mẹ kêu, lạy mẹ (4) — kéo.

- 244 — Tậu voi chung với đức ông,  
Vừa phải đánh cồng, vừa phải hót phán.
- 245 — Tiếc thay cái chậu nước trong,  
Đề cho bèo tẩm, bèo ong rạt vào.
- 246 — Tiếc thay hột gạo tám xoan,  
Thôi nồi đồng diếu lại chan nước cà
- 247 — Tiếc thay hột gạo trắng ngắn,  
Đã vo nước đục, lại vần than rơm.
- 248 — Tiếc thay cây quế giữa rừng,  
Đề cho thẳng Nhắng, thẳng Mường nó leo.
- 249 — Tiếc công xúc tép nuôi cò,  
Cò ăn, cò mồi, cò dò lên cây.
- 250 — Tiếc công vãi mắn cho cu,  
Cu ăn, cu nhỡn, cu gù nhau đi.
- 251 — Tiền của là chúa muôn đời,  
Người ta là khách vãng lai một thi.
- 252 — Tiền dày dứa một miếng giàu,  
Chẳng ăn cầm lấy cho nhau bằng lòng.
- 253 — Tiếng ai than khóc nỉ-non,  
Hay vợ chủ lính trèo hòn Cù Mông.
- 254 — Tiếng ai như tiếng xứ Đoài,  
Ăn gạo thì ít, ăn khoai thì nhiều.
- 255 — Tìm duyên mà chẳng thấy duyên,  
Một niêu cơm tám, chín tiền cá rô.
- 256 — Tình thương, quản cũng như nhà,  
Lều gianh có nghĩa hơn tòa ngôi xây.
- 257 — Tình-tình có sự thì lo,  
Này tờ ông cống gửi cho người cò.

- 258 — Tình nhân ơi hối tình nhân !  
Lại đây ta kè mưa xuân, nắng hè,  
259 — Tình thân bất luận khó, giàu.  
Vải to khó nhuộm cao màu cũng xinh,  
260 — Tình sao như thế nước cờ,  
Một vừa, hai phải hai bè thì thôi.  
261 — Tỏ giăng mười bốn được tám,  
Tỏ giăng hôm rầm thì được lúa chiêm.  
262 — Tóc ngắn thì tóc lại dài,  
Ba tuồng mặt rõ đá mài không trơn.  
263 — Tóc quăn chải lược dồi mồi,  
Chải đứng, chải ngồi, quăn vẫn hoàn quăn.  
264 — Tồ đánh mà chẳng biết thân,  
Mặt như điếu dạn chơi xuân nỗi gì.  
265 — Tôi dày như thế áotoi,  
Khi mưa thi dụng, tạnh giờ thì thôi.  
266 — Tôi đà biết tính chồng tôi,  
Cơm no thi nước, nước thôi thi giàu.  
267 — Tôi đà biết vợ anh rồi,  
Quăn-quăn tóc trước là người hay ghen.  
268 — Tôi giờ bắt sầm trông sao,  
Sầm thế có thấy ông nào sầm đui.  
269 — Tôi giờ, giờ lại sáng ra.  
Đi đâu mà vội cho già mất thân.  
270 — Tôi tắm biết mit là gai,  
Biết quen hay lạ, biết ai mà chào.  
271 — Tôi gì, tôi lội xuống sông,  
Đánh ba tiếng cồng thi<sup>(1)</sup> nỗi tội lên.

- 272 — Tôi gì mà ở chính chuyên,  
Một đêm là sám côn sìn ai cho.  
273 — Tóm tép thì nhảy lên bờ,  
Bụng mình có thể mỏi ngò cho ta.  
274 — Tóm tép vững chân cháu be-be,  
Cá kền kền nghê bãi bẽ đồng chơi.  
275 — Tốt số lấy được chồng chung,  
Lương vua khôi đóng, áo chồng khôi may.  
276 — Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,  
Xấu người đẹp nét còn hơn đẹp người.  
277 — Tốt đẹp chi mà anh mơ màng,  
Như cá lep thưa sàng lợt di.  
278 — Tôi nơi hối khách tương phùng,  
Chim ri một cánh bay cùng nước non.  
279 — Tu đâu cho bằng tu nhà,  
Thờ cha, kính mẹ ấy là chân tu.  
280 — Tu cho trọn kiếp bụi hồng,  
Kéo già lại tiếc rằng lòng từ-bi.  
281 — Tuy rằng ăn ở chùa này,  
Tiền lung gạo bị cúng thầy chùa kia.  
282 — Tuy rằng áo rách tay sàng,  
Đủ đóng, đủ góp với làng thì thôi.  
283 — Từ rày buộc chỉ cổ tay,  
Chim đậu thi bắt, chim bay thi đừngng.  
284 — Từ rày buộc chỉ ngang lung,  
Hè thấy người ấy thi đừng làm quen.  
285 — Từ vi xem sổ cho người,  
Sổ thầy thi dề cho ruồi nó bâu.

- 286 — Tương tư chẳng ốm cũng sầu,  
Con ruồi đậu mép chẳng đau cũng buồn.  
287 — Tưởng rằng rồng ấp lấy vây,  
Ai ngờ rồng ấp lấy cây cau già.  
288 — Tưởng rằng rồng ấp với mây,  
Ai ngờ rồng ấp với cây địa-liền.  
289 — Tưởng rằng khăn trắng có tang,  
Ai ngờ khăn trắng ra đường ve chai.  
290 — Tưởng rằng khăn trắng có duyên,  
Ai ngờ khăn trắng không tiền mua nâu.  
291 — Tưởng rằng đá nát thì thôi,  
Ai ngờ đá nát nung vôi lại nồng.

15 chữ

- 292 — Tầm vương to, dẹn cũng vương to.  
Mấy đời to dẹn được như to tầm.  
293 — Tiền Bần, lụa Lạc, vải Đồng-Than,  
Đã mua thì chờ phản nàn làm chi.

16 chữ

- 294 — Ta rằng ta chẳng có ghen,  
Chồng ta ta giữ, ta nghiến, ta nghiền ta chơi.  
295 — Tảng-mảng té-mê vì cô bán rượu,  
Liệt chiếu, liệt giường vì cô bán nem.  
296 — Tiếc thay con người da trắng, tóc dài,  
Bác mẹ gả bán cho người đàn ngu.  
297 — Tiền buôn tiền bán thì đè trong nhà,  
Tiền cờ tiền bạc thì ra ngoài đường.

- 298 — Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa,  
Tiếng lành, tiếng dữ đồn ba ngày đường.  
299 — Tôi yêu anh vạn, tôi mến anh nghìn,  
Anh có ăn thuốc đưa tiền tôi mua.

18 chữ

- 300 — Từ bi cũng một phầm oản, quả chuối,  
Ray tay mắm miệng cũng một quả chuối  
[phầm oản.]

23 chữ

- 301 — Tiếc thay hòn ngọc mà rơi xuống đồng bùn,  
Tiếc thay tờ giấy bạch mà dễ cho thẳng  
[bé cỏn-con nó vẽ vời.  
302 — Tiếc thay con ngựa bạch mà thắt cái dây  
[cương thửng.  
Tiếc thay con người thế ấy mà ôm lưng  
[ông lão già.  
303 — Tiếc thay con chim phượng hoàng còn  
[dại chưa có khôn,  
Núi Tam-son chẳng đậu, lại đi đậu ngàn  
[cỏ may.]

TH

3 chữ

- 1 — Tham thi thảm.  
2 — Thấp như vịt.

- 3 — Thót đuôi chuột.
- 4 — Thẳng như tên (1).
- 5 — Theo dit ngựa.
- 6 — Thè lái trâu.

4 chữ

- 7 — Tham thực cực thân.
- 8 — Tham ăn, tục uống.
- 9 — Tham đó, bỏ dăng.
- 10 — Tham bùi ché gấp!
- 11 — Tham vui chịu lận.
- 12 — Tham danh, chuộng la.
- 13 — Tham tài, tham sắc.
- 14 — Tham giả vô ich.
- 15 — Tháng chờ, năm đợi.
- 16 — Tháng trộn, ngày qua.
- 17 — Tháng rộng, ngày dài.
- 18 — Tháng cùng, năm hết.
- 19 — Thành-hoàng bǎn-thồ.
- 20 — Thành nhàn chí mỹ.
- 21 — Thao-láo mắt éch (2).
- 22 — Thăm ván bán thuyền.
- 23 — Thăm lăm, phai nhiều.
- 24 — Thắn-lắn rắn ráo.
- 25 — Thẳng như ruột gon.
- 26 — Thẳng như ruột ngựa.
- 27 — Thẳng như rắn lăn.
- 28 — Thẳng như cây gỗ.

(1) — mực tàu (2) — trâu.

- 29 — Thẳng như chỉ đặt.
- 30 — Thắt lưng buộc bụng.
- 31 — Thắt đáy lưng ong.
- 32 — Thắt chặt quai túi.
- 33 — Thay-lầy dit dẽ.
- 34 — Thầy bói nói dựa.
- 35 — Thầy cung thầy cò.
- 36 — Thấy đâu áu đáy.
- 37 — Thấy đỏ ngõ chín.
- 38 — Thấy bở thì đào.
- 39 — Thân lừa ra nặng.
- 40 — Thân làm tội đời.
- 41 — Thân như thân chạch.
- 42 — Thần thế cóc khô.
- 43 — Thần cõng vị tiền.
- 44 — Thần kỳ giúp đỡ.
- 45 — Thận thủy thận chung.
- 46 — Thấp cổ bé miệng.
- 47 — Thập-thò cửa lồ.
- 48 — Thật-thà lái buôn.
- 49 — Thẹn đèn, hờ lúa.
- 50 — Theo nheo ăn rót.
- 51 — Theo dóm ăn tàn.
- 52 — Thé đan, tử ấu.
- 53 — Thé tróc, tử phọc.
- 54 — Thẽ thần bịch thóc.
- 55 — Thị phú khinh bần.
- 56 — Thị cường lăng nhược.
- 57 — Thiên vông nan đảo.
- 58 — Thiên bất đồng gian.

- 59 — Thiên đạo chí công.  
60 — Thiên đạo hảo hoàn.  
61 — Thiên cao, địa hậu.  
62 — Thiên thanh, địa bạch.  
63 — Thiên chu, địa diệt.  
64 — Thiên cao thính ti.  
65 — Thiên địa chứng minh.  
66 — Thiên qui, bách quái.  
67 — Thiên phương, bách kế.  
68 — Thiên hình vạn trạng.  
69 — Thiên biến vạn hóa.  
70 — Thiên biến thiên thô.  
71 — Thiên niên bất dịch.  
72 — Thiên niên, vạn đại.  
73 — Thiên tài nhất thời.  
74 — Thiện bảo, ác bảo.  
75 — Thịt mỡ dao bầu.  
76 — Thịt nạc dao phay.  
77 — Thịt thăn, cơm ré.  
78 — Thịt nát, xương tan.  
79 — Thò lò thom lồm.  
80 — Thò lò đít dò.  
81 — Thò lò sáu mặt.  
82 — Thóc gạo có tinh.  
83 — Thồ-công vườn hoàng.  
84 — Thông rồng mắt mẹ.  
85 — Thở ngắn, than dài.  
86 — Thơm tay, may miệng.

- 87 — Thon-thót dầu luỗi.  
88 — Thuận mua, vừa bán.  
89 — Thuận buồm, xuôi gió.  
90 — Thủy càn, chung dãi.  
91 — Thủy thành, chung bại.  
92 — Thủy chung như nhất.  
93 — Thuyền xuôi, gió ngược.  
94 — Thuốc tra, ma cúng.  
95 — Thuốc đắng dã tật.  
96 — Thuồng-luồng ở cạn.  
97 — Thuồng dào, chả thấy.  
98 — Thứ kỷ, trách nhân.  
99 — Thủ kêu, đốt tịt.  
100 — Thưa ao tốt cá.  
101 — Thưa con nhón trứng.  
102 — Thức khuya, dậy sớm.  
103 — Thương con ngon rau<sup>(1)</sup>.  
104 — Thương công kể lợi.  
105 — Thương thân, trách phận.  
106 — Thương gió, nhớ mưa.  
107 — Thương mục, hạ hòa.  
108 — Thương vàng, hạ cảm.  
109 — Thương vung, hạ vỉ.

5 chữ

- 110 — Thả võ quít ăn ruồi.  
111 — Thách nhà giàu húp tương.  
112 — Tham bùi đánh cả bòng.

(1) — của.

- 113 — Thẳng chết cãi thẳng khiêng.  
114 — Thầy già, con hát trẻ.  
115 — Thầy mệt, đầy tớ mười.  
116 — Thầy chẳng gặp, gặp thợ.  
117 — Thần hồn nát thần tính.  
118 — Thần nào hưởng của ấy.  
119 — Thập ác vô nhất thiện.  
120 — Thật-thà là cha dại.  
121 — Theo voi ăn bã mia.  
122 — Thè cá chè chui ống.  
123 — Thịt chó chấm nước chó.  
124 — Thịt thối hơn muối bùi.  
125 — Thông mắm treo đầu giàn.  
126 — Thông gia là bà con.  
127 — Thở hơn trâu hạ địa.  
128 — Thom như hoa rữa cánh.  
129 — Thủ-thỉ ăn sỏi lộn.  
130 — Thủ vị thiên vò mục.  
131 — Thuyền dời, bến chẳng dời.  
132 — Thuyền đua, lái cũng đua.  
133 — Thừa bát, gạt xuống mâm.  
134 — Thương gặm xương chẳng được.

6 chữ

- 135 — Thủ vỏ quít ăn mắm ngầu.  
136 — Thủ săn-sát bắt cá rõ<sup>(1)</sup>.  
137 — Thủ chà cá mới ở ao.  
138 — Tham bữa giỗ, lô buổi cầy.

(1) — sộp hoặc chép.

- 139 — Tham thi thảm, nhầm thi thiệt<sup>(1)</sup>.  
140 — Tham thi thảm, dầm thi đen.  
141 — Tham mệt bát, bỏ một mâm.  
142 — Tham bong-bóng, bỏ bọng trâu.  
143 — Tháng ba bà già chết rét.  
144 — Thành-hoàng thiêng về bộ-hạ.  
145 — Thành-nhân dài kẻ khù-khở.  
146 — Thảo-láo như cáo trông giăng.  
147 — Tháng nhắng đòi khoảng cõi đường.  
148 — Tháng dại làm hại thẳng khòn.  
149 — Tháng mõ có bỏ đám nào.  
150 — Tháng mực tàu đau lòng gỗ.  
151 — Thầy có cửa, sai có công.  
152 — Thầy lay thi chày cán cõ.  
153 — Thầy dở cũng dở láng điềng.  
154 — Thầy lành, bắt làm vành nồi.  
155 — Thầy của thi tối mắt lại.  
156 — Thủ lươn chẳng quản lầm mắt<sup>(2)</sup>.  
157 — Thủ sống không bằng thân chết.  
158 — Thủ cơ thua tri dàn bà.  
159 — Thủ cao vàng biết tuổi vàng.  
160 — Thủ-thoáng như dĩ chơi giăng.  
161 — Thủ-thà ma vật không chết.  
162 — Thủ-thà như chó cắn trộm.  
163 — Thèm lòng, chẳng ai thèm thịt.  
164 — Thèm như gái dở thèm ngồi.  
165 — Theo chân voi, đòi chân ngựa.  
166 — Thủ hơi với giải thủ thua.  
167 — Thiên-lôi chỉ đâu đánh đấy.

(1) — mắt (2) — đầu.

- 168 — Thin-thít như thịt nấu đồng.  
169 — Thịt không hành, canh không mắm.  
170 — Thỏ-thẻ như trẻ lên ba.  
171 — Thoái nhất bộ, tự-nhiên khoáng.  
172 — Thóc hoa dầu, giàu lá mặt.  
173 — Thời chay thi thày đi đất.  
174 — Thời thày mới được làm thày.  
175 — Thở như trâu bò mới vực.  
176 — Thở ra khói, nói ra lửa.  
177 — Thợ rèn không dao ăn giàu.  
178 — Thợ cưa di trưa, về sớm.  
179 — Thời buồm nào, kỹ cương ấy.  
180 — Thơm như hoa, mát như nước.  
181 — Thờn-bơn chịu ép một bè.  
182 — Thủ-thỉ nhưng mà quỉ ma.  
183 — Thuá keo trước,<sup>(1)</sup> được keo sau<sup>(2)</sup>.  
184 — Thuá búng quay, xoay đáo dĩa<sup>(3)</sup>.  
185 — Thực viết không bằng biết ruộng.  
186 — Thuỷ chó nửa mùa hết róm.  
187 — Thuyền theo lái, gái theo chồng.  
188 — Thuyền cứ mạn, quán cứ vách.  
189 — Thương người lại khó đến thân.  
190 — Thương chồng phải bồng con ghê.  
191 — Thương đi gọi, nhớ đi tìm.  
192 — Thương cẳng chân, hạ cẳng tay.  
193 — Thương anh hùng, hạ cùng định.  
194 — Thương dẳng sợ kẻ bắt dẳng.  
195 — Thương bất chính, hạ tác loạn

(1) — này (2) — khác (3) — gõ.

7 chữ

- 196 — Thà cho ăn, chẳng thà cho thấy.  
197 — Thà đau ngắt, chẳng thà giắt răng.  
198 — Tham thì thâm, da dám thì chêt.  
199 — Thau đồng chẳng khỏi tay thợ hàn.  
200 — Thắng công làm cho thắng ngay ăn.  
201 — Thầy ăn khoai vác mai chạy quấy.  
202 — Thầy người sang bắt quặng làm họ.  
203 — Thầy có thóc, mới cho vay gạo.  
204 — Thành con gái mười hai bến nước.  
205 — Thèm như gái dở thèm của chua.  
206 — Thèm cho chết, chẳng thết, chẳng ăn.  
207 — Thiêng như Thần, tần-mần như ma.  
208 — Thóc Cù-Đà, tù-và Kẻ Thở.  
209 — Thổi bẩy góc nhá, ba góc bếp.  
210 — Thời thời dễ, giữ lẽ thời khó.  
211 — Thớt trên mòn, thớt dưới cũng mòn.  
212 — Thuyền không lái như gái không chồng.  
213 — Thương lương bất chính, hạ lương sai.

8 chữ

- 214 — Tha cày, cuốc góc, nghỉ nhọc chăn trâu.  
215 — Thà sợ khái, không thà sợ cút khái.  
216 — Thà thiểu thuế vua hơn thua lệ làng.  
217 — Tham ăn giữ nết chết không ai thương.  
218 — Tháng giêng rét dài, tháng hai rét lộc.  
219 — Tháng giêng mua gỗ, tháng hai làm nhà.  
220 — Tháng ba đau máu, tháng sáu đau lung.  
221 — Tháng năm năm việc, tháng mười mười việc.  
222 — Tháng năm đong trước, tháng mười đong sau.

- 223 — Tháng năm khua bâu, tháng mười giàu rơm.  
224 — Tháng hai giồng cà, tháng ba giồng dỗ.  
225 — Tháng tám chửa qua, tháng ba đã tới.  
226 — Tháng tám trông ra, tháng ba trông vào.  
227 — Tháng tám mưa trai, tháng hai mưa thóc.  
228 — Tháng tám mạ trà, tháng ba mạ thóc.  
229 — Tháng tám đói qua, tháng ba đói chết.  
230 — Tháng chín đói mươi, tháng mười mồng năm.  
231 — Tháng chín mưa rươi, tháng mươi mưa mạ.  
232 — Tháng chín ăn rươi, tháng mươi ăn rươi.  
233 — Tháng mươi *dòng*<sup>(1)</sup> ra, tháng ba *dòng*<sup>(2)</sup> rụ.  
234 — Tháng mươi<sup>(3)</sup> sấm rạp, tháng chạp sấm  
[*dòng*<sup>(4)</sup>].
- 235 — Tháng một, tháng chạp thời hoà mới mưa.  
236 — Thành-lanh dỗ mỏ tướng cả nhà giờ.  
237 — Thành môn thất hỏa, họa cập tri ngư.  
238 — Thành-tha thành-thót như giọt đồng hồ.  
239 — Thầy đồ cho bóng, bóng đồ cho thầy.  
240 — Thầy bùa thầy bèn oán lèn cạp khổ.  
241 — Thầy mồi nhưng chỉ bởi thăm mắc dò.  
242 — Thầy bờ thi đảo, thầy mềm thi dục.  
243 — Thầy người ăn cơm, xúc cứt đồ bị.  
244 — Thầy cá rô chạy, nồi rang cũng chạy.  
245 — Thầy cứt tránh ngang, có sang gì cứt.  
246 — Thám đóng trống bắc, hẽ nực thời mưa.  
247 — Thân trâu trâu lo, thân bò bò liêu.  
248 — Thập-thoáng bóng đèn cú cũng như tiên.  
249 — Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ.  
250 — Thê tồn thú thiếp, thê một thú thê.

(1) — và (2) — tóe (3) — một (4) — rày.

- 251 — Thị một chén nước, phuộc chất bằng non.  
252 — Thiên vô nhị nhật, dân vô nhị vương.  
253 — Thiếu đất giồng dừa, thừa đất giồng cau.  
254 — Thiếu thuế bắt vợ, thiếu nợ bắt con.  
255 — Thịt nạc, dao phay, xương xẩu, riu búa.  
256 — Thóc đâu no gà, cơm đâu no chó.  
257 — Thủ-công là cha, chúa nhả là con.  
258 — Thợ may ăn giế, thợ vẽ ăn hồ,  
259 — Thợ hồ ăn nan, thợ hàn ăn cứt.  
260 — Thợ sơn bôi bắc, thợ bạc lọc lừa.  
261 — Thợ rào có de, ông nghè có bút.  
262 — Thủ khẩu như bình, phòng ý như thành.  
263 — Thuỷ-nan chở đá, thuỷ-nan lá chở sắt.  
264 — Thuỷ-nan mạnh về lái, gái mạnh về chồng.  
265 — Thuốc dắng dã lật nói<sup>(1)</sup> thật mất lòng.  
266 — Thuốc Nam đánh giặc, thuốc Bắc lấy tiền.  
267 — Thuốc phiện hết nhà, thuốc trà hết phen.  
268 — Thuốc sách văn hay, mau tay tốt chữ.  
269 — Thủ nhất giặc pha, thủ nhì nhà cháy.  
270 — Thủ nhất đau mắt, thủ nhì giắt răng.  
271 — Thủ nhất quận công, thủ nhì không khổ.  
272 — Thủ nhất quận công, thủ nhì ỉa đồng.  
273 — Thủ nhất cầy nổ, thủ hai bỏ phản.  
274 — Thủ nhất Kinh-kỳ, thủ nhì Phố-Hiển.  
275 — Thủ nhất thả cá, thủ nhì gá bạc.  
276 — Thủ nhất tờ sai, thủ hai nhà nợ.  
277 — Thủ nhất tốt mồi, thủ hai ngồi dai.  
278 — Thủ nhất hay chữ, thủ nhì dữ đòn.  
279 — Thủ nhất Tam-Đái, thủ nhì Khoài-Châu.

- 280 — Thứ nhất phạm phòng, thứ nhì lòng lợn.  
 281 — Thừa chua quá úng, thừa lụng quá bọ.  
 282 — Thương con bò cõi đồng đói xiên cây.  
 283 — Thương con mà dễ, thương rẽ mà Khó.

9 chūr



10 chfr



- 327 – Thay quần, thay áo, thay hơi,  
Thay dáng, thay dấp, nhưng người khôn thay.

328 – Tham vàng, bỏ đồng gạch dày,  
Vàng thì ăn hết, gạch xây nên thành.

329 – Tham vàng, bỏ ngã, anh oi,  
Vàng thì ăn hết, ngã tối hây còn.

330 – Tham giàu lấy phải thẳng ngò,  
Đêm năm như thể cảnh khó chọc vào (1).

331 – Tham giàu mà lấy chủ kho.  
Ba năm hiệu lượng vua cho deo vòng.

332 – Tháng sáu gọi cấy rào-rào,  
Tháng mười lúa chín mõ rao cẩm đồng.

333 – Tham thanh, chuộng lạ, tham thanh,  
Chè dây quán nát, lèu gianh không ngồi.

334 – Tháng chín thì quit đỗ tròn,  
Tháng hai ngái mọc, cái con tim về.

335 – Tháng giêng đúc từ, tháng tư đúc vac,  
Lạc-xạc thì đúc khoai nưa,

336 – Thành Phao, Phả-lại, Lục-dầu,  
Em về, em dè mối sầu cho ai?

337 – Thành đỗ dã có chúa xây.  
Việc gì gái hóa lo ngày, lo đêm.

338 – Tháp đuốc tim giàu, giàu chẳng thấy,  
Cầm gươm chém khó, khó theo sau.

339 – Thầy bói lại cãi chủ nhà,  
Đàn ông lại cãi đàn bà nấu ăn.

(1) — hú-hí như vò đập hông.

- 340 — Thầy dốt mà đọc canh khôn,  
Đến khi đọc dồn ý ả ý a.
- 341 — Thầy mạnh, thầy chữa người ta,  
Đến khi thầy ốm, thì ma chữa thầy.
- 342 — Thầy khoe thầy cứu được người.  
Đến khi thầy ốm, chẳng ai cứu thầy.
- 343 — Thầy anh, tôi cũng yêu đời,  
Biết rằng vợ cả có đời anh ra.
- 344 — Thầy đua, thì cũng đua đời,  
Thầy tia lông nách, cũng xoi lông l...
- 345 — Thầy bạn mà chẳng thấy chàng,  
Bàng-khuâng như mắt lạng vàng trên tay.
- 346 — Thầy em như chói mặt giờ.  
Chói chang khó chịu, trao nhời khó trao.
- 347 — Thầy người, ta nghĩ rằng hèn,  
Cắt lấy tiếng kèn liền búng má ra.
- 348 — Thâm đông, hồng tây, dung may,  
Ai ơi ở lại ba ngày hãy đi.
- 349 — Thân em như thế trái chanh,  
Lắt-leo trên cành nhiều kẻ ước mơ.
- 350 — Thân em như tẩm lụa đào,  
Phất-phơ giữa chợ biết vào tay ai.
- 351 — Thân em như tẩm lụa đào.  
Còn nguyên hay xé vuông nào cho ai?
- 352 — Thân em như giếng giữa đường,  
Người khôn rửa mặt, người thường <sup>(1)</sup> rửa chân.

- 353 — Thân em chẳng đáng mấy tiền,  
Vì tình em nặng, mấy nghìn cũng mua.
- 354 — Thân tiên, lúc túng cũng liều,  
Huống chi thân cù quẩn điều tanh hôi.
- 355 — Thân em tội nghiệp về đâu,  
Ngày ngày em chồng phao câu lên giờ.
- 356 — Thần-thơ đứng gốc cây mai,  
Bóng tôi, tôi <sup>(1)</sup> nghĩ bóng ại tôi <sup>(2)</sup> nhầm.
- 357 — Thần-thơ đứng gốc mai già,  
Hỏi thăm ông Nguyệt có nhà hay không.
- 358 — Tháp cao mới biết tuổi vàng,  
Gặp con lửa đỏ màu càng thêm troi.
- 359 — Thật-thà cũng thề lái trâu,  
Hắn-hoi <sup>(3)</sup> cũng thề nàng dâu mẹ chồng.
- 360 — Thế rằng sầm chẳng thấy gì,  
Sầm mà nói dối, sầm thì cũng đui.
- 361 — Thế gian nói chi thi mặc nó,  
Miễn là mình không có thi thôi.
- 362 — Thế gian chẳng ít thi nhiều,  
Không dung, ai dễ đặt điều cho ai.
- 363 — Thế gian lắm kẻ mơ-màng,  
Thấy hòn son thắm, ngỗ vàng chắt-chiu.
- 364 — Thế gian chuộng của, chuộng công,  
Nào ai có chuộng người không bao giờ.
- 365 — Thế gian còn mặt mũi nào,  
Đã nhồ, lại liếm làm sao cho đành.

(1) — phảm.  
(2) — minh (3) — yêu nhau.

- 366 — Thế gian giúp miệng lao-xao,  
Ai cho đồng nào mà đỡ khó khăn.
- 367 — Thế gian còn dại chưa khôn,  
Sống mặc áo rách, chết chôn áo lành.
- 368 — Thế gian được vợ hỏng chồng,  
*Có phải như rồng mà được cả đôi* (1).
- 369 — Thế gian một vợ, một chồng,  
Chẳng như Vua Bếp hai ông một bà.
- 370 — Thế gian ba sự khôn chưa:  
Rượu nồng, đê béo, gái vừa dương to.
- 371 — Thế tình chuộng lạ, tham thanh,  
Bên khinh, bên trọng ra tình xấu chơi.
- 372 — Thi ra mới biết béo gầy,  
Đến khi cả gió biết cây cứng mềm.
- 373 — Thiên bất sinh vô lộc chi nhân,  
Địa bất sinh vô căn chi thảo.
- 374 — Thiên cao dã có thánh tri,  
Người nhân nghĩa chẳng hàn vi bao giờ.
- 375 — Thiếu chi cam rim, hồng rim,  
Bắt anh đi tìm khế rụng bờ ao.
- 376 — Thoảng qua một chút mới hay,  
Lợ là sấm chớp cả ngày mới mưa.
- 377 — Thôi tôi biết vợ anh rồi,  
Vợ anh toé mắt bàn xôi chợ chúa.
- 378 — Thôi thôi, tôi biết anh rồi,  
Anh hút thuốc phiện cái môi thảm sì.

- 379 — Thôi tai, hôi nách, rình rình,  
Chẳng ai hỏi đến cày minh chính chuyền.
- 380 — Thôi lửa phùng mang mau nhẽ cháy,  
Đói nợ hung bạo mới nhạy tiền.
- 381 — Thôi quyền phải biết chuyền hơi,  
Khuyên người phải biết lựa nhời khôn ngoan.
- 382 — Thông-gia là bà con tiên,  
Ăn ở không hiền là bà con chó.
- 383 — Thờ cha, kính mẹ đã dành,  
Theo dội, theo lửa mới thành thất gia.
- 384 — Thơm-thảo bà lão ăn thừa,  
Bà ăn chẳng được, bà lửa cho tôi.
- 385 — Thú vị tinh thàm,  
Lấy phải con vợ dái dầm, thú vị tinh khai.
- 386 — Thụy kiều là Thụy kiều kiêu,  
Cơm trưa không có, quăng niêu ra vườn.
- 387 — Thuyền đua, thi lái cũng đua,  
Thuyền lên trên bờ, thi lái chếttoi.
- 388 — Thuyền đua, thi lái cũng đua,  
Bè ngồ đi trước, bè dừa đi sau.
- 389 — *Thuyền dời những bến chẳng dời* (1)  
Bán buôn là nghĩa muôn (2) dời cùng (3) nhau.
- 390 — Thuyền ngược, ta bỏ sào ngược,  
Ta chống chẳng được, ta bỏ sào xuôi.
- 391 — Thuyền ngược, anh bỏ sào xuôi.  
Khúc sông bỏ vắng cho người sầu riêng.

(1) — Có đâu mà được tiền rồng cả đôi.

(1) — Vợ chồng chấn chiếu chẳng dời. (2) — ở. (3) — với.

- 392 — Thuyền ngược, ta khấn gió nam,  
Thuyền xuôi ta khấn mưa nguồn gió may.
- 393 — Thuyền ơi có nhớ bến chặng.  
Bến thì một dạ khăng-khăng đợi thuyền.
- 394 — Thuyền câu lơ-lửng đã xong.  
Thuyền chài lơ-lửng uồng công thuyền chài.
- 395 — Thuyền ai thấp-thoáng bên bờ.  
Hay thuyền ông Lã đợi chờ vua Văn.
- 396 — Thuyền đã đến bến, anh ơi,  
Sao anh chẳng bắc cầu noi lên bờ.
- 397 — Thuở giàu sang, nhiều kẻ yêu vị,  
Đến khi khó, dù nhau gièm sém.
- 398 — Thủ nhất sợ kẻ anh hùng,  
Thủ nhì sợ kẻ bần cùng khổ dày.
- 399 — Thủ nhất thì dỗ thủ-khoa,  
Thủ hai vợ đẹp, thủ ba ả đồng.
- 400 — Thủ nhất thì tu tại gia,  
Thủ nhì tu chợ, thủ ba tu chùa.
- 401 — Thủ nhất vợ dại trong nhà,  
Thủ hai nhà đột <sup>(1)</sup>, thủ ba dựa cùn.
- 402 — Thủ nhất thì quản voi già,  
Thủ hai giàu miếng, thủ ba sãi đò.
- 403 — Thủ nhất thì bồ cõi cha,  
Thủ hai gánh vã, thủ ba buôn thuyền.
- 404 — Thủ nhất dom-dom vào nhà,  
Thủ hai chuột rúc, thủ ba hoa đèn.

- 405 — Thủ nhất thì tội hàng hoa,  
Thủ hai hàng mã, thủ ba hàng vàng.
- 406 — Thủ nhất thì gỗ vàng tâm,  
Thủ hai gỗ nghiến, thủ năm bạch-dàn.
- 407 — Thủa quan rời mới đến dân.  
Thủa nha môn tuần đến sãi đò đưa.
- 408 — Thủa tiền thì đem mà cho,  
Đừng có xem bói thêm lo vào mình.
- 409 — Thủc lâu mới biết đêm dài,  
Ở lâu mới biết là người có nhân.
- 410 — Thương miệng, thương môi, thương gì mà  
[thương]  
Thương nhưng gậm xương chẳng được.
- 411 — Thương chồng, phải khóc mù già,  
*Ta đây* <sup>(1)</sup> với mụ có bà con chi.
- 412 — Thương em, anh đẽ trong lòng,  
Việc quan anh cứ phép công anh làm.
- 413 — Thương em như lá dài bi,  
Ngày thì giãn nắng, đêm thì ràu sương.
- 414 — Thương em, anh biết đẽ đau,  
Đẽ vào tay áo, lâu-lâu lại nhòm.
- 415 — Thương anh, chẳng biết đẽ đâu,  
Đẽ vào khúc gỗ hai đầu sơn son.
- 416 — Thương thi cùi ấu cũng tròn,  
Không thương, thi quả bồ-hòn cũng méo.
- 417 — Thương ai ví bỗng thương con,  
Thương ai ví bỗng gái son nhớ chồng.

(1) — chán chênh.

(1) — nghĩ tôi.

- 418 — Thương ai cho bằng thương chồng,  
Bởi chồng cờ bạc, nên lòng chẳng thương.
- 419 — Thương chồng nên phải lầm than,  
Xưa nay ai bắt việc quan đàn-bà.
- 420 — Thương chồng nên phải gắng công,  
Nào ai xương sắt, dạ đồng chi đây.
- 421 — Thương thay thân phận con rùa,  
Lên định đội hạc, ra chùa đội bia.
- 422 — Thương thay những kẻ quạt mồ,  
Hại thay những kẻ lấy vò đậm sảng.
- 423 — Thương người, người nở thương ta.  
Muối kia bỏ bể mặn đà có noi.
- 424 — Thương thương, nhớ nhớ, thương thương.  
Nước kia muốn chảy mà mương không đào.

*16 chữ*

- 425 — Thấy chồng đần, xỏ chân lỗ mũi.  
Thấy chồng yêu, vén váy dài niều canh cẩn.
- 426 — Thuận buồm, xuôi gió chén chú chén anh,  
*Lến thác xuống ghềnh* (1) mày tao chi tờ.
- 427 — Thuyền ai dỗ bến Ô giang?  
Hay thuyền Đinh Trường di rước Hạng  
[Vương sang cùng]

*20 chữ*

- 428 — Thuyền ai lơ lửng bên sông.  
Có lòng đợi khách hay không hờ thuyền.  
Đề ta kết ngãi làm quen.

(1) — Nước chảy chung quanh b . . . anh, gi . . . chū.

- 22 chữ
- 429 — Thiếu tháng hai mắt cà,  
Thiếu tháng ba mắt đỗ,  
Thiếu tháng tám mắt hoa ngư.  
Thiếu tháng tư mắt hoa cúc.

**TR**

*3 chữ*

- 1 — Trần qui-tị.  
2 — Trò con trẻ. (1)  
3 — Truyền chiêm bao.  
4 — Truyền con gioi.

*4 chữ*

- 5 — Tra tay vào lọ.  
6 — trái duyên khôn ép.  
7 — Trái bước nhỡ dịp.  
8 — Tránh hùm, mắc hổ.  
9 — Tránh nắng, cầu rợp.  
10 — Trăm sự nhờ giờ.  
11 — Trăm khoanh tứ đốm.  
12 — Trăm đường, nghìn lối.  
13 — Trật đất giờ về.

(1) — con nít.

- 14 — Trâu toi, bò ngã.
- 15 — Trâu dong, bò dắt.
- 16 — Trâu ghẻ, nghé cật.
- 17 — Trâu cày, ngựa cưỡi.
- 18 — Trâu lấm vầy quàng.
- 19 — Tre già măng mọc.
- 20 — Tre non dẽ uốn.
- 21 — *Tre*<sup>(1)</sup> người, *non*<sup>(2)</sup> dạ.
- 22 — Treo cao ngã đau.
- 23 — Treo cây bắt cóc.
- 24 — Treo non, *lặt suối*.<sup>(4)</sup>
- 25 — Treo non, vượt bẽ.
- 26 — Trêu ong, ong đốt.
- 27 — Trên kính, dưới nhường.
- 28 — Trên giờ, dưới bẽ.
- 29 — Trên thuận, dưới hòa.
- 30 — Tri pháp, úy pháp.
- 31 — Trò nào, trống ấy.
- 32 — Trọc đầu càng mắt.
- 33 — Trói kéo tim kim.
- 34 — Trói voi bỏ giọ.
- 35 — Tròn vành rõ chữ.
- 36 — Trọng ấm, ngoài êm.
- 37 — Trọng họ, ngoài làng.
- 38 — Trọng nghĩa, khinh tài.
- 39 — Tròn rau cắt rốn.
- 40 — Trốn chùa ở chùa.
- 41 — Trọng mặt đặt tên.

(1) — non (2) — trẻ. (3) — núi (4) — sông.

- 42 — Trống dong, cờ mở.
- 43 — Trống canh đánh bạc.
- 44 — Trơn bột, lợt lách.
- 45 — Trơn lông, dỗ da.
- 46 — Truyền ngòi đốt pháo.
- 47 — Trứng quầy dầu gậy.
- 48 — Trứng dễ dầu dắng.
- 49 — Trứng chơi với đá.
- 50 — Trứng khôn hơn *vịt*.<sup>(1)</sup>
- 51 — Trước vụng, sau khéo.
- 52 — Trước lạ, sau quen.

#### 5 chữ

- 53 — Tráng chỉnh chờ giờ mưa.
- 54 — Trăm hay xoay vào lòng.
- 55 — Trăm sông đồ vào bè.
- 56 — Trăm đầu đồ đầu tằm.
- 57 — Trâu ho bằng<sup>(2)</sup> bò rống<sup>(3)</sup>.
- 58 — Trâu buộc<sup>(4)</sup> ghét trâu ăn.
- 59 — Trâu chậm uống nước đục.
- 60 — Trâu béo kéo trâu gầy.
- 61 — Trọng như bánh bột lọc.
- 62 — Trọng người nửa con mắt.
- 63 — Trống bồi vật vào mình.

#### 6 chữ

- 64 — Trái xanh chết, duồng trái úa.
- 65 — Trách người một, trách ta mười.

(1) — rận. (2) — hòn (3) — hàng, (4) — cột.

- 66 — Tránh vỏ dura, gấp vỏ dura.  
67 — Tránh voi chẳng xấu mặt nào.  
68 — Trăm kẻ bán, vạn người mua.  
69 — Trăm ơn không bằng hơn tiền.  
70 — Trăm hay chẳng bằng tay quen.  
71 — Trăm tội đồ đầu nhà oán.  
72 — Trăm tội cũng vào một gông.  
73 — Trăm rác, lấy nác <sup>(1)</sup> làm sạch.  
74 — Trăm trâu cũng một công chǎn.  
75 — Trâu dắt ra, bò dắt vào.  
76 — Trâu he cũng bằng bò khỏe.  
77 — Trâu cồ cò, bò cồ lai <sup>(2)</sup>.  
78 — Trâu hoa tai, bò gai sừng.  
79 — Trâu tóc chóp, bò mũ mǎn.  
80 — Trâu nghiến hàm, bò bạch-thiệt.  
81 — Trâu qua sá, mạ qua thi.  
82 — Trẻ rỏi ra, già dut lại.  
83 — Trẻ khôn qua, già lú lại.  
84 — Trẻ chưa qua, già đã đến.  
85 — Trẻ deo hoa, già deo tật.  
86 — Trẻ cậy cha, già cậy con.  
87 — Trẻ vui nhà, già vui chùa.  
88 — Trên trông xuống, dưới trông lên.  
89 — Tróc hổ dị, phóng hổ nan.  
90 — Trong dom-dom, ngoài bô đuốc.  
91 — Trong anh em, ngoài cờ bạc.  
92 — Trong nước Nam, ngoài nước Đế.

(1) — 'nước (2) — giải.

- 93 — Trong như ngọc, trắng như ngà.  
94 — Tròn kim nhỏ, bối chỉ to.  
95 — Trốn việc quan đi ở chùa.  
96 — Trống thủng, làng phải đề tang.  
97 — Trống dán xuôi, kèn thổi ngược.  
98 — Tro như đá, vững như đồng.  
99 — Tro-tro như cột nhà cháy.  
100 — Tro-tráo như gáo mực dầu.  
101 — Trùn-trên như voi leo cao.  
102 — Trước làm phúc, sau túc bụng.  
103 — Trường-giả thiếu chả nấu canh,  
104 — Trường nam bại, ông vải hư.

7 chữ

- 105 — Trăm cái khôn dồn một cái dại.  
106 — Trăm nhát cuốc giắt cả vào lòng.  
107 — Trăm cái rui nhầm một cái nóc.  
108 — Trăm cái tên nhầm một cái đụn.  
109 — Trăm khúc sông đồ một ngọn nguồn.  
110 — Trăm hòn chỉ đúc chẳng nên chuông.  
111 — Trần-trần như l.... trần không váy.  
112 — Trâu hay ác, thi trâu vạc sừng.  
113 — Trâu khát nước chẳng lợ đê sừng.  
114 — Trâu đồng nào ăn cỏ đồng ấy.  
115 — Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết.  
116 — Trâu bò ở với nhau được lâu.  
117 — Trâu tim cọc, cọc chẳng tim trâu.  
118 — Trâu trong nhà đẽ gà ai bới.  
119 — Trẻ nhà người như trẻ nhà ta.

- 120 — Tri kim nhật, bất tri lai nhật.  
 121 — Tri nhân, tri diện bất tri tâm.  
 122 — Tròng băng mắt chờ bất băng tay.  
 123 — Trống hết hơi, mõ chảng còn cỏc.  
 124 — Tro-tro như sô lợn nhìn thầy.  
 125 — Trung ngôn nghịch nhĩ, lợi ư hành.  
 126 — Trưởng giả còn thiếu trá nấu ăn.

8 chữ

- 127 — Tràng ba muoi, khoát không được một tắc.  
 128 — Tránh ông Cả, ngã phải ông Ba-muoi.  
 129 — Tránh sóng Cả, ngã phải núi Ba-vì.  
 130 — Tránh nơi lười thồ, mặc đường bẫy treo.  
 131 — Trăm ông sao chặng băng một ông giăng.  
 132 — Trăm đóm-dóm chặng băng một bó đuốc.  
 133 — Trăm hột cơm, có hột vãi, hột roi.  
 134 — Trăm bó đuốc cũng vớ được con ếch.  
 135 — Trăm cái đấm không băng một cái đạp.  
 136 — Trâu chết mặc trâu, bò chết mặc bò.  
 137 — Trâu đạp cũng chết, voi đạp cũng chết.  
 138 — Trâu mạnh trâu được, cỏ mạnh cỏ được.  
 139 — Trâu trắng đi đâu, mất mùa đến đấy.  
 140 — Trà ngon xuống bể, thuốc ngon lên rừng.  
 141 — Trẻ được manh áo, già được bát cơm.  
 142 — Trẻ thì dưỡng cây, già thì cây dưỡng.  
 143 — Trên sống, dưới khẽ, từ bè nát bét.  
 144 — Trêu ong ong đốt, trêu Bụt Bụt trăm.  
 145 — Tri chỉ bất dãi, tri túc bất nhục.  
 146 — Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri.  
 147 — Triều đình dụng tước, hương đảng dụng xỉ.

- 148 — Trong nhà chưa tổ, ngoài ngõ đã thông (1).  
 149 — Trong nhà có vàng, ra d่าง thất nghiệp.  
 150 — Trong nhà có vàng, mua hàng cũng bót.  
 151 — Trước thì thăm cỏ, sau thì phô giuong.

9 chữ

- 152 — Tra nỏ chót dời, mang đều chơi mà chết.  
 153 — Trăm đám cưới, chặng băng hàm dưới cá trê.  
 154 — Trâu chốc cật, thấy ác bay qua liền né.  
 155 — Tròn chưa đến đất, mồm đã hất lên giờ.  
 156 — Trước làm nàng dâu, sau mới làm mẹ chồng.

10 chữ

- 157 — Trâu chậm uống nước đơ, trâu ngo ăn cỏ [héo].  
 158 — Trên rừng thi hổ lang, dưới làng thi mặt rỗ.

12 chữ

- 159 — Trâu lành không ai mà cắn.  
 Trâu ngã lăm kẽ cầm dao.  
 160 — Trâu bò được ngày phá đồ,  
 Con cháu được ngày giỗ ông.

13 chữ

- 161 — Triều đình có văn, có vũ,  
 Như trong nhà có mù, có óng.

14 chữ

- 162 — Trách thân, chặng đám giận giờ.  
 Trách thân lầm lầm, giận giờ bao nhiêu.

(1) — hay.

- 163 — Trách người mệt, trách ta mười,  
Bởi ta bạc trước, cho người té sau.
- 164 — Trách người phơi lúa nồng xưa,  
Trèo thuyền trên dòng khéo lừa duyên em.
- 165 — Trách cha, trách mẹ tôi nay,  
Sinh tôi, sao chẳng chọn ngày mà sinh.
- 166 — Trách người quân tử vô danh,  
Chơi hoa, xong lại bẽ cành bán rao.
- 167 — Trách người quân tử bạc tình,  
Có gương mà dè cạnh minh chẳng soi.
- 168 — Trách người quân tử vụng suy,  
Vườn hoa thiên lý chẳng che mành-mành.
- 169 — Trách chàng Tù-Thức vụng suy,  
Cõi Tiên chẳng ở, về chỉ cõi trần.
- 170 — Trạng chết, trăm cũng băng hà.  
Dura gang đỗ đít, thì cà đỗ tròn.
- 171 — Tranh quyền, cướp nước gì đây,  
Coi nhau như hắt nước đầy là hơn.
- 172 — Trăm năm lòng gắn, dạ ghi,  
Nào ai thay nút, đổi khuy cũng đừng.
- 173 — Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng.  
Phải duyên thì lấy, to hòng nào xe.
- 174 — Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng.  
Hết ai có bạc, thi bồng lên tay.
- 175 — Trăm năm, bia đá, thi mòn,  
Nghìn năm, bia miệng vẫn còn tro-tro.
- 176 — Trăm năm ai chở bỏ ai.  
Chỉ thêu nén gấm, sắt mài thành kim.

- 177 — Trắng chi, trắng bủng, trắng xanh,  
Thà răng đen nhẫn cho anh phải lòng.
- 178 — Trần này tôi quyết buôn khoai,  
Củ cong tôi bán, củ dài tôi ăn.
- 179 — Trâu khỏe chẳng lợ cầy trưa,  
Mẹ già ruộng ngấu, không thua bạn điền.
- 180 — Trẻ chẳng tha, già chẳng thương,  
Cóc, nhái, ĩnh-uong chấp chí nhặt-nhạnh.
- 181 — Trèo lên cây tắt lắt lòng,  
Bước sang cây thị, lại<sup>(1)</sup> hòng thanh yên.
- 182 — Trèo lên cây khế nửa ngày,  
Ai làm chua sót lòng này khế oi !
- 183 — Trèo lên cây khế chua le,  
Vợ ihi muốn lấy, chồng e mất tiền.
- 184 — Trèo non, ước những non cao,  
Anh đi dò dọc, ước-ao sòng dài.
- 185 — Trèo lên trái núi mà coi,  
Kia kia Ngô Khách mọc đuôi dằng đầu.
- 186 — Trèo lên cây gạo cao cao.  
Nom xuống hàng thịt như dao cắt lòng.
- 187 — Trên thi gián nhấm vứt đi,  
Dưới thi chuột cắn, giữa gi gì gi xuân.
- 188 — Trên ruộng giồng đồ,  
Dưới lỗ cấy chiêm, hai bên cù liềm vơ lại.
- 189 — Trọc dầu mang tiếng bất lương,  
Kia như có tóc cũng phuờng gió giăng.
- 190 — Trong nhà đã có vàng mười,  
Song le lại muối của người nhàn-sâm.

(1) — còn.

- 191 — Trong nhà đã có hoàng-cầm,  
Song le còn muôn nhân-sâm nước người.
- 192 — Trong nhà đã có đồ chơi,  
Song le còn muôn của người thêm xinh.
- 193 — Trong làng bà tú, bà cai,  
Có khôn thì lấy vợ hai cho chồng.
- 194 — Trong làng chẳng có ai vì,  
Vậy nên em phải ra di nước người.
- 195 — Trong ba mươi sáu đường tu,  
Đường nào phú quý phong lưu thi làm.
- 196 — Trọng người, người lại trọng thân,  
Khinh di, khinh lại như lẩn trốn quang.
- 197 — Trót tay đúng phải chàm thùng,  
Chẳng xanh, cũng quyết vây-vùng cho xanh.
- 198 — Trộm vàng, trộm bạc cho cam, •  
Trộm một nắm cảm, cũng mang tiếng đời.
- 199 — Trọng anh như thề sao mai,  
Biết rằng trong có như ngoài hay không.
- 200 — Trọng giăng mà thiện với giờ,  
Soi gương mà thiện với người trong gương.
- 201 — Trọng mặt mà bắt hình dong,  
Con lợn có béo, thì lòng mới ngon.
- 202 — Trọng chùa ai đánh thùng, thùng.<sup>(1)</sup>  
Của chung ai khéo vây-vùng nên riêng.
- 203 — Trúc xinh, trúc mọc đầu đình,  
Em xinh, em đứng một mình cũng xinh.

(1) — thi thùng.

- 204 — Trúc xinh trúc mọc bờ ao,  
Em xinh, em đứng chỗ nào cũng xinh.
- 205 — Truyện minh giấu đầu hở đuôi,  
Truyện xấu chi người vạch lá tìm sâu.
- 206 — Trứng rồng lại nở ra rồng,  
Liu-điu lại nở ra dòng liu-điu.
- 207 — Trứng rồng lại nở ra rồng,  
Hạt thông lại nở cây thông rùرم-rà.
- 208 — Trước sao đắm thắm muôn phần,  
Nay sao đênh-doảng như cần nấu xuống.
- 209 — Trước sau chẳng khỏi lần nào,  
Mở cửa anh vào, kẽo muỗi cắn anh,

15 chữ

- 210 — Trăm thức hoa, nhất quí thi lan,  
Nhất danh nhất giá thi quan trong chiều.
- 211 — Trâu đồng ta ăn cỏ đồng ta,  
Tuy rằng cỏ cụt nhưng mà cỏ thơm.
- 212 — Trên thu ba, dưới lại ba thu,  
Con mắt lóng-lánh chẳng tu được nào.
- 213 — Trọng tháng bầy, chẳng hội thi chạy,  
Tháng sáu heo <sup>(1)</sup> may, chẳng mưa thi bão.

17 chữ

- 214 — Trọng thấy bóng cày da, trông thấy rễ cây  
đa, không trông thấy nhà thẳng cuối ở.

(1) — Giời gió may.

18 chữ

- 215 — Trăm con gái không bằng lỗ tai con gái.  
Trăm con gái không bằng hòn gi... con gái.
- 216 — Trống Văn-Công, cồng Đồng-Hải, ải Tế-Quan,  
Gà Văn-Cú, phú Lòng-diễn, tiền Phú-Hậu.
- 

**U**

4 chữ

- 1 — U mè ám *chướng* (1).
- 2 — Uý trọng cầu khinh.
- 3 — Uốn như vòng cung.
- 4 — Uốn như sâu đo.
- 5 — Uốn eo đầu lưỡi.

5 chữ

- 6 — Uốn câu vừa miệng cá.
- 7 — Uống nước không chừa cặn.
- 8 — Uống nước lã ngậm hơi.

6 chữ

- 9 — Ủ-ủ như hung thần gió.
- 10 — Ủ-ỷ như vịt nghe sấm.

(1) — muối.

- 11 — Ú-ủ như chó nấm bếp.
- 12 — Uống nước sông, nhớ ngọn nguồn.
- 13 — Uống nước, nhớ kẻ đào giếng.

7 chữ

- 14 — Uống nước dẽ quên người đào mạch.

8 chữ

- 15 — Uý thủ, uý vĩ thân kỳ dư kỷ.
- 16 — Uống rượu ngồi dài, gi... mài xuống đất.
- 17 — Uống nước chè tàu, ăn giàu coi thiếc (1)

14 chữ

- 18 — Uốn cây từ thuở còn non,  
Đay con từ thuở con còn ngây thơ.

16 chữ

- 19 — Ủ-ỷ xay lúa, lấy gạo ăn mai,  
Có một thợ cấy với hai thợ cày.
- 

**U**

4 chữ

- 1 — Uớc sao được vậy.

(1) — ngồi ghế trường kỷ.

2 — Uớc của trái chua.

3 — Uớt như chuột lột.

5 chữ

4 — Ưu đạo, bất ưu bần.

6 chữ

5 — Uớt sẽ còn hơn về không.

10 chữ

6 — Ướp dưa phải dǎn đá,

Vái má phải soạn trưa.

14 chữ

7 — Uớc gì sông hẹp một gang,

Bắc cầu giải yếm cho chàng sang chơi.

# V

3 chữ

1 — Vịt nghe sấm.

2 — Vợ chồng Ngâu.

3 — Vua kẻ gốm.

4 — Vuốt đuôi nheo.

4 chữ

5 — Vạ gió tai bay.

6 — Vách chát một lần.

7 — Vách lá, tim sâu.

8 — Vách lồng xem vết.

9 — Vai u thịt bắp.

10 — Vai gánh, tay cuốc.

11 — Vãi già niệm Phật.

12 — Vay chầy vay cối.

13 — Vay mât, giả gừng.

14 — Vay chín, giả mười.

15 — Vạn tử nhất sinh.

16 — Vạn pháp, vạn linh.

17 — Vào nhỏ ra to.

18 — Vào luồn, ra cúi.

19 — Văn dốt, vũ dát.

20 — Văn tồ, tầm tòng.

21 — Vật đồi sao dời.

22 — Vật bất ly thân (1).

23 — Vẽ bò bắt bóng.

24 — Vẽ cò thúng gạo.

25 — Vẽ mày vẽ mặt.

26 — Vẽ rồng nén giun.

27 — Vén váy không nén.

28 — Vị cây dây quấn (2).

29 — Vịt già, gà to.

30 — Voi diếc dạn súng.

31 — Võng thảm, lồng xanh.

32 — Vô hồi kỳ trận.

33 — Vô nhân bạc nghĩa.

34 — Vô vật bất linh.

(1) — trắc (2) — leo

- 35 — Vô sự sinh ra.  
36 — Vô học bất thuật.  
37 — Vợ dũa cả năm.  
38 — Vợ chồng phường chèo.  
39 — Vợ chồng hàng sáo.  
40 — Vợ năm, vợ mờ.  
41 — Vợ dại, con thơ.  
42 — Vợ đẹp, con khòn.  
43 — Vợ nọ, con kia.  
44 — Vu oan, già họa.  
45 — Vú thông dưa gang.  
46 — Vung tay quá trán.  
47 — Vụng chèo, khéo chống.  
48 — Vụng dẽo, khéo chửa.  
49 — Vuông như bánh chưng.  
50 — Vừa đẹp, vừa giòn.  
51 — Vườn cau, ao cá.

5 chữ

- 52 — Vãi ẻn na-mò hót.  
53 — Vạn tội bất như bần.  
54 — Vạn sự khởi đầu nan.  
55 — Vắt cồ chảy ra nước.  
56 — Vẽ đường cho hươu chạy.  
57 — Vẽ voi phải tìm voi.  
58 — Việc bé xé ra to.  
59 — Việc to đừng lo tốn.  
60 — Voi già đóng ngõ hạng.  
61 — Vô tâm, thiên địa khoan.  
62 — Vô phúc thiều âm đức.

- 63 — Vô phúc đào tụng định.  
64 — Vô phước, bước cửa quan.  
65 — Vô tham họa bất xâm.  
66 — Vô dậu bất thành nhân.  
67 — Vô tửu bất thành lễ.  
68 — Vồ lầm lại vập đau.  
69 — Vờ như voi voi đói.  
70 — Vợ dại đẻ con khôn.  
71 — Vụng tay hay con mắt.  
72 — Vụng múa chè đất lệch.  
73 — Vụng hát chè đình gianh.  
74 — Vuốt mặt không nề mũi.  
75 — Vững như kiềng ba chân.

6 chữ

- 76 — Vạch áo cho người xem lưng.  
77 — Vạch dùi cho *thiên hạ* xem. (1)  
78 — Vay nên ơn, giả nên nghĩa.  
79 — Vay nên nợ, đợ nên ơn.  
80 — Vay thì giả, chạm thì đèn.  
81 — Vàng thật chẳng sợ chi lửa.  
82 — Vào cửa mạch, ra cửa tà.  
83 — Vào lỗ hà, ra lỗ hồng.  
84 — Vào lỗ tai, ra lỗ miệng.  
85 — Vào quả cà, ra quả táo.  
86 — Văn có bài, vũ có trán.  
87 — Văn hay chẳng lọ dài dòng.  
88 — Vắng-vặc như giăng hôm rầm.  
89 — Vắng-vặc như sao giữa giờ.

(1) — người véo.

- 90 — Vắng ngắt như chùa Bà Đanh.  
91 — Vắng chùa dàn, tan con nghé.  
92 — Vắng chùa nhà, gà bời bếp.  
93 — Vắng sao hôm, có sao mai.  
94 — Vắt mũi không đủ đút miệng.  
95 — Vận nghèo lại mắc cái eo.  
96 — Vật lấy keo, chèo lấy mái.  
97 — Vị dầu heo, gánh gốc chuối.  
98 — Vịt rắn, gà cúp chờ nuôi.  
99 — Võ-võ như vợ nằm sương.  
100 — Võ dầu giả dại làm ngày.  
101 — Voi chẳng dẻ, dẻ thì nhón.  
102 — Voi biết voi, ngựa biết ngựa.  
103 — Võ cỗ kiến tha tội về.  
104 — Võ hoạn nạn, bắt anh hùng.  
105 — Võ phục thì đục vào tròn.  
106 — Võng chiều sáng, ráng chiều hôm.  
107 — Vợ dàn bà, nhà hướng nam.  
108 — Vợ chồng phận đẹp duyên ưa.  
109 — Vợ chồng đầu gối tay ấp.  
110 — Vợ chồng như dũa có dôi.  
111 — Vợ xứ Đông, chồng xứ Bắc.  
112 — Vợ yên, nhưng tiền chưa có.  
113 — Vũ bánh dày, mà bánh đúc.  
114 — Vui cờ quạt, hát vẩy vùng.  
115 — Vụng thì dàn thúng giữa đường.  
116 — Vừa đánh *trống*<sup>(1)</sup> vừa ăn cướp.  
117 — Vừa mắt ta ra mắt người.

(1) — lệnh.

- 118 — Vắng chùa nhà gà mọc đuôi<sup>(1)</sup> tôm.  
119 — Vật trụi chẳng được, vật thầy tu.  
120 — Vén mày mù mới thấy giờ xanh,  
121 — Vét chợ, cầu chặng được cái kim.  
122 — Vênh-vào như bồ vợ phải dấm.  
123 — Việc nhà nước lo trước, nghĩ sau.  
124 — Vỏ quýt dày gấp móng tay nhọn.  
125 — Voi tréo ngà, dàn bà một mắt<sup>(2)</sup>.  
126 — Voi không nài như giai không vợ.  
127 — Võ tiêu nhân bất thành quân tử,  
128 — Vợ chồng như mặt giăng, mặt giờ,  
129 — Vợ dại không hại bằng dũa vênh.  
130 — Võ bè cũng vớ lấy cây nứa.  
131 — Vua đi trước, làng nước theo sau.  
132 — Vua Bếp chê ông Công nhọ mồm.  
133 — Vượn lia cây có ngày vuợn rũ.

- 134 — Vác tiền ra mả mà-cá cái chết.  
135 — Vào trong mắc dó, ra ngoài mắc dăng.  
136 — Văn dốt, vũ dát, tài cán cóc khô.  
137 — Vén tay áo sô dốt nhà táng giấy.  
138 — Vét nồi ba mươi cũng dày niêu mốt.  
139 — Vì con lợn, đoạn chuối mới đến chợ.  
140 — Việc Ngò Ngò biết, việc Lào Lào hay.  
141 — Việc người thì sáng, việc mình thi quáng.  
142 — Võ nam dụng nữ, võ tử dụng tôn.

(1) — vóc niêu — (2) — người ta khèn răng.

- 143 — Vô sự vô sách, quỷ thần bất trách.  
 144 — Vồng rập mưa rào, vồng cao gió táp.  
 145 — Vợ ba con ở chưa hết lòng chồng.  
 146 — Vợ cái con cột, vợ lẽ con thêm.  
 147 — Vũ mùa cấy cao, vũ chiêm cấy súng.  
 148 — Vua quan cũng trọng đức bà cũng yêu.  
 149 — Vừa giàu, vừa sang nở-nang mày mặt.  
 150 — Vừa trói, vừa đánh khen thay chịu đòn.  
 151 — Vừa đắp chiếu lại thi gà gáy canh.

9 chữ

- 152 — Vàng bạc có giá, tôm cá theo buổi chợ.  
 153 — Vào mồng ba, ra mồng bảy, rãy mồng tám.  
 154 — Việc nhà thì nhác, việc chú bác thời siêng.  
 155 — Vóc ván cột cầu ngó lâu trông cũng đẹp.

10 chữ

- 156 — Vàng biết đâu mà móc, cóc biết đâu mà [tim.  
 157 — Váng dàn ông quanh nhà, vắng dàn bà [quanh bếp.  
 158 — Vị tình, vị nghĩa, không ai vị đĩa xôi đầy.  
 159 — Voi dù, chó cũng dù, chuột chù cũng nhảy [quanh.  
 160 — Vô phúc đáo tụng đình, tụng đình rình vò [phúc.  
 161 — Vợ chồng cùng một tuổi, ngồi ruồi ra mà ăn.  
 162 — Vua chúa còn có khi nhầm, nữa là bà lão.

- 163 — Vợ bắt thói (<sup>1</sup>) chồng, đứa ở giống tông [chúa nhà.

12 chữ

- 164 — Vì ví von von,  
 Anh cho một cái công con mà về.  
 165 — Vừa ăn, vừa chơi,  
 Vừa thả thuyền thúng, vừa bơi thuyền rồng.

14 chữ

- 166 — Vai mang khăn gói qua sông,  
 Mẹ kêu mặc mẹ, thương chồng phải theo.  
 167 — Vay một thi giả cả mười,  
 Phòng khi túng nhỡ có người cho vay.  
 168 — Vàng sa xuống giếng khôn tìm,  
 Người sa nhời nói như chim sốt lòng.  
 169 — Vàng mười chè đất không mua,  
 Mua lấy vàng bảy thiệt thua trăm đường.  
 170 — Vàng thì thử lửa, thử than,  
 Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử nhời.  
 171 — Vàng tám xuống nước cứ tươi,  
 Anh hùng làm nạn cứ cười, cứ vui.  
 172 — Văn hay chẳng nỡ đọc dài,  
 Vừa mở đầu bài đã biết văn hay.  
 173 — Văn chương chữ nghĩa bè-bè,  
 Thần l... ám ảnh (<sup>2</sup>) cũng mê-mẫn người.

(1) — giống tính (2) — nó ám.

- 174 — Văn thi cửu phảm đã sang,  
Võ thi tút (1) phảm còn mang gươm hẫu.  
175 — Vắng sao hôm, có sao mai,  
Vắng chàng, thiếp đã có giai ở nhà.  
176 — Vắng giăng thi đã có sao,  
Vắng hoa thiên lý có đào nhị tiên (2).  
177 — Vất-vả có lúc thanh nhàn,  
Không dung ai dễ cầm tàn che cho.  
178 — Vật nuôi còn chửa được no,  
Lấy đâu thưa-thôi mà cho đến nàng.  
179 — Vật ngon đâu đến thứ ta,  
Những trâu hạ-dịa, cùng gà chết toi.  
180 — Về nhà ăn cơm với dưa,  
Thắng kinh nó hỏi thi thưa không gì.  
181 — Vì sông nên phải lụy thuyền,  
Chớ như đường liền ai phải lụy ai.  
182 — Vì chàng thiếp phải mò cua,  
Những như thân thiếp thì mua mây (3) đồng.  
183 — Vì chàng thiếp phải mua mâm,  
Những như thân thiếp bốc ngầm cũng xong.  
184 — Vì chàng thiếp phải long-dong,  
Những như thân thiếp cũng xong một bể.  
185 — Vì mây nên núi lên giờ,  
Vì con gió thổi, hoa cười với giăng.  
186 — Vì ai mà có sống thảm,  
Vì ai có quả, có mâm bán hàng.

(1) — lục (2) — Chồng mày đi vắng có tao ở nhà (3) — ba.

- 187 — Vì ai nén nỗi sầu này,  
Chùa tiên vắng vẻ tờ thảy theo nhau.  
188 — Vì tình ta phải tim tình,  
Vì duyên ta biết quê minh ở đây.  
189 — Vì chuóm cho cá bén dăng,  
Vì tình nên phải đi giăng, về mờ,  
190 — Vì sàng cho gạo xuống nia,  
Vì em, anh phải đi khuya về thăm.  
191 — Vì dây thiên lý ngang giờ,  
Để cho tài tử gặp người giai nhân.  
192 — Vì dù đây có lòng yêu,  
Bảo ta gánh đá Đông-Triều cưng di.  
193 — Vì gì một giải Sông Ngàn,  
Làm cho Chúc-nữ chẳng gần Nguru-lang.  
194 — Việc làm tôi không bằng bác,  
Bánh dúc, kẹo lạc bác chẳng bằng tôi.  
195 — Vô duyên ghét kẻ có duyên,  
Không tiền ghét kẻ có tiền cầm tay.  
196 — Vô duyên lung đã di cùm,  
Trục mũi đã sứt, cái mồm lại sưng.  
197 — Vô duyên mua phải gương mờ,  
Bao giờ gương vỡ mà mua gương lành.  
198 — Vô duyên chửa nói đã cười,  
Có duyên gọi chín, mười nhời không thưa.  
199 — Vô duyên xấu số đã den,  
Được hai anh rẽ thợ kén cả hai.

- 200 — Vợ chồng là nghĩa già đời,  
Ai ơi chờ nghĩ những nhời thiệt hơn.
- 201 — Vợ chồng hàng sáo chúng ta,  
Bách niên gai lão được và chồng canh.
- 202 — Vợ đẹp càng tò đau lưng,  
Chè ngon *tíc bụng* (1) *diếu thông* (2) quyện dòn.
- 203 — Vú về thăm bô nhà quê,  
Quan viên giã dám, lính về lấy lương.
- 204 — Vua chúa cẩm đoán làm chi,  
Đề đôi con đi chẳng lấy được nhau.
- 205 — Vui từ trong cửa vui ra,  
Buồn từ ngã bảy, ngã ba buồn về.
- 206 — Vụng múa chè đất lệch,  
Chân đi *lệch-dệch* lại chè đất thấp cao. (3)
- 207 — Vừa đi, vừa đợi, vừa chờ,  
Nhanh chân thì kịp, lờ-dờ thi thoảng.
- 208 — Vườn rộng chờ giống tre ngà,  
Nhà rộng chờ chửa người ta ở cùng.

15 chữ

- 209 — Vai u, thịt bắp, mồ hôi dầu,  
Lông nách một nạm, chè tàu một hơi.

16 chữ

- 210 — Vắt chân chữ ngũ, đánh củ khoai lang,  
Bớ có bán hàng, rót thầy bát nước.

(1) — một giọng (2) — thuốc ngon (3) — thích thích nói chân hay  
kêu.

- 211 — Vợ dẻ, con lai lén mùa,  
Có một thằng ở tách lén Kỳ-Lừa Đồng-Đăng.
- 212 — Vừa đi vừa gấp em dày,  
Một là duyên kỳ ngộ, hay là giờ soay  
[đất vẫn].

20 chữ

- 213 — Vợ quá chiều ngoen-ngoэн như chó con  
[liếm mặt].  
Vợ phải rầy tiu-nghỉu như mèo lành mất tai.

X

3 chữ

- 1 — Xoắn củ tỏi.

4 chữ

- 2 — Xả cận, cầu viễn.  
3 — Xả thân, thủ nghĩa.  
4 — Xác-xơ tồ đĩa.  
5 — Xanh vỏ, đỏ lòng.  
6 — Xanh áo, đỏ mũ.  
7 — Xanh như cai giờ.  
8 — Xầm vào, cuộp ra.  
9 — Xầm vớ được gày.  
10 — Xấu như ma mút (1).  
11 — Xấu sổ thiệt phận.

(1) — me ma hoặc ma lem.

- 12 — Xấu chàng hổ ai.  
13 — Xấu mặt, no lòng.  
14 — Xấu mặt, chặt nòi.  
15 — Xấu đồi, thiếu bù.  
16 — Xe chỉ buộc tay.  
17 — Xe dây buộc mình.  
18 — Xe tơ kết tóc.  
19 — Xé vạt vá vai.  
20 — Xo vai, rụt cõ.  
21 — Xỏ chân lỗ mũi.  
22 — Xỏ chân vào trong.  
23 — Xỏ xiên ba dọi.  
24 — Xỏ lá ba que.  
25 — Xót con xót cửa.  
26 — Xôi già, vụn thịt.  
27 — Xôi hỏng b榜 không.  
28 — Xu lợi, tị hại.  
29 — Xu-xi da cóc.  
30 — Xuất giá tòng phu.  
31 — Xuất tài, xuất lực.  
32 — Xuất quỉ nhập thần.  
33 — Xúc tép nuôi cò.  
34 — Xui nguyên, giục bị.  
35 — Xương đồng da sắt.  
36 — Xương ca vô loài.

5 chữ

- 37 — Xấu gỗ, tốt nước sơn.  
38 — Xấu đều hơn tốt lỏi.

- 39 — Xấu đánh trấu ra vàng.  
40 — Xấu có cầu mà ăn.  
41 — Xấu mã có duyên thăm.  
42 — Xấu chữ mà lành nghĩa.  
43 — Xấu mặt mà chặt dạ.  
44 — Xỏ sợi tóc không lọt.  
45 — Xú diện ố nga mi.  
46 — Xui trẻ ăn cút gà.  
47 — Xú xú hữu anh hùng.

6 chữ

- 48 — Xa mỏi chân, gần mỏi miệng.  
49 — Xác như vờ, xơ như động.  
50 — Xay lúa thì dừng ầm em.  
51 — Xanh như lá, vàng như nghệ.  
52 — Xanh như lá, bạc như vòi.  
53 — Xanh nhà còn hon già đồng.  
54 — Xấu máu đồi ăn của độc.  
55 — Xé mắm không được<sup>(1)</sup> mút tay.  
56 — Xem hội đi cho đến chùa.  
57 — Xi-xao ba bửa ngày mùa.  
58 — Xi-xì như chì đồ lồ.  
59 — Xoen-xoét như mép thợ ngồi.  
60 — Xong chay, quăng thầy xuống ao.  
61 — Xót như muối, rầu như dưa.  
62 — Xót xa dứt da lòng ruột.  
63 — Xuất hồn nhī, phản hồn nhī.  
64 — Xứng-xinh như lính về quê.  
65 — Xương bỏ ra, da bọc lại.

(1) — côn bòng.

7 chữ

- 66 — Xe chỉ buộc chân voi, chân ngựa.  
 67 — Xe không bánh như cành không lông.  
 68 — Xem trọng bếp, biết nết đàn bà.  
 69 — Xi-xô như thẳng ngò vồ tàu.  
 70 — Xór-ró như thầy bói cháy nhà.  
 71 — Xờm-xô như l... vồ đóng dai.  
 72 — Xứ xứ hữu lộ đáo Tràng-an.  
 73 — Xưa con ta, chử ra vợ bậu.

8 chữ

- 74 — Xa chùa vắng trống, gần chùa inh tai.  
 75 — Xay thóc có dàng, việc làng có mõ.  
 76 — Xanh râu là chúa, bạc đầu là tôi,  
 77 — Xấu mặt xin tương, cả phường cùng húp.  
 78 — Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chử.  
 79 — Xấu mặt dễ sai, lành già khó kiểm.  
 80 — Xấu như ma cũng thề chà con gái.  
 81 — Xuôi việc tiệc to, xuôi cò bò ống.  
 82 — Xứ Thanh cậy thế, xứ Nghệ cậy thần.  
 83 — Xứ Đông Bách-Sam, xứ Nam Hành Thiện.  
 84 — Xứ Nam Thanh-Oai, xứ Đoài Cồ-Đò.

10 chữ

- 85 — Xảy chân dở lại, xảy miệng dở chẳng được nào.  
 86 — Xấu bao, thì xấu bì, xấu tau cũng xấu mi.  
 87 — Xỏi-lỏi giờ cỏi cho, lo-xo giờ co lại.  
 88 — Xờm tới thụt lui, như thẳng cui ăn bánh it.  
 89 — Xui nhau làm phúc, không ai giục nhau đi kiện.

13 chữ

- 90 — Xay thóc, tôi có máu thương còng,  
 Cầy đồng, tôi có máu thấp.  
 91 — Xung-xăng như thẳng mới đến,  
 Trùn-trèn như đứa ở dãy mùa.

14 chữ

- 92 — Xa-xôi dịch lại cho gần,  
 Làm thân con dẹn mấy lần vuông to.  
 93 — Xa-xôi em chờ ngại-ngùng,  
 Xa người, xa tiếng, nhưng lòng không xa.  
 94 — Xấu thi bác mẹ sinh ra,  
 Xấu an phận xấu, xấu hòa dỗi ai.  
 95 — Xấu-xa cũng thề chồng ta,  
 Dù cho tốt đẹp cũng ra chồng người.  
 96 — Xem trên giảng bạch, giờ hồng,  
 Rạo miền sơn thủy bê bóng thái bình.  
 97 — Xem tướng ngoé dạng anh hào,  
 Xuy ra nết ở khác nào tiểu nhi.  
 98 — Xin người hiếu tử gắng khuyên,  
 Kịp thời nuôi nấng cho tuyển đạo con.  
 99 — Xin giời dừng nắng, chờ mưa,  
 Dầm-dầm gió mát cho vừa lòng tôi.  
 100 — Xin dừng ra dạ bắc, nam,  
 Dừng chè lươn ngắn, chờ tham chạch dài.  
 101 — Xót lòng mẹ hóa, con côi,  
 Kiếm ăn lẩn hồi, 1.... nhòn bằng mo.  
 102 — Xổng thảm vắt ngon cành hồng,  
 Loạn tròn từ thuở vắng chồng đến nay.

- 103 — Xuân hề xuân bất tài lai,  
Thầy rắng thầy chẳng ăn khoai bao giờ.
- 104 — Xứ Nam nhất chợ Bình-Bồi,  
Xứ Bắc Trần-Khám xứ Đoài Hương-Canh.
- 105 — Xưa kia ăn những của chồng,  
Kiếm được một đồng đúng-dắn ăn riêng.
- 106 — Xưa kia nói nói, thè thè,  
Bây giờ bẻ khóa trao thia cho ai.
- 107 — Xưa kia ăn đâu, ở đâu,  
Bây giờ có bí, chè bầu rắng hôi.
- 108 — Xưa kia nó cũng là hoa,  
Bây giờ nó rách, nó ra bong tàn.
- 109 — Xưa kia em cũng lượt là,  
Bây giờ nó rách, nó ra thận tàn.
- 110 — Xưa kia ngọc ở tay ta,  
Bởi ta chèn-mảng, ngọc ra tay người.
- 111 — Xưa kia ai cẩm duyên bà,  
Bây giờ bà già, bà cẩm duyên tôi.
- 112 — Xưa kia có thể này đâu,  
Bởi vì sợ vợ, nên râu quặp vào

15 chữ

- 113 — Xấu hổ nhung mà tốt long,  
Đến khi no lòng tốt cả long, lẩn hổ.

# Câu Đôi

NGUYỄN-VĂN-NGỌC

ÔN-NHU

BIÈN-TẬP

• • • In lần thứ nhất • • •

Người làm sách giữ bản quyền



VĨNH-HƯNG-LONG THƯ-QUÁN  
49-51, Phố Hàng Đường, Hà-nội.

1931